BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

TẠ XUÂN PHƯƠNG

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC HỢP TÁC THEO NHÓM TRONG MÔN ĐỊA LÍ Ở TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC

***Chuyên ngành*: Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lí**
Mã số: 62.14.01.11

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

***Người hướng dẫn khoa học*:**
1.PGS.TS NGÔ QUANG SƠN
2. TS NGÔ THỊ HẢI YẾN

HÀ NỘI - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi, được hoàn thành với sự hướng dẫn và giúp đỡ tận tình của nhiều nhà khoa học. Các số liệu, kết quả được trình bày trong luận án là trung thực, khách quan. Những kết luận khoa học của luận án chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tôi xin cam đoan rằng mọi sự giúp đỡ cho việc thực hiện luận án đã được cảm ơn, các thông tin trích dẫn trong luận án này đều được chỉ rõ nguồn gốc.

Tác giả luận án

TẠ XUÂN PHƯƠNG

Lời cảm ơn

Trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận án, nghiên cứu sinh đã nhận được rất nhiều sự giúp đỡ, hướng dẫn và tạo điều kiện quý báu của các nhà khoa học, các thầy, cô trong Ban giám hiệu Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Phòng Sau đại học, Khoa Địa lí, Bộ môn Lí luận và phương pháp dạy học Địa lí. Nghiên cứu sinh xin được bày tỏ lời cảm ơn chân thành về sự giúp đỡ đó.

Nghiên cứu sinh xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất tới PGS.TS Ngô Quang Sơn và TS Ngô Thị Hải Yến, những thầy cô đã hết lòng giúp đỡ, hướng dẫn, động viên và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nghiên cứu sinh trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu để hoàn thành luận án.

Nghiên cứu sinh xin trân trọng cảm ơn các thầy, cô trong Hội đồng chấm luận án đã giúp cho nghiên cứu sinh những đóng góp khoa học quý báu để hoàn chỉnh luận án.

Nghiên cứu sinh xin được gửi lời cảm ơn chân thành tới tập thể lãnh đạo Trường Dự bị đại học dân tộc Trung ương cùng các thầy cô, cán bộ đồng nghiệp đã luôn động viên, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nghiên cứu sinh trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Cuối cùng là sự biết ơn tới toàn thể gia đình và những người bạn thân thiết vì đã liên tục động viên để duy trì nghị lực, sự cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ trong quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận án.

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Tác giả luận án

Tạ Xuân Phương

MỤC LỤC

Trang

Lời cam đoan i
Lời cảm ơn ii
Mục lục iii
Các chữ viết tắt trong luận án vi
Danh mục bảng vii
Danh mục biểu đồ viii
Danh mục hình ix
MỞ ĐẦU 1
1. Lí do chọn đề tài 1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu 2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 3
4. Giả thuyết khoa học 3
5. Tổng quan vấn đề nghiên cứu 3
6. Quan điểm và phương pháp nghiên cứu 15
7. Những đóng góp của luận án 20
8. Cấu trúc luận án 20
Chương 1: CƠ SỞ LÍ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC HỢP TÁC THEO NHÓM TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÍ Ở TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC 21
1.1. Những vấn đề cơ bản về đổi mới giáo dục và đào tạo ở phổ thông 21
1.1.1. Một số quan điểm chỉ đạo đổi mới GD phổ thông 21
1.1.2. Đổi mới nội dung chương trình DH phổ thông 23
1.1.3. Đổi mới PPDH nhằm chú trọng phát triển năng lực của HS 25
1.2. Phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm 27
1.2.1. Khái niệm PPDH hợp tác theo nhóm 27
1.2.2. Cơ sở khoa học của PPDH hợp tác theo nhóm 29
1.2.3. Ưu và nhược điểm của PPDH hợp tác theo nhóm 32
1.2.4. Bản chất của PPDH hợp tác theo nhóm 36
1.3. Mục tiêu, nội dung chương trình môn Địa lí của hệ DBĐHDT 38
1.3.1. Mục tiêu chương trình Địa lí ở trường DBĐHDT 38
1.3.2. Nội dung chương trình Địa lí hệ DBĐHDT 40

1.4. Thực trạng của việc sử dụng PPDH hợp tác theo nhómtrong DH Địa lí ở trường DBĐHDT 41
1.4.1. Thực trạng dạy học HTTN ở các trường DBĐHDT 41
1.4.2. Nguyên nhân ảnh hưởng đến việc tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí hiện nay ở trường DBĐHDT 48
1.5. Đặc điểm tâm sinh lí và trình độ nhận thức của HS ở trường DBĐHDT 51
1.5.1. Đặc điểm tâm sinh lí của HS trường DBĐHDT 51
1.5.2. Trình độ nhận thức của HS trường DBĐHDT 53
Kết luận chương 1 55
Chương 2: TỔ CHỨC DẠY HỌC HỢP TÁCTHEO NHÓM TRONG MÔN ĐỊA LÍ Ở TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC 56
2.1. Yêu cầu và nguyên tắc khi tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí ở trường DBĐHDT 56
2.1.1. Các yêu cầu khi tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí ở trường DBĐHDT 56
2.1.2. Nguyên tắc khi tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí ở trường DBĐHDT 59
2.2. Quy trình tổ chức DH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí ở trường DBĐHDT 64
2.2.1. Xác định mục tiêu, nội dung vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm 65
2.2.2. Chia nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm 70
2.2.3. Tổ chức hướng dẫn HS tiến hành thảo luận 73
2.2.4. Tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả thảo luận hợp tác 76
2.2.5. Tổ chức đánh giá trong DH hợp tác theo nhóm 80
2.3. Biện pháp tổ chức DH hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí ở trường DBĐHDT 93
2.3.1. Sử dụng đa dạng các kĩ thuật DH trong thảo luận nhóm 93
2.3.2.Kết hợp PPDH hợp tác theo nhóm với phương pháp sử dụng phương tiện trực quan 103
2.3.3. Kết hợp PPDH hợp tác theo nhóm với PPDH đặt và giải quyết vấn đề 104
2.3.4. Kết hợp PPDH hợp tác theo nhóm với ứng dụng CNTT và truyền thông trong dạy học Địa lí tại trường DBĐHDT 106
2.3.5. Kết hợp PPDH hợp tác theo nhóm với việc xây dựng các bài tập nhận thức trong dạy học Địa lí tại trường DBĐHDT 109

2.4. Một số ví dụ minh họa về vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí ở trường DBĐHDT 111
2.4.1. Giáo án 1 111
2.4.2. Giáo án 2 114
2.4.3. Giáo án 3 119
Kết luận chương 2 124
Chương 3: THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM 125
3.1. Mục đích, nhiệm vụ thực nghiệm 125
3.2. Nguyên tắc thực nghiệm 125
3.3. Đối tượng thực nghiệm 126
3.4. Phương pháp thực nghiệm 126
3.5. Nội dung thực nghiệm 126
3.6. Tổ chức thực nghiệm 127
3.6.1. Tiến hành thực nghiệm 127
3.6.2. Phân tích kết quả thực nghiệm 128
Kết luận chương 3 147
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ 148
CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ 151
TÀI LIỆU THAM KHẢO 152
PHỤ LỤC

CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

Chữ viết tắt	Nội dung viết tắt
CĐ	Cao đẳng
CNH&HĐH	Công nghiệp hóa và hiện đại hóa
CNTT	Công nghệ thông tin
CNTT&TT	Công nghệ thông tin và truyền thông
DH	Dạy học
DTNT	Dân tộc nội trú
DBĐHDT	Dự bị đại học dân tộc
ĐH	Đại học
ĐC	Đối chứng
GD	Giáo dục
GV	Giáo viên
HTTN	Hợp tác theo nhóm
HS	Học sinh
KT-XH	Kinh tế - xã hôi
KTDH	Kĩ thuật dạy học
NXB	Nhà xuất bản
PPDH	Phương pháp dạy học
SGK	Sách giáo khoa
TBDH	Thiết bị dạy học
TN	Thực nghiệm
THPT	Trung học phổ thông

DANH MỤC BẢNG

Trang

Bảng 1.1. Tiêu chí đánh giá năng lực HS trong quá trình DH 26
Bảng 1.2. Phân phối chương trình hệ DBĐHDT theo Thông tư số 48/2012/TT-BGDĐT 40
Bảng 2.1. Mục tiêu, nội dung thảo luận phần Địa lí đại cương trong chương trình Địa lí ở trường DBĐHDT 68
Bảng 2.2. Tiêu chí đánh giá trình bày ý tưởng 87
Bảng 2.3. Tiêu chí đánh giá kĩ năng thu thập và xử lí thông tin 90
Bảng 2.4. Tiêu chí đánh giá phản hồi, lắng nghe 90
Bảng 2.5. Tiêu chí đánh giá sự hợp tác 91
Bảng 2.6. Sản lượng than, dầu thô và điện của nước ta, giai đoạn 2000 - 2012 104
Bảng 3.1. Mô tả dữ liệu TN 138
Bảng 3.2. So sánh giá trị trung bình điểm số của lớp ĐC và lớp TN 138
Bảng 3.3. Mức độ ảnh hưởng của biện pháp tác động 139
Bảng 3.4. Bảng tiêu chí Cohen 139

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Trang

Biểu đồ 1.1. Tần suất sử dụng phương pháp dạy học HTTN của GV.....42
Biểu đồ 1.2. Cách thức chia nhóm trong tổ chức HTTN của GV 42
Biểu đồ 1.3. Lựa chọn các kĩ thuật thảo luận của GV với chủ đề: Tại sao đồng bằng sông Cửu Long cần phải sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên 44
Biểu đồ 1.4. Tần suất sử dụng và mức độ đánh giá các kỹ thuật thảo luận của GV 45
Biểu đồ 1.5. Tần suất học nhóm của HS ở THPT.....46
Biểu đồ 1.6. Đánh giá tính hiệu quả về học nhóm của HS ở THPT.....47
Biểu đồ 1.7. Đánh giá vai trò của học nhóm đối với HS ở THPT.....47
Biểu đồ 3.1. Biểu đồ so sánh tổng hợp điểm kiểm tra bài 1 giữa lớpTN1 và ĐC1 130
Biểu đồ 3.2. Biểu đồ so sánh tổng hợp điểm kiểm tra bài 1 giữa lớpTN2 và ĐC2 131
Biểu đồ 3.3. Biểu đồ so sánh tổng hợp điểm kiểm tra bài 1 giữa lớpTN và ĐC.....131
Biểu đồ 3.4. Biểu đồ so sánh tổng hợp điểm kiểm tra bài 2 giữa lớp TN1 và ĐC1....132
Biểu đồ 3.5. Biểu đồ so sánh tổng hợp điểm kiểm tra bài 2 giữa lớpTN2 và ĐC2.....133
Biểu đồ 3.6. Biểu đồ so sánh tổng hợp điểm kiểm tra bài 2 giữa lớpTN và ĐC.....133
Biểu đồ 3.7. Biểu đồ so sánh tổng hợp điểm kiểm tra bài 3 giữa lớpTN1 và ĐC1.....134
Biểu đồ 3.8. Biểu đồ so sánh tổng hợp điểm kiểm tra bài 3 giữa lớpTN2 và ĐC2.....135
Biểu đồ 3.9. Biểu đồ so sánh tổng hợp điểm kiểm tra bài 3 giữa lớpTN và ĐC.....136
Biểu đồ 3.10. Biểu đồ so sánh tổng hợp điểm kiểm tra giữa lớp TN và ĐC.....137
Biểu đồ 3.11. Biểu đồ so sánh tổng hợp điểm trung bình các kiểm tra giữa lớp TN và ĐC..... 137
Biểu đồ 3.12. So sánh quá trình tự đánh giá về đóng góp cá nhân HS trong HTTN sau TN 141
Biểu đồ 3.13. So sánh quá trình tự đánh giá trình trao đổi, chia sẻ và đóng góp ý kiến cá nhân HS trong HTTN sau TN 141
Biểu đồ 3.14. So sánh quá trình tự đánh giá kĩ khả năng báo cáo của cá nhân HS trong HTTN sau TN.....142
Biểu đồ 3.15. So sánh quá trình tự đánh giá ý thức làm việc của cá nhân HS trong HTTN sau TN.....143
Biểu đồ 3.16. Tự đánh giá thế mạnh của cá nhân HS trong HTTN sau TN.....144
Biểu đồ 3.17. Tự đánh giá kĩ kết quả thu được của cá nhân HS trong HTTN sau TN ...145

DANH MỤC HÌNH

Trang

Hình 2.1. Sơ đồ quy trình dạy học hợp tác theo nhóm 64
Hình 2.2. HS sử dụng tranh ảnh để trình bày sản phẩm 78
Hình 2.3. HS báo cáo sản phẩm bằng sơ đồ tư duy 78
Hình 2.4. HS ứng dụng CNTT để trình bày báo cáo sản phẩm 79
Hình 2.5. HS thảo luận và làm việc theo kĩ thuật DH "khăn trải bàn" 97
Hình 2.6. Sơ đồ kĩ thuật DH các mảnh ghép 98
Hình 2.7. HS thảo luận và làm việc theo kĩ thuật DH "mảnh ghép" 98
Hình 2.8. HS ứng dụng CNTT để tìm kiếm thông tin và trình bày kết quả thảo luận..... 107

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Trong xu thế hội nhập thế giới và khu vực, với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế tri thức, hơn bao giờ hết đổi mới GD trở thành vấn đề cấp thiết đặt ra cho tất cả các ngành học, cấp học thuộc hệ thống GD phổ thông nước ta hiện nay. Sự phát triển đó đòi hỏi GD phải đào tạo ra những con người lao động mới*: "Vừa có tri thức khoa học cao vừa có kĩ năng hành động và tư duy thực tiễn"* nhằm đáp ứng những yêu cầu thời đại, yêu cầu Đổi mới và của sự nghiệp CNHHĐH đất nước. Tại Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (Nghị quyết số 29-NQ/TW) đã xác định nhiệm vụ trọng tâm của GD hiện nay là: "*Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa – hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*". Đặc biệt, Nghị quyết đã chỉ rõ nhiệm vụ, giải pháp cần phải thực hiện của các cấp GD là: "*Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực*".

Hệ thống các trường DBĐHDT ở Việt Nam là loại hình trường chuyên biệt thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước trong việc bồi dưỡng tạo nguồn cán bộ người dân tộc thiểu số cho các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa trong cả nước. Chương trình giảng dạy của các trường DBĐHDT là bổ túc kiến thức, bồi dưỡng văn hóa cho những HS dân tộc để có đủ trình độ vào học các trường ĐH, CĐ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mục tiêu của các môn học nói chung và môn Địa lí nói riêng ở các trường DBĐHDTlà củng cố, hệ thống hóa, phát triển và hoàn chỉnh tri thức phổ thông nền tảng, bồi dưỡng và nâng cao về phẩm chất, năng lực có khả năng tự học và ý thức học tập để tiếp tục học lên đại học, cao đẳng cho HS người dân tộc thiểu số. Do đó, việc đổi mới PPDH của bộ môn theo hướng góp phần phát triển năng lực cho người học hiện nay đang là vấn đề được quan tâm hàng đầu để thực hiện mục tiêu đó.

Phương pháp dạy học HTTN là một trong những PPDH hiện đại nhằm sử dụng trí tuệ tập thể của HS để thực hiện nhiệm vụ học tập. Thông qua phương pháp này sẽ giúp HS hình thành và rèn luyện được rất nhiều kỹ năng trong học tập cũng

như giao tiếp, giúp HS tự tin vào bản thân, thể hiện và phát triển được các năng lực của mình. Điều này đặc biệt có ý nghĩa vì HS các trường DBĐHDT đều đến từ các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc với truyền thống văn hóa và tập quán khác nhau, là những nơi có điều kiện KT-XH khó khăn. Như vậy, sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí đã và đang được coi là một trong những nhân tố quan trọng góp phần đổi mới PPDH Địa lí hiện nay ở nhà trường nói chung và các trường DBĐHDT nói riêng. Tuy nhiên, chất lượng và hiệu quả của việc sử dụng phương pháp này chưa cao, còn nhiều hạn chế như: Nặng về hình thức, chưa kích thích, thu hút được HS sẵn sàng nhận nhiệm vụ và thích thú với hoạt động nhóm, HS chưa nhận thức được sự thành công của mình phụ thuộc vào kết quả của toàn bộ thành viên trong nhóm. Nguyên nhân cơ bản là do việc áp dụng đa dạng hóa các kỹ thuật trong thảo luận nhóm của GV còn nhiều hạn chế.

Từ những lí do nêu trên, với mong muốn nâng cao chất lượng DH bộ môn Địa lí ở trường DBĐHDT, tác giả đã chọn đề tài nghiên cứu: ***"Vận dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí ở Trường Dự bị đại học Dân tộc"***.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu việc vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí ở Trường DBĐHDT nhằm tích cực hóa hoạt động học tập của HS theo hướng phát triển năng lực. Đồng thời qua đó góp phần đổi mới PPDH và nâng cao chất lượng DH bộ môn đáp ứng các mục tiêu đề ra.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lí luận và cơ sở thực tiễn của việc vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí ở trường DBĐHDT.
- Xác định các yêu cầu, nguyên tắc tổ chức PPDH hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí ở trường DBĐHDT.
- Đề xuất quy trình và các biện pháp tổ chức DH hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí ở trường DBĐHDT.
- Vận dụng các biện pháp vào thiết kế và tổ chức DH hợp tác theo nhóm trong một số bài học Địa lí ở trường DBĐHDT.
- Thực nghiệm sư phạm để đánh giá tính khả thi và hiệu quả của việc vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí ở trường DBĐHDT.
- Đưa ra các kết luận và khuyến nghị.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là cách thức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH môn Địa lí ở trường DBĐHDT.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Đề tài tập trung nghiên cứu về cách thức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong việc tổ chức các hoạt động học tập nhận thức cho HS.

- Trong quá trình thực hiện đề tài, tác giả tiến hành điều tra khảo sát thực trạng tại 3 trường: Trường DBĐHDT Trung ương Việt Trì (Phú Thọ); trường DBĐHDT Sầm Sơn (Thanh Hóa), trường DBĐHDT Nha Trang (Khánh Hòa).

- Tổ chức thực nghiệm tại trường DBĐHDT Trung ương Việt Trì (tỉnh Phú Thọ). Nội dung thực nghiệm là việc vận dụng phương pháp dạy học HTTN và kĩ thuật tổ chức thảo luận HTTN trong DH môn Địa lí ở trường DBĐHDT Trung ương Việt Trì. Tác giả lựa chọn 3 bài học trong chương trình Địa lí hệ DBĐHDT để tiến hành thực nghiệm:

+ Bài 1: Một số vấn đề mang tính toàn cầu.

+ Bài 2: Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

+ Bài 3: Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.

4. Giả thuyết khoa học

Nếu vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm một cách linh hoạt, hợp lí và đảm bảo các yêu cầu, nguyên tắc DH thì sẽ tích cực hóa hoạt động học tập của HS theo hướng phát triển năng lực góp phần nâng cao chất lượng DH Địa lí ở trường DBĐHDT.

5. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

Dạy học hợp tác theo nhóm là PPDH tích cực đặt HS vào môi trường học tập (nghiên cứu, thảo luận) theo các nhóm HS nhằm khuyến khích HS trao đổi và biết cách làm việc hợp tác với người khác. HS học tập theo nhóm không chỉ phát huy được tính tích cực, tự giác, khả năng chủ động, sáng tạo trong hoạt động nhận thức mà thông qua cách học này rất nhiều kỹ năng xã hội cũng được hình thành và phát triển như: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng báo cáo… Chính vì vậy, PPDH hợp tác theo nhóm đã rất nhiều các nhà nghiên cứu trên thế giới cũng như trong nước quan tâm nghiên cứu ở các khía cạnh khác nhau.

5.1. Tình hình nghiên cứu PPDH hợp tác theo nhóm trên thế giới

Nghiên cứu về PPDH hợp tác theo nhóm thì đã có rất nhiều các nhà GD quan tâm nghiên cứu. Khởi đầu của PPDH này là các nghiên cứu của các nhà giáo dục và truyền giáo ở cả phương Đông và phương Tây tiến hành từ rất sớm ngay từ thời Cổ đại. Tuy nhiên cách chia nhóm ở thời kì này chủ yếu mang tính chủ quan nhằm tạo sự thuận lợi cho người thầy trong quá trình truyền giảng giáo lí chứ chưa có sự tính toán sắp xếp nhóm theo chủ đích nhằm mang lại hiệu quả cao trong GD.

Ngày nay, với sự bùng nổ của Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại đã đặt ra những yêu cầu mới về GD và đào tạo nghề nghiệp. Chính vì vậy, nghiên cứu về PPDH theo nhóm cũng đã có những bước phát triển và thay đổi quan trọng. Rất nhiều các nhà nghiên cứu, nhà GD học trên thế giới đã tập trung nghiên cứu về PPDH theo nhóm ở nhiều góc độ khoa học khác nhau.

- *Thứ nhất là những nghiên cứu về vai trò cũng như mục đích của việc DH theo nhóm, chia nhóm trong quá trình học tập của người học.*

Các nhà nghiên cứu quan tâm nghiên cứu đến PPDH này nhiều hơn nhờ các tính ưu việt của nó. Các công trình nghiên cứu đã chỉ ra rất rõ vai trò và mục đích của việc sử dụng PPDH này vào DH. Tiêu biểu là Roger Cousinet tác giả cuốn sách " *Phương pháp của các nhóm học tập" (1945).* Ông là GV và cũng là một trong những nhà tiên phong trong hệ thống GD tiến bộ ở Pháp, đã có công lớn trong việc phát triển PPDH hợp tác nhóm. Ông cho rằng hình thức tổ chức cho HS học tập tự do theo nhóm giúp tạo cho các em có khả năng hòa hợp với cộng đồng, từ đó khắc phục được tình trạng lười suy nghĩ, biết xấu hổ với bạn khi không tham gia hay không hết lòng với công việc.[Dẫn theo 44]

V.ÔKon, nhà GD học danh tiếng người Ba Lan, tác giả cuốn *"Dạy học nêu vấn đề"* khi nghiên cứu về mục đích của PPDH theo nhóm đã cho rằng: Nhóm học tập ra đời với mục đích xác định rõ ràng. Mục đích đó chính là việc học tập có kết quả hơn và thích thú hơn so với cách học riêng lẻ. Hoạt động chung của mỗi nhóm thường dẫn đến chỗ giải quyết nhiều vấn đề lí luận và thực tiễn, đồng thời hoạt động này được phân biệt tùy theo mức độ khó khăn và phức tạp của vấn đề, tùy theo trình độ học tập và đối tượng học tập. Như vậy, tùy thuộc vào mục tiêu học tập, tính chất của nội dung học tập, mức độ khó, dễ của các nhiệm vụ học tập và trình độ của đối tượng HS mà có cách chia nhóm khác nhau.[Dẫn theo 44]

Nhóm tác giả Robert J. Marzano, Debra J. Pickering, Jane E. Pollock cũng có những nghiên cứu về PPDH theo nhóm trong cuốn sách *"Các phương pháp dạy học hiệu quả"* đã khẳng định sử dụng hình thức hợp tác thảo luận nhóm để giúp HS thực hành và hiểu sâu kiến thức, tổ chức HS thành các nhóm để tăng cường việc xử lí thông tin một cách tích cực.

Trong cuốn *"Dạy học ngày nay"* của tác giả Geoffrey Petty được nhà xuất bản Stanley Thornets Ltd Ellenborough House xuất bản lần đầu năm 1993, năm 2002 Dự án Việt - Bỉ "Đào tạo giáo viên các trường sư phạm 7 tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam" đã dịch, chỉnh sửa. Chương 18 (từ trang 202 đến trang 217) của cuốn sách có nhan đề: *Học nhóm và học sinh nói*. Nội dung trọng tâm của chương này tập trung cho việc trả lời câu hỏi: *"Tại sao lại chia nhóm?"*. Tác giả khẳng định vai trò quan trọng của PPDH theo nhóm. Theo ông, học theo nhóm bao giờ cũng tạo được một môi trường tương tác sư phạm đa chiều, tạo điều kiện cho học sinh có nhiều cơ hội sử dụng các phương pháp, nguyên tắc và từ vựng được dạy. Ban đầu các HS nhút nhát, thường là ít phát biểu trong lớp, sẽ có môi trường động viên để tham gia xây dựng bài,… Đặc biệt thông qua học tập nhóm, các em có thể đạt được những điều mà các em không thể làm được một mình. [25, 203].

Trong cuốn *Teaching Tips* (Những thủ thuật trong DH) năm 2002, tác giả Wilbert J. McKeachie đã khẳng định rằng học tập nhóm đã được chứng minh là một phương pháp học tập có hiệu quả, trong hình thức học đồng đẳng theo nhóm, lớp được chia thành những nhóm từ 4 đến 8 HS, giảng viên giao mỗi nhóm một nhiệm vụ (có thể từ 3 đến 4 câu hỏi), sau đó các nhóm sẽ báo cáo bằng lời hoặc giấy trước cả lớp. Đồng thời, ông tuyên bố sử dụng phương pháp này sẽ làm tăng động lực học tập và khả năng hiểu sâu của HS. Tác giả muốn nhấn mạnh đến kỹ thuật chia nhóm và hiệu quả của việc chia nhóm trên cơ sở nhiệm vụ học tập trong quá trình dạy và học. [77, 137]

Cuốn *Approaches to Small Group Learning and Teaching* (Tiếp cận phương pháp dạy và học theo nhóm nhỏ) của tác giả Vicky Gunn (2007), Learning and Teaching Centre, University of Glasgow Southpark House, Uk cũng đã đề cập đến những cân nhắc quan trọng khi người GV tổ chức DH theo hình thức nhóm đồng thời cũng khẳng định hiệu quả GD và kỹ năng giao tiếp xã hội được phát triển trong hợp tác nhóm.

- Thứ hai là những nghiên cứu về quy trình, nguyên tắc PPDH hợp tác theo nhóm.

Nghiên cứu về quy trình tiến hành học tập theo nhóm cũng được nhiều nhà nghiên cứu, nhà GD quan tâm. Trước hết phải kể đến Shlomo Shanran và các đồng

nghiệp ở Trường Đại học Tel Aviv người Ixsaren đã nghiên cứu và tổng hợp 5 phương pháp để tiến hành học theo nhóm nhỏ ở lớp gồm: Trò chơi lắp ghép, đua ngựa theo đội, học theo nhóm, học cùng nhau và điều tra nhóm trong cuốn *Small Group Teaching* (Dạy học nhóm nhỏ).

Trong cuốn *Lí luận dạy học hiện đại – Một số vấn đề về đổi mới PPDH* của *Berdn Meier* cùng Nguyễn Văn Cường. Cuốn sách đã đưa ra quan niệm DH nhóm là một hình thức xã hội của DH, trong đó HS của một lớp học được chia thành các nhiệm vụ học tập trên cơ sở phân công và hợp tác làm việc. Kết quả làm việc của nhóm, sau đó được trình bày và đánh giá trước cả lớp. Tác giả đã nghiên cứu và đề cập đến quy trình cơ bản của việc tổ chức DH theo nhóm, đó là chia nhóm trên cơ sở nhiệm vụ học tập được giao cũng như việc trình bày báo cáo và đánh giá kết quả hợp tác trong các nhóm học tập. [6, 54]

Kitốp, nhà GD học người Nga cũng đã có những nghiên cứu và đóng góp quan trọng đối với việc phát triển lí luận về nhóm học tập. Ông đã xây dựng được một quy trình kĩ thuật tương đối hoàn chỉnh về học tập theo nhóm, bao gồm các thao tác cần thiết mà thầy trò cần phải thực hiện trong từng tiết học. Nhiệm vụ của mỗi nhóm có thể giống nhau nhưng cũng có thể khác nhau tùy theo sự phân công của GV.

Khi nghiên cứu về PPDH và làm việc theo nhóm không thể không kể đến những công trình nghiên cứu và những đóng góp đặc biệt quan trọng của các nhà nghiên cứu, các nhà GD hiện đại người Mĩ, nổi bật như: Lawrence Holpp tác giả cuốn *Managing Teams* (Quản lí nhóm). Tiếp đó là John C. Maxwell, một trong 25 tác giả và nghệ sĩ nổi tiếng nhất trên website sách trực tuyến Amazon.com. Một trong những cuốn sách nổi tiếng của ông là *"17 nguyên tắc vàng trong làm việc nhóm"* (The 17 Indisputable Laws of Teamwork).

- Thứ ba là những nghiên cứu về vai trò của GV, người tổ chức hướng dẫn trong quá trình thực hiện PPDH hợp tác theo nhóm.

Nổi bật là cuốn *The Teacher's Role in Implementing Cooperative Learning in the Classroom* (Vai trò của GV đối với việc thực hiện nhóm trong lớp học) của nhóm tác giả Robyn M.Gillies, Adrian F.Ashman và Jan Telwel năm 2008. Cuốn sách cung cấp một cái nhìn toàn diện và nhấn mạnh về các vấn đề liên quan đến vai trò của GV trong việc tiến hành DH nhóm trong các lớp học. Thứ nhất là giới thiệu về nghiên cứu và tiền đề lí thuyết tạo điều kiện cho sự thành công trong các nhóm làm việc nhỏ, bao gồm các ví dụ GV thực hành việc học nhóm như thế nào ở trong lớp học. Thứ hai là đã làm nổi bật các cách khác

nhau trong đó GV có thể hình thành các nhóm tương tác giữa các sinh viên và khuyến khích sinh viên bàn luận trong nhóm nhỏ. Cuối cùng là tập trung nghiên cứu vấn đề sinh viên được dạy những tri thức khác nhau và các kĩ năng như thế nào để thúc đẩy sự bàn luận trong nhóm nhỏ. Vai trò chính của GV trong việc thực hiện thực hành sư phạm và thúc đẩy tư duy, học tập là chủ đề xuyên suốt cuốn sách.[89]

Cùng nội dung nghiên cứu trên, cuốn *Tiến tới một phương pháp sư phạm tương tác* của Jean-Marc Denommé et Madeleine Roy đề cập rất nhiều đến phương pháp sư phạm tương tác, trong đó có tương tác nhóm, tương tác giữa các thành viên trong nhóm khi thực hiện nhiệm vụ học tập do GV giao. Theo tác giả, GV khi dạy phải chú ý chọn phương pháp thích hợp với từng nhóm HS của mình. Phải cân nhắc tính toán xem phương pháp đó có thích hợp với trình độ, với phong cách và với nhịp độ học của HS không? Ở đây, tác giả muốn đề cập đến các kỹ năng vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm của GV, đó là khả năng kết hợp linh hoạt giữa PPDH hợp tác nhóm với các PPDH khác cho phù hợp với trình độ của từng nhóm HS.[40, 90]

Vai trò của GV trong việc tổ chức hoạt động học tập theo nhóm cũng được nhóm tác giả Adrian F.Ashman, Robyn M.Gillies và Jan Telwel tại Australia tập trung nghiên cứu. Rất nhiều các công trình nghiên cứu khác nhau về DH nhóm của một số học giả và nhà nghiên cứu trong suốt 4 thập kỉ đã được tập hợp lại trong cuốn *"The Teacher's Role in Implementing Cooperative Learning in the Classroom"* (Vai trò của giáo viên đối với việc thực hiện nhóm trong lớp học).

- Thứ tư là những nghiên cứu về yếu tố đặc trưng quyết định tính hiệu quả trong hoạt động HTTN.

Đi đầu trong quá trình nghiên cứu về đặc trưng của làm việc nhóm là nhóm tác giả N.E.Aimautov, S.V.Usnhev thuộc Trường Đại học Tổng hợp Hữu nghị Dân tộc Nga đã viết cuốn *Đặc trưng quyết định nhóm* năm 1988. Theo đó, nhóm nghiên cứu đã tổng kết những đặc trưng hành vi của nhóm và đưa ra kiến nghị để mỗi nhóm hoạt động hiệu quả, tránh hiện tượng có sự thống trị của một thành viên nổi trội trong nhóm và đặc biệt tránh được hiện tượng phân tách nhóm thì số lượng thành viên chỉ nên tập hợp từ 2-8 thành viên, tối ưu nhất là từ 5-7 thành viên.

Jean-Marc Denommé et Madeleine Roy, nhà GD học nổi tiếng Canada cũng đã có những nghiên cứu và kết luận quan trọng về PPDH tương tác nhóm trong cuốn *Tiến tới một phương pháp sư phạm tương tác.* Ông nghiên cứu những yếu tố

ảnh hưởng đến hiệu quả của hợp tác nhóm. Để hiệu quả thì học theo nhóm cần sự hợp tác chân thành và hoạt động có mục đích; vai trò của GV trong việc lập kế hoạch kĩ càng, tổ chức, quản lý việc học trong nhóm và hiểu được HS.

Bennett (1995) đã xem xét lại bằng chứng từ cuộc nghiên cứu chỉ ra một số các nhân tố có ảnh hưởng tới tính hiệu quả của hoạt động nhóm bao gồm:

Kích thước nhóm và các thành phần khi chia nhóm. Kích cỡ nhóm và thành phần của nhóm HS là một phần đặc biệt quan trọng ảnh hưởng tới thành công của hoạt động dạy học hợp tác. GV thường sử dụng nhóm khoảng từ 4 tới 6 HS. [82,266]

Nghiên cứu cũng chỉ ra những thử thách lớn nhất mà GV gặp phải khi sử dụng các chiến lược hợp tác, đó là thiết kế và giới thiệu những nhiệm vụ phù hợp. Hai vấn đề quan trọng cần được xem xét khi lập kế hoạch để đạt yêu cầu này là: Nhu cầu nhận thức và nhu cầu xã hội.

Qua đó tác giả đã đưa ra một số gợi ý hữu dụng về cách làm thế nào GV có thể cải thiện chất lượng của thảo luận trong lớp học, đó là: Có kế hoạch kĩ lưỡng, tạo nhóm có tính liên kết nhỏ từ 2 tới 4 HS, thiết lập chủ đề đóng - mở để thảo luận, cung cấp thông tin để khuyến khích các định hướng thảo luận, tránh đưa ra câu trả lời hoặc đánh giá chung chung. GV cần có những can thiệp, định hướng kịp thời nếu thảo luận của HS đi không đúng hướng, phân bổ thời gian hợp lí cho các hoạt động thảo luận. [82, 271]

- *Thứ năm là việc nghiên cứu, vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí trên thế giới cũng được nhiều nhà GD quan tâm nghiên cứu*

Nhờ các tính ưu việc của PPDH này, các nhà giáo dục Địa lí cũng đã quan tâm nghiên cứu và cho là một trong PPDH mang lại hiệu quả cao và đạt được nhiều mục đích trong quá trình DH Địa lí.

Theo tác giả Clark Gordon and Wareham Terry (1998) trong bài viết *Small-group Teaching in Geography (Good Teaching, Learning and Assessment Practices in Geography),* Published by Cheltenham and Gloucester College of Higher Ecucation, Geography Discipline Network đã chỉ ra cho GV trong khoa Địa lí mặt tích cực cũng như hạn chế của việc sử dụng dạy theo nhóm nhỏ và coi đó như một phương pháp GD trong phân môn Địa lí. Theo đó, mặt tích cực của việc học tập theo nhóm nhỏ là: HS có thể học cách diễn thuyết nghiêm khắc; làm quen với nhau, tương tác với bạn; phát triển các kỹ năng chính của làm việc theo nhóm và hợp tác. HS có thể cảm thấy thoải mái khi tham gia vào các nhóm; Nhiệm vụ nhóm cho HS

cơ hội để phát triển trình độ cao hơn: Kỹ năng trí tuệ như phân tích, tổng hợp, giải thích, phán đoán và giải quyết vấn đề; HS trải nghiệm nhiều thử thách hơn, có thể suy nghĩ và suy ngẫm học kỹ năng thực hành; có thể thảo luận và học cách làm những nhà tư tưởng phê bình; trở nên tích cực hơn và "học hỏi sâu hơn". Tuy nhiên, DH theo nhóm nhỏ cũng có những điểm hạn chế như khó khăn về mục tiêu giảng dạy; khả năng trình độ và kinh nghiệm của các thành viên trong nhóm khi dạy kèm, sự miễn cưỡng thiếu hợp tác của một số thành viên; làm thế nào để có hướng dẫn thảo luận chuyên sâu khi có quá nhiều thành viên yếu kém trong nhóm; thời gian cho mỗi HS để đưa ra một báo cáo hội thảo; yêu cầu về năng lực của GV cao hơn…

Với những mặt tích cực và hạn chế trên, hai tác giả đã nghiên cứu về hoạt động hợp tác nhóm trong học tập Địa lí của sinh viên năm thứ nhất của khoa Địa lí ở Trường đại học Lancaster và Đại học Leed ở Anh để đưa ra các biện pháp nhằm phát huy mặt tích cực cũng như giải quyết những điểm hạn chế trong khi giảng dạy theo nhóm nhỏ. Khi nghiên cứu về hoạt động hợp tác nhóm ở khoa Địa lí của trường đại học Lancaster, hai tác giả đã đưa ra 8 biện pháp thực hiện với mục đích phát triển việc DH theo nhóm, trong đó nhấn mạnh tới biện pháp lập và thực hiện dự án về nhóm học tập của GV trong quá trình giảng dạy cho sinh viên Địa lí.

Những điểm nổi bật trong nghiên cứu về hoạt động hợp tác nhóm ở trường đại học Leed của hai tác giả đã chỉ ra, đó là:

+ DH theo nhóm nhỏ là một phần quan trọng trong việc cấu trúc lại giảng dạy.

+ Cần thiết phải có những mục tiêu rõ ràng, cụ thể đối với việc giảng dạy theo nhóm nhỏ nói chung cũng như những buổi họp nhóm nói riêng.

+ Số lượng thành viên trong nhóm có thể thay đổi khác nhau theo các tuần, tùy theo hình thức và mục đích giảng dạy.

+ DH theo nhóm nhỏ phải được kết hợp vào các khóa học chứ không phải là một hoạt động riêng rẽ.

+ Khuyến khích sử dụng nhiều hoạt động trong 1 tiết học theo nhóm. Và việc HS chuẩn bị trước giờ học nhóm là rất quan trọng để có một buổi trao đổi thảo luận thành công. [80]

Hai tác giả Lawrence Lyman& Harvey Foyle người Mĩ trong đề tài*Teaching Geography Using Cooperative Learning* (Sử dụng học tập hợp tác trong giảng dạy Địa lí), Journal of Geography Volume 90, Issue 5, 1991. Qua nghiên cứu, hai tác giả khẳng định vai trò của học tập hợp tác trong DH Địa lí ở Mĩ. Theo hai tác giả, học tập hợp tác là một phương pháp tương tác có thể thúc đẩy sự tham gia của nhóm HS tạo ra một

môi trường lớp học tích cực thông qua việc xây dựng nhóm và dự án hợp tác. Khi học tập hợp tác, sinh viên sẽ được tham gia nhiều hơn, chủ động hơn trong các chủ đề và thêm động lực để học hỏi nội dung. Cùng với các bài học kinh nghiệm hợp tác sẽ làm tăng lượng kiến thức địa lí cho sinh viên Mỹ và mang lại động lực học tập.[87]

Tác giả Alice Merab Kagoda, Trường Giáo dục, Đại học Makerere Kampala của Uganda đã có bài viết: *Teaching and Learning Geography Through Small Group Discussions* **(**Giảng dạy và học tập địa lý thông qua thảo luận nhóm nhỏ) trên Tạp chí Nghiên cứu hiện tại của Khoa học Xã hội 1(2): 27-32, năm 2009. Bài viết nêu giá trị của thảo luận nhóm nhỏ trong GD địa lí ở các trường của Uganda. Qua thực tiễn tiến hành giảng dạy theo phương pháp hợp tác nhóm trong học tập Địa lí, tác giả khẳng định thảo luận nhóm như một phương pháp giảng dạy học tập đã được phát triển như một phản ứng chống lại các phương pháp mang tính mô tả rập khuôn cũ làm cho người học tiếp nhận thụ động tri thức. Và giá trị của các nhóm thảo luận là HS có thể học tập và nâng cao sự hiểu biết của họ về chủ đề bằng cách học hỏi từ các bạn trong nhóm tốt hơn so với từ GV của họ trong quá trình học tập Địa lí. [78]

Tác giả David Lambert và David Balderstone, trong cuốn *Learning to Teach Geography in the Secondary School* **(**PPDH Địa lí ở trường Trung học**)** xuất bản đầu tiên năm 2000 bởi Routledge Falmer. Hai tác giả đã nhấn mạnh đến vai trò của hoạt động hợp tác nhóm đó là học tập theo nhóm giúp HS tự tin hơn và tiếp thu được nhiều kiến thức hơn. Làm việc theo nhóm khuyến khích sự sáng tạo, tạo cho HS cơ hội thực hành và cải thiện các kĩ năng giao tiếp. Việc khuyến khích HS thảo luận giúp HS học được cách tóm lược ý kiến của nhóm, kiểm soát được những mâu thuẫn, tìm ra sự thống nhất, có kĩ năng học tập tự định hướng, kĩ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá. [82, 266]

Tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của những nghiên cứu về PPDH hợp tác theo nhóm của các nhà GD học trên thế giới, tác giả nhận thấy hầu hết các nhà GD nổi tiếng trên thế giới đã đưa ra những giải thích, hướng dẫn về quy trình, cách thức tổ chức, các kĩ thuật vận dụng chung, tổng kết và chỉ ra những vai trò của học tập hợp tác theo nhóm cho GV và HS để vận dụng một cách linh hoạt và đạt hiệu quả GD cao trong quá trình DH.

Như vậy, có thể khẳng định rằng, PPDH hợp tác theo nhóm là một PPDH mang lại hiệu quả rất cao trong quá trình DH và đã được các nhà nghiên cứu trên thế giới tập trung nghiên cứu ở các khía cạnh khoa học khác nhau.

5.2. Tình hình nghiên cứu PPDH hợp tác theo nhóm ở trong nước

Nghiên cứu về PPDH hợp tác theo nhóm là một trong những PP được các nhà nghiên cứu quan tâm nhiều nhất và đa số cho rằng đây là PPDH tích cực, PPDH hiện đại. Tiêu biểu là các nhà nghiên cứu như:

Trong cuốn sách *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội, 2005, tác giả Phan Trọng Ngọ đã đề cập đến phương pháp thảo luận theo nhóm nhỏ. Tác giả định nghĩa thế nào là hoạt động nhóm, những điểm mạnh và hạn chế của việc học này đồng thời ông đưa ra các hình thức tổ chức nhóm.

Trong cuốn sách *Đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo giáo viên trung học cơ sở*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án đào tạo giáo viên THCS, Hà Nội 2007, tác giả Nguyễn Hữu Châu đã viết một chuyên đề "Dạy học hợp tác" (từ trang 265-285). Trong bài viết này, Nguyễn Hữu Châu đã nêu khái niệm "Hợp tác là gì?", các hình thức học tập hợp tác,... [16, 265]

Theo tác giả Nguyễn Thị Oanh, trong cuốn *Làm việc theo nhóm* đã được Nhà xuất bản Trẻ thành phố Hồ Chí Minh ấn hànhnăm 2007. Trong đó chủ yếu tập trung vào nghiên cứu các nội dung sau: Nhóm trong đời sống của chúng ta, thế nào là một nhóm, truyền thông trong nhóm,... Tác giả đã khẳng định mục đích của cuốn sách này nhằm góp phần nâng cao kiến thức và kĩ năng của các bạn trẻ về nhóm để tham gia hữu hiệu vào các hoạt động xã hội hiện đại từ lao động đến sản xuất, tới GD, vui chơi giải trí.

Trong cuốn *Đổi mới phương pháp dạy học, chương trình và sách giáo khoa*, NXB Đại học sư phạm (2007) đã tập hợp 26 bài viết của tác giả Trần Bá Hoành. Đó là những bài viết ngắn gọn, dễ vận dụng, đề cập đến những vấn đề trọng tâm trong công cuộc đổi mới PPDH đang diễn ra sôi nổi tại các trường đại học, các đơn vị GD. Trong cuốn sách này, tác giả đã chỉ rõ DH hợp tác là một trong những chiến lược DH theo hướng lấy HS làm trung tâm.[30]

Trong cuốn *Tổ chức hoạt động dạy học ở trường trung học* của hai tác giả Nguyễn Ngọc Bảo và Hà Thị Đức đã bàn về DH theo nhóm tại lớp như một hình thức tổ chức DH, có sự kết hợp tính tập thể và tính cá nhân, trong đó HS dưới sự chỉ đạo của GV, trao đổi những ý tưởng, nguồn kiến thức, hợp tác với nhau trong quá trình lĩnh hội tri thức, hình thành kĩ năng, kĩ xảo. [2]

Trong cuốn *Dạy và học tích cực – Một số phương pháp và kĩ thuật dạy học* thuộc Dự án Việt - Bỉ của NXB Đại học sư phạm Hà Nội 2010, cũng đã đưa ra thế

nào là DH hợp tác, các yếu tố hoạt động hợp tác thể hiện trong nhóm HS, quy trình và cách thức tổ chức cũng như ưu điểm và hạn chế cùng các điều kiện để thực hiện có hiệu quả hình thức DH hợp tác nhóm. [9, 92]

Trong cuốn *Phương pháp dạy học truyền thống và đổi mới*, NXB Giáo dục 2010 của Thái Duy Tuyên là một cuốn sách quan trọng đối với những người nghiên cứu về chuyên ngành lí luận và PPDH. Tác giả dành toàn bộ chương X (từ trang 409 đến 438) để giới thiệu về DH hợp tác nhóm. Ông đặc biệt nhấn mạnh quy trình tổ chức DH theo phương pháp hợp tác nhóm và bồi dưỡng các kĩ năng hợp tác. Theo tác giả, quy trình để tổ chức dạy học HTTN được xây dựng theo 5 bước: Bước 1: Xác định mục tiêu DH; Bước 2: Thành lập nhóm học tập; Bước 3: Giải thích mục tiêu và nhiệm vụ học tập cho HS; Bước 4: Theo dõi và điều chỉnh tiến trình HTTN và bước 5: Nhận xét tương tác nhóm. Về cách dạy, bồi dưỡng kĩ năng hợp tác cho HS, tác giả đưa ra 5 bước tiến hành: Bước 1: Giúp HS thấy được vai trò, ý nghĩa của kĩ năng trong HTTN; Bước 2: Giúp HS hiểu rõ các kĩ năng đó cả về mặt nhận thức và hành động; Bước 3: Tạo các tình huống để HS thực hành và tạo cơ hội cho HS có những thành công với việc sử dụng các kĩ năng hợp tác; Bước 4: Giúp HS thể hiện được các kĩ năng; Bước 5: Khuyến khích HS kiên trì thực hành và thường xuyên sử dụng các kĩ năng. [73, 409]

Năm 2011, Nhà xuất bản Trẻ thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xuất bản cuốn *Kĩ năng làm việc nhóm* do tác giả Huỳnh Văn Sơn (chủ biên) cùng với cộng sự. Đây là một cuốn cẩm nang rất hữu ích cho các bạn trẻ, bởi vì nó cung cấp cho người đọc một cách nhìn tổng quan về nhóm, từ quy luật tâm lý diễn ra trong nhóm cho đến cách chấp nhận sự khác biệt của người khác. Tiếp đó cuốn sách còn đề cập đến cách các thành viên tổ chức và điều hành một cuộc họp nhóm, từ cách giải quyết mâu thuẫn đến việc đưa ra một quyết định chung của nhóm. [66]

Tác giả Lại Thế Tuyên (2012) trong cuốn *Kĩ năng làm việc đồng đội*, ông đã khẳng định kĩ năng làm việc đồng đội rất cần thiết để mỗi chúng ta có thể làm tốt công việc của mình trong nhóm, đội. [71]

Trong cuốn sách *Giáo dục phát triển năng lực sáng tạo* của tác giả Trần Thị Bích Liễu, NXB Giáo dục 2013, mục: Sử dụng các phương pháp sáng tạo trong DH cũng đã đề cập đến *Sáng tạo nhóm,* tác giả đặt câu hỏi làm thế nào để có được các ý tưởng sáng tạo từ nhóm của bạn?. Từ đó tác giả đã đưa ra rất nhiều nguyên tắc cần thực hiện khi làm việc nhóm để từ đó phát huy được khả năng khám phá và sáng tạo trong nhóm. Đó là các nguyên tắc: tạo ra một môi trường thoải mái; trân trọng các nhu cầu đối với các phong cách làm việc khác nhau; hãy linh hoạt và mềm dẻo;

chấp nhận, tôn trọng và công nhận tất cả các câu trả lời như là những giải pháp tiềm năng; khuyến khích mạo hiểm, thử nghiệm những cái mới, phản ánh và học từ các kinh nghiệm; tạo ra các tranh luận và chú trọng tất cả các ý tưởng; khuyến khích sự hợp tác; tạo ra những cách thức vui vẻ để khuyến khích tư duy sáng tạo.[45, 65]

Trong các bài viết đăng trên *Tạp chí giáo dục* trước đây, tác giả Trần Duy Hưng đã có một loạt các bài viết về hoạt động học tập theo nhóm như: "Tổ chức dạy học học sinh theo nhóm nhỏ" (số 9/1996), "Quy trình thảo luận nhóm trong dạy học theo quan điểm hướng vào người học" (số 7/1999), "Mô hình PPDH theo nhóm nhỏ" (số 4/2000), "Quy trình kiến tạo tình huống theo nhóm" (số 7/2000).

Trên *Tạp chí khoa học giáo dục* cũng có một số các bài viết nghiên cứu về hoạt động nhóm, tiêu biểu như tác giả Nguyễn Chí Nhân với bài viết "Ứng dụng PPDH nhóm tại các trường ĐH ở nước ta", số 83 tháng 8/2012; "Các kĩ năng hợp tác cơ bản cần được rèn luyện cho sinh viên sư phạm" của tác giả Nguyễn Thị Quỳnh Phương, số 75 tháng 12/2011.

Trong thời gian gần đây, khi nghiên cứu sử dụng phương pháp học tập theo nhóm một số bài viết trên *Tạp chí giáo dục* đã quan tâm đến các kĩ thuật trong hoạt động thảo luận nhóm trong một số môn học và bậc học như: "*Phương pháp thảo luận nhóm kết hợp với các kĩ thuật DH trong môn Giáo dục công dân"* của tác giả Bùi Thị Thanh Huyền (số 305/2013); "*Một số kĩ thuật được sử dụng trong DH hợp tác nhóm"* của tác giả Dương Giáng Thiên Hương (số 312/2013); "*Nâng cao hiệu quả sử dụng phương pháp thảo luận nhóm trong DH môn giáo dục học tại các trường CĐ sư phạm hiện nay"*của tác giả Nguyễn Thị Thúy Hường (số 325/2014).

Bên cạnh đó còn có một số luận án của các ngành, các bộ môn viết về hoạt động học tập theo nhóm và các kĩ thuật làm việc theo nhóm như: Tổ chức DH cho HS trung học cơ sở theo các nhóm nhỏ (2002) - Luận án tiến sĩ GD của Trần Hưng [37]; Tổ chức hoạt động nhóm trong DH lịch sử ở trường THPT(2013) - Luận án tiến sĩ GD của Hà Thị Lịch [44].

Trong dạy học Địa lí ở nước ta, PPDH này là một những PP tích cực được vận dụng vào DH Địa lí. Tiêu biểu là các công trình như:

Cuốn sách *Phương pháp dạy học Địa lí theo hướng tích cực*của tác giả Đặng Văn Đức và Nguyễn Thu Hằng –NXB Đại học sư phạm năm 2004. Cuốn sách là cẩm nang cung cấp cho GV và sinh viên Địa lí về PPDH Địa lí theo hướng tích cực lấy HS làm trung tâm, phát huy vai trò chủ động và sáng tạo của HS trong quá trình học tập Địa lí. Trong chương III: *Vận dụng các phương pháp tích cực trong DH Địa*

lí, các tác giả đưa ra 17 nhóm các phương pháp tích cực, trong đó có PPDH hợp tác trong nhóm nhỏ. Hai tác giả đưa ra khái niệm về DH hợp tác theo nhóm cũng như mục tiêu của dạy học theo nhóm và cách tổ chức HS học tập theo nhóm như: Các bước tổ chức nhóm, cách chia nhóm, cách tiến hành hoạt động trong nhóm, cách tổ chức báo cáo, các điều kiện khi tổ chức nhóm có hiệu quả và vai trò của GV khi tổ chức nhóm nói chung.[22, 146]

Trong cuốn *Lí luận dạy học Địa lí* của hai tác giả Nguyễn Dược và Nguyễn Trọng Phúc – NXB Đại học sư phạm 2004, các tác giả cũng đã đề cập đến hình thức chia nhóm trong phương pháp hướng dẫn HS thảo luận. [17, 223]

Tác giả Nguyễn Đức Vũ, trong cuốn *Kĩ thuật DH Địa lí ở trường phổ thông* – NXB Giáo dục 2007, cũng đề cập đến việc tổ chức cho HS thảo luận với hình thức theo nhóm. Theo tác giả, trước một bức ảnh địa lí, một sơ đồ, lược đồ, bảng số liệu,...HS sẽ có những ý kiến khác nhau. Đó là cơ hội để tổ chức trao đổi, mạn đàm ở nhóm HS. Chính vì vậy, phương pháp thảo luận nhóm được sử dụng rất thích hợp với kênh hình. Thảo luận với kênh hình có thể được tổ chức theo lớp (GV chủ trì), thảo luận nhóm nhỏ (nhóm trưởng chủ trì), thảo luận cặp đôi. Vì vậy, các câu hỏi hay nhiệm vụ giao cho HS thảo luận có tầm quan trọng rất lớn trong việc nâng cao chất lượng của thảo luận. Do đó, GV nên cân nhắc các câu hỏi, nhiệm vụ giao cho HS. Theo đó, GV không nên giao những câu hỏi, nhiệm vụ tương đối rõ ràng. Chỉ nên giao những nhiệm vụ hay câu hỏi dễ gây ra các ý kiến khác nhau. [76, 77]

Trong cuốn *Lí luận DH địa lí phần đại cương* của tác giả Đặng Văn Đức, thuộc chương trình Dự án đào tạo giáo viên THCS, NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2012, trong phần áp dụng các PPDH tích cực trong DH Địa lí có PPDH hợp tác nhóm. Tác giả đã đưa ra khái niệm về DH hợp tác nhóm, ưu, nhược điểm, cách thức tổ chức HS học tập theo nhóm, vai trò của GV trong khi tổ chức làm việc nhóm. Nội dung ngắn gọn, dễ vận dụng cho GV khi tổ chức DH theo hình thức hợp tác nhóm. [23, 178]

Cùng bàn về phương pháp học tập theo nhóm, trong cuốn *Giáo trình lí luận dạy học Địa lí phần cụ thể* thuộc chương trình Dự án đào tạo GV trung học cơ sở, NXB Đại học sư phạm năm 2008 của nhóm tác giả Đặng Văn Đức (Chủ biên) – Nguyễn Thu Hằng – Mai Hà Phương cũng đã đề cập đến số thành viên trong nhóm nên từ 4 đến 6 HS, cấu trúc của một tiết học theo phương pháp hợp tác nhóm và vai trò của phương pháp học tập này. Nhóm tác giả cũng đưa ra cấu trúc của một tiết học hợp tác trong nhóm như sau: Thứ nhất là làm việc chung cả lớp (nêu vấn đề,

xác định các nhiệm vụ nhận thức; tổ chức các nhóm, giao nhiệm vụ; hướng dẫn cách làm việc nhóm). Thứ hai là làm việc theo nhóm: Phân công trong nhóm; cá nhân làm việc độc lập rồi trao đổi, thảo luận trong nhóm; cử đại diện trình bày kết quả làm việc của nhóm. Thứ ba là tổng kết trước toàn lớp: Các nhóm lần lượt báo cáo kết quả và thảo luận chung.[23, 51]

Lí luận về PPDH hợp tác theo nhóm ở nước ta cũng đã nghiên cứu và ứng dụng sớm trong thực tiễn giảng dạy ở các cấp học; nằm trong xu hướng đổi mới GD theo hướng hiện đại, lấy HS làm trung tâm, dần chuyển trọng tâm của quá trình DH từ thầy sang trò. Nghiên cứu, tổng kết về hợp tác nhóm trong DH ở nước ta có thể thấy nổi bật lên hai nhóm:

Nhóm thứ nhất, chuyên nghiên cứu trên phương diện lí thuyết: Nhóm này thiên về việc đưa ra những quan niệm về hợp tác học tập trong DH, phân tích vai trò, ý nghĩa của việc sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong việc nâng cao chất lượng DH, đưa ra quy trình tổ chức…

Nhóm thứ hai, nghiên cứu PPDH hợp tác theo nhóm trên phương diện thực hành, thông qua các dự án, các thực nghiệm, các đợt tập huấn,… nhằm đưa DH hợp tác theo nhóm vào thực tiễn DH ở từng bộ môn.

6. Quan điểm và phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả đã sử dụng những quan điểm và phương pháp nghiên cứu chính sau:

6.1. Quan điểm nghiên cứu

** Quan điểm duy vật biện chứng*

Quá trình DH là mối quan hệ biện chứng giữa dạy và học. Dạy và học là những yếu tố có mối liên quan tương hỗ với nhau. Khái niệm "học" của lí luận dạy học được thiết lập trong mối quan hệ với dạy, khái niệm "dạy" được thiết lập trong mối quan hệ với việc học. Trong quá trình DH, người dạy tác động đến người học và người học tác động đến người dạy.

Mâu thuẫn giữa sự lãnh đạo, điều khiển của người dạy và yêu cầu về sự tích cực, độc lập của người học: Người học có vị thế của "đối tượng" cũng như của "chủ thể". Họ là đối tượng của sự lãnh đạo và dạy học của GV, đồng thời họ là chủ thể của quá trình tiếp thu kiến thức cho bản thân mình.

Tâm điểm của lí luận DH biện chứng là mối quan hệ biện chứng giữa hoạt động của GV và người học trong quá trình truyền thụ và lĩnh hội kiến thức được tổ chức trên cơ sở lí luận DH. Quá trình DH cần đảm bảo sự thống nhất giữa vai trò lãnh đạo, điều khiển của GV và vai trò tích cực, tự lực của người học.

Quá trình DH là mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và PPDH. Quan hệ nội dung – phương pháp là mối quan hệ tác động qua lại: Từ nội dung đến phương pháp và từ phương pháp đến nội dung. Nội dung DH quy định PPDH và PPDH xử lí nội dung DH, phương pháp là sự vận động của nội dung.

Tương tự như vậy, mối quan hệ giữa mục tiêu, nội dung, phương pháp và tổ chức DH là mối quan hệ biện chứng, có sự tác động tương hỗ và phụ thuộc lẫn nhau trong một hệ thống.

Tóm lại, nghiên cứu vận dụng quan điểm duy vật biện chứng đã giúp cho chúng tôi nhận thức một cách toàn diện, sâu sắc hơn về các mối quan hệ trong quá trình DH. Đó là các mối quan hệ chặt chẽ, biện chứng giữa GV-HS, giữa HS-HS, biện chứng giữa nội dung chương trình DH với PPDH, giữa mục tiêu với nội dung và phương pháp. Từ đó, giúp cho nghiên cứu sinh có những định hướng đảm bảo tính chính xác và khoa học trong quá trình thực hiện nghiên cứu.

** Quan điểm hệ thống*

Quá trình sư phạm bao gồm những thành tố có quan hệ với nhau trong một hệ thống, có cấu trúc nhất định và cùng vận động. Các thành tố đó là mục đích GD, nội dung, phương pháp và phương tiện GD, nhà GD, người được GD, môi trường GD,… Các yếu tố trên vận động, phát triển trong mối quan hệ biện chứng với nhau trong cùng một hệ thống. Trong đó, sự thay đổi thành phần này sẽ kéo theo sự thay đổi thành phần khác. Mục tiêu của GD hiện nay là trang bị cho HS khả năng độc lập, năng động, sáng tạo, do đó, nội dung DH, PPDH cũng phải thay đổi và cải tiến. Xu hướng cải tiến các PPDH hiện nay là nhằm phát huy hơn nữa vai trò chủ động của người học, tìm cách giúp cho HS có động cơ, thái độ, và phương pháp học tập đúng đắn. Ngoài ra, khi lựa chọn PPDH cần phải chú ý đến lứa tuổi bậc học, mức độ mục tiêu, hoạt động nhận thức của người học, môn học, nội dung bài học mà lựa chọn và sử dụng PPDH hợp lí.

Vận dụng quan điểm hệ thống đã giúp tác giả nhìn nhận vai trò, ưu nhược điểm cũng như quy trình và các kỹ thuật thảo luận nhóm của PPDH hợp tác nhóm trong hệ thống các PPDH và quá trình DH, thông qua đó tìm ra quy trình hợp lý để tổ chức các hoạt động nhận thức nhằm phát huy tính tích cực của HS và đạt được các mục tiêu đào tạo của GD. Đặc biệt, vận dụng quan điểm này để xem xét và phân tích hệ thống kiến thức, kĩ năng địa lí theo từng chương trình, nội dung Địa lí cụ thể trong DH Địa lí ở hệ thống các trường DHĐHDT, nhằm xây dựng các biện pháp vận dụng trong quá trình tổ chức thảo luận HTTN để tích cực hóa các hoạt động chiếm lĩnh tri thức của HS.

** Quan điểm công nghệ DH*

Công nghệ DH là sự sắp xếp công việc dạy và học theo một hệ thống đặc biệt được thiết kế nhằm cung cấp kiến thức cho người học theo một kết quả đã dự toán trước, điều hành quá trình DH một cách có hiệu quả để đưa người học đạt đến mục tiêu học tập đặc biệt. Công nghệ DH coi quá trình DH như một quy trình công nghệ, có mục đích rõ ràng, có đầu vào, đầu ra và có quá trình tác động. Hiện nay công nghệ DH đang là một hướng tiếp cận quan trọng để đổi mới PPDH địa lí.

Vận dụng quan điểm công nghệ DH, tác giả đã nghiên cứu, tổ chức các hoạt động nhận thức cho HS trong DH Địa lí khi sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm như: Lựa chọn các kỹ thuật thảo luận nhóm phù hợp với từng nội dung Địa lí cụ thể, với hoạt động nhận thức của HS, quá trình hướng dẫn HS thảo luận, báo cáo kết quả làm việc, thiết kế và xây dựng các bài toán nhận thức, thiết kế bài học…

Vận dụng mô hình DH thầy thiết kế, trò thi công của quan điểm này để xác định các nhiệm vụ cụ thể của GV và HS trong việc vận dụng các kỹ thuật thảo luận nhóm để tổ chức các hoạt động nhận thức trong DH Địa lí ở các trường DBĐHDT.

** Quan điểm lấy HS làm trung tâm*

Quan điểm DH lấy HS làm trung tâm là quan điểm DH, PPDH coi trọng nhu cầu, nguyện vọng, đặc điểm tâm sinh lý của người học, chú ý gợi mở để người học tự vận động tìm ra chân lý chứ không áp đặt như phương pháp truyền thống. Với quan điểm trên, vai trò của người thầy không hề bị coi nhẹ, ngược lại rất quan trọng. Nó đòi hỏi trách nhiệm và sự thành thạo nghề nghiệp của người thầy phải tăng lên rất nhiều để đảm bảo chất lượng và hiệu quả GD. Quan điểm DH lấy HS làm trung tâm là một quan điểm đúng đắn, tiến bộ, phù hợp với yêu cầu của thời đại và sự phát triển đất nước. Hình thức tổ chức lớp học được thay đổi linh hoạt cho phù hợp với hoạt động học tập trong tiết học. HS tự giác chịu trách nhiệm về kết quả học tập của mình, tham gia tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau.

Vận dụng quan điểm DH lấy người học làm trung tâm trong quá trình tổ chức các hoạt động thảo luận nhóm trong DH Địa lí ở trường DBĐHDT sẽ giúp phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo cũng như tinh thần trách nhiệm của cá nhân trước các nhiệm vụ học tập của nhóm. Đồng thời cũng phát triển được các năng lực của người học.

** Quan điểm DH theo định hướng phát triển năng lực*

DH theo quan điểm phát triển năng lực không chỉ chú ý tích cực hoá HS về hoạt động trí tuệ mà còn chú ý rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề gắn với những tình huống của cuộc sống và nghề nghiệp, đồng thời gắn hoạt động trí tuệ với hoạt

động thực hành, thực tiễn. Tăng cường việc học tập trong nhóm, đổi mới quan hệ GV – HS theo hướng cộng tác có ý nghĩa quan trọng nhằm phát triển năng lực xã hội. Bên cạnh việc học tập những tri thức và kỹ năng riêng lẻ của các môn học chuyên môn cần bổ sung các chủ đề học tập phức hợp nhằm phát triển năng lực giải quyết các vấn đề phức hợp.

Nghiên cứu, vận dụng quan điểm DH theo định hướng phát triển năng lực đã giúp tác giảđịnh hướng rõ được việc nghiên cứu thực hiện luận án phải hướng tới đổi mới PPDH, chú trọng phát triển được các năng lực của HS. Quan điểm nghiên cứu này cũng đã định hướng cho tác giả trong quá trình nghiên cứu thực hiện đề tài phải đảm bảo được các đặc trưng khoa học cơ bản sau của việc DH theo định hướng phát triển năng lực:

- DH thông qua tổ chức liên tiếp các hoạt động học tập, từ đó giúp HS tự khám phá những điều chưa biết chứ không phải thụ động tiếp thu những tri thức được sắp đặt sẵn. GV là người tổ chức và chỉ đạo HS tiến hành các hoạt động học tập như: Nhớ lại kiến thức cũ, phát hiện kiến thức mới, vận dụng sáng tạo kiến thức đã biết vào các tình huống học tập hoặc tình huống thực tiễn,...

- Chú trọng rèn luyện cho HS những tri thức phương pháp để họ biết cách khai thác tài liệu học tập, biết cách suy luận để tìm tòi và phát hiện kiến thức mới. Rèn luyện cho HS các thao tác tư duy như phân tích, tổng hợp, đặc biệt hoá, khái quát hoá, tương tự, quy lạ về quen… để dần hình thành và phát triển tiềm năng sáng tạo của họ.

- Tăng cường phối hợp học tập cá thể với học tập hợp tác theo phương châm "Tạo điều kiện cho HS nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn và thảo luận nhiều hơn". Lớp học trở thành môi trường giao tiếp thầy – trò và trò – trò nhằm vận dụng sự hiểu biết và kinh nghiệm của từng cá nhân, của tập thể trong giải quyết các nhiệm vụ học tập chung.

- Chú trọng đánh giá kết quả học tập theo mục tiêu bài học trong suốt tiến trình DH thông qua hệ thống câu hỏi, bài tập. Chú trọng phát triển kỹ năng tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của HS để tìm được nguyên nhân và nêu cách sửa chữa các sai sót.

Trong quá trình nghiên cứu, thực hiện luận án, tác giả còn sử dụng một số quan điểm dạy học khác như: Quan điểm kiến tạo nhận thức, quan điểm DH tích cực,…

6.2. Phương pháp nghiên cứu

6.2.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận

Nghiên cứu phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá, khái quát hoá các tài liệu lý thuyết về PPDH hợp tác theo nhóm ở trong nước và thế giới, tài liệu về đặc điểm HS dân tộc thiểu số, về trường DBĐHDT để xây dựng cơ sở lí luận của vấn đề nghiên cứu.

6.2.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- Phương pháp quan sát: Tác giả sử dụng hình thức quan sát trực tiếp: Dự giờ tiết học địa lí của một số GV để nhằm tìm hiểu xem GV và HS đã vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm và các kỹ thuật thảo luận nhóm trong giờ học Địa lí như thế nào?

- Phương pháp điều tra: Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi sử dụng cả hai loại điều tra: Điều tra cơ bản và điều tra xã hội học để tìm hiểu về thực trạng của việc vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm và sử dụng các kỹ thuật trong quá trình thảo luận nhóm của GV trong DH địa lí hiện nay ở các trường DBĐHDT.

- Phương pháp phỏng vấn: Tiến hành trao đổi với GV và HS các trường DBĐHDT để tìm hiểu nhận thức, thái độ của họ về những vấn đề có liên quan đến đề tài nghiên cứu.

- Phương pháp nghiên cứu sản phẩm: Nghiên cứu giáo án lên lớp của GV, vở viết và sản phẩm học tập của HS để có thêm thông tin đánh giá chính xác, khách quan thực trạng việc tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí ở trường DBĐHDT.

- Phương pháp lấy ý kiến chuyên gia: Phỏng vấn và đưa ra phiếu lấy ý kiến về việc vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm và các kĩ thuật thảo luận trong quá trình giảng dạy với các chuyên gia GD, các thầy cô giáo để thu thập ý kiến của các nhà khoa học, các GV có nhiều kinh nghiệm DH ở trường DBĐHDT nhằm tìm ra hướng nghiên cứu tối ưu.

- Phương pháp thực nghiệm sư phạm: Thực nghiệm vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm và các kỹ thuật trong thảo luận nhóm để tổ chức các hoạt động nhận thức cho HS trong DH Địa lí ở các trường DBĐHDT nhằm khẳng định bước đầu tính hiệu quả, khả thi của biện pháp đề xuất.

6.2.3. Nhóm phương pháp toán học

Sử dụng phương pháp thống kê toán học, sử dụng SPSS để xử lý các số liệu thu được từ khảo sát thực trạng và thực nghiệm sư phạm.

Sử dụng phương pháp thống kê toán học để thống kê các kết quả khảo sát thực trạng và các kết quả thu được trong quá trình tổ chức thực nghiệm của luận án. Qua thống kê mô tả và thống kê suy luận để đánh giá một cách khoa học các kết quả nghiên cứu trong luận án.

Phương pháp SPSS giúp xây dựng các bảng số liệu và các biểu đồ trực quan, khoa học và thể hiện mối quan hệ của các nội dung thu được trong quá trình điều tra khảo sát và thực nghiệm của luận án.

7. Những đóng góp của luận án

7.1. Về lý luận

- Kết quả nghiên cứu của luận án đã góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý luận về việc tổ chức DH Địa lí theo phương pháp hợp tác nhóm nói chung và DH Địa lí ở trường DBĐHDT nói riêng. Luận án góp phần làm phong phú thêm LLDH bộ môn về vấn đề vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí.

- Luận án đã đề xuất được cách thức vận dụngPPDH hợp tác theo nhóm vào chương trình DH môn Địa lí ở trường DBĐHDT.

7.2. Về thực tiễn

- Luận án đã cung cấp những số liệu điều tra, khảo sát về thực trạng tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí ở trường DBĐHDT. Đánh giá đúng thực trạng của việc tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí ở trường DBĐHDT hiện nay. Chỉ rõ nguyên nhân và các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng vấn đề nghiên cứu làm cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất các biện pháp.

- Thiết kế, tổ chức thực nghiệm một số biện pháp đề xuất. Kết quả thực nghiệm đã khẳng định tính hiệu quả và khả thi của biện pháp.

- Kết quả nghiên cứu của đề tài luận án là tài liệu tham khảo bổ ích cho GV và HS các trường DBĐHDT, cho Nghiên cứu sinh, học viên Cao học, GV THPT, cho sinh viên các trường cao đẳng và đại học sư phạm.

8. Cấu trúc luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và khuyến nghị, tài liệu tham khảo và phần phụ lục, nội dung luận án gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lí luận và thực tiễn của việc vận dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm trong dạy học Địa lí ở trường Dự bị Đại học dân tộc

Chương 2: Tổ chức dạy học hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí ở trường Dự bị Đại học dân tộc

Chương 3: Thực nghiệm sư phạm

Chương 1
CƠ SỞ LÍ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC HỢP TÁC THEO NHÓM TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÍ Ở TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC

1.1. Những vấn đề cơ bản về đổi mới giáo dục và đào tạo ở phổ thông

1.1.1. Một số quan điểm chỉ đạo đổi mới GD phổ thông

Quan điểm chỉ đạo phát triển GD của Đảng ta khẳng định: Phát triển GD phải thực sự là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lí của Nhà nước, nâng cao vai trò các tổ chức, đoàn thể chính trị, KT-XH trong phát triển GD. Đầu tư cho GD là đầu tư phát triển. Thực hiện các chính sách ưu đãi đối với GD, đặc biệt là chính sách đầu tư và chính sách tiền lương; ưu tiên ngân sách nhà nước dành cho phát triển GD phổ cập và các đối tượng đặc thù.

Việc đổi mới GD phổ thông dựa trên những đường lối, quan điểm chỉ đạo GD của Nhà nước, đó là những định hướng quan trọng về chính sách và quan điểm trong việc phát triển và đổi mới GD phổ thông. Việc đổi mới PPDH, kiểm tra đánh giá cần phù hợp với những định hướng đổi mới chung của chương trình GD.

Những quan điểm và đường lối chỉ đạo của Nhà nước về đổi mới GD nói chung và GD phổ thông nói riêng được thể hiện trong nhiều văn bản, đặc biệt trong các văn bản sau đây:

1. Luật Giáo dục số 38/2005/QH11, Điều 28 qui định: "*Phương pháp GD phổ thông phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của HS; phù hợp với đặc điểm của từng lớp học, môn học; bồi dưỡng phương pháp tự học, khả năng làm việc theo nhóm; rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn; tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho HS*".[47, 18]

2. Báo cáo chính trị Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, khẳng định:*"Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học, phương pháp thi, kiểm tra theo hướng hiện đại; nâng cao chất lượng toàn diện, đặc biệt coi trọng giáo dục lý tưởng, giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng, đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, tác phong công nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội"*.[Trích Báo cáo Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng]

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo *"Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện*

đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT và truyền thông trong dạy và học"; *"Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả GD, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan. Việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo cần từng bước theo các tiêu chí tiên tiến được xã hội và cộng đồng giáo dục thế giới tin cậy và công nhận. Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối kỳ, cuối năm học; đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học; đánh giá của nhà trường với đánh giá của gia đình và của xã hội".*

3. Chiến lược phát triển GD giai đoạn 2011 – 2020 ban hành kèm theo Quyết định 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ chỉ rõ: "*Tiếp tục đổi mới PPDH và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo và năng lực tự học của người học"; "Đổi mới kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, kỳ thi tuyển sinh ĐH, CĐ theo hướng đảm bảo thiết thực, hiệu quả, khách quan và công bằng; kết hợp kết quả kiểm tra đánh giá trong quá trình GD với kết quả thi".*

Để cụ thể hóa từng bước trong chiến lược phát triển KT-XH giai đoạn 2011-2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 22/1/2011 về "*Phê duyệt quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020"*, định hướng đào tạo và nhu cầu nhân lực của 5 vùng kinh tế của cả nước trong đó có vùng Trung du miền núi phía Bắc - địa bàn cư trú của hầu hết đồng bào dân tộc ít người. Theo đó, đến năm 2020, tổng số nhân lực làm việc của vùng khoảng 8,5 triệu lao động. Giai đoạn 2011-2020, cần tập trung đào tạo nhân lực cho các ngành, lĩnh vực mũi nhọn, chủ lực của vùng là: Sản xuất, chế biến nông sản, công nghiệp chế biến khoáng sản, thủy điện, công nghiệp cơ khí, du lịch, kinh tế cửu khẩu…Để hoàn thành được mục tiêu chiến lược đó, đòi hỏi ngành GD cùng toàn thể hệ thống chính trị xã hội cùng chung tay, góp sức. Trong đó, phải kể tới vai trò đặc biệt quan trọng của hệ thống các trường DBĐHDT. Thực hiện đường lối, chính sách dân tộc của đảng và Nhà nước trong lĩnh vực GD và đào tạo, các trường DBĐHDT có nhiệm vụ, bổ túc, nâng cao trình độ văn hóa cho HS là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa đặc biệt khó khăn có đủ kiến thức để vào học các trường ĐH, CĐ trong cả nước. Chính vì vậy, hệ thống các trường

DBĐHDT là cái nôi bồi dưỡng kiến thức, góp phần đào tạo đội ngũ cán bộ người dân tộc có trình độ cao cho các tỉnh miền núi nước ta.

Chính vì vậy, thực hiện *đổi mới căn bản, toàn diện nền GD* là nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân trong bối cảnh và yêu cầu mới của thời đại, nhằm *"tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả GD, đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân. GD con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả".* [53, 3]

1.1.2. Đổi mới nội dung chương trình DH phổ thông

Hiện nay, chương trình DH nói chung và chương trình DH Địa lí ở hệ DBĐHDT nói riêng chủ yếu vẫn đang là chương trình DH truyền thống - chương trình GD *"định hướng nội dung"*DH hay *"định hướng đầu vào" (điều khiển đầu vào)*. Đặc điểm cơ bản của chương trình GD định hướng nội dung là chú trọng việc truyền thụ hệ thống tri thức khoa học theo các môn học đã được quy định trong chương trình DH. Những nội dung của các môn học này dựa trên các khoa học chuyên ngành tương ứng. Người ta chú trọng việc trang bị cho người học hệ thống tri thức khoa học khách quan về nhiều lĩnh vực khác nhau. Ưu điểm của chương trình DH định hướng nội dung là truyền thụ cho người hệ thống tri thức một cách khoa học và hệ thống. Tuy nhiên, chương trình GD định hướng nội dung chưa chú trọng đầy đủ đến chủ thể người học cũng như đến khả năng ứng dụng tri thức đã học trong những tình huống thực tiễn. Mục tiêu DH trong chương trình định hướng nội dung được đưa ra một cách chung chung, việc quản lý chất lượng GD ở đây tập trung vào "điều khiển đầu vào" là nội dung DH.

Do vậy, chương trình DH định hướng nội dung không còn thích hợp do những nguyên nhân chủ yếu sau:

- Tri thức thay đổi và bị lạc hậu nhanh chóng, việc quy định cứng nhắc những nội dung chi tiết trong chương trình DH dẫn đến tình trạng nội dung chương trình DH nhanh bị lạc hậu so với tri thức hiện đại. Do đó việc rèn luyện phương pháp học tập ngày càng có ý nghĩa quan trọng trong việc chuẩn bị cho người học có khả năng học tập suốt đời.

- Chương trình DH định hướng nội dung dẫn đến xu hướng việc kiểm tra đánh giá chủ yếu dựa trên việc kiểm tra khả năng tái hiện tri thức mà không định hướng vào khả năng vận dụng tri thức trong những tình huống thực tiễn.

- Do PPDH mang tính thụ động và ít chú ý đến khả năng ứng dụng nên sản phẩm GD là những con người mang tính thụ động, hạn chế khả năng sáng tạo và

năng động. Do đó chương trình GD này không đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội và thị trường lao động đối với người lao động về năng lực hành động, khả năng sáng tạo và tính năng động.

Khác với chương trình định hướng nội dung truyền thống, chương trình DH định hướng năng lực tập trung vào việc mô tả chất lượng đầu ra, có thể coi là "sản phẩm cuối cùng" của quá trình DH, hình thành và phát triển các năng lực cho HS đáp ứng yêu cầu từ thực tiễn. Chương trình DH định hướng năng lực không quy định những nội dung DH chi tiết mà quy định những kết quả đầu ra mong muốn của quá trình GD. Trên cở sở đó, chương trình đưa ra những hướng dẫn chung về việc lựa chọn nội dung, phương pháp, tổ chức và đánh giá kết quả DH nhằm đảm bảo thực hiện được mục tiêu DH tức là đạt được kết quả đầu ra mong muốn. Trong chương trình định hướng năng lực, mục tiêu học tập, tức là kết quả học tập mong muốn thường được mô tả thông qua hệ thống các năng lực (Competency). Kết quả học tập mong muốn được mô tả chi tiết và có thể quan sát, đánh giá được. HS cần đạt được những kết quả yêu cầu đã quy định trong chương trình. Việc đưa ra các chuẩn đào tạo cũng là nhằm đảm bảo quản lý chất lượng GD theo định hướng kết quả đầu ra.

Ưu điểm của chương trình GD định hướng năng lực là tạo điều kiện quản lý chất lượng theo kết quả đầu ra đã quy định, nhấn mạnh năng lực vận dụng của HS. Tuy nhiên nếu vận dụng một cách thiên lệch, không chú ý đầy đủ đến nội dung DH thì có thể dẫn đến các lỗ hổng tri thức cơ bản và tính hệ thống của tri thức. Ngoài ra chất lượng GD không chỉ thể hiện ở kết quả đầu ra mà còn phụ thuộc quá trình thực hiện.

Vì vậy, yêu cầu đặt ra là phải từng bước chuyển từ chương trình GD theo định hướng nội dung sang chương trình GD theo định hướng năng lực nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện nền GD, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong xu thế hội nhập sâu rộng của nền KT-XH đất nước. Trước khi chuyển sang chương trình GD theo năng lực, thì việc áp dụng các PPDH tích cực, trong đó có PPDH hợp tác theo nhóm trong chương trình GD định hướng nội dung như hiện nay sẽ góp phần vàođổi mới PPDH và từng bước hình thành và phát triển các năng lực cho HS như năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...Đây là vấn đề thực sự có ý nghĩa thiết thực trong quá trình GD cho HS nói chung cũng như GD cho đối tượng HS dân tộc nói riêng ở hệ thống các trường DBĐHDT hiện nay. Từ đó, từng bước giúp HS tiếp cận dần với phương pháp học tập và GD ở bậc ĐH đó là luôn coi trọng việc bồi dưỡng năng lực tự học, tự nghiên cứu, tạo điều kiện cho người học phát triển tư duy

sáng tạo, rèn luyện kỹ năng thực hành, tham gia nghiên cứu, thực nghiệm, ứng dụng kiến thức vào thực tiễn.

1.1.3. Đổi mới PPDH nhằm chú trọng phát triển năng lực của HS

Cùng với đổi mới nội dung, chương trình tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, phát triển năng lực sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. [53].

Đổi mới PPDH theo quan điểm phát triển năng lực không chỉ chú ý tích cực hoá HS về hoạt động trí tuệ mà còn chú ý rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề gắn với những tình huống của cuộc sống và nghề nghiệp, đồng thời gắn hoạt động trí tuệ với hoạt động thực hành, thực tiễn. Tăng cường việc học tập trong nhóm, đổi mới quan hệ GV – HS theo hướng cộng tác có ý nghĩa quan trọng nhằm phát triển năng lực xã hội. Bên cạnh việc học tập những tri thức và kỹ năng riêng lẻ của các môn học chuyên môn cần bổ sung các chủ đề học tập phức hợp nhằm phát triển năng lực giải quyết các vấn đề phức hợp.

- Những định hướng chung, tổng quát về đổi mới PPDH theo định hướng phát triển năng lực là:

+ Phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động của người học, hình thành và phát triển năng lực tự học.Trên cơ sở đó, trau dồi các phẩm chất linh hoạt, độc lập, sáng tạo của tư duy.

+ Chọn lựa một cách linh hoạt các phương pháp chung và phương pháp đặc thù của môn học để thực hiện. Tuy nhiên, dù sử dụng bất kỳ phương pháp nào cũng phải đảm bảo được nguyên tắc "HS tự mình hoàn thành nhiệm vụ nhận thức với sự tổ chức, hướng dẫn của GV".

+ Việc sử dụng PPDH gắn chặt với các hình thức tổ chức DH. Tuỳ theo mục tiêu, nội dung, đối tượng và điều kiện cụ thể mà có những hình thức tổ chức thích hợp như học cá nhân, học nhóm, học trong lớp, học ở ngoài lớp... Cần chuẩn bị tốt về phương pháp đối với các giờ thực hành để đảm bảo yêu cầu rèn luyện kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn, nâng cao hứng thú cho người học.

+ Cần sử dụng đủ và hiệu quả các thiết bị DH môn học tối thiểu đã qui định. Có thể sử dụng các đồ dùng DH tự làm nếu xét thấy cần thiết với nội dung học và phù hợp với đối tượng HS. Tích cực ứng dụng CNTT trong DH.

- Việc đổi mới PPDH được thể hiện qua bốn đặc trưng cơ bản sau: (1)DH thông qua tổ chức liên tiếp các hoạt động học tập; (2) Chú trọng rèn luyện cho HS những tri thức phương pháp để họ biết cách tự học; (3) Tăng cường phối hợp học tập cá thể với học tập hợp tác theo phương châm "tạo điều kiện cho HS nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn và thảo luận nhiều hơn"; (4) Chú trọng đánh giá kết quả học tập theo mục tiêu bài học trong suốt tiến trình DH.

- Đổi mới PPDH theo định hướng phát triển năng lực của HS trên cơ sở cải tiến các PPDH truyền thống, kết hợp đa dạng các PPDH; Kết hợp đa dạng các PPDH; Vận dụng DH theo tình huống;Vận dụng DH định hướng hành động; DH giải quyết vấn đề; Tăng cường sử dụng phương tiện DH và CNTT hợp lý trong DH; Sử dụng các kỹ thuật DH phát huy tính tích cực và sáng tạo; Tăng cường các PPDH đặc thù bộ môn và bồi dưỡng phương pháp học tập tích cực cho HS.

Đổi mới PPDH theo định hướng phát triển năng lực HS cần gắn liền với đổi mới về đánh giá quá trình DH cũng như đổi mới việc kiểm tra và đánh giá thành tích học tập của HS theo hướng tiếp cận năng lực. Định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS theo hướng đánh giá năng lực có thể tổng hợp trong một số dấu hiệu cơ bản như sau:

Bảng 1.1.Tiêu chí đánh giá năng lực HS trong quá trình DH [53, 38].

Tiêu chí	Đánh giá năng lực
1.Mục đích chủ yếu	- Đánh giá khả năng HS vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết vấn đề thực tiễn của cuộc sống. - Vì sự tiến bộ của người học so với chính họ.
2.Ngữ cảnh đánh giá	Gắn với ngữ cảnh học tập và thực tiễn cuộc sống của HS.
3.Nội dung đánh giá	- Những kiến thức, kỹ năng, thái độ ở nhiều môn học, nhiều hoạt động GD và những trải nghiệm của bản thân HS trong cuộc sống xã hội. - Quy chuẩn theo các mức độ phát triển năng lực của người học.
4.Công cụ đánh giá	Nhiệm vụ, bài tập trong tình huống, bối cảnh thực.
5.Thời điểm đánh giá	Đánh giá mọi thời điểm của quá trình DH, chú trọng đến đánh giá trong khi học.
6.Kết quả đánh giá	- Năng lực người học phụ thuộc vào độ khó của nhiệm vụ hoặc bài tập đã hoàn thành. - Thực hiện được nhiệm vụ càng khó, càng phức tạp hơn sẽ được coi là có năng lực cao hơn.

Như vậy, với các định hướng GD của nước ta hiện nay, thì việc đổi mới PPDH để phát huy được các năng lực của HS là biện pháp quan trọng và đòi hỏi các môn học ở nhà trường phổ thông nói chung, trường DBĐHDT nói riêng phải tích cực hơn nữa trong việc đổi mới PPDH sao cho " HS được trao đổi nhiều hơn, suy nghĩ nhiều

hơn". Có như vậy mới có khả năng đạt được các mục tiêu của quá trình đổi mới GD, nhất là góp phần phát triển cho HS các năng lực như năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác làm việc theo nhóm, năng lực sáng tạo, giải quyết vấn đề, năng lực tự học.

1.2. Phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm

1.2.1. Khái niệm PPDH hợp tác theo nhóm

a. Nhóm và hợp tác

Theo từ điển Tiếng Việt thì nhóm được hiểu là *tụ, họp lại của một ít người*. Còn hợp tác *là họp lại làm việc với nhau*. Nhóm có thể được hiểu là tập hợp những con người có hành vi tương tác lẫn nhau, để thực hiện các mục tiêu (chung và riêng) và thoả mãn các nhu cầu cá nhân.

Trong cuốn *Giải thích thuật ngữ Tâm lí giáo dục học* của tác giả Trần Hồng Cẩm - Cao Văn Đán – Lê Hải Yến thì *nhóm*: là tập hợp của nhiều các nhân có chung mục tiêu và ảnh hưởng lẫn nhau.

Theo tác giả Thái Duy Tuyên, quan niệm hợp tác là: Có *mục đích chung* trên cơ sở cùng có lợi; *Bình đẳng*, tin tưởng lẫn nhau và *tự nguyên* hoạt động; Phụ thuộc lẫn nhau trên cơ sở *trách nhiệm cá nhân cao*; Cùng chung sức, giúp đỡ hỗ trợ và *bổ sung* cho nhau. [72, 409]

b. Học hợp tác theo nhóm

Học hợp tác theo nhóm là hình thức HS làm việc cùng nhau trong nhóm nhỏ để hoàn thành công việc chung và các thành viên trong nhóm có quan hệ phụ thuộc lẫn nhau, giúp đỡ nhau để giải quyết các vấn đề khó khăn của nhau. Khi làm việc cùng nhau, HS học cách làm việc chung, cho và nhận sự giúp đỡ, lắng nghe người khác, hoà giải bất đồng và giải quyết vấn đề theo hướng dân chủ. Đây là hình thức học tập giúp HS ở mọi cấp học phát triển cả về quan hệ xã hội lẫn thành tích học tập. Học hợp tác theo nhóm có các yếu tố: Quan hệ phụ thuộc tích cực (Positive Interdependence), trao đổi động viên (Promotive Interaction), trách nhiệm cá nhân (Individual Accountability), kỹ năng giao tiếp và kỹ năng học nhóm (Interpersonal and Small Group Skills), đánh giá quá trình làm việc của nhóm (Group Processing).

Học tập hợp tác hay học tập hợp tác theo nhóm với tên tiếng Anh "Cooperative Learning" hay "Cooperative Learning Groups", theo nghĩa Tiếng Việt là học tập hợp tác, nhóm học tập hợp tác nhằm nhấn mạnh đến vai trò chủ thể của HS trong DH và được coi là một PPDH. [9, 92]

Học tập hợp tác là HS hợp tác làm việc theo nhóm để hoàn thành một mục tiêu chung. Trong điều kiện đó bao gồm 5 yếu tố sau: Sự phụ thuộc lẫn nhau một

cách tích cực; Sự tiếp xúc trực tiếp thúc đẩy sự hợp tác, giúp đỡ nhau học tập, ủng hộ những thành công và cố gắng của nhau; Trách nhiệm với tư cách "tôi" và với tư cách "chúng ta". Mỗi thành viên phấn đấu hoàn thành các mục tiêu cho mình và cho tập thể của mình; Các kĩ năng trong một nhóm nhỏ và giữa các cá nhân với nhau: Giao lưu, tin tưởng, có sự nhất trí về đường hướng, cùng nhau quyết định và giải quyết các mâu thuẫn; Quá trình thành lập nhóm: Cho biết nhóm có chức năng gì và làm thế nào để thực hiện chức năng đó? [61, 108]

c. PPDH hợp tác theo nhóm

Dạy học nhóm là một hình thức xã hội của DH, trong đó HS của một lớp học được chia thành các nhóm nhỏ trong khoảng thời gian giới hạn, mỗi nhóm tự lực hoàn thành các nhiệm vụ trên cơ sở phân công và hợp tác làm việc. Kết quả làm việc của nhóm sau đó được trình bày và đánh giá trước toàn lớp.

Dạy học hợp tác theo nhóm là một hoạt động học tập có sự phân chia HS theo từng nhóm nhỏ với đủ thành phần khác nhau về trình độ, cùng trao đổi ý tưởng, nguồn gốc kiến thức dựa trên cơ sở là hoạt động tích cực của từng cá nhân. Từng thành viên trong nhóm không chỉ có trách nhiệm với việc học tập của mình mà còn có trách nhiệm quan tâm đến việc học tập của bạn bè trong nhóm.

PPDH hợp tác theo nhóm là một trong những xu hướng DH hiện đại nhằm sử dụng trí tuệ tập thể của HS để thực hiện nhiệm vụ học tập. Thông qua PPDH này, HS được trao đổi, tranh luận, giải quyết vấn đề, chiếm lĩnh tri thức khoa học, vận dụng được kiến thức đã học để rèn luyện kĩ năng, kĩ xảo.

Theo D.Johnson, R. Johnson và Holubec (1990), quan điểm của ông vềPPDH hợp tác theo nhóm là toàn bộ những hoạt động học tập mà HS thực hiện cùng nhau trong các nhóm, trong hoặc ngoài phạm vi lớp học với 5 đặc điểm quan trọng nhất mà mỗi giờ học hợp tác phải đảm bảo được là: sự phụ thuộc lẫn nhau một cách tích cực; ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân; sự tác động qua lại; các năng lực xã hội và đánh giá nhóm. [60, 108]

Theo J.Cooper và các tác giả khác (1990) PPDH hợp tác theo nhóm là một chiến lược học tập có cấu trúc, có chỉ dẫn một cách có hệ thống, được thực hiện cùng nhau trong các nhóm nhỏ, nhằm đạt được nhiệm vụ chung.

Tác giả Giselle O Martin Kniep cho rằng PPDH hợp tác theo nhóm là một chiến lược DH nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, trong đó các thành viên tham gia hoạt động và học tập cùng nhau trong những nhóm nhỏ và giữa các nhóm với nhau nhằm mục đích phát triển sự hiểu biết và rèn luyện phong cách sống cho HS [26].

Tác giả Trần Bá Hoành cho rằng PPDH hợp tác theo nhóm là một trong những chiến lược DH theo hướng lấy HS làm trung tâm [28].

Tác giả Đặng Văn Đức - Nguyễn Thu Hằng, định nghĩa*: PPDH hợp tác theo nhóm làphương pháp trong đó nhóm lớn (lớp học) được chia thành những nhóm nhỏ, trong đó tất cả các thành viên trong lớp đều được làm việc và trao đổi ý kiến để đưa ra ý kiến chung của nhóm mình về một vấn đề nào đó. Phương pháp này đặt HS vào môi trường học tập (nghiên cứu, thảo luận, tranh luận...) theo các nhóm HS.* [22,146]

PPDH theo nhóm nhỏ, theo tác giả Phan Trọng Ngọ, định nghĩa: *là phương pháp trong đó nhóm lớn (lớp học)được chia thành các nhóm nhỏ để tất cả các thành viên trong lớp đều được làm việc và thảo luận về một chủ đề cụ thể và đưa ra ý kiến chung của nhóm mình về vấn đề đó.*[54, 223]

Những định nghĩa, quan điểm trên tuy có một số ít khác biệt do tiếp cận ở góc độ cách thức tổ chức, về vai trò của PPDH này. Tuy nhiên, giữa DH hợp tác với PPDH hợp tác theo nhóm và PPDH theo nhóm nhỏ đều có bản chất giống nhau và có các điểm cơ bản sau: để HS hợp tác cần phải chia nhóm nhỏ, đặt HS vào trong môi trường học tập hợp tác (làm việc cá nhân, tranh luận, thảo luận, thống nhất,..), có tình huống học tập, có vấn đề để HS trao đổi.

Trên cơ sở kế thừa các định nghĩa và các quan điểm về PPDH hợp tác theo nhỏ, kết hợp với việc xem xét dấu hiệu bản chất của loại hình dạy học này, chúng tôi quan niệm: " *PPDH hợp tác theo nhóm là phương pháp GV chia HS trong lớp (nhóm lớn) thành các nhóm nhỏ sao cho tất cả các thành viên trong lớp đều được làm việc, thảo luận và hợp tác với nhau để đưa ra ý kiến chung của nhóm mình về vấn đề đó".*

1.2.2. Cơ sở khoa học của PPDH hợp tác theo nhóm

Lí luận DH hiện đại là cơ sở khoa học cho việc sử dụng PPDH theo nhóm trong dạy học. Trong thế kỉ XX và những năm đầu của thế kỉ XXI, rất nhiều lí thuyết học tập mới đã ra đời để đáp ứng sự đổi mới của GD. Các lí thuyết học tập đều tìm cách giải thích cơ chế của việc học tập, làm cơ sở để tổ chức và thực hiện tối ưu quá trình học tập của HS. Có rất nhiều mô hình lí thuyết khác nhau, trong đó có một số thuyết học tập làm cơ sở cho việc sử dụng PPDH theo nhóm trong DH. Đó là thuyết học tập mang tính xã hội, thuyết giải quyết mâu thuẫn, thuyết hợp tác tập thể và thuyết dạy lẫn nhau.

1) Thuyết học tập mang tính xã hội

Thuyết này được xây dựng trên nguyên tắc phổ biến là người học sẽ nỗ lực đối với những nhiệm vụ mà các em sẽ được khen thưởng sau khi hoàn thành nhiệm vụ và các em không được khen mà bị chê thì chúng sẽ không bao giờ cố gắng.

Tư tưởng chính của thuyết này là khi cá nhân làm việc cùng nhau hướng tới mục tiêu chung thì sự phụ thuộc lẫn nhau thúc đẩy họ hoạt động tích cực hơn để đạt đến sự thành công. Các thành viên trong nhóm có xu hướng giúp đỡ lẫn nhau để có thể vươn tới sự thống nhất. Thuyết này đã được áp dụng rộng rãi trong nhà trường ở tất cả các cấp học. Nhiều thực nghiệm đã chứng minh các mô hình học tập xây dựng trên thuyết học tập này đã mang lại kết quả vượt hẳn các cách học truyền thống.

Theo Bandura (1977), điểm chính của lí thuyết học tập mang tính xã hội là người học có thể nâng cao kiến thức của học và sự ghi nhớ tri thức bằng cách quan sát và mô phỏng những hành vi tích cực, thái độ và sự phản ứng của những người khác. Sự phát triển nhân cách là kết quả của sự tương tác hỗ tương liên tục giữa ba thành tố: môi trường, hành vi và tiến trình tâm lí của con người. Lí thuyết học tập xã hội kết nối với thuyết hành vi và nhận thức, vì nó nhấn mạnh đến vai trò trung tâm của học tập xã hội. Sự tương tác tương hỗ giữa các nhân tố: cá nhân HS, môi trường và hành vi là những thành tố được nhận thấy trong thực tiễn của học tập hợp tác. Bởi vì, lí thuyết này cho rằng, con người học nhiều hơn thông qua quan sát và bắt chước những hành vi, khát khao của người khác nên một mối tương quan có ý nghĩa được tìm thấy giữa thuyết này và thực tiễn của học tập hợp tác.[Dẫn theo 20]

Vì vậy, khi tổ chức cho HS học tập làm việc theo nhóm, GV cần phải đặc biệt quan tâm tư tưởng chính của mô hình này là khi cá nhân làm việc cùng nhau hướng tới mục tiêu chung thì sự phụ thuộc lẫn nhau thúc đẩy họ hoạt động tích cực hơn để đạt đến sự thành công. Các thành viên trong nhóm có xu hướng giúp đỡ lẫn nhau để có thể vươn tới sự thống nhất. Đó cũng là tư tưởng, tính tích cực của dạy học HTTN.

2) Thuyết Piagie "sự giải quyết mâu thuẫn"

Jean Piaget (1896 – 1980) cho rằng: trong khi tương tác cùng nhau, mâu thuẫn nhận thức xã hội xuất hiện đã tạo ra sự mất cân bằng về nhận thức giữa mọi người. Các cuộc tranh luận diễn ra liên tục và được giải quyết. Trong quá trình đó, những lí lẽ, những lập luận chưa đầy đủ sẽ được bổ sung và đều chỉnh. Như vậy, học là một quá trình xã hội, trong đó con người liên tục đấu tranh giải quyết các mâu thuẫn nhận thức.[Dẫn theo 44]

Xuất phát từ thực tiễn trên, Piaget đã đề ra thuyết Sự giải quyết mâu thuẫn để thúc đẩy sự phát triển trí tuệ cho HS, GV sắp đặt từng đôi HS thành một nhóm,

trong đó mỗi em có quan điểm đối lập với em kia về câu trả lời cho nội dung học tập. GV yêu cầu từng cặp hai em này hoạt động cùng nhau cho đến khi nhất trí hoặc có câu trả lời chung thì đi đến kết luận của bài học. Mỗi lần các em đồng ý GV kiểm tra riêng từng em và luôn thấy rằng những em lúc đầu không nắm vững vấn đề thì bây giờ có thể tự mình giải quyết một cách đúng đắn, không khác với cách giải quyết của bạn mình.

Đôi khi GV cũng dạy trẻ theo từng đôi một nhằm giúp trẻ bắt chước cách giải quyết vấn đề đúng, hoặc cũng có thể dạy một trẻ với sự chứng kiến của những trẻ khác để chúng tìm ra những nguyên nhân và con đường phát triển. Có nghĩa là GV đưa trẻ vào các tình huống xã hội làm xuất hiện các quan điểm mâu thuẫn với nhau và tìm cách giải quyết.

3) Thuyết Vưgôtxky "sự hợp tác tập thể"

L.X.Vưgôtxky (1896 - 1934), nhà tâm lí học người Nga với thuyết Sự hợp tác tập thể, lí thuyết này cho rằng, sự tương tác xã hội làm cho tư duy và hành động của trẻ từng bước từng bước thay đổi một cách liên tục. Về cơ bản, lí thuyết của ông cho rằng, sự phát triển hoàn toàn phụ thuộc vào sự tương tác giữa người với người. Có ba con đường mà qua đó kiến thức được truyền đạt từ người này sang người khác. Thứ nhất là học tập bằng cách bắt chước, khi một người cố gắng bắt chước hay sao chép lại những suy nghĩ, hành vi của người khác. Thứ hai là nhờ sự dạy dỗ, hướng dẫn, cách học này liên quan đến việc ghi nhớ những hướng dẫn, chỉ bảo của GV và sau đó người học dùng những hướng dẫn này mà tự điều chỉnh bản thân. Cuối cùng là học tập hợp tác, cách học này liên quan đến việc một nhóm người cố gắng hiểu nhau và làm việc chung với nhau để học những kĩ năng cụ thể.[Dẫn theo 44]

Theo thuyết này, mọi chức năng tâm lí cao cấp đều có nguồn gốc xã hội và xuất hiện trước hết ở cấp độ liên cá nhân, trước khi được chuyển vào trong và tồn tại ở cấp độ nội cá nhân. Phải làm sao kích thích và thức tỉnh quá trình chuyển vào trong và hoạt động bên trong của trẻ. Những quá trình như vậy chỉ xảy ra khi có quan hệ với những người xung quanh và sự hợp tác với bạn bè. "*Điều trẻ cùng làm với nhau hôm nay, chúng sẽ tự làm được vào ngày mai*" [72, 418]. Vưgôtxky cũng đã cho rằng học là một hành động tự nhiên của xã hội, trong quá trình học các thành viên phải thảo luận với nhau. Qua việc thảo luận hình thành nên học tập.

4) Thuyết khoa học nhận thức mới: "dạy lẫn nhau"

Phương pháp này được Palincsar và Brown (1984) xây dựng và phát triển. Theo phương pháp này thì HS và GV thay phiên nhau đóng vai trò là người dạy sau khi cùng nghiên cứu tài liệu học tập. GV làm mẫu đưa ra cách thức nêu ra các vấn đề, đặt các câu hỏi, cách trả lời, cách bình luận, cách tìm ngôn ngữ để diễn đạt chính xác, thích hợp nội dung kiến thức, khái quát và rút ra các kết luận…HS học cách làm của GV và áp dụng vào trong nhóm học tập của mình. Khi HS đóng vai trò người dạy, GV huấn luyện cẩn thận cho những HS này những kĩ năng hướng dẫn cần thiết. Tiếp đó, trong các nhóm, HS thay nhau luân phiên dẫn dắt cuộc thảo luận, người dẫn dắt nêu các câu hỏi, tóm lược các đoạn…Các thành viên khác của nhóm tham gia vào thảo luận bằng cách nêu câu hỏi, trả lời, bình luận, tìm các từ ngữ chính xác, thích hợp, khái quát và rút ra những kết luận. Vai trò của từng thành viên được luân phiên thay đổi.

1.2.3. Ưu và nhược điểm của PPDH hợp tác theo nhóm

** Ưu điểm*

Sự hợp tác là một yếu tố không thể thiếu trong suốt cuộc đời của mỗi con người và đóng vai trò quan trọng, nó quyết định đến sự thành bại của mỗi cá nhân trong xã hội. Chính vì vậy, học tập HTTN có những ưu điểm quan trọng và nổi bật sau:

- Học tập HTTN nâng cao kết quả học tập, tạo ra những thành công trong học tập, quá trình trao đổi nhóm trong học hợp tác nhóm đã làm tăng khả năng khám phá và phát triển các thao tác tư duy trong quá trình nhận thức. Trong PPDH hợp tác theo nhóm luôn luôn nảy sinh những yếu tố như: mâu thuẫn giữa các tư tưởng, quan điểm, đưa ra kết luận, cơ sở lí luận về những thông tin tiếp nhận được của các thành viên trong nhóm. Giải quyết được những mâu thuẫn trên sẽ tạo điều kiện để phát triển động cơ học tập như một tiền đề để nâng cao kiến thức, thấu hiểu các khái niệm và việc lưu giữ các kiến thức cũng sẽ bền vững hơn. Sự trao đổi giữa các thành viên trong học tập hợp tác nhóm sẽ tạo điều kiện cho các thông tin được xuất hiện nhiều lần, được nói ra, được giải thích, được tích hợp và được cung cấp hợp tác. Trong các nhóm học tập hợp tác, xu thế xem xét, cân nhắc, phản hồi, khuyến khích học tập luôn tồn tại. Sự chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức giữa HS có năng lực khác nhau sẽ làm phong phú thêm kinh nghiệm học tập.

- Tăng cường khả năng tư duy phê phán, vì HS khi học tập hợp tác nhóm phải nắm bắt, kiểm tra, đánh giá thông tin một cách hợp lí, áp dụng chúng một cách phù hợp và sáng tạo. Học tập hợp tác nhóm nâng cao khả năng tần số thực hành, các thao tác tư duy cao hơn nhiều so với các phương pháp khác.

- Học tập hợp tác nhóm sẽ tăng cường thái độ tích cực với môn học trên cả hai mặt đó là kinh nghiệm truyền đạt kiến thức cũng như duy trì động cơ học tập đối với môn học.

- Nâng cao năng lực hợp tác giữa các HS với nhau. Đây là phẩm chất tối quan trọng trong việc chuẩn bị những công dân tương lai của xã hội có tính phụ thuộc lẫn nhau cao và xu thế khu vực hóa, toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ.

- Tạo ra tâm lí lành mạnh, yêu thương lẫn nhau và có tinh thần trách nhiệm. Tham gia vào học tập hợp tác trong các nhóm HS được rèn luyện những phẩm chất tâm lí tốt như: tình cảm chín chắn, trung thực lạc quan, giúp đỡ, động viên, hỗ trợ lẫn nhau. Rèn luyện ý thức tự giác và tính trách nhiệm với các thành viên trong nhóm và với chính bản thân. Rèn các kĩ năng giao tiếp như: biết chờ đợi đến lượt; tóm tắt và xử lí thông tin; biết xây dựng niềm tin như bày tỏ sự ủng hộ qua ánh mắt nụ cười, yêu cầu giải thích, giúp đỡ và sẵn sàng giúp đỡ; khả năng giải quyết bất đồng như kiềm chế bực tức, không làm xúc phạm người khác khi bất đồng ý kiến... Đây là những kĩ năng không thể thiếu được và giúp người học thành công khi làm việc theo nhóm. Nếu không sẽ dễ xảy ra tình trạng người học chỉ đơn giản là ngồi cạnh nhau, làm việc cá nhân chứ không cùng nhau học và làm việc hợp tác. Do đó, để nhóm thực sự là môi trường làm việc hợp tác giữa người học với nhau đòi hỏi phải có sự chuẩn bị cẩn thận và trải qua một quá trình rèn luyện.

- Phát triển năng lực lãnh đạo, tổ chức. Trong quá trình học tập hợp tác, HS được thay đổi vai trò làm nhóm trưởng, thư kí từ đó giúp hình thành năng lực lãnh đạo, quản lí của người lao động.

- Giúp tăng cường đánh giá đồng đẳng và tự đánh giá trong nhóm. Để góp phần tăng hiệu quả làm việc của nhóm, GV tổ chức cho HS có thể đánh giá định kì và thường xuyên về tiến độ thực hiện nhiệm vụ của nhóm mình đồng thời đánh giá nhóm bạn. Qua đó năng lực đánh giá và tự đánh giá của HS được hình thành và phát triển.

- Học tập hợp tác theo nhóm còn góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời kì hội nhập và đổi mới đất nước. Các chuyên gia Liên Hiệp Quốc tham gia nghiên cứu về nguồn nhân lực Việt Nam họ cùng có chung một nhận định: *Người Việt Nam rất thông minh và cần cù lao động, chỉ tiếc rằng họ không biết làm việc theo êkip*. Đó là các kĩ năng giải quyết vấn đề, giao tiếp và đặc biệt là tinh thần đồng đội. Như vậy, rõ ràng hiện nay, HS và sinh viên của chúng ta khi ra trường chưa đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu của nhà tuyển dụng vì thế ngay

từ khi HS vẫn ngồi trong ghế nhà trường chúng ta nên rèn cho các em kĩ năng học tập và làm việc trên cơ sở hợp tác theo nhóm. Điều này, lại có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với HS là người dân tộc đang học tập ở các trường DBĐHDT, vì phần lớn HS đều đến từ các địa phương thuộc vùng sâu, vùng xa, điều kiện KT-XH còn nhiều khó khăn, bất cập.

Có thể nói, sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH sẽ phát huy được tính tích cực, tự giác, chủ động và sáng tạo của HS thông qua các hoạt động học tập; hình thành và phát triển các kỹ năng xã hội; bồi dưỡng cho HS một số phương pháp nghiên cứu như: Thu thập, xử lí số liệu, khai thác tài liệu tham khảo, phân tích, đánh giá các tài liệu; thay đổi quan điểm của cá nhân nhờ cách lập luận lôgic trên cơ sở những sự kiện, thông tin của HS khác trong lớp. Các thành viên của nhóm cần nhận thức rằng, họ cùng trong một nhóm và họ có sự phụ thuộc lẫn nhau. Cả nhóm phải cùng hoàn thành một nhiệm vụ chung. Chính vì vậy, mỗi thành viên cần phải cố gắng hết sức mình, không phải chỉ vì thành tích cá nhân, mà còn vì thành công của cả nhóm, cái được tạo nên từ sự cố gắng của từng người và trở thành niềm vui chung của tất cả. Họ gắn kết với nhau theo phương thức mỗi người cũng như toàn nhóm không thể thành công nếu mỗi thành viên không cố gắng hoàn thành trách nhiệm của mình.

Quá trình hợp tác thảo luận dưới sự tổ chức, hướng dẫn, điều khiển của GV, tạo mối quan hệ hai chiều giữa GV và HS, giúp GV nắm rõ hiệu quả GD về mặt nhận thức, thái độ, quan điểm xu hướng hành vi của HS để điều chỉnh PPDH phù hợp, từ đó việc dạy và học đạt hiệu quả cao. GV có cơ hội tận dụng các ý kiến và kinh nghiệm từ người học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho bản thân, GV có cơ hội thực hành, áp dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí. Đồng thời, giúp GV nắm chắc quy trình tổ chức hoạt động học tập HTTN, biết cách thiết kế tổ chức hoạt động hợp tác nhóm theo các dạng khác nhau tùy vào nội dung kiến thức Địa lí. Vì trong quá trình thảo luận không chỉ có sự tương tác, trao đổi thông tin giữa HS - HS mà có sự trao đổi giữa HS - GV. Đây là một trong những ưu điểm nổi trội của thảo luận hợp tác theo nhóm so với thảo luận chung cả lớp.Trong thảo luận trên lớp, GV thường chỉ thu nhận được phát biểu của một số ít HS thậm chí những phát biểu này chưa bộc lộ hết ý của họ vì ngại phát biểu trước GV và trước lớp, còn trong thảo luận hợp tác theo nhóm, mọi thành viên đều được phát biểu với thái độ tự tin và có ghi chép lại. Vì vậy, GV cần phải chú trọng xây dựng trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm nhóm, xây dựng vị thế của mỗi người học trong nhóm và trong lớp, hình thành kĩ năng làm việc nhóm cho HS.

** Nhược điểm*

Cũng như các PPDH khác bên cạnh những rất nhiều ưu điểm, PPDH hợp tác theo nhóm cũng có những điểm hạn chế nhất định như:

- Đòi hỏi nhiều thời gian: Một tiết học có thời gian quy định là 45 phút. Đây là một trở ngại, vì trong quá trình thảo luận, HS là chủ thể hoạt động nên sẽ có rất nhiều ý kiến đưa ra, ý kiến nảy sinh. Do đó, nếu GV không khẳng định được vai trò định hướng tổ chức, điều khiển của mình thì giờ học theo PPDH hợp tác nhóm sẽ không đạt được mục tiêu đề ra.

- Đòi hỏi không gian lớp học đủ rộng: Đây cũng là khó khăn, vì phần lớn không gian lớp học hiện tại của chúng ta đều nhỏ hẹp, bàn ghế khó di chuyển, lớp học với sĩ số đông. Do đó, để tổ chức được giờ học theo nhóm cũng là một trở ngại lớn.

- Hiệu quả học tập của nhóm phụ thuộc rất nhiều vào tinh thần tham gia của các thành viên trong nhóm và các tác động từ bên ngoài như sự giám sát, hướng dẫn và cách đánh giá của GV.

Đối với những nhóm nhiều thành viên, nếu nhóm trưởng không có năng lực tổ chức quản lí nhóm thì dẫn đến tình trạng ỷ nại của một số HS. Trong nhóm một số HS sẽ chiếm ưu thế trong phần thảo luận. Như vậy, PPDH hợp tác theo nhóm sẽ không phát huy được hiệu quả.

** Giải pháp*

- GV cần phải nắm vững phương pháp thực hiện DH hợp tác theo nhóm, phải có năng lực lập kế hoạch và tổ chức.

- Lựa chọn nội dung thảo luận phù hợp về thời gian, tránh kéo dài, đồng thời cần linh hoạt về mặt thời gian trong các tiết học. Đối với thời khóa biểu của trường DBĐHDT, môn Địa lí thường được sắp xếp từ 2 tiết (90 phút) trở lên trong một buổi học, đó cũng là một thuận lợi về mặt thời gian để tổ chức các hoạt động học tập HTTN.

- Linh hoạt trong việc tổ chức chia nhóm để tránh tác động của không gian lớp học tới các giờ học HTTN.

- Nghiên cứu nội dung học tập để có biện pháp sử dụng các kĩ thuật thảo luận phù hợp nhằm phát huy các năng lực của mỗi HS và đồng thời hạn chế tính ỷ nại của HS hay khi số lượng thành viên trong nhóm quá đông.

- Cần luyện tập cho HS quy tắc làm việc nhóm, trao đổi tiến trình làm việc cũng như duy trì trật tự cần thiết trong làm việc nhóm…

1.2.4. Bản chất của PPDH hợp tác theo nhóm

Khi vận dụng PPDH này, nhân tố GV và HS không tồn tại biệt lập và tách rời mà có quan hệ mật thiết chặt chẽ với nhau. Trong đó, GV là người đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn và điều khiển các hoạt động học tập của HS trong nhóm. HS đóng vai trò là chủ thể tích cực, chủ động và sáng tạo trong lĩnh hội tri thức thông qua các nhiệm vụ học tập được giao. Trong quá trình thảo luận nhóm, có sự tương tác giữa HS-HS, giữa GV-HS, HS lĩnh hội được tri thức. Phương pháp tổ chức DH trên cơ sở vận dụng phương pháp làm việc theo nhóm thực chất là một quá trình thực hiện các biện pháp DH dựa trên các cơ sở khoa học để tổ chức và điều khiển các mối quan hệ tương tác tích cực, lôgic giữa HS-HS, giữa HS- GV nhằm đạt mang lại hiệu quả cao trong quá trình DH.

Học tập HTTN không phải là sắp xếp chỗ ngồi cho HS cạnh nhau trong bàn học và mỗi HS thực hiện nhiệm vụ độc lập của mình, cũng không phải là mỗi cá nhân làm bài sau đó thông báo là đã hoàn thành công việc và giúp đỡ bạn khác. Học tập HTTN, ngoài việc HS ngồi cạnh nhau, cùng trao đổi, thảo luận, giúp đỡ chia sẻ hiểu biết, kinh nghiệm học tập còn phải đảm bảo bởi các tính chất sau:

** Tính hợp tác trong học tập*

Yêu cầu trước tiên cho việc xây dựng một bài học hợp tác có hiệu quả là trong tình huống hợp tác, HS có hai trách nhiệm: (1) Thực hiện nhiệm vụ được giao; (2) Giúp các thành viên trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hiện tượng này được gọi là sự phụ thuộc lẫn nhau một cách tích cực. GV phải làm cho mỗi thành viên trong nhóm hợp tác nhận thức được rằng: mỗi thành viên đều phải cố gắng hết mình, không phải vì thành tích cá nhân mà vì thành công của từng người là niềm vui của cả nhóm, thất bại của mỗi người là nỗi buồn chung của cả nhóm.

Các thành viên trong nhóm gắn kết với nhau vì mỗi người cũng như toàn nhóm không thể thành công, nếu mỗi người không cố gắng hoàn thành trách nhiệm của mình. Họ cùng làm việc để phát huy tối đa sức mạnh của tất cả các thành viên hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau.

Điều đó có thể đạt được qua việc: thiết lập mục tiêu bài học chung cho HS, giao nhiệm vụ phù hợp với từng đối tượng, phát huy vai trò đọc lập của từng HS và động viên, khích lệ đúng lúc. Và để cho việc học tập có sự hợp tác chặt chẽ, cần cho HS cảm nhận sự độc lập với các thành viên trong hợp tác học tập.

** Sự tương tác "mặt đối mặt" trong nhóm*

Học tập HTTN, đòi hỏi sự trao đổi qua lại tích cực giữa các thành viên trong nhóm. Nói cách khác, các thành viên trong nhóm cần được nhìn thấy nhau trong quá trình trao đổi nhóm. Tương tác mặt đối mặt có một số tác động tốt đối với HS như sau:

- Tăng cường động cơ học tập, trong quá trình trao đổi làm nảy sinh những hứng thú mới.

- Kích thích sự giao tiếp, sự chia sẻ những tư tưởng, nguồn lực và đáp án giải quyết vấn đề.

- Tăng cường kĩ năng giao tiếp xã hội như thái độ, cách biểu đạt. Tăng cường sự phản hồi của HS bằng các hình thức biểu đạt khác nhau như lời nói, ánh mắt, cử chỉ.

- Khích lệ mọi thành viên tham gia, phát triển mối quan hệ gắn bó, quan tâm đến nhau.

** Trách nhiệm cá nhân*

Nhóm hợp tác được tổ chức và cấu trúc sao cho đảm bảo từng thành viên trong nhóm không trốn tránh công việc hoặc trách nhiệm học tập. Mỗi thành viên trong nhóm được phân công thực hiện một vai trò nhất định và hiểu rằng họ không thể dựa vào công việc của người khác.

Do đó, việc HTTN còn làm cho mỗi thành viên trở nên mạnh hơn. Mục tiêu của học tập hợp tác là phát huy tối đa kết quả học tập của từng thành viên. Phát hiện khả năng học tập của HS là điều kiện cần thiết để giúp đỡ HS học tập có hiệu quả.

** Sử dụng kĩ năng giao tiếp và kĩ năng xã hội*

Kĩ năng là việc nắm vững cách thức hành động và chú ý tới cả kết quả hành động. Để hình thành kĩ năng, người học không chỉ nắm vững cách thức hành động mà còn phải hiểu mục đích, phương tiên và điều khiển hành động.

Trên cơ sở nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển hoạt động nhóm, các nhà nghiên cứu nước ngoài đã đưa ra 4 nhóm kĩ năng như sau:

- Nhóm kĩ năng hình thành nhóm: Gồm có 5 kĩ năng đó là biết di chuyển vào nhóm; ngồi trong nhóm; nói đủ nghe; khuyến khích các thành viên đều tham gia; nhìn vào người nói và không làm việc riêng.

- Nhóm kĩ năng thực hiện các chức năng của nhóm: Gồm có kĩ năng định hướng nhiệm vụ của nhóm; diễn tả đúng nhiệm vụ; yêu cầu giải thích khi cần thiết; sẵn sàng giải thích hay làm rõ thêm; làm sáng tỏ ý kiến của người khác và làm cho nhóm hào hứng nhiệt tình.

- Nhóm kĩ năng hình thành cấu trúc công việc: Bao gồm các kĩ năng như mô tả các cảm giác phù hợp; tóm tắt bằng lời; phân công nhiệm vụ trong nhóm; tìm kiếm độ chính xác; tìm cách thể hiện trau chuốt hơn; tìm kiếm thêm các chi tiết và tìm kiếm các mốc ghi nhớ.

- Nhóm kĩ năng hoàn thiện nhóm: Đặc biệt nhấn mạnh đến các kĩ năng như trình bày vấn đề logic; lập kế hoạch hoạt động; phê bình, bình luận ý kiến chứ không bình luận cá nhân; xử lí bất đồng trong nhóm hợp lí, tế nhị; tổng hợp các ý kiến; lồng ghép các ý kiến vào một điểm cụ thể; thăm dò bằng cách đưa ra nhiều câu hỏi khác nhau; lí giải theo nhiều cách khác nhau; tìm hiểu thực chất vấn đề bằng cách kiểm tra công việc của nhóm.

Cùng đó, tác giả Ngô Thị Thu Dung (2002), đã đưa ra 18 kĩ năng hợp tác và phân thành 3 nhóm như sau:

- Nhóm thành phần nhận thức học tập: Là các kĩ năng như biết tìm nguồn tài liệu; biết thu thập, sắp xếp thông tin học tập liên quan đến giải quyết nhiệm vụ được giao; biết phân tích, tổng hợp thông tin để giải quyết nhiệm vụ học tập; biết hệ thống hóa, khái quát hóa; biết ghi chép thông tin; biết trình bày tài liệu.

- Nhóm thành phần tổ chức: Gồm các kĩ năng như biết liên kết hình thành nhóm; biết tổ chức nhóm; biết lập kế hoạch công việc nhóm; nhóm trưởng biết điều hành nhóm; biết phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; biết giải quyết nhiệm vụ nhóm; biết kiểm tra, kiểm soát và đánh giá công việc của nhóm.

- Nhóm thành phần giao tiếp: Bao gồm các kĩ năng như biết cộng tác, chia sẻ giải quyết nhiệm vụ của nhóm; biết thảo luận, tranh luận có tổ chức; biết lắng nghe, thống nhất ý kiến hoặc chấp nhận ý kiến trái chiều; biết chan hòa cảm thông, động viên bạn cùng nhóm; duy trì bầu không khí tâm lí học tập tích cực của nhóm.

** Đánh giá hoạt động của nhóm*

Nhận xét đánh giá hoạt động nhóm là một bộ phận cấu thành của học tập HTTN. Sau khi kết thúc công việc, HS phải thảo luận để đánh giá nhóm mình làm việc với nhau có tốt không, nên tiếp tục thế nào để đạt hiệu quả cao hơn. Việc này giúp HS học được kĩ năng hợp tác với người khác một cách có hiệu quả.

Nội dung nhận xét nhóm tập trung vào những vấn đề sau: Những mặt tốt trong hoạt động chung và những đóng góp cá nhân nổi bật cần được phát huy. Những mặt cần thay đổi để hoạt động của nhóm có hiệu quả hơn.

Có hai hình thức trong nhận xét nhóm, đó là nhận xét của các thành viên trong từng nhóm và nhận xét của HS hay GV về hoạt động của các nhóm.

1.3. Mục tiêu, nội dung chương trình môn Địa lí của hệ DBĐHDT

1.3.1. Mục tiêu chương trình Địa lí ở trường DBĐHDT

- Mục tiêu chung

Chương trình Địa lý ở DBĐHDT tiếp tục củng cố, hệ thống hóa phát triển và hoàn chỉnh tri thức phổ thông nền tảng, duy trì và nâng cao các yêu cầu về phẩm

chất, năng lực đã hình thành ở bậc học phổ thông. Hình thành năng lực tự học, phẩm chất và năng lực của người lao động, nhân cách công dân, ý thức quyền và nghĩa vụ đối với Tổ quốc trên cơ sở duy trì, nâng cao và định hình các phẩm chất, năng lực đã hình thành ở cấp THPT. Có khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời, có những hiểu biết và khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực và sở thích, điều kiện và hoàn cảnh của bản thân để tiếp tục học lên đại học, cao đẳng.

- *Mục tiêu về kiến thức*

Khắc sâu hơn những kiến thức về đặc điểm tự nhiên, dân cư và tình hình phát triển KT - XH của Việt Nam và thế giới; những vấn đề đặt ra đối với cả nước nói chung và các vùng, các địa phương nơi HS đang sinh sống nói riêng.

- *Mục tiêu về kĩ năng:* Củng cố và rèn luyện các kỹ năng Địa lí cho HS như:

+ Phát triển kỹ năng quan sát, nhận xét, phân tích, đánh giá, tổng hợp, so sánh các đối tượng Địa lí, các hiện tượng Địa lí.

+ Kỹ năng phân tích, sử dụng bản đồ, Atlat, bảng số liệu thống kê KT-XH của Việt Nam. Kỹ năng vẽ, phân tích các biểu đồ, đồ thị, lát cắt Địa lí.

+ Kỹ năng thu thập, tổng hợp, trình bày báo cáo các thông tin Địa lí về các vấn đề thuộc lĩnh vực Địa lí tự nhiên, Địa lí KT-XH của vùng, một ngành hay bất kì một địa phương nào của nước ta cũng như một số nước và khu vực tiêu biểu trên thế giới.

+ Vận dụng tri thức Địa lí đã học để giải thích các hiện tượng Địa lí tự nhiên cũng như KT-XH trên cơ sở tư duy kinh tế, tư duy sinh thái, tư duy phê phán, vận dụng vào thực tế cuộc sống.

- *Về thái độ*

+ Nâng cao tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước thông qua việc ứng xử thích hợp với tự nhiên và tôn trọng các thành quả kinh tế - văn hoá của nhân dân Việt Nam cũng như của nhân loại.

+ Có ý chí tự cường dân tộc, niềm tin vào tương lai của đất nước, có tâm thế sẵn sàng tham gia xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Có ý thức trách nhiệm và tham gia tích cực vào các hoạt động sử dụng hợp lí, bảo vệ, cải tạo môi trường nâng cao chất lượng cuộc sống của gia đình, cộng đồng.

+ Có ý chí tự lực, vươn lên trong học tập, rèn luyện cũng như luôn quan tâm đến các vấn đề cấp thiết trong chặng đường CNH&HĐH của nước nhà.

- *Mục tiêu hình thành các năng lực chính*

Quá trình tổ chức dạy học HTTN trên chương trình Địa lí ở trường DBĐHDT sẽ bước đầu hình thành và phát triển các năng lực chung cho HS, đó là:

+ Tiếp tục củng cố và phát triển các năng lực chung cho HS trong quá trình học tập chương trình Địa lí, đó là: năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực hợp tác, làm việc theo nhóm, năng lực sử dụng CNTT, năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán và sử dụng số liệu thống kê...

+ Củng cố và phát triển các năng lực chuyên biệt của môn Địa lí: năng lực sử dụng bản đồ, biểu đồ, số liệu thống kê, năng lực tư duy lãnh thổ, mối quan hệ nguyên nhân - hệ quả trong địa lí, năng lực khai thác sử dụng hình ảnh địa lí...

Để hoàn thành được các mục tiêu trên và đặc biệt để hình thành cho HS dân tộc năng lực tự học, năng lực của người lao động trong xã hội hiện đại như năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng CNTT, làm việc theo nhóm cũng như các năng lực chuyên biệt của môn Địa lí thì việc tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong quá trình DH Địa lí ở trường DBĐHDT là biện pháp giúp hiện thực hóa các mục tiêu đã đề ra.

1.3.2. Nội dung chương trình Địa lí hệ DBĐHDT

Nội dung chương trình Địa lí hệ Dự bị Đại học Dân tộc được thực hiện theo Thông tư số 48/2012/TT-BGDĐ và Thông tư 26/2016/TT-BGDĐT của Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bảng 1.2. Phân phối chương trình hệ DBĐHDT theo Thông tư số 48/2012/TT-BGDĐT

PHẦN	TÊN PHẦN	Số tiết		
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, ôn tập
Phần 1	**Địa lí đại cương**	**68**		
I	Địa lí tự nhiên đại cương	40	30	10
II	Địa lí kinh tế xã hội	28	21	7
Phần 2	**Địa lí kinh tế xã hội thế giới**	**24**		
I	Khái quát nền kinh tế xã hội thế giới	7	4	3
II	Một số khối kinh tế	5	4	1
III	Địa lí một số nước trên thế giới	12	8	4
Phần 3	**Địa lí Việt Nam**	**76**		
I	Địa lí tự nhiên	16	12	4
II	Địa lí dân cư	8	7	1
III	Địa lí kinh tế Việt Nam	52	37	15
	Tổng	**168**	**123**	**45**

Nội dung chương trình Địa lí hệ Dự bị đại học dân tộc, theo Thông tư 48/2012/TT-BGDĐ được phân phối trong tổng số 168 tiết sau đó tăng lên 196 tiết theo

Thông tư 26/2016/TT-BGDĐ và nội dung chương trình giữ nguyên theo Thông tư 48/2012/TT-BGDĐ. Như vậy, nội dung chương trình môn Địa lí của hệ DBĐHDT đã bao quát được tất cả các phần kiến thức cơ bản của địa lí đại cương đến các phần địa lí cụ thể, từ những kiến thức về địa lí tự nhiên đến KT-XH. Nội dung kiến thức trong các phần địa lí đều mang tính chất khái quát cao và có nhiều vấn đề mở. Yêu cầu đối với HS là trên nền tảng nội dung kiến thức tổng quát đó, các em sẽ nghiên cứu hệ thống hóa kiến thức và đi sâu tìm tòi, mở rộng kiến thức từ chương trình. Do đó, với nội dung chương trình mang tính bao quát cao như vậy sẽ là điều kiện thuận lợi để GV lựa chọn được nhiều nội dung kiến thức cho việc tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm một cách hiệu quả.

1.4. Thực trạng của việc sử dụng PPDH hợp tác theo nhómtrong DH Địa lí ở trường DBĐHDT

1.4.1. Thực trạng dạy học HTTN ở các trường DBĐHDT

Với mục đích thu thập số liệu, thông tin chính xác cụ thể về thực tế tổ chức hoạt động học tập HTTN (về số lượng cũng như chất lượng của nó) trong DH Địa lí ở trường DBĐHDT. Cũng như, số liệu, thông tin chính xác cụ thể về thực tế của việc vận dụng PPDH HTTN trong DH Địa lí ở cả một số trường THPT (nằm trên địa bàn tuyển sinh của trường).

Từ đó, tác giả đã tiến hành khảo sát, điều tra và thu thập số liệu về HS cũng như GV của tại các trường DBĐHDT, cụ thể:

- Trường DBĐHDT Trung ương (Việt Trì - Phú Thọ)
- Trường DBĐHDT Sầm Sơn (tỉnh Thanh Hóa)
- Trường DBĐHDT Nha Trang (tỉnh Khánh Hòa)
- Trường DBĐHDT Thành phố Hồ Chí Minh (Thành phố Hồ Chí Minh)
- Khoa Dự bị dân tộc Đại học Cần Thơ (Thành phố Cần Thơ)

1.4.1.1. Kết quả khảo sát GV về việc dạy học HTTN

* Mức độ sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm của GV

Qua quá trình điều tra, khảo sát tác giả nhận thấy PPDH hợp tác theo nhóm đã được áp dụng trong thực tế giảng dạy, tuy nhiên PPDH này cùng các kĩ thuật trong dạy học HTTN, không phải là phương pháp được sử dụng thường xuyên nhất. Với tỉ lệ điều tra 20% GV sử dụng thường xuyên, 10% là thi thoảng GV mới sử dụng còn lại 70% chỉ sử dụng khi dự giờ, thao giảng, thi giảng. Trong quá trình tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm cũng chỉ là chia nhóm đơn thuần và không sử dụng đến các kĩ thuật trong thảo luận HTTN, nên thực tế hiệu quả chưa cao và đôi khi nặng về mặt hình thức (điều này đã được HS nhận xét đánh giá). Qua thăm dò ý kiến GV về các kĩ thuật trong tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm, tác

giả nhận thấy hầu hết GV cũng chưa nắm vững và được bồi dưỡng về các kĩ thuật trong tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm và thực tế còn nhiều thầy cô giáo chưa một lần biết tới các kĩ thuật mà tác giả đề cập.

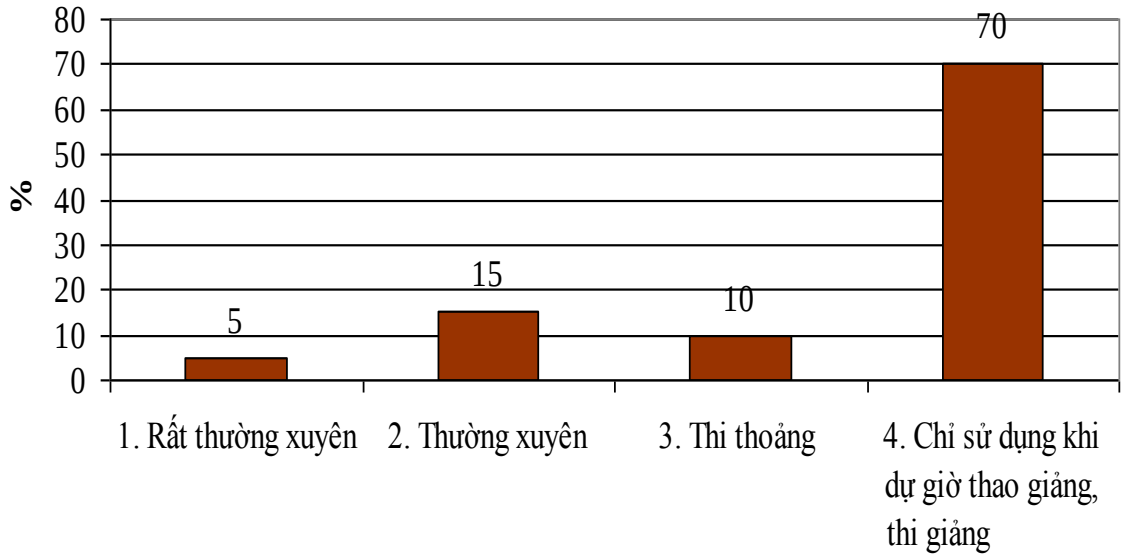

Biểu đồ 1.1. Tần suất sử dụng phương pháp dạy học HTTN của GV

* Về tổ chức và điều khiển hoạt động của nhóm

Trong các cách thức chia nhóm chúng tôi đưa ra đó là: Chia nhóm theo vị trí các tổ, theo bàn, chia nhóm ngẫu nhiên và chia có chủ đích về kĩ thuật thảo luận, hợp tác thì đa số GV sử dụng cách chia nhóm theo bàn học. Đó là, do GV thường dựa vào sự tiện lợi từ không gian lớp học cộng với tâm lí ngại thay đổi vị trí HS vì gây xáo trộn, mất thời gian, khó kiểm soát...

Kết quả điều tra về cách thức chia nhóm được thể hiện cụ thể qua biểu đồ sau.

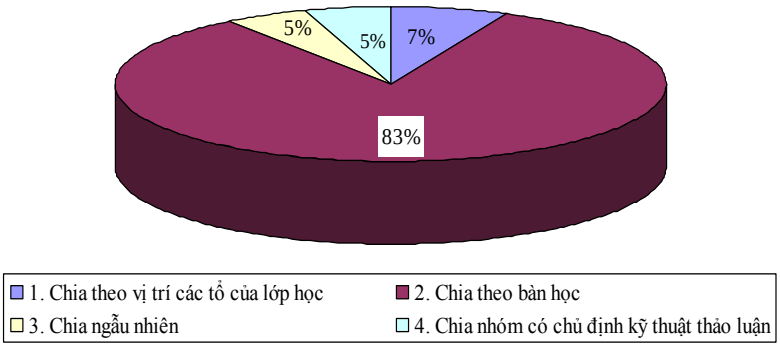

Biểu đồ 1.2. Cách thức chia nhóm trong tổ chức HTTN của GV

* Về quy trình sử dụng và các kĩ thuật thảo luận trong tổ chức tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm.

Trong quá trình khảo sát, chúng tôi đã đưa ra câu hỏi: Khi sử dụng PPDH hợp tác nhóm, các thầy (Cô) thường tiến hành theo trình tự các bước như thế nào?

Qua tổng hợp các ý kiến phản hồi, chúng tôi nhận thấy đa số các GV được hỏi đều cho biết quy trình mà họ thường sử dụng để tổ chức, điều khiển thảo luận HTTN là:

+ Bước 1: GV nêu nội dung, yêu cầu thảo luận.

+ Bước 2: Phân nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm. Sau đó, các nhóm tiến hành thảo luận, ghi biên bản.

+ Bước 3: Đại diện các nhóm trình bày kết quả.

+ Bước 4: GV tóm tắt, nhận xét, đưa ra ý kiến kết luận.

* Nhận thức vai trò của PPDH hợp tác theo nhóm

Vai trò cũng như ưu điểm của quá trình tổ chức hoạt động học tập HTTN trong DH Địa lí cũng đã được GV nhận thức khá tích cực. Cụ thể, thông qua câu hỏi điều tra thì có 70% GV cho rằng việc học tập HTTN tạo ra những thành công trong học tập, 80% các thầy cô đánh giá là HTTN góp phần quan trọng nâng cao năng lực hợp tác giữa HS với nhau, 75% GV đề cao vai trò của HTTN ở góc độ góp phần phát triển tính tích cực, sáng tạo trong học tập, phát triển năng lực hòa nhập xã hội và 67% thầy cô nhận định việc học tập HTTN sẽ tăng cường năng lực tư duy phê phán và thái độ tích cực với môn học, tạo ra tâm lí lành mạnh, yêu thương lẫn nhau và trách nhiệm của mỗi HS trong lớp.

* Tính hiệu quả học tập HTTN và các kĩ thuật trong tổ chức nhóm học tập.

Thông qua câu hỏi điều tra, GV đánh giá về tính hiệu quả của phương pháp học tập HTTN. Kết quả có 15% các thầy cô đánh giá rất hiệu quả, 60% thầy cô cho rằng phương pháp học tập HTTN là hiệu quả, 10% đánh giá là ít hiệu quả và 15% thầy cô cho rằng với điều kiện thực tế giảng dạy của mình thì việc tổ chức hoạt động nhóm là không hiệu quả. Qua quá trình tổ chức các hoạt động học tập HTTN, có 78% thầy cô giáo nhận thấy được sự hứng thú, tích cực của HS trong các giờ học.

Về sử dụng các kĩ thuật trong quá trình tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm, thông qua công tác điều tra khảo sát thấy rằng phần lớn GV chưa thực sự quan tâm vận dụng các kĩ thuật thảo luận trong khi tổ chức hoạt động HTTN cho HS, để nâng cao hơn nữa hiệu quả của PPDH tích cực này. Cụ thể, tác giả đã đưa ra tình huống câu hỏi, đó là: Với chủ đề thảo luận: "*Tại sao đồng bằng sông Cửu Long cần phải sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên*?", thầy (cô) sẽ sử dụng kỹ thuật thảo luận nhóm nào mà thầy (cô) cho là phù hợp nhất trong các kỹ thuật. Kết quả, có

20% GV lựa chọn kỹ thuật "các mảnh ghép", 40% GV lựa chọn kỹ thuật XYZ, 30% kỹ thuật "ủng hộ - phản đối" và chỉ có 10% lựa chọn đúng là kỹ thuật "khăn trải bàn". Vì thực tế khảo sát cũng cho thấy chỉ có 5% GV chia nhóm dựa trên cơ sở là các kĩ thuật DH.

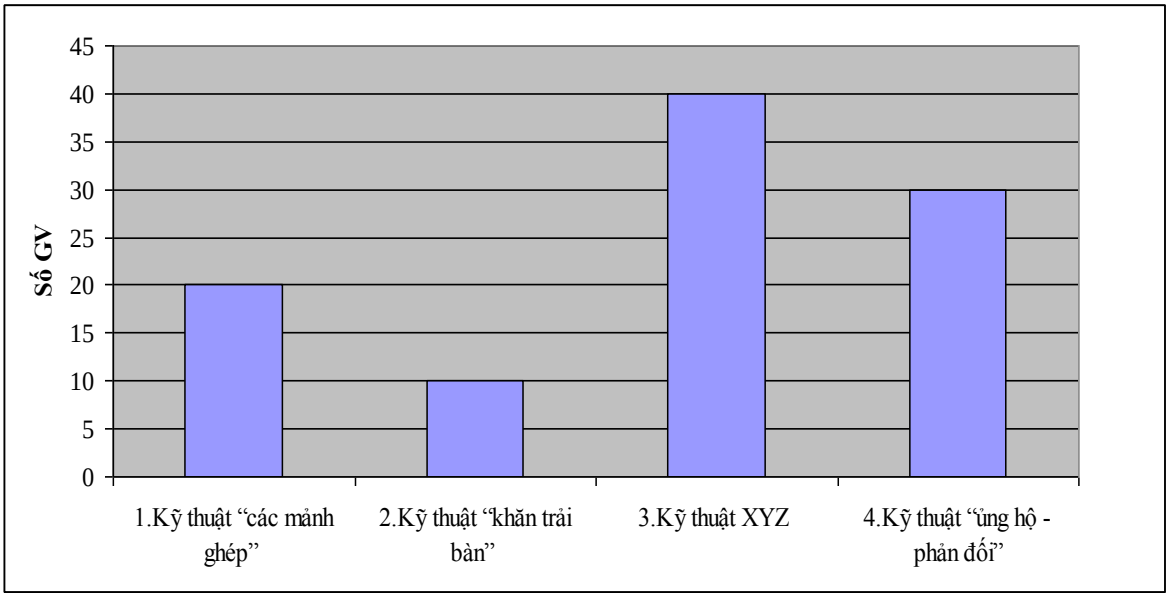

Biểu đồ 1.3. Lựa chọn các kĩ thuật thảo luận của GV với chủ đề: Tại sao đồng bằng sông Cửu Long cần phải sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên

Qua quá trình phân tích, chúng tôi cũng nhận thấy được tương quan tỉ lệ giữa GV có thâm niên công tác với việc lựa chọn sử dụng các kĩ thuật trong quá trình tổ chức các hoạt động HTTN. Cụ thể, GV có thâm niên dưới 5 năm công tác có xu hướng lựa chọn kĩ thuật khăn trải bàn với kĩ thuật ủng hộ - phản đối, kĩ thuật khăn trải bàn với kĩ thuật XYZ thì lại được GV có thời gian công tác từ 5 -10 năm, còn đối với những GV trên 10 năm thâm niên thì lại có xu hướng lựa chọn kĩ thuật các mảnh ghép với khăn trải bàn.

Do chưa thực sự quan tâm đến các kĩ thuật thảo luận trong quá trình tổ chức nhóm học tập cho HS nên đánh giá về tính hiệu quả của các kĩ thuật thảo luận của GV cũng có sự khác biệt và chưa thực sự thấy được vai trò tích cực của các kĩ thuật này.

- Đối với kĩ thuật "các mảnh ghép" có 10% GV sử dụng thường xuyên và đánh giá rất hiệu quả, 14% GV đánh giá hiệu quả và thường xuyên sử dụng, 27% GV thi thoảng và hiếm khi sử dụng nên đó cũng là số đánh giá ít hiệu quả, có tới 49% GV chưa bao giờ sử dụng và từ đó cũng cho rằng không hiệu quả.

- Đối với kĩ thuật "khăn trải bàn", đây là kĩ thuật đơn giản và dễ tổ chức thực hiện nên có 12% GV đánh giá rất hiệu quả, 18% thường xuyên sử dụng và đánh giá

hiệu quả, 21% cho là bình thường, 19% đánh giá ít hiệu quả và có 30% chưa bao giờ sử dụng và cho là không hiệu quả.

- Kỹ thuật *XYZ*, có 5% GV thi thoảng sử dụng và đánh giá mức độ bình thường, 10% hiếm khi sử dụng với sự đánh giá ở mức độ ít hiệu quả còn lại tới 85% GV chưa sử dụng kĩ thuật DH này.

- Đối với kĩ thuật *"Ủng hộ - phản đối"* thì lại có 15% GV thường xuyên sử dụng và đánh giá ở mức độ hiệu quả, 7% GV thi thoảng có sử dụng, 9% thầy cô giáo hiếm khi sử dụng và đánh giá ở mức độ hiệu quả ít, ở mức chưa bao giờ sử dụng và đánh giá không hiệu quả là 69%.

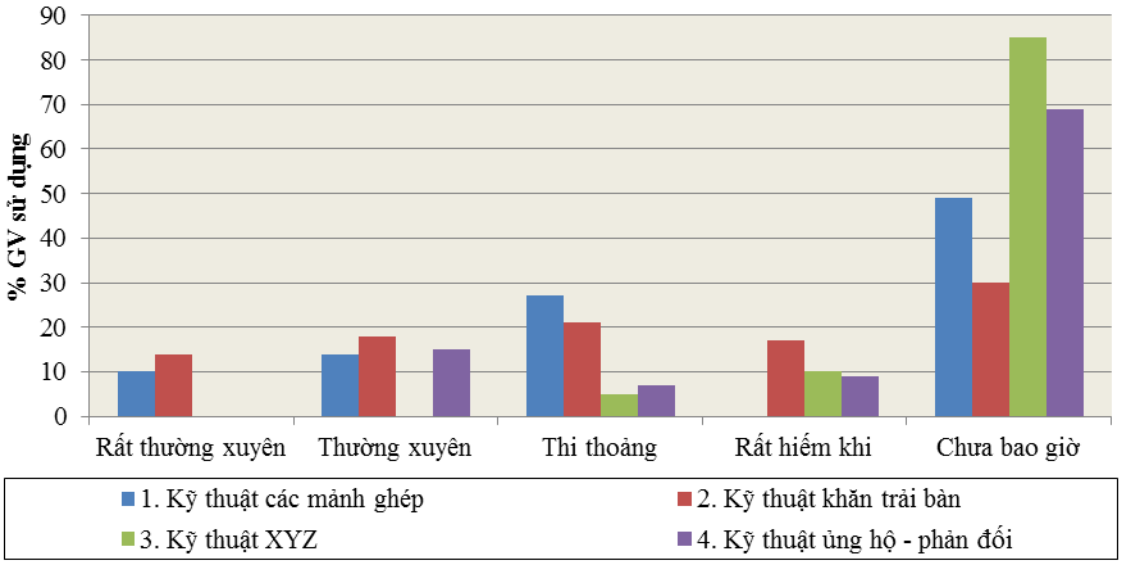

Biểu đồ 1.4.Tần suất sử dụng các kỹ thuật thảo luận của GV

* Đánh giá kĩ năng tổ chức hoạt động học tập HTTN của GV.

Sau khi thống kê kết quả khảo sát, chúng tôi nhận thấy có 20% GV đánh giá bản thân rất thành thạo trong việc sử dụng phương pháp dạy học HTTN, 50% các thầy cô thành thạo và 30% GV cho rằng cần phải bồi dưỡng thêm.

1.4.1.2. Kết quả khảo sát HS về học tập HTTN

Tác giả đã tổ chức khảo sát hoạt động học tập HTTN của HS, kết quả điều tra về thái độ của HS trong các giờ học Địa lí có tổ chức hoạt động học tập HTTN, khi tham gia hoạt động nhóm thì có đến 456/680HS ở trường DBDDHDTTƯ (Việt Trì – Phú Thọ) rất hứng thú và tích cực tham gia trao đổi khi học tập HTTN cũng như cảm thấy tâm thế thoải mái không bị gò bó khi tham gia học tập theo nhóm chiếm 67%, có 33% HS bình thường và không có HS chán nản. Tại trường DBĐHDT Sầm Sơn, có 595/850 HS cảm thấy tâm thế thoải mái không căng thẳng khi học tập HTTN chiếm 70%, còn lại 30% bình thường và cũng không có HS chán nản khi tham gia học tập HTTN. Qua thăm

dò, cũng có trên 80% HS tại các trường DBĐHDT cho rằng thông qua học tập HTTN sẽ giúp bản thân nâng cao năng lực hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm học tập.

Thực tế, hầu hết HS ở các trường DBDT đều hứng thú với hoạt động học tập HTTN, song qua điều tra thì trung bình có đến 85.5% HS trả lời rằng mình chưa có các kĩ năng về học tập HTTN.

* Về nhu cầu học tập HTTN của HS trường DBĐHDT, kết quả điều tra trung bình có đến 87.5% HS muốn thường xuyên được học tập HTTN.

Với kết quả này bước đầu cho thấy, tại các trường DBĐHDT, mặc dù PPDH HTTN đã được sử dụng tuy chưa nhiều song đã có tác động tích cực đến hiệu quả giảng dạy của GV, làm cho bài học trở nên sôi nổi, HS cảm thấy hứng thú hơn, học tập với tâm thế thoải mái. Từ đó góp phần khắc phục tình trạng DH "thầy đọc, trò chép" trong DH Địa lí. Đồng thời, với PPDH hợp tác theo nhóm sẽ tạo điều kiện cho HS được được làm việc nhiều hơn, phát huy được tính tích cực, chủ động và sáng tạo của HS trong quá trình học tập. Điều này đã khẳng định ưu thế và hiệu quả của PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí.

* Về tần suất học nhóm của HS ở THPT

Khi được hỏi ở THPT, các em đã được học nhóm chưa thì có 77.5% trả lời có, còn lại 22.5% chưa được học. Tuy nhiên, tần suất học tập theo nhóm cũng có sự khác biệt, cụ thể như sau: Chỉ có 18% được học nhóm một cách thường xuyên, 39% thi thoảng mới được học nhóm trong môn Địa lí, còn lại tới 43% hiếm khi được học, thậm chí chưa bao giờ được học Địa lí thông qua phương pháp học tập HTTN ở trường THPT.

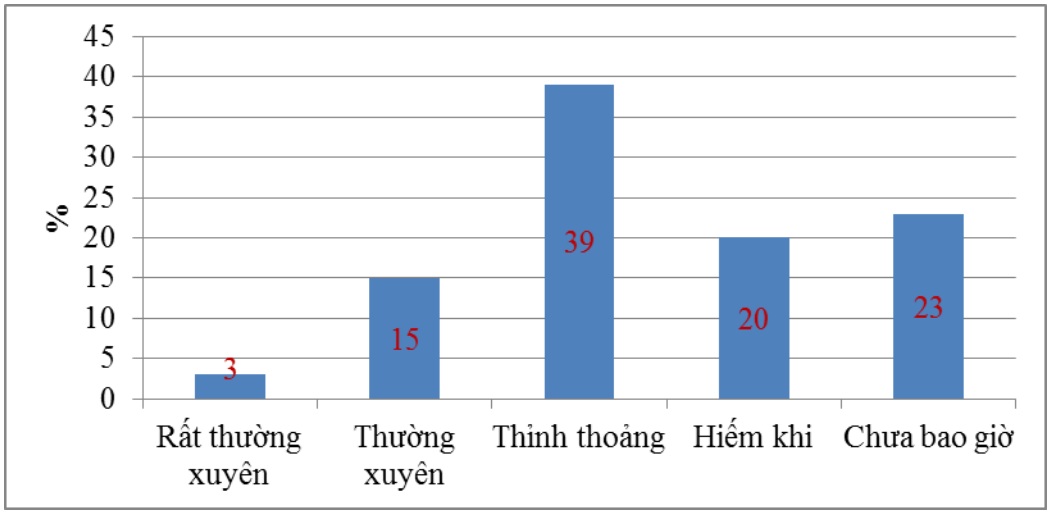

Biểu đồ 1.5. Tần suất học nhóm của HS ở THPT

Qua phỏng vấn, có 74 % các em chỉ được học nhóm khi có tiết dự giờ hoặc trong các cuộc thao giảng, hội giảng hay thi giảng, còn lại chỉ có 26% là được học nhóm trong một số giờ học thông thường trên lớp.

* Tính hiệu quả học tập HTTN ở trường THPT

Theo kết quả điều tra thực tế từ nhận xét đánh giá về tính hiệu quả của việc tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm ở THPT, chỉ có 18.75% HS cho rằng học nhóm có hiệu quả. Trong đó, 54.17% HS nhận thấy học nhóm là ít hiệu quả và không hiệu quả. HS cho rằng nguyên nhân của hoạt động học tập theo nhóm không thực sự hiệu quả, vì 83% các em có tâm lí ngại giao tiếp, chia sẻ thông tin, cùng với đó có 62.5% cho rằng nhóm quá đông, chủ đề không hấp dẫn và không có thời gian trao đổi. Chính vì vậy, 77% HS cho rằng học tập HTTN ở THPT nặng tính hình thức.

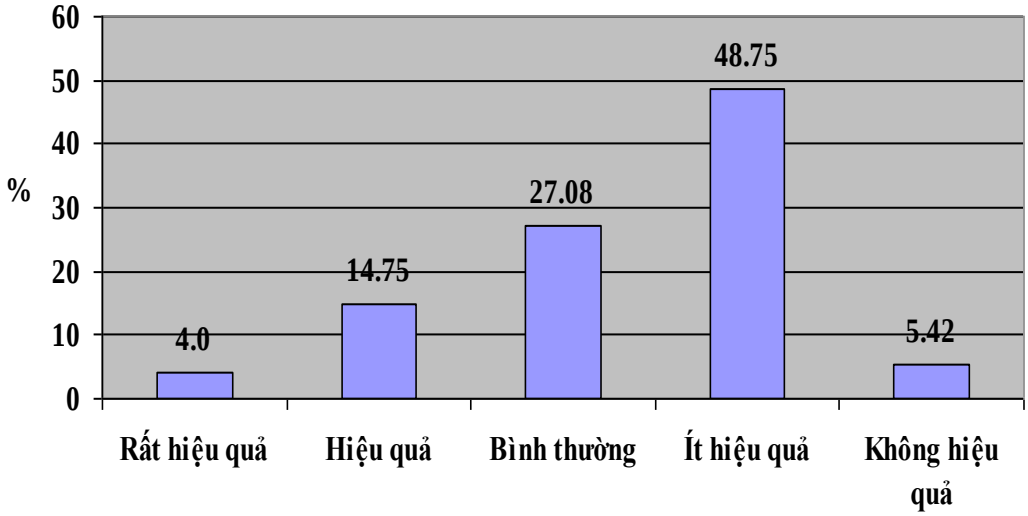

Biểu đồ 1.6. Đánh giá tính hiệu quả về học nhóm của HS ở THPT

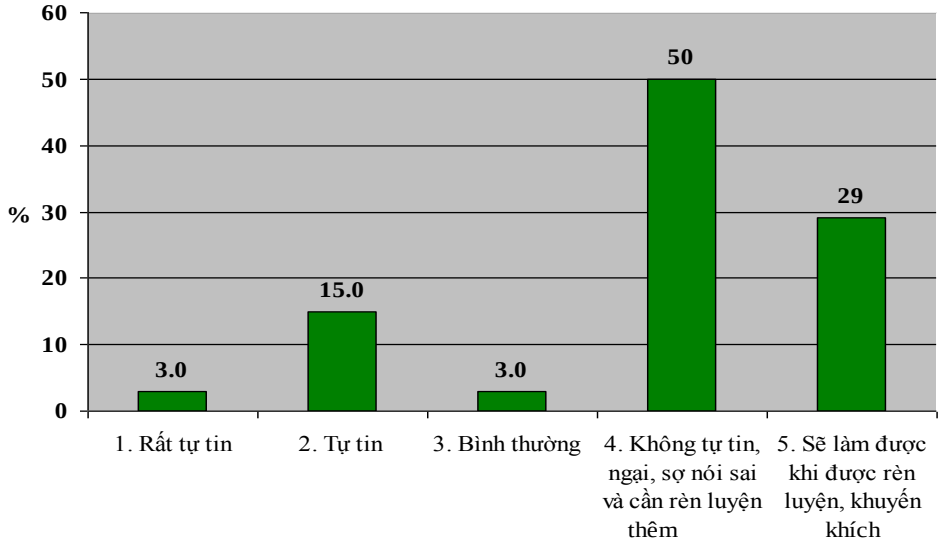

Biểu đồ 1.7. Đánh giá vai trò của học nhóm đối với HS ở THPT

Qua quá trình điều tra khảo sát thực trạng của việc vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm, chúng tôi nhận thấy việc tổ chức hoạt động học tập HTTN trong DH Địa lí có những ưu điểm và tồn tại sau:

Ưu điểm:

Về phía GV, đã nhận thức được vai trò của việc tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm. Trong quá trình giảng dạy Địa lí, GV đã tiến hành vận dụng và tổ chức hoạt động học tập HTTN nhằm phát huy các năng lực học tập của HS, tăng cường tính hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm học tập và kĩ năng giao tiếp trong quá trình học tập Địa lí. Đặc biệt, qua sự hợp tác trong học tập sẽ giúp các em HS dân tộc tự tin hơn vào bản thân, vì phần lớn các HS dân tộc đều khá rụt rè, không tự tin và ngại chia sẻ khi không được động viên, khuyến khích của GV. Tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm là một trong những hướng giúp GV từng bước đổi mới PPDH theo hướng phát huy năng lực của HS.

Đối với HS, bước đầu các em cũng cảm thấy rất hứng thú khi được học tập HTTN, bởi vậy dù chưa được bồi dưỡng nhiều kĩ năng hợp tác trong quá trình học tập nhưng phần lớn HS đều có nhu cầu học tập HTTN hiện tại cũng như trong các bậc học tiếp sau.

Nhược điểm:

Trong quá trình dạy học Địa lí, GV chỉ vận PPDH hợp tác theo nhóm một cách đơn thuần, không sử dụng các kĩ thuật trong PPDH hợp tác theo nhóm, việc vận dụng nhiều khi còn nặng về hình thức.

Kĩ năng tổ chức hoạt động học tập HTTN và đặc biệt kĩ năng sử dụng các kĩ thuật trong thảo luận HTTN của nhiều GV còn hạn chế, vì chưa được bồi dưỡng về kĩ năng, kĩ thuật tổ chức thảo luận hợp tác.

GV chưa tạo các tình huống có vấn đề để HS có thể vận dụng hiểu hiểu của mình đã được học để trao đổi, tranh luận với bạn.

Nhiệm vụ GV giao cho các nhóm HS thực hiện chưa có sự lựa chọn kĩ càng từ các nội dung kiến thức Địa lí. GV lựa chọn nhiệm vụ hoạt động nhóm một cách tự do, cho HS học tập nhóm đối với cả những phần kiến thức không cơ bản.

Bên cạnh đó, việc đánh giá của GV đối với HS trong hoạt động nhóm cũng còn chưa hợp lí. Điểm số đánh giá của GV cho nhóm là cào bằng cho tất cả thành viên trong nhóm, nên đã không kích thích được HS trong việc tham gia học tập nhóm, vì trong quá trình làm việc còn một số thành viên thực sự chưa tích cực.

1.4.2. Nguyên nhân ảnh hưởng đến việc tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí hiện nay ở trường DBĐHDT

Những tồn tại, hạn chế đã đề cập ở trên bị chi phối bởi rất nhiều nguyên nhân, yếu tố. Qua quá trình điều tra, phỏng vấn trực tiếp các GV và HS, chúng tôi nhận thấy những yếu tố ảnh hưởng đến việc tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm như sau:

** Về phía GV:*

- *Thói quen ngại thay đổi và lối mòn trong giảng dạy*. GV có thói quen sử dụng hình thức dạy học cũ - dạy học tập thể, ngại đầu tư thời gian để tìm hiểu, thay đổi PPDH là nguyên nhân cơ bản nhất ảnh hưởng tới việc tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm. Thói quen này đã ngấm sâu vào ý thức của GV và không dễ dàng thay đổi. Đặc biệt, việc sử dụng các kĩ thuật trong PPDH hợp tác theo nhóm lại càng đòi hỏi GV phải có sự đầu tư về kĩ năng cũng như thời gian chuẩn bị. Vì vậy, đối với GV việc lựa chọn giải pháp an toàn - cách dạy truyền thống vẫn là giải pháp tốt nhất cũng là điều dễ hiểu. Song đây lại là một khó khăn, một trở ngại lớn cho bất kỳ một hoạt động đổi mới về PPDH nào ở các trường học nói chung và trường DBĐHDT nói riêng. Do đó, để tạo ra những bước chuyển mạnh mẽ mang tính đột phá trong việc tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí, GV cần phải thay đổi về nhận thức, đặc biệt đội ngũ GV cần có trách nhiệm cao đối với sự nghiệp đổi mới GD trong đó có đổi mới về PPDH .

- *Hạn chế về năng lực sư phạm của GV* là nguyên nhân chủ quan thứ hai dẫn tới sự kém hiệu quả của giờ học được tổ chức theo nhóm. Hiện nay, GV Địa lí còn khá hạn chế trong khâu tổ chức, điều khiển hoạt động nhóm, chưa thực hiện chuẩn theo quy trình tổ chức hoạt động nhóm và đặc biệt chưa có kĩ năng sử dụng các kĩ thuật trong thảo luận trong PPDH hợp tác theo nhóm.

Thông qua quá trình dự giờ và trao đổi trực tiếp với GV, chúng tôi nhận thấy nguyên nhân chủ quan ảnh hưởng tiếp theo đến mức độ và hiệu quả thảo luận nhóm chính là do năng lực tổ chức điều khiển thảo luận, hợp tác trong nhóm của GV còn hạn chế. GV chưa căn cứ vào nội dung bài học để xác định đúng nhiệm vụ học tập của nhóm, nội dung thảo luận có khi lại quá dễ về mặt kiến thức và thậm chí là HS không cần phải thảo luận. Nhiều khi, việc tổ chức chia nhóm còn mang tính hình thức, hời hợt và bỏ ngỏ hoạt động của nhóm.

Bên cạnh đó, nhiều GV chưa biết cách tổ chức cho các nhóm HS báo cáo kết quả sản phẩm nhóm. Các hình thức, phương pháp báo cáo còn đơn điệu, nghèo nàn. Đặc biệt, GV chưa có sự vận dụng linh hoạt các kĩ thuật trong tổ chức hoạt động dạy học HTTN một cách hợp lí với từng nội dung bài học, đơn vị kiến thức Địa lí.

- *GV chưa có cách đánh giá một cách công bằng* sự tham gia của các thành viên trong nhóm học tập. GV đánh giá hoạt động học tập HTTN của HS, phần lớn vẫn là đánh giá mang tính chất cào bằng, tất cả các thành viên nhóm đều có số điểm bằng nhau mà chưa có sự phân hóa điểm số theo mức độ đóng góp của các thành viên vào kết quả của nhóm.

Để tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm mang lại hiệu quả DH cao thì trước hết GV phải có kĩ năng trong việc tổ chức hoạt động học tập HTTN, sử dụng

linh hoạt các kĩ thuật trong hợp tác thảo luận nhóm và đánh giá đúng kết quả hoạt động nhóm của HS.

** Về phía HS*

- *Kĩ năng làm việc nhóm và hợp tác của HS dân tộc còn nhiều hạn chế.* Làm việc theo nhóm cũng như lao động tập thể đòi hỏi HS phải biết cách phối hợp và liên kết hoạt động với nhau, nói cách khác HS phải có kĩ năng hợp tác. Tuy nhiên, qua quá trình khảo sát và thực tế giảng dạy, chúng tôi nhận thấy kĩ năng này được biểu hiện ở HS trường DBĐHDT còn ở mức độ thấp và rất nhiều HS thiếu kĩ năng hợp tác. Trong khi đó, HS lại luôn có tâm lí trông chờ và tin tưởng tuyệt đối vào GV. Đây thực sự là một trở ngại lớn mà những người thực hiện việc tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm cần vượt qua.

- *Khả năng ngôn ngữ, khả năng diễn đạt của HSdân tộccòn có phần hạn chế*. Đó là tâm lí ngại xuất hiện, thể hiện mình trước đông người, ngại nói (sợ sai) cộng với năng lực ngôn ngữ chưa thành thạo, còn lúng túng, không biết cách trình bày một ý kiến, quan điểm, không biết cách phản bác hay đồng tình…Đây là một trở ngại rất lớn cho việc tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH ở các trường DBĐHDT.

- *Sự khác biệt về truyền thống văn hóa của HS dân tộc.* Mỗi đồng bào dân tộc ít người đều có truyền thống văn hóa, sinh hoạt riêng biệt, nó được hiện hữu trong mỗi HS dân tộc. Đó cũng là một khó khăn cho GV khi tổ chức nhóm học tập hợp tác mà mỗi thành viên trong nhóm thuộc các dân tộc khác nhau sẽ có những cách nhìn nhận, đánh giá khác biệt và đôi khi khó đi đến thống nhất chung trong nhóm. Điều này đòi hỏi GV phải thật sự sát sao và tôn trọng cách nhìn nhận, đánh giá của HS và từng bước hướng quá trình tranh luận đi đến cái chung tránh xung đột giữa các thành viên trong nhóm.

Để giúp HS vượt qua được những trở ngại trên, GV cần chia nhóm với quy mô nhỏ, tổ chức cho HS thảo luận theo cặp có thể cùng thành phần dân tộc hoặc khác dân tộc trước khi thảo luận ở nhóm, phối hợp các cách chia nhóm để các em có điều kiện tham gia vào nhiều nhóm học tập khác nhau, luân phiên làm nhóm trưởng và thư kí để tập cho các em kĩ năng phân công, điều hành, ghi chép, báo cáo.

** Về phía cấp quản lí*

Các cấp quản lí cũng chưa thực sự có nhiều biện pháp hiệu quả khuyến khích việc đổi mới PPDH, trong đó có việc vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm đó là không bắt buộc, không khen thưởng nên GV có tâm lí thích thì làm từ đó GV không có động lực vận dụng.

** Các nguyên nhân khách quan*

Hầu hết các ý kiến của GV và HS được phỏng vấn đều cho rằng, nội dung của môn khá dài. Vì thế, nếu không có kinh nghiệm và kĩ năng tổ chức hoạt động học tập HTTN sẽ rất mất thời gian, dễ bị cháy giáo án hoặc chậm chương trình và sẽ không thể hoàn thành các nhiệm vụ và mục tiêu bài học đề ra.

Sĩ số lớp học đông khiến cho việc chia nhóm phức tạp và khó khăn, đa số ở các trường có sĩ số 1 lớp khoảng 35 – 40 HS. Đây là một khó khăn trong việc tổ chức hoạt động học tập HTTN và sử dụng các kĩ thuật trong PPDH hợp tác theo nhóm, vì 1 GV không thể quản lí, theo dõi, hỗ trợ được nhiều nhóm trong một thời gian không nhiều. Đồng thời cũng dễ gây mất trật tự, ồn ào trong lớp học.

Một nguyên nhân khác cũng gây cản trở không nhỏ cho việc tổ chức thảo luận nhóm, đó là cơ sở vật chất như: không gian lớp học nhỏ, bàn ghế thiếu cơ động không thuận tiện cho việc di chuyển và bố trí làm việc của các nhóm.

1.5. Đặc điểm tâm sinh lí và trình độ nhận thức của HS ở trường DBĐHDT

1.5.1. Đặc điểm tâm sinh lí của HS trường DBĐHDT

Với HS trường DBĐHDT, các em có độ tuổi trung bình là 18 - 19 tuổi, thậm chí nhiều em độ tuổi 20 -21 tuổi, các em đã bắt đều bước vào độ tuổi thanh niên. Đây là lứa tuổi có sự phát triển khá hoàn thiện về mặt thể chất, nhất là hệ thần kinh đã có những thay đổi quan trọng do cấu trúc của não phức tạp, chức năng của não phát triển. Đặc điểm của tế bào đại não đã khá đầy đủ với số lượng dây thần kinh liên hợp tăng lên, có sự liên kết nhiều hơn. Đây là tiền đề cần thiết cho sự phức tạp hóa hoạt động phân tích, tổng hợp của vỏ đại não trong quá tình học tập. Đồng thời các em cũng phát triển về mặt nhân cách, nhận thức và tình cảm.

Đây là lứa tuổi thanh niên mới lớn, tính chủ động được phát triển mạnh ở tất cả các quá trình nhận thức. Quan sát trở nên có mục đích, có hệ thống và toàn diện hơn. Quá trình quan sát đã chịu sự điều khiển của hệ thống tín hiệu thứ hai nhiều hơn và không tách khỏi tư duy ngôn ngữ. Tuy vậy, quan sát của các em cũng khó có hiệu quả nếu thiếu sự chỉ đạo, định hướng của GV. GV cần quan tâm để định hướng, quan sát các em khi thực hiện một nhiệm vụ nhất định, không vội vàng kết luận khi chưa tích luỹ đầy đủ các sự kiện…Tuổi thanh niên mới lớn là lứa tuổi mang tính chất tập thể nhất. Điều quan trọng với các em là được sinh hoạt với các bạn cùng lứa tuổi, là cảm thấy mình cần cho nhóm, có vị trí nhất định trong nhóm. Những mặt của đối lập về tình cảm đã rõ ràng, các em có khả năng khẳng định "cái tôi" rất lớn.

Trong các lớp học dần dần hình thành sự "phân cực" nhất định, xuất hiện những người được lòng nhất (được nhiều người lựa chọn nhất) và những người ít được lòng nhất. Những người có vị trí thấp nhất (ít được lòng các bạn) thường băn

khoăn và suy nghĩ nhiều về năng lực của mình. Ở lứa tuổi này, quan hệ với bạn bè chiếm vị trí lớn hơn hẳn so với quan hệ với người lớn tuổi hoặc người ít tuổi hơn. Điều này do lòng khao khát muốn có vị trí bình đẳng trong cuộc sống chi phối. Lứa tuổi này, đời sống giao tiếp, tình cảm của các em phát triển rất phong phú và đóng vai trò quan trọng. Giao tiếp nhóm là loại giao tiếp rất phổ biến và có ý nghĩa quan trọng đối với việc hình thành nhân cách và phát triển tâm lí các em.

Đặc biệt, các em khi vào học tập tại Trường DBĐH đều đã xác định động cơ học tập, nghề nghiệp tương lai rất rõ ràng. Vì vậy, hầu hết các em có là tâm lí cố gắng học tốt để đạt được nguyện vọng một trường đại học sau khi kết thúc quá trình học tập. Đây là một thuận lợi rất lớn để GV tiến hành tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm, vừa giúp HS học tập hiệu quả đồng thời còn phát triển cho các em nhiều kĩ năng quan trọng khi học tập hợp tác nhóm. Qua đó, tinh thần học hỏi và khả năng lắng nghe người khác cũng sẽ là điều mà HS sẽ học hỏi được. Những kĩ năng này là rất quan trọng khi các em bước ra môi trường làm việc sau này và đây sẽ là tiền đề tốt để biết cách làm việc trong một môi trường tập thể. Làm việc, thảo luận theo nhóm không chỉ đơn thuần là do yêu cầu của GV đề ra cho HS mà quan trọng hơn còn là cách học tập, nghiên cứu của HS. Học tập nhóm sẽ tập hợp được những ý kiến sáng tạo của từng cá nhân, từ đó sản phẩm học tập sẽ giàu tính sáng tạo. Những phương pháp tối ưu nhất sẽ được lựa chọn từ những ý kiến được nêu ra. Sản phẩm học tập lúc này cũng sẽ là kết quả của tất cả các thành viên.

Tuy nhiên, HS ở các trường DBĐHDT đều là con em đồng bào các dân tộc ít người, lại đến từ vùng núi, vùng sâu, vùng xa, nơi mà điều kiện kinh tế xã hội còn rất khó khăn, trình độ dân trí, văn hóa còn thấp hơn so với các vùng miền khác. Đặc biệt, có những HS thuộc thành phần dân tộc rất ít người. Bởi vậy, phần lớn HS đều rất thật thà và luôn có tâm lí e ngại thể hiện mình trước đám đông, không tự tin, thậm chí có nhiều HS phát âm tiếng Việt cũng còn chưa chuẩn nên khả năng diễn đạt hạn chế. Đó cũng là những khó khăn, hạn chế đối với GV khi tổ chức các hoạt động học tập HTTN cho HS trong quá trình giảng dạy. Song thực tế, nếu như GV hiểu rõ những đặc điểm tâm lí nói trên của HS dân tộc, trong quá trình tổ chức hoạt động nhóm GV hướng dẫn chi tiết từng bước và luôn động viên, khích lệ thì các em lại tham gia rất nhiệt tình, trách nhiệm vì vốn mang sẵn bản tính trung thực, thật thà.

Bên cạnh đó, các em cũng thích được học tập theo cách lựa chọn, lựa chọn cả về nội dung và hình thức. Nếu nội dung và hình thức học tập bị bó buộc theo những yêu cầu của GV, mặc dù vẫn phải tuân thủ song HS thấy nhàm chán. Do đó nếu môn Địa lí không gây được sự ham mê yêu thích thì rất dễ các em sẽ gạt môn này sang bên lề của quá trình học tập.

Tuy nhiên, không phải nhóm HS nào cũng đạt được kết quả cao nhất khi tham gia học theo HTTN, đôi khi một số em cảm thấy nó mang nhiều tính hình thức và đạt được ít hiệu quả hơn so với việc làm việc theo cá nhân. Một số HS coi bài tập nhóm là công việc của tập thể nên thường có tâm lí "không phải việc của mình", ai cũng trừ mình ra và kết quả cuối cùng là "cha chung không ai khóc". Bên cạnh đó, rất nhiều HS nghĩ rằng học nhóm sẽ rất thoải mái vì nó là hình thức vừa học vừa chơi, vừa học vừa nói chuyện, bàn chuyện này chuyện khác, không phải ghi chép nhiều, hay không phải ngồi nghiêm túc và giả vờ chú ý lắng nghe… đó cũng là suy nghĩ sai lầm về học tập và làm việc theo nhóm. [43]

Trên cơ sở phân tích đặc trưng tâm lí lứa tuổi, nhận thức của HS, tác giả nhận thấy một cách rõ ràng đó là việc cùng nhau học tập trong cùng một nhóm, không chỉ giúp HS phát huy được tính tích cực xã hội, thoả mãn nhu cầu giao tiếp mà điều quan trọng hơn là giúp các em nhận thức được bản thân mình và người khác đồng thời qua đó phát triển một số kĩ năng như so sánh, phân tích,… Học tập trong môi trường nhóm sẽ thúc đẩy sự tích cực học tập của cá nhân, tạo sự gắn kết trong một cộng đồng. Trong khi làm việc nhóm, những mâu thuẫn sẽ nảy sinh từ đó HS phải giải quyết "xung đột". Từ đó, họ sẽ có khả năng giải quyết những mâu thuẫn, thuyết phục người khác trong những hoàn cảnh có thể bắt gặp trong cuộc sống sau này. Đó cũng là những mục tiêu mà luận án của tác giả hướng tới.

1.5.2. Trình độ nhận thức của HS trường DBĐHDT

Quá trình nhận thức của con người là quá trình đi từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng. Ở độ tuổi 18-19 tuổi nói chung, các em có khả năng quan sát một cách toàn diện về các sự vật hiện tượng, quan sát có tính mục đích, chủ định, chính xác, hệ thống và toàn diện hơn. Hoạt động học tập ở lứa tuổi này đòi hỏi tính năng động, độc lập lĩnh hội kiến thức và phải có tư duy lý luận. Quá trình quan sát hình ảnh thường gắn với các tín hiệu ngôn ngữ tuy nhiên nếu không có sự định hướng của GV, thì việc quan sát của HS cũng dễ xa đà quá rộng.

Quá trình ghi nhớ có chủ định giữ vai trò chủ đạo trong hoạt động trí tuệ của các em, đồng thời vai trò của ghi nhớ logic trừu tượng, ghi nhớ ý nghĩa ngày một tăng rõ rệt (các em sử dụng tốt hơn các phương pháp ghi nhớ, tóm tắt ý chính, so sánh, đối chiếu…). Đặc biệt, các em đã có khả năng phân hoá trong ghi nhớ khi phân biệt tài liệu nào cần nhớ từng chữ, cái gì hiểu mà không cần nhớ. Vì các em đã học qua THTP, đặc biệt trải qua kì thi CĐ và ĐH, do đó khả năng, trình độ nhận thức của các em cũng đã phát triển ở các mức độ khác nhau nhất định.

Tuy nhiên, bên cạnh nhóm dân tộc chiếm số lượng đông và có khả năng nhận thức ở mức độ cao hơn như HS thuộc nhóm dân tộc Tày, Nùng, Mường cũng còn một số dân tộc thật sự ít người và khả năng nhận thức và học tập còn hạn chế như nhóm HS dân tộc Mông, Sán Chỉ, Dao, Pà Thẻn, La Hủ. Với HS dân tộc miền núi, trình độ nhận thức và khả năng tư duy của các em phần lớn còn tương đối chậm so với HS vùng đồng bằng và ở các thành phố.

Xu hướng nhận thức của các em thường thiên về tự nhiên, trực quan sinh động. Quá trình học tập, sinh hoạt và tư duy của các em còn chịu ảnh hưởng rất lớn bởi truyền thống, văn hóa đặc trưng dân tộc mình. Khả năng tư duy trừu tượng, tư duy phản biện, logic cũng như tinh thần hợp tác, chia sẻ, giao tiếp trong quá trình học tập của HS dân tộc còn hạn chế.

Chính vì vậy, việc tổ chức cho các em học tập HTTN sẽ là một giải pháp giáo dục đặc biệt quan trọng nhằm giáo dục cho các em không chỉ về kiến thức mà còn hình thành và rèn luyện tinh thần hợp tác, trách nhiệm giúp các em hòa nhập và tự tin trong học tập, trong giao tiếp cũng như trong cuộc sống để tương lai đây là lực lượng cán bộ, lao động người dân tộc có trình độ sẽ đóng góp cho sự phát triển của vùng dân tộc miền núi của nước ta trong sự nghiệp phát triển KT-XH chung của đất nước.

****

Kết luận chương 1

Qua nghiên cứu lý luận và điều tra, khảo sát thực tế về việc *"Vận dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí ở Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương"*,cho thấy một số vấn đề sau:

- Đổi mới PPDH Địa lí ở trường DBĐHDT là một nhiệm vụ quan trọng, đã và đang được tiến hành mạnh mẽ theo yêu cầu của xã hội về mục tiêu, nội dung và phương pháp GD. Thực chất của đổi mới PPDH theo hướng tích cực là tổ chức DH hướng tới việc phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo, phát triển năng lực và chống lại thói quen học tập thụ động của HS.

- Việc tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí ở trường DBĐHDT là một trong những hình thức đổi mới PPDH nhằm phát huy năng lực nhận thức độc lập, sáng tạo của HS và giúp cho HS dân tộc rèn luyện khả năng tư duy thực hành, phát triển các năng lực căn bản như năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác làm việc theo nhóm, năng lực báo cáo... Từ những mục đích có thể đạt được trên khi tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí, có thể khẳng định được rằng: đây là một cách tổ chức DH rất cần thiết và có ý nghĩa GD rất lớn với HS dân tộc và với đặc trưng riêng của bộ môn Địa lí ở trường DBĐHDT. Vì ưu thế vượt trội của việc tổ chức hoạt động học tập HTTN so với các hình thức tổ chức khác là ngoài việc đảm bảo cung cấp đầy đủ cho HS nguồn kiến thức Địa lí của bài mới thì học tập HTTN còn giúp hình thành cho các em các kĩ năng mềm, kĩ năng làm việc đồng đội để các em có thể tồn tại trong xã hội mới và bước vào tương lai một cách tự tin nhất.

- Vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm vào DH Địa lí là một trong những giải pháp góp phần đổi mới PPDH, nâng cao hiệu quả bài học Địa lí giúp HS thay đổi phương pháp học tập, đó là tự học, tự nghiên cứu và tiến tới tự đánh giá trong quá trình học tập ở trường DBĐHDT.

Qua việc khảo sát thực tế giảng dạy của GV ở các trường THPT nơi tạo nguồn tuyển sinh cho trường DBĐHDT Trung ương nói riêng và GV trường DBĐHDT nói chung, có thể thấy các GV Địa lí đã tiến hành vận dụng và tổ chức hoạt động HTTN khi dạy các bài học Địa lí. Tuy nhiên, cũng theo kết quả điều tra thực tế thì hiện nay, tần suất và mức độ sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm và các kĩ thuật DH tích cực của các GV Địa lí còn chưa nhiều, chưa phát huy được hiệu quả cũng như những ưu điểm của dạy học HTTN, đồng thời cũng chưa phát huy được tối đa tính tích cực hóa của HS trong DH Địa lí cho HS ở trường THPT cũng như ở hệ DBĐHDT.

Từ việc hệ thống, khái quát và phát triển những vấn đề chung trong việc vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm vào DH, đề tài đã xây dựng được cơ sở lý luận và thực tiễn của việc tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm với các kĩ thuật thảo luận vào DH Địa lí ở trường DBĐHDT. Đây là những vấn đề cơ bản, những định hướng quan trọng cần phải thực hiện trong quá trình nghiên cứu.

Chương 2
TỔ CHỨC DẠY HỌC HỢP TÁCTHEO NHÓM TRONG MÔN ĐỊA LÍ Ở TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC

2.1. Yêu cầu và nguyên tắc khi tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí ở trường DBĐHDT

2.1.1. Các yêu cầu khi tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí ở trường DBĐHDT

2.1.1.1. Yêu cầu đối với GV

Để tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí mang lại hiệu quả và đảm bảo tính khoa học thì trước tiên đòi hỏi người GV phải đảm bảo được các yêu cầu cụ thể sau:

- *Thứ nhất GV phải hiểu được bản chất của PPDH hợp tác theo nhóm.*

PPDH hợp tác theo nhóm là một PPDH tích cực ở đó các hoạt động riêng lẻ của từng cá nhân được tổ chức lại và liên kết với nhau trong những hoạt động chung nhằm thực hiện các nhiệm vụ học tập. Đồng thời, trong quá trình liên kết sẽ hình thành và tích hợp các mối quan hệ, tác động qua lại giữa thầy – nhóm – trò, giúp HS lĩnh hội tri thức một cách tốt nhất.

Khi vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm nhỏ trong DH Địa lí, đối tượng HS được đặt vào các nhóm. Từ đây, nhóm sẽ là môi trường để HS học tập, rèn luyện các kĩ năng làm việc theo nhóm, làm việc tập thể, thảo luận. Bản chất quá trình học tập HTTN của HS có thể hình dung cụ thể thông qua các giai đoạn như sau:

+ *Giai đoạn thứ nhất:HS được đặt vào những tình huống cụ thể và sinh động,* do đó nhu cầu khám phá, tìm tòi và sáng tạo của HS được nảy sinh qua đó lĩnh hội được những tri thức mới. Từ đó, HS có thể vận dụng linh hoạt và sáng tạo các tri thức vào các tình huống khác nhau trong hoạt động học tập cũng như thực tiễn của bản thân.

+ *Giai đoạn thứ hai: Hợp tác với các thành viên khác,* trước những tình huống, nhiệm vụ cụ thể HS sẽ nảy sinh nhu cầu cùng hợp tác với các thành viên trong nhóm để tìm ra hướng giải quyết. Các thành viên trong nhóm sẽ bày tỏ quan điểm của mình, lắng nghe quan điểm của người khác, cùng trao đổi để giải quyết các nhiệm vụ học tập và cùng bảo vệ quan điểm chung của nhóm.

+ *Giai đoạn thứ ba: Hợp tác với GV,* ở giai đoạn này HS không thụ động ngồi nghe GV thuyết giảng mà có sự trao đổi qua lại với GV, từ định hướng của GV sẽ giúp HS học được cách phân tích, tổng hợp. Đồng thời thông qua kết luận của GV, HS tự đánh giá, kiểm tra và điều chỉnh sản phẩm của mình.

+ *Giai đoạn thứ tư:* Tự kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh bổ sung những thiếu sót. GV cần hiểu sâu bản chất của PPDH hợp tác theo nhóm là tranh luận và trao đổi trực tiếp để kích thích được tính tích cực, tự thể hiện trách nhiệm cá nhân, tự kiểm tra, tự điều chỉnh, thúc đẩy sự phối hợp trực tiếp giữa các thành viên trong nhóm; bình đẳng, tôn trọng cùng sáng tạo và chia sẻ kinh nghiệm.

- *Thứ hai GV phải nhận thức và thực hiện tốt được vai trò của người dạy trong quá trình tổ chức hoạt động DH hợp tác theo nhóm.*

Trong quá trình vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm, GV phải đóng vai trò là người tổ chức, hướng dẫn, điều khiển quá trình hoạt động nhóm và khích lệ các nhóm trong quá trình làm việc.

+ *Thu thập thông tin về người học.*GV cần phải thu thập thông tin về đối tượng HS mà mình đang dạy để hiểu và nắm được đặc điểm tâm sinh lí cũng như khả năng nhận thức của từng HS trong lớp làm cơ sở cho việc nhận thức và lựa chọn cũng như vận dụng các PPDH sao cho phù hợp và hiệu quả nhất.

+ *Xác định mục tiêu chung của hoạt động nhóm.* Khi GV đã nắm được các thông tin về người học kết hợp với nội dung kiến thức để xác định mục tiêu nhận thức chung cho cả lớp, đó cũng là mục tiêu hoạt động của nhóm.

+ *Chuẩn bị tài liệu, phương tiện cần thiết.* Đối với quá trình vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí, tùy theo nhiệm vụ giao cụ thể cho các nhóm, GV phải chuẩn bị các tài liệu và phương tiện cần thiết như: Bản đồ, bảng số liệu, biểu đồ, tranh ảnh, máy tính, máy chiếu, video,... việc chuẩn bị đầy đủ các phương tiện cần thiết sẽ tạo thuận lợi cho các nhóm làm việc.

+ *Lựa chọn các nội dung, chủ đề thích hợp để tổ chức hoạt động HTTN.* Chương trình Địa lí ở Trường DBĐHDT rất đa dạng bao gồm chương trình Địa lí đại cương, Địa lí KT-XH thế giới, Địa lí Việt Nam. Song trong chương trình không phải bài nào, nội dung nào cũng vận dụng được PPDH hợp tác theo nhóm đạt hiệu quả được. Bởi vậy, GV phải lựa chọn những bài dạy với các nội dung phù hợp nhất và phải nhận thức được rằng với các nội dung đó trong quá trình DH thì việc vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm là có khả năng đạt hiệu quả cao hơn các PPDH khác.

+ *Nghiên cứu chia nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm khoa học và phù hợp.*

Đối với PPDH hợp tác theo nhóm thì cách chia nhóm cũng ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng DH và nhận thức của người học. GV phải căn cứ vào nội dung bài học, mục tiêu hoạt động của nhóm mà chia nhóm ngẫu nhiên hoặc chỉ định, chia nhóm lớn hay nhóm nhỏ. Khi giao nhiệm vụ cho các nhóm, GV cũng phải làm sao

để gắn kết giữa các thành viên trong nhóm. Đồng thời nhiệm vụ mà GV giao cho các nhóm cũng phải phù hợp với khả năng nhận thức của các thành viên trong nhóm nếu không sẽ không hiệu quả. GV có thể căn cứ vào mục tiêu chung về nhận thức để chia lớp học thành các nhóm sao cho phù hợp nhất.

GV tiến hành sắp xếp, bố trí về vị trí giữa các nhóm, các thành viên trong nhóm sao cho phù hợp nhất với khuôn viên của phòng học để thận lợi nhất cho việc thảo luận hợp tác.

+ *Tổ chức, hướng dẫn, điều khiển quá trình hoạt động nhóm.* Để hoạt động thảo luận của nhóm đạt được kết quả tốt và đảm bảo về mặt thời gian GV phải đóng vai trò là người tổ chức, hướng dẫn, điều khiển quá trình hoạt động nhóm và khích lệ các nhóm trong quá trình làm việc.

+ *Phải tổng kết, chuẩn kiến thức và đánh giá khi kết thúc thảo luận hợp tác.* Sau khi thời gian làm việc của nhóm kết thúc, ngoài việc nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm, các thành viên trong các nhóm, GV phải tổng kết, chuẩn kiến thức để các nhóm so sánh kết quả mà nhóm mình đã làm được. Điều này đòi hỏi GV cũng phải có phương pháp tổng kết, đánh giá phù hợp và khoa học trên cơ sở mục tiêu chung của bài học.

2.1.1.2. Yêu cầu đối với HS

Để việc vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm mang lại hiệu quả thì người học cần phải tuân thủ và thực hiện một số yêu cầu sau:

- Nhận thức đúng và đầy đủ nhiệm vụ được giao. HS trong mỗi nhóm phải tập trung chú ý lắng nghe GV phổ biến các nhiệm vụ học tập để biết được nhiệm vụ cụ thể của nhóm cũng như các yêu cầu khi thực hiện nhiệm vụ trong nhóm. Đồng thời nếu nhóm chưa rõ về nhiệm vụ thì có thể trao đổi và hỏi lại trực tiếp GV.

- Có tinh thần trách nhiệm cao, tích cực, tự giác không ỷ lại vào các thành viên khác trong nhóm.

- Các hoạt động học của HS phải được thực hiện dưới sự giám sát, tổ chức, điều khiển và hướng dẫn của GV.

- Tôn trọng ý kiến của các thành viên khác đưa ra, không phải đối đầu mà là tranh luận, đối thoại.

- Không nói chuyện hay làm việc riêng trong khi thảo luận nhóm.

2.1.1.3. Yêu cầu về cơ sở vật chất

- *Về cơ sở vật chất*

Cơ sở vật chất phục vụ cho quá trình tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm như kích thước phòng học, không gian lớp học cũng phải được đảm bảo và sắp xếp sao cho phù hợp để góp phần mang lại hiệu quả cao của quá trình thảo luận.

Vì nếu phòng học quá hẹp sẽ làm cho việc đi lại giám sát, hướng dẫn của GV hoặc di chuyển của HS sẽ gặp khó khăn và ngược lại nếu phòng học quá rộng cũng sẽ làm cho không khí lớp học bị loãng, khó kiểm soát dẫn đến mức độ tập trung của các thành viên khi thảo luận trong nhóm, giữa các nhóm không cao.

- *Về phương tiện DH*

Để chuẩn bị cho các hoạt động thảo luận, hợp tác thì cả GV và HS đều phải chuẩn bị các phương tiện cần thiết cũng như đặc trưng của bộ môn Địa lí như: Bản đồ, bảng số liệu, biểu đồ, tranh ảnh, máy tính, máy chiếu, Video, bảng phụ, giấy A_0, bút chì màu,…để phục vụ cho các nhiệm vụ cụ thể trong quá trình hợp tác thảo luận.

2.1.2. Nguyên tắc khi tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí ở trường DBĐHDT

2.1.2.1. Đảm bảo mối quan hệ biện chứng giữa vai trò chủ đạo trong tổ chức, điều khiển, hướng dẫn của GV với tính tích cực, chủ động và sáng tạo của HS

Trong quy trình tổ chức hoạt động học tập hợp tác theo nhóm nhỏ, có hai nhân tố quan trọng nhất đó là hoạt động dạy của GV và hoạt động học của HS. Trong đó mỗi nhân tố có vai trò khác nhau: GV đóng vai trò là người tổ chức, hướng dẫn, điều khiển các hoạt động thảo luận còn HS là chủ thể hoạt động tích cực, chủ động, sáng tạo.

Tuy có vai trò khác nhau song hai nhân tố này có mối quan hệ hữu cơ, biện chứng với nhau. Nếu thiếu một trong hai nhân tố này thì không thể tổ chức được hoạt động học tập hợp tác theo nhóm. Vì các PPDH đều phản ánh những cách thức khác nhau của việc tổ chức điều khiển của thầy và tự tổ chức, tự điều khiển của trò để qua quá trình điều khiển của thầy, HS có thể phát huy được các năng lực học tập, chủ động, sáng tạo trong quá trình tìm tòi và chiếm lĩnh tri thức.

Do đó, trong quá trình tổ chức dạy học HTTN, các hoạt động sư phạm của GV phải luôn đảm bảo sự phù hợp với các hoạt động tự học, tự điều khiển của HS để tạo thành một quá trình biện chứng, tác động xuyên suốt quá trình DH của GV với HS.

2.1.2.2. Đảm bảo sự hài hòa giữa hình thức học cá nhân, học nhóm và học tập thể

Căn cứ vào tính chất quan hệ của cá nhân trong quá trình học tập, người ta phân chia thành ba hình thức hoạt động DH cơ bản là hoạt động cá nhân, hoạt động theo nhóm và hoạt động tập thể. Tuy nhiên, học tập tập thể, hợp tác không có nghĩa là xóa nhòa, thủ tiêu hoạt động học tập cá nhân mà ngược lại làm tích cực hóa hoạt động của cá nhân. Vì mỗi cá nhân HS là những nhân cách cụ thể với những khác biệt về năng lực, tính cách, khí chất, thẩm mĩ…Mỗi cá nhân sẽ đóng góp cho hoạt động của nhóm cao nhất khi họ được đảm nhận những nhiệm vụ phù hợp với năng lực và sở trường của bản thân.

Trong PPDH hợp tác theo nhóm, mỗi HS bao giờ cũng hiện diện trong một nhóm cụ thể, các cá nhân có mối quan hệ phụ thuộc tích cực, liên kết và phối hợp với nhau để hoàn thành mục tiêu chung của nhóm mình.

Vì vậy, khi xây dựng quy trình tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhómcần đảm bảo sự hài hòa giữa các hình thức học cá nhân, học nhóm và học tập thể để vừa huy động sức mạnh và hội tụ được trí tuệ của tập thể, đồng thời tạo điều kiện cho cá nhân phát huy được những năng lực, sở trường của bản thân đóng góp tích cực vào thành quả chung của nhóm. Đây là một trong những nguyên tắc quan trọng nhằm đảm bảo cho hoạt động vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm đạt hiệu quả.

2.1.2.3. Đảm bảo tính hệ thống

Quy trình tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm mang tính hệ thống, cấu trúc, bao gồm nhiều nhân tố và nhiều quy trình có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

Quy trình vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm phải là một chỉnh thể thống nhất giữa quy trình dạy và quy trình học. Xây dựng quy trình tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm đảm bảo tính hệ thống cấu trúc nghĩa là phải phân chia quy trình đó thành các giai đoạn, trong đó có giai đoạn mở đầu và giai đoạn kết thúc.

Ở mỗi giai đoạn lại bao gồm những bước khác nhau. Quy trình ấy phải phù hợp với quy luật của quá trình nhận thức từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp. Tuy nhiên các giai đoạn phải được liên kết với nhau một cách chặt chẽ và logic. Giai đoạn hay yếu tố trước, phải là điều kiện, tiền đề để thực hiện các yếu tố, giai đoạn sau. Điều đó, cũng có nghĩa là các yếu tố, giai đoạn tiếp sau là sự kế tiếp, hoàn thiện và hiện thực hóa của yếu tố, giai đoạn trước đó.

Do đó, cần phải xác định được số lượng các giai đoạn, các bước, các thao tác vừa đủ để thực hiện hoạt động có hiệu quả. Nội dung của mỗi yếu tố không quá phức tạp cần đảm bảo tính vừa sức cho HS thực hiện được với sự nỗ lực nhất định. Các yếu tố cần phải được sắp xếp một cách chặt chẽ và lôgic sao cho có thể dễ dàng kiểm soát trong từng bước, từng thao tác.

Chính vì vậy, muốn đảm bảo được tính hệ thống cấu trúc trong quá trình tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm, thì phải phân chia quá trình đó thành các giai đoạn, từ giai đoạn đầu đến giai đoạn cuối ở mỗi giai đoạn lại bao gồm các bước, các thao tác phản ánh logic quá trình DH. Quy trình ấy phải phù hợp với quá trình nhận thức, phải gần với lôgic tự nhiên của hoạt động dạy và hoạt động học.

2.1.2.4. Đảm bảo tính thực tiễn

Quy trình tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm phải được tổ chức phù hợp với nội dung, đặc điểm tâm sinh lí của HS, phù hợp với cơ sở vật chất, trang thiết bị DH hay chính là phù hợp với thực tiễn.

Vì thực tiễn vừa là cơ sở, mục đích vừa là nơi để kiểm nghiệm tính hiệu quả, tính khoa học, tính sát thực của lý thuyết khoa học. Đồng thời, thực tiễn cũng ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả làm việc của hoạt động học tập HTTN. Cụ thể, tổ chức quá trình vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm phải đảm bảo những yếu tố thực tiễn sau:

- Phải phù hợp với những điều kiện DH ở trường DBĐHDTvề các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị DH ở nhà trường..

- Phù hợp với trình độ, năng lực sư phạm của GV tại trường DBĐHDT, phù hợp với điều kiện cụ thể của trường, có khả năng triển khai, ứng dụng rộng rãi trong DH Địa lí.

- Phải có tính phổ quát, ứng dụng rộng rãi và hiệu quả.

- Phù hợp với nội dung, chương trình DH của môn học ở trường DBĐHDT.

- Các bài tập, nội dung thảo luận nhóm phải bám sát nội dung học tập, phù hợp với trình độ, năng lực nhận thức của HS dân tộc, khơi gợi hứng thú, sự ham mê học tập đối với các em.

2.1.2.5. Đảm bảo tính toàn diện

Nguyên tắc này đòi hỏi phải tác động tới tất cả các thành tố trong quy trình dạy học, làm cho các thành tố đó vận động và phát triển tốt nhằm đạt hiệu quả cao trong quá trình tổ chức và thực hiện trên nhiều phương diện.

Hiệu quả về GD: Quy trình tổ chức phải giúp người học lĩnh hội tri thức, rèn luyện các kỹ năng Địa lí với hiệu suất cao nhất, vững chắc nhất, sâu sắc nhất.

Có ý thức học tập, đoàn kết, giúp đỡ tương trợ nhau trong học tập, đồng thời phát triển các năng lực, phẩm chất trí tuệ để từ đó người học có điều kiện học suốt đời.

Hiệu quả kinh tế: Khi tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm phải đảm bảo tiết kiệm được thời gian, sức lực của thầy và trò cũng như sự đầu tư của Nhà nước nhưng vẫn đảm bảo chất lượng và hiệu quả GD.

2.1.2.6. Đảm bảo tính phân hóa trong vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm

a) Phân hóa trong thiết kế các nhiệm vụ học tập

Việc lựa chọn nội dung DH để vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm là hết sức cần thiết, tuy nhiên không phải nội dung nào cũng sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm. Vì vậy, GV cần phải phân tích, nghiên cứu kĩ nội dung bài học để từ đó xác định được những đơn vị kiến thức phù hợp với PPDH hợp tác theo nhóm, cũng như phù hợp với mục tiêu, trình độ nhận thức của HS.

Để thực hiện tốt được nhiệm vụ này, yêu cầu đối với GV đó là cần phải xác định đúng các mục tiêu DH mà HS cần đạt được về tất cả các mặt như: Kiến thức, kĩ năng, thái độ và dự kiến được các năng lực sẽ hình thành cho HS sau giờ học. Xác định brình thực hiện nhiệm vụ được giao để lĩnh hội tri thức. Tùy theo nội dung, nhiệm vụ bài học, GV có thể dự kiến các nhiệm vụ sao cho phù hợp và phát huy năng lực sáng tạo và tuy duy độc lập của HS. Đồng thời, GV cần phải luôn theo dõi, bám sát, tìm hiểu để nắm bắt được điểm mạnh và những mặt còn hạn chế trong trình độ, năng lực của từng cá nhân HS trong lớp để từ đó đề ra các biện pháp tác động và điều chỉnh cho phù hợp.

b) Phân hóa trong tổ chức các nhóm học tập

Trong quá trình vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm, việc tổ chức các nhóm sao cho hợp lí là điều rất quan trọng góp phần quyết định đến sự thành công của hoạt động nhóm. Vì vậy, để tổ chức vận dụng thành công các giờ dạy theo hình thức học tập HTTN, thì sự phân hóa trong việc tổ chức nhóm học tập là rất quan trọng và cần thiết.

Để bảo đảm được sự phân hóa trong tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm, GV cần phải căn cứ nội dung, nhiệm vụ học tập, sĩ số lớp học để xác định số lượng thành viên của mỗi nhóm và hình thức phân chia nhóm. Có nhiều cách chia nhóm như: Chia nhóm đồng việc, nhóm khác việc, nhóm chuyên sâu, nhóm theo địa phương, chia ngẫu nhiên,... tuy nhiên GV cần phối hợp các cách chia nhóm sao cho phù hợp nhất với điều kiện thực tế giảng dạy, đặc biệt trong một nhóm cần có sự kết hợp giữa những thành viên có học lực khá, giỏi với thành viên trung bình và yếu để nhằm mục đích khơi dậy tinh thần chia sẻ, giúp đỡ, học hỏi và thi đua ở mỗi cá nhân và về mặt tâm lí cũng tránh được sự mặc cảm, tự ti, phân biệt giữa HS trong nhóm. Số lượng thành viên trong nhóm để thực hiện hiệu quả nhất hoạt động hợp tác là từ 4-6 thành viên. Số lượng thành viên phù hợp sẽ thuận lợi cho việc tiến hành thực hiện các nhiệm vụ, dễ phân công nhiệm vụ, dễ kiểm soát, đồng thời hạn chế được tâm lí ỷ lại của HS.

Bên cạnh đó, trong quá trình hình thành nhóm cũng cần thống nhất mục tiêu hoạt động của nhóm, phân công nhiệm vụ cho thành viên trong nhóm để đảm bảo thành viên nào cũng có cơ hội được tham gia hoạt động, góp phần thực hiện đúng tiến độ và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

c) Phân hóa trong việc tổ chức và điều khiển hoạt động hợp tác nhóm

Trong quá trình tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm, GV cần phải tạo điều kiện cũng như môi trường để HS được thể hiện năng lực và chính kiến của bản thân.

GV điều khiển hoạt động của nhóm bằng việc sử dụng các kĩ thuật DH nhằm phát huy sức mạnh trí tuệ của từng cá nhân trong nhóm như: Kĩ thuật DH khăn phủ bàn, mảnh ghép, động não, sơ đồ tư duy,...Theo dõi và giúp đỡ các nhóm kịp thời khi gặp khó khăn, quan tâm gợi mở cho những thành viên có lực học yếu, trung bình và định hướng những ý tưởng sáng tạo cho thành viên khá, giỏi trong nhóm.

Thường xuyên giám sát, đôn đốc các nhóm để hoàn thành nhiệm vụ đã đề ra. Luôn hỗ trợ, động viên HS để giúp các em tự tin hoàn thành nhiệm vụ. Phải rèn luyện cho HS những kĩ năng cần thiết khi tham gia học tập HTTN như: Làm việc cá nhân, thảo luận, báo cáo, ghi biên bản,...Cũng cần có sự kết hợp hài hòa giữa hai hình thức là làm việc chung theo lớp với phân công nhiệm vụ giữa các nhóm, thông qua hoạt động nhóm và sự hợp tác giữa các nhóm.

d) Phân hóa trong đánh giá kết quả hoạt động giữa các nhóm

Đánh giá kết quả hoạt động giữa các nhóm một cách công bằng, khách quan và toàn diện là một trong những vấn đề khó khăn mà nhiều GV gặp phải trong quá trình tổ chức hoạt động học tập HTTN cho HS. Vì vậy, việc phân hóa trong quá trình đánh giá kết quả hoạt động hợp tác của nhóm sẽ góp phần tích cực vào việc nâng cao hiệu quả.

Để thực hiện được sự phân hóa trong đánh giá kết quả hoạt động HTTN, GV cần phải căn cứ vào nhiệm vụ học tập để thiết kế nội dung kiểm tra, đánh giá sao cho phù hợp với đặc điểm nhận thức của HS về mức độ nhận thức theo bậc thang kiến thức của nội dung kiểm tra, đánh giá. GV phải thiết kế, xây dựng và dự đoán các nguyên tắc, tiêu chí, phạm vi đánh giá kết quả hoạt động HTTN trước khi HS tham gia hoạt động nhóm. GV cũng cần đa dạng hóa các hình thức và nội dung kiểm tra, đánh giá nhằm công nhận những thành công của HS trong quá trình hoạt động HTTN, đồng thời chỉ ra những hạn chế, việc chưa làm được và những biện pháp khắc phục để từ đó giúp HS hoàn thiện dần về kiến thức, kĩ năng và cả năng lực. Trong hoạt động đánh giá kết quả làm việc của nhóm, cũng cần tuân thủ đúng quy trình thảo luận kết quả của nhóm đó là: Đại diện nhóm báo cáo, các nhóm khác nhận xét, bổ sung, sau đó GV nhận xét và đánh giá. Kết hợp đánh giá bộ phận với đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc, đánh giá chéo giữa các nhóm. Kết hợp đánh giá kiến thức, kĩ năng, thái độ và năng lực của HS khi tham gia học tập HTTN. Để kết quả đánh giá được chính xác, GV cũng cần theo dõi chặt chẽ hoạt động của các nhóm, công khai điểm đánh giá cho từng nhóm và luôn luôn động viên, khuyến khích HS.

2.2. Quy trình tổ chức DH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí ở trường DBĐHDT

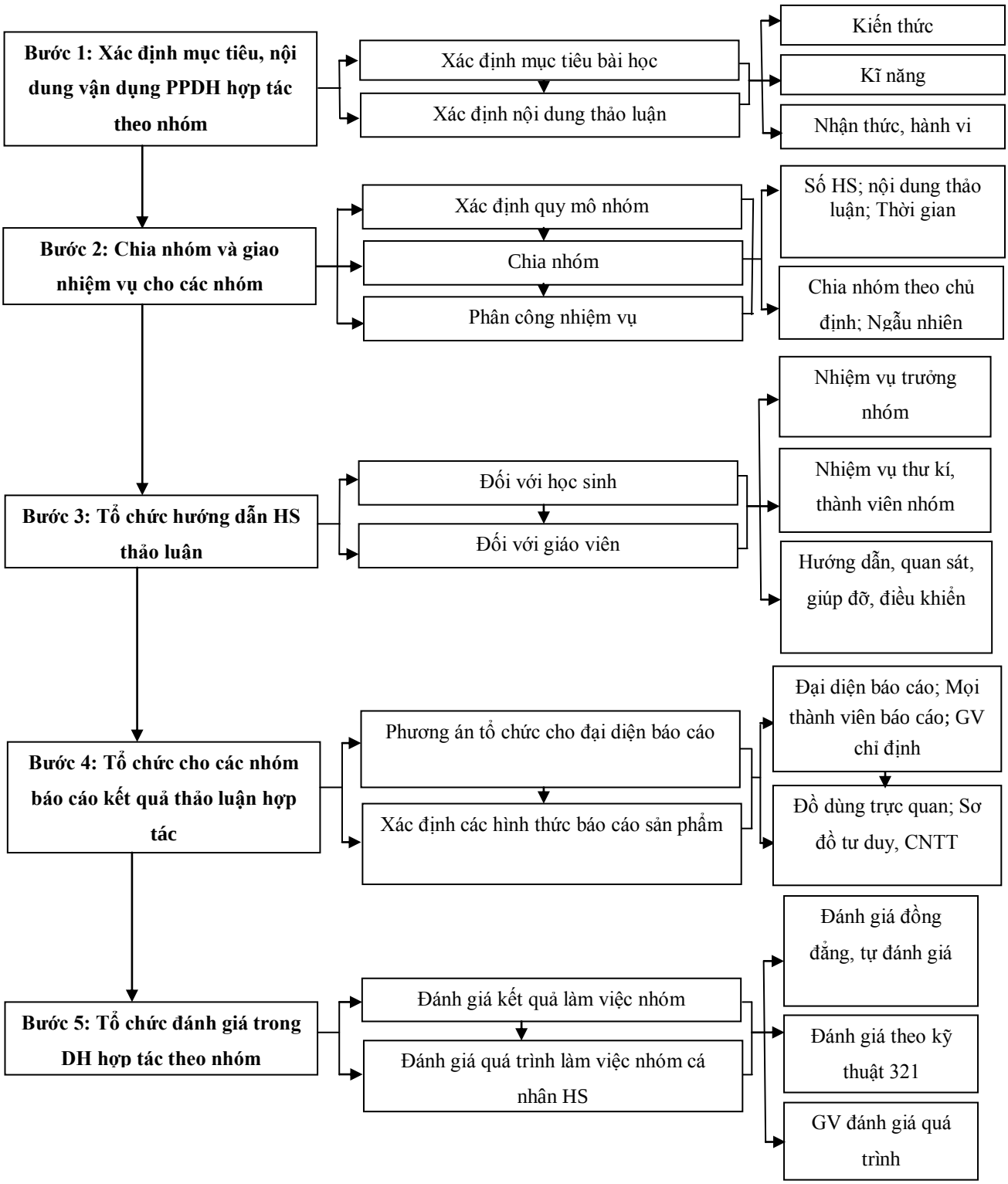

Hình 2.1. Sơ đồ quy trình dạy học hợp tác theo nhóm

Trên cơ sở phân tích, tổng hợp lí luận về PPDH hợp tác theo nhóm, đánh giá thực trạng DH Địa lí và cơ sở phục vụ quá trình DH của trường DBĐHDT cũng như kế

thừa có chọn lọc những thành công trong nghiên cứu về PPDH hợp tác theo nhómcủa các tác giả đi trước, lấy nguyên tắc tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm làm cơ sở, tác giả xây dựng quy trình tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí ở trường DBĐHDT. Quy trình này là sự kết hợp hữu cơ của 5 bước sau:

Bước 1. Xác định mục tiêu, nội dung vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm

Bước 2. Chia nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm

Bước 3. Tổ chức hướng dẫn HS tiến hành thảo luận

Bước 4. Tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả thảo luận hợp tác

Bước 5. Tổ chức đánh giá trong dạy học hợp tác theo nhóm

2.2.1. Xác định mục tiêu, nội dung vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm

2.2.1.1. Xác định mục tiêu bài học

a. Tầm quan trọng của việc xác định mục tiêu bài học

Mục tiêu bài học là những gì HS phải có được về kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, thái độ và hành vi sau một bài học, tiết học. Đây là một trong những bước rất quan trọng trong quy trình tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm đòi hỏi GV cần phải có kĩ năng, kinh nghiệm để lựa chọn, thiết kế được những nội dung thảo luận hấp dẫn với HS, những tình huống có vấn đề để HS tranh luận, lí giải. Nếu vấn đề thảo luận quá dễ, không có tính bất ngờ, HS sẽ cảm thấy nhàm chán, không khơi gợi được sự tò mò, tư duy của HS.

GV xác định chuẩn mục tiêu bài học nhằm:

- Có được phương hướng, tiêu chí để quyết định về nội dung, phương pháp, phương tiện DH.

- Có được ý tưởng rõ ràng về cái cần kiểm tra đánh giá khi kết thúc bài học tiết học.

- Thông báo cho người học biết điều mong đợi ở đầu ra của sự học là gì? Đặc biệt thông quá đó thông báo cho người học biết cái đích cần phải đạt được để người học tự tổ chức và tham gia tích cực vào các hoạt động nhận thức nhằm chiếm lĩnh tri thức mới cho mình.

- Có được ý tưởng rõ ràng về các kiến thức, kỹ năng thái độ cần đạt được của HS.

Như vậy, trong DH Địa lí việc xác định mục tiêu của mỗi bài học mang lại ý nghĩa rất to lớn, bởi mục tiêu là cái đích phải đạt tới sau mỗi bài học Địa lí, do chính GV đề ra để định hướng hoạt động DH của mình. Xác định mục tiêu đúng, cụ thể, rõ ràng thì mới có thể tổ chức các hoạt động DH có hiệu quả, đánh giá được khách quan

và lượng hóa được kết quả DH. Khi xác định mục tiêu GV cần phải nắm được các nguyên tắc, các dạng mục tiêu, kĩ thuật xác định.

b. Cách xác định mục tiêu

Trên cơ sở đã phân tích kỹ nội dung giáo trình (về mặt khái niệm, về mặt lôgíc, về mặt GD, về mặt tâm lý...) cùng với các nguyên tắc và cách phân loại mục tiêu, khi xác định mục tiêu cho mỗi bài học người GV cần phải:

Bước 1: Lựa chọn các kiến thức cơ bản, các kĩ năng, thái độ cần phải đạt được của bài học.

Bước 2: Xác định rõ mức độ cần đạt được về kiến thức, kĩ năng, thái độ và diễn đạt bằng các *"động từ hoá"*. Cụ thể như sau:

- Mục tiêu về kiến thức: Định nghĩa, giải thích, nhận biết... cái gì?
- Mục tiêu về kỹ năng: Quan sát, phân tích, xác định, vẽ, đo... cái gì?
- Mục tiêu về thái độ: Hình thành, chấp nhận, hưởng ứng, tham gia... cái gì?

Ví dụ: Mục tiêu của bài " *Đặc điểm dân số và phân bố dân cư ở nước ta* (Phần III: Địa lí Việt Nam – Giáo trình Địa lí DBĐHDT), được xác định cụ thể như sau:

• Về kiến thức:

+ Trình bày được đặc điểm dân số và tình hình phân bố dân cư của nước ta.

+ Phân tích được những thuận lợi và khó khăn từ đặc điểm dân số và sự phân bố dân cư của nước ta.

+ Giải thích được tại sao dân cư nước ta lại có đặc điểm và sự phân bố như thế?

+ Phân tích được hậu quả của đặc điểm dân số đông và gia tăng nhanh ở nước ta.

+ Đề xuất các giải pháp để giải quyết các vấn đề về dân số và phân bố dân cư chưa hợp lí của cả nước nói chung và của địa phương nói riêng.

• Về kỹ năng: Phân tích lược đồ dân số và phân bố dân cư Việt Nam. Phân tích và nhận xét các bảng số liệu, biểu đồ về dân số. Có khả năng liên hệ, phân tích thực tế dân cư, dân số của địa phương nơi đang sinh sống.

• Về thái độ: Bản thân chấp hành nghiêm các chính sách của nhà nước về dân số, phân bố dân cư, lao động. Có ý thức tuyên truyền, vận động người thân, cộng đồng thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các chính sách, pháp lệnh về dân số của Nhà nước.

Để xác định tốt mục tiêu của bài học, GV cần phải dựa vào chuẩn kiến thức kĩ năng của chương trình giáo dục quy định đối với môn Địa lí ở trường

DBĐHDT. Ngoài ra, dựa vào trình độ nhận thức của HS, GV có thể xác định mục tiêu cao hơn chuẩn.

Tóm lại, việc xác định mục tiêu của bài học là một khâu rất quan trọng trong quá trình thiết kế và tổ chức các hoạt động học tập HTTN cho HS. Có xác định được mục tiêu thì mới xác định được rõ *"đầu ra"* của bài học, các kiến thức, kỹ năng, thái độ cần phải đạt được của HS. Tuy nhiên để xác định được cụ thể mục tiêu bài học thì cần phải dựa vào chuẩn kiến thức kĩ năng của chương trình giáo dục quy định trường DBĐHDT.

2.2.1.2. Xác định nội dung thảo luận

Nội dung thảo luận có vai trò rất quan trọng trong quá trình tổ chức làm việc HTTN, cụ thể việc tổ chức giờ hoạt động HTTN có thành công hay không phụ thuộc rất nhiều vào nội dung mà GV lựa chọn đưa ra để thảo luận hợp tác. Vì nếu vấn đề thảo luận quá dễ, không có tính bất ngờ, HS sẽ cảm thấy nhàm chán, không khơi gợi được sự tò mò, tư duy của HS dẫn đến giờ học HTTN đó sẽ không hiệu quả. Do đó để thực hiện được thành công và hiệu quả mỗi giờ thảo luận hợp tác cho HS, GV cần phải có kĩ năng, kinh nghiệm để lựa chọn, thiết kế được những nội dung thảo luận hấp dẫn với HS, những tình huống có vấn đề để HS tranh luận, lí giải và khơi gợi được sự chủ động, sáng tạo của mỗi HS.

Để xác định được đúng nội dung cho hoạt động học tập hợp tác trong quá trình tổ chức vận dụng, GV cần phải căn cứ vào mục tiêu của cụ thể từng bài học và phải xác định rõ mục tiêu của bài đó, vì đó là cơ sở đặc biệt quan trọng và quyết định để xác định mục tiêu của hoạt động HTTN trong bài. Mục tiêu bài học là những gì HS phải có được về kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, thái độ và hành vi sau một bài học, tiết học. Đây là một trong những bước rất quan trọng trong quy trình tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm. Trên cơ sở nội dung kiến thức cơ bản đã xác định GV mới đề ra cách thức của nhiệm vụ nhóm. GV có thể yêu cầu tất cả các nhóm cùng thực hiện chung một nhiệm vụ hoặc cũng có thể là mỗi nhóm thực hiện một nhiệm vụ khác nhau tùy thuộc vào nội dung và mục tiêu cụ thể của từng bài học chứ không do ý muốn chủ quan của GV. Cùng với đó, khi xác định chuẩn được mục tiêu bài học sẽ giúp GV:

- Có được phương hướng, tiêu chí để quyết định về nội dung, phương pháp, phương tiện DH cũng như xem xét có phù hợp để tổ chức theo phương pháp thảo luận HTTN hay không.

- Có được ý tưởng rõ ràng về cái cần kiểm tra đánh giá khi kết thúc bài học tiết học hợp tác.

- Thông báo cho người học biết điều mong đợi ở đầu ra của sự học là gì? Đặc biệt thông quá đó thông báo cho người học biết cái đích cần phải đạt được để người học tự tổ chức và tham gia tích cực vào các hoạt động nhận thức nhằm chiếm lĩnh tri thức mới cho mình.

- Có được ý tưởng rõ ràng về các kiến thức, kỹ năng thái độ cần đạt được của HS.

Như vậy, trong DH Địa lí việc xác định mục tiêu của mỗi bài học mang lại ý nghĩa rất to lớn, bởi mục tiêu là các đích phải đạt tới sau mỗi bài học Địa lí, do chính GV đề ra để định hướng hoạt động DH của mình. Xác định mục tiêu đúng, cụ thể, rõ ràng thì mới có thể tổ chức các hoạt động DH hợp tác theo nhóm có hiệu quả, đánh giá được khách quan và lượng hóa được kết quả DH.

Bảng 2.1. Mục tiêu, nội dung thảo luận phần Địa lí đại cương trong chương trình Địa lí ở trường DBĐHDT

Chương trình Địa lí	Nội dung Địa lí	Mục tiêu	Nội dung cần thảo luận
Phần I: Địa lí đại cương	1. Hệ quả các chuyển động của Trái Đất	- *Kiến thức:*Trình bày và giải thích được các hệ quả chủ yếu của chuyển động tự quay quanh trục và chuyển động quanh Mặt Trời của Trái Đất. - *Kĩ năng:*Sử dụng tranh ảnh, hình vẽ, mô hình để trình bày, giải thích các hệ quả chuyển động của Trái Đất.	- Các hệ quả chuyển động của Trái Đất quay quanh trục và quay quanh Mặt Trời.
	2. Tác động của nội và ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất	- *Kiến thức:* Trình bày được khái niệm nội lực, ngoại lực và nguyên nhân của chúng. Biết được tác động của nội lực, ngoại lực đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất. - *Kĩ năng:* + Sử dụng tranh ảnh, hình vẽ để trình bày, nhận xét tác động của nội lực, ngoại lực qua tranh ảnh. + Xác định trên bản đồ các vùng núi trẻ các vùng có nhiều động đất, núi lửa và nêu nhận xét.	Các tác động của nội lực và ngoại lực đến sự hình thành bề mặt Trái Đất.
	3. Sự phân bố nhiệt trên Trái Đất. Các nhân tố ảnh hưởng	- *Kiến thức:* Trình bày được sự phân bố nhiệt trên Trái Đất và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố nhiệt. - *Kĩ năng:* Sử dụng bản đồ Khí hậu thế giới để trình bày sự phân bố nhiệt độ. Phân tích bản đồ, bảng số liệu, hình vẽ về nhiệt độ.	Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phân bố nhiệt trên Trái Đất.
	4. Thủy quyển	- *Kiến thức:* Biết khái niệm thủy quyển, hiểu và trình bày được vòng tuần hoàn của nước trên Trái Đất, nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa. - *Kĩ năng:* Nhận xét, phân tích được bản đồ phân bố lượng mưa trên thế giới.	Các nhân tố ảnh hưởng sự phân bố mưa trên Trái Đất.
	5. Dân số và sự gia	- *Kiến thức:* + Trình bày và giải thích được xu hướng biến đổi	Hậu quả của sự gia tăng dân số quá nhanh đối

	tăng dân số	quy mô dân số thế giới và hậu quả của nó. + Quy mô dân số giữa các nước trên thế giới rất khác nhau. + Tình hình phát triển dân số thế giới. + Hậu quả của sự gia tăng dân số quá nhanh đối với việc phát triển KT-XH và môi trường. + Ảnh hưởng của cơ cấu dân số theo giới đối với phát triển KT-XH? - *Kĩ năng:* Phân tích biểu đồ và bảng số liệu về dân số, vẽ biểu đồ về gia tăng dân số.	với việc phát triển kinh tế, xã hội và môi trường. Các yếu tố ảnh hưởng tới các xu hướng biến đổi quy mô dân số trên thế giới. Hậu quả của sự gia tăng dân số nhanh và không hợp lí ở các nước đang phát triển. Ảnh hưởng của cơ cấu dân số già và cơ cấu dân số trẻ đối với việc phát triển KT-XH.
	6. Địa lí ngành nông nghiệp	- *Kiến thức:* + Trình bày được vai trò và đặc điểm của sản xuất nông nghiệp. Phân tích được các nhân tố tự nhiên và các nhân tố kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp. + Trình bày được vai trò, đặc điểm sinh thái, sự phân bố các cây lương thực chính và các cây công nghiệp chủ yếu. + Trình bày và giải thích được vai trò, đặc điểm và sự phân bố của các ngành chăn nuôi: gia súc, gia cầm. + Trình bày được vai trò của rừng; tình hình trồng rừng. - *Kĩ năng:* + Sử dụng bản đồ Nông nghiệp thế giới để phân tích và giải thích sự phân bố các cây lương thực chính, các cây công nghiệp chủ yếu, một số vật nuôi chủ yếu trên thế giới. + Phân tích bảng số liệu; vẽ và phân tích biểu đồ về một số ngành sản xuất nông nghiệp trên thế giới.	- Đặc điểm phát triển các ngành nông nghiệp (trồng cây lương thực, cây công nghiệp, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp). - Tại sao phải chú trọng phát triển ngành trồng rừng?
	7. Địa lí công nghiệp	- *Kiến thức:* + Trình bày được vai trò và đặc điểm của sản xuất công nghiệp. + Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp. + Trình bày và giải thích được vai trò, đặc điểm và sự phân bố một số ngành công nghiệp chủ yếu trên thế giới. - *Kĩ năng:* + Sử dụng bản đồ để nhận xét sự phân bố một số ngành công nghiệp trên thế giới: công nghiệp năng lượng, luyện kim, cơ khí, hóa chất, thực phẩm.	Tác động của ngành công nghiệp đến sự phát triển kinh tế xã hội (Vai trò và hạn chế). Vai trò của các ngành công nghiệp chủ yếu trên thế giới.

		+ Vẽ và phân tích biểu đồ tình hình sản xuất của một số ngành công nghiệp (biểu đồ cột, biểu đồ miền).	
	8. Vai trò đặc điểm ngành GTVT	- *Kiến thức:* Trình bày được vai trò, đặc điểm của ngành giao thông vận tải. Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải. - *Kĩ năng:*Phân tích các bảng số liệu các lược đồ/bản đồ về giao thông vận tải.	Tác động của ngành giao thông vận tải đến sự phát triển kinh tế xã hội (Vai trò và hạn chế). Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải. Tình hình phát triển của các loại hình giao thông vận tải.
	9. Môi trường và sự phát triển bền vững	- *Kiến thức:* + Hiểu và trình bày được các khái niệm: môi trường, tài nguyên thiên nhiên, phát triển bền vững + Trình bày được một số vấn đề về môi trường và phát triển bền vững ở các nhóm nước - *Kĩ năng:* + Phân tích bảng số liệu, tranh ảnh về các vấn đề môi trường (ô nhiễm không khí, ô nghiễm nguồn nước; suy thoái đất, rừng…) và rút ra nhận xét. + Biết cách tìm hiểu một vấn đề môi trường ở địa phương: chọn chủ đề, thu thập thông tin, viết báo cáo.	- Làm rõ nhận định: "Sử dụng hợp lí tài nguyên, bảo vệ môi trường là điều kiện để phát triển". - Một số vấn đề về môi trường đang đặt ra trên thế giới (ô nhiễm môi trường, thiên tai, mất cân bằng sinh thái môi trường,..).

Như vậy, khi GV tiến hành thiết kế và tổ chức các hoạt động học tập HTTN để đạt được hiệu quả cao đòi hỏi người dạy phải có năng lực và kĩ năng xác định, lựa chọn được các nội dung kiến thức phù hợp để từ đó phát triển thành các nhiệm vụ học tập hợp tác.

2.2.2. Chia nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm

Bước 1: Xác định quy mô nhóm

Sau khi các mục tiêu bài học đã được xác định, GV cần quyết định số lượng tối ưu thành viên của mỗi nhóm. Khi lựa chọn quy mô của nhóm, GV nên xem xét các yếu tố sau để có quyết định số lượng thành viên trong nhóm một cách phù hợp và hiệu quả nhất:

- Nếu nhóm có số lượng thành viên đông mà không quản lí tốt thì nhiều thành viên không có điều kiện và thời gian để tham gia các hoạt động, rèn luyện những kỹ năng được hình thành trong quá trình làm việc như: Diễn đạt, phát biểu ý kiến, thuyết trình, hợp tác,...

- Nội dung của bài cũng như các tư liệu, đồ dùng, phương tiện học tập sẽ có ảnh hưởng quyết định đến việc xác định quy mô của nhóm.

- Thời gian càng ít thì quy mô nhóm càng nhỏ. Nhóm nhỏ sẽ hiệu quả hơn vì thời gian tổ chức nhóm được rút ngắn, mọi thành viên có trách nhiệm hơn.

GV có thể căn cứ vào nhiệm vụ học tập, phương tiện DH và số lượng HS trong lớp để quyết định số lượng nhóm và số thành viên trong mỗi nhóm học tập. Trong giai đoạn đầu của việc hình thành kĩ năng HTTN, nên bắt đầu với nhóm nhỏ từ 3 - 6 HS hoặc trao đổi đôi một. Khi HS đã có những kinh nghiệm, kĩ năng hợp tác thì quy mô nhóm tăng dần, tuy nhiên không nên vượt quá 8 thành viên.

Bước 2: Cách chia nhóm

Tùy thuộc vào nội dung và nhiệm vụ mà GV lựa chọn cách giao nhiệm vụ cho phù hợp. Trong quá trình vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm, GV có thể lựa chọn một số cách giao nhiệm vụ cho nhóm như: Nhóm đồng việc, nhóm chuyên sâu, nhóm ngẫu nhiên, nhóm sở trường.

GV có thể tiến hành chia nhóm một cách ngẫu nhiên hoặc cũng có thể chia nhóm theo chủ định. Tùy thuộc vào nội dung và nhiệm vụ mà GV lựa chọn cách giao nhiệm vụ cho phù hợp.

Thứ nhất, lựa chọn thành viên vào một nhóm theo chủ định. Có thể dựa vào mục tiêu bài học để lựa chọn các thành viên vào một nhóm và giao nhiệm vụ cho nhóm trong quá trình hợp tác:

- Nhóm đồng việc: GV giao cho tất cả các nhóm cùng giải quyết một vấn đề, một nội dung công việc nhiệm vụ học tập, nhưng trong đó mỗi nhóm lại có một cách thức giải quyết khác nhau. Tuy nhiên đối với cách chia nhóm này thường chỉ được GV vận dụng khi gặp các vấn đề cần hoặc có nhiều cách giải quyết khác nhau.

- Nhóm chuyên sâu: GV thường giao cho mỗi nhóm đảm nhận hoàn thành nhiệm vụ học tập nhỏ trong nhiệm vụ nhận thức chung lớn hơn.

- Chia nhóm cùng trình độ: Theo cách này, những HS có cùng trình độ tương đương sẽ vào cùng nhóm để giải quyết nhiệm vụ được giao. GV cũng cần thận trọng khi chia nhóm cùng trình độ, vì để nâng cao hiệu quả thảo luận, GV phải nắm rõ được trình độ của từng HS.

Người ta thường chia nhóm ứng với các trình độ: Giỏi, khá, trung bình, yếu. Từ đó tùy trình độ mà GV giao các nhiệm vụ học tập cho phù hợp.

- Chia nhóm khác trình độ: Trong một nhóm có sự phân hóa trình độ giữa các thành viên, GV giao nhiệm vụ phải phù hợp với trình độ của mỗi thành viên

trong nhóm. Cũng có thể sắp xếp các thành viên khác nhau về tính cách, năng lực, trình độ nhận thức, điều kiện kinh tế,… vào một nhóm, sao cho các thành viên của nhóm càng đa dạng càng tốt. Kinh nghiệm cho thấy, nhóm đa dạng về năng lực, trình độ và tính cách là những nhóm hoạt động hợp tác hiệu quả hơn là các nhóm thuần nhất. Ở những nhóm này, mỗi vấn đề cần giải quyết được cân nhắc, tính toàn toàn diện, đa chiều và sâu hơn.

- Chia nhóm theo sở trường: Theo cách chia này, những HS có cùng sở thích, sở trường sẽ vào một nhóm. Cùng sở trường, hứng thú sẽ giúp các em thảo luận sôi nổi hơn mang lại hiệu quả học tập cao hơn.

- Chia nhóm theo địa phương: HS trường DBĐHDT Trung ương đều có hộ khẩu thường trú thuộc khu vực 1 của các tỉnh miền núi phía Bắc. Do đó, khi chia nhóm GV cũng có thể chia theo nhóm HS cùng một địa phương trong lớp. Ví dụ nhóm HS cùng tỉnh Bắc Cạn, cùng tỉnh Lạng Sơn...đây là hình thức chia nhóm khá phù hợp khi tổ chức dạy phần *địa lí vùng* thuộc chương trình Địa lí Việt Nam, đặc biệt là bài Trung du miền núi Bắc Bộ, vì đây là vùng gắn với thực tế cuộc sống và chính là quê hương của các em.

- Chia nhóm theo thành phần dân tộc: HS hệ dự bị đều là con em đồng bào dân tộc ở các tỉnh Trung du và miền núi Bắc Bộ với nhiều thành phần dân tộc khác nhau như: Tày, Nùng, Mường, Dao,... Mỗi dân tộc đều có những nét văn hóa, truyền thống riêng biệt tập trung trong một tập thể lớp do đó khi tiến hành chia nhóm GV có thể đan xen các dân tộc khác nhau trong một nhóm vừa tạo tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc vừa tạo môi trường để HS giao lưu, chia sẻ và tìm hiểu văn hóa giữa các dân tộc trong nhóm.

Thứ hai, lựa chọn thành viên nhóm ngẫu nhiên. Cách chia nhóm này được tiến hành không cần phân biệt đối tượng HS. Nhiệm vụ được giao không khác nhiều về nội dung, ít có sự chênh lệch về độ khó, cùng chung yêu cầu. Khi chia nhóm theo cách ngẫu nhiên có thể chia theo thứ tự trong sổ, theo tổ, theo bàn hoặc theo vòng tròn.

Mặc dù mỗi cách chia nhóm trong quá trình DH đều có những mặt mạnh và hạn chế riêng song trong quá trình giảng dạy, chúng tôi thấy rằng cách chia nhóm ngẫu nhiên được dùng phổ biến hơn vì cách này vừa dễ tiến hành đồng thời cũng đơn giản hơn.

Bước 3: Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm

Các thành viên trong nhóm cần có nhiệm vụ, vai trò rõ ràng. Sau mỗi hoạt động nhóm, các thành viên cần thay đổi vị trí cho nhau, tránh tình trạng mỗi thành viên đóng một vai trò, nhiệm vụ quá lâu. Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm có

thể bao gồm: Điều khiển nhóm; thư kí nhóm; báo cáo kết quả hợp tác; theo dõi; khuyến khích nhóm; phân bố thời gian.

Để đảm bảo nhiệm vụ khi GV giao đến các nhóm được cụ thể, rõ ràng, mạnh lạc và khoa học, đối với các bài giảng có sự hỗ trợ bởi phương tiện DH hiện đại như CNTT thì GV có thể thiết kế trình chiếu các nhiệm vụ, yêu cầu đối với từng nhóm cũng như thời gian, tư liệu. Còn đối với các bài giảng không có sự hỗ trợ bởi CNTT thì GV phải chuẩn bị các phiếu học tập trước khi lên lớp, phiếu học tập ghi yêu cầu nhiệm vụ, thời gian, nguồn tài liệu, cũng có thể sử dụng câu hỏi đóng hoặc dạng mở để hỗ trợ cho các nhóm hoàn thành nhiệm vụ nhận thức là giải quyết các tình huống học tập.

Khi tiến hành tổ chức hoạt động học tập trên cơ sở vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm, GV phải giải thích rõ về mục tiêu và nhiệm vụ học tập được giao cho HS. GV cần chú ý một số điểm sau đây:

- Giải thích mục tiêu và nhiệm vụ của bài học cần dựa trên những kiến thức và thông tin HS đã được học và trải nghiệm trước đó. Vì việc giải thích các kết quả sẽ đạt được sau bài học sẽ làm tăng tăng hứng thú học tập cho HS, đồng thời làm cho HS tập trung sự chú ý vào thông tin trong suốt quá trình học tập.

- Làm rõ nội hàm các khái niệm có liên quan, giải thích tiến trình cần tuân thủ, đưa ra ví dụ giúp HS hiểu kiến thức, kĩ năng phải học và thực hành để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Giao nhiệm vụ cho HS hiểu rõ việc mình phải hoàn thành, bởi vậy ngôn từ của GV cần rất rõ ràng, mạch lạc tránh nhầm lẫn trong thực hiện nhiệm vụ của HS. Học tập HTTN có thể giải quyết các nhiệm vụ khó tốt hơn, đồng thời trong các nhóm nếu HS không hiểu nhiệm vụ của mình sẽ có cơ hội trao đổi lại với các thành viên khác trong nhóm, trước khi hỏi lại GV. Đó cũng là điều kiện tốt để HS nắm chắc nhiệm vụ của mình và tiết kiệm thời gian học tập hơn.

- Trong khi tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm, cũng cần có những câu hỏi phụ để vừa kiểm tra xem HS đã hiểu nhiệm vụ được giao hay chưa, vừa đảm bảo cho sự trao đổi hai chiều, đảm bảo việc giao nhiệm vụ sẽ được thực hiện một cách có hiệu quả và chuẩn bị tâm thế cho HS sẵn sàng bắt tay ngay vào thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ.

2.2.3. Tổ chức hướng dẫn HS tiến hành thảo luận

Sau khi đã ổn định các nhóm và nắm bắt được nhiệm vụ của mình, GV hướng dẫn cho HS tiến hành thảo luận. Để quá trình thảo luận hợp tác trong nhóm mang lại hiệu quả cao trong thời gian có hạn, cả GV và HS cần chú ý:

- Về phía HS: Để các nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, mỗi nhóm nên cử một trưởng nhóm và một thư kí.

+ *Trưởng nhóm:* Trưởng nhóm phải là người có năng lực để tổ chức, điều khiển hoạt động của nhóm. GV khi giao nhiệm vụ và cử nhóm trưởng cũng phải chọn được nhóm trưởng có khả năng cụ thể hóa các nhiệm vụ mà GV giao cho nhóm thành các nhiệm vụ nhỏ để phân công nhiệm vụ cho tất cả các thành viên trong nhóm, tránh tình trạng một số thành viên ỷ lại không tích cực tham gia hoàn thành nhiệm vụ chung của nhóm.

Yêu cầu đối với nhóm trưởng khi phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm mình cũng phải làm sao tạo được sự gắn kết giữa các thành viên trong nhóm, khuyến khích được tất cả các thành viên trong nhóm tham gia một cách chủ động, tích cực và sáng tạo.

Sau khi thảo luận trong nhóm, nhóm trưởng có thể tổng hợp các kết quả làm việc của nhóm mình và báo cáo hoặc cũng có thể giao nhiệm vụ này cho thành viên khác trong nhóm.

+ *Thư kí:* Thư kí có nhiệm vụ ghi chép một cách vắn tắt, rõ ràng các ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên trong nhóm và thông báo về thời gian.

Tất cả những thành viên trong nhóm đều phải tham gia giải quyết các nhiệm vụ học tập được giao với tâm thế tích cực, chủ động và sáng tạo. Trong quá trình thảo luận, tất cả các thành viên đều có quyền đưa ra chính kiến riêng của bản thân về các vấn đề nhận thức, sau đó cùng thảo luận để thống nhất ý kiến và đưa ra kết luận cuối cùng của cả nhóm.

- Về phía GV

+ Trong quá trình tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm, GV cần theo dõi sát sao hoạt động của nhóm nhằm khích lệ, giúp đỡ hoạt động của nhóm và tiến hành điều chỉnh nhóm khi cần thiết để đảm bảo hiệu quả của quá trình hợp tác trong nhóm.

+ Giúp các thành viên tăng cường sự phụ thuộc lẫn nhau một cách tích cực. Một trong những yếu tố quan trọng trong học tập HTTN là tính phụ thuộc tích cực giữa các thành viên, nếu thiếu đi hoặc không tăng cường được yếu tố này thì HTTN sẽ không thành công. Để tăng cường sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các thành viên trong nhóm, nên đặt cho mỗi nhóm một tên riêng và tìm vị trí thích hợp cho nhóm làm việc. Để khuyến khích các thành viên trong nhóm tích cực tham gia vào công việc chung, cần xây dựng các tiêu chí và có phần thưởng cho nhóm nào hoàn thành nhiệm vụ sớm nhất và đạt kết quả cao nhất. Để tăng cường sự phụ thuộc lẫn nhau một cách tích cực giữa các thành viên trong nhóm, cần lưu ý đến một số thủ thuật sau:

• Xây dựng sự phụ thuộc trên cơ sở mục tiêu bài học. Để xây dựng sự tích cực với một nhóm học hợp tác thì trước hết là xây dựng một mục tiêu chung, làm cho các thành viên có trách nhiệm với thành công của nhóm, xem thành công của nhóm là thành công của bản thân mình. Để xây dựng được sự phụ thuộc tích cực của các thành viên trong nhóm, GV phải giải thích mục tiêu của nhóm là phải đảm bảo tất cả các thành viên đều đạt mức độ thành thạo về bài tập được giao. Để đạt được mục tiêu này, mỗi thành viên phải có hai trách nhiệm: Một là học và hai là đảm bảo rằng các thành viên khác cũng học.

• Đánh giá bằng điểm số, GV cho điểm cả nhóm bằng cách cộng điểm của từng thành viên trong nhóm.

• Đánh giá sản phẩm, GV thông báo sẽ chọn ngẫu nhiên bài làm hay sản phẩm của một thành viên trong nhóm để đánh giá. Điều này sẽ làm tăng tính phụ thuộc tích cực của nhóm đồng thời còn làm tăng tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên trong nhóm. Trách nhiệm của cá nhân không thể tồn tại khi sự phụ thuộc về mục tiêu chưa được giải quyết. GV có thể xây dựng sự phụ thuộc tích cực trên cơ sở thi đua giữa các nhóm hoặc cả lớp.

• Xây dựng sự phụ thuộc tích cực bằng cách đưa ra các tiêu chí đánh giá và phần thưởng.

• Xây dựng sự phụ thuộc tích cực trên cơ sở phụ thuộc về tư liệu học tập. Có thể tạo nên sự phụ thuộc tích cực về tư liệu học tập như: Đưa cho cả nhóm một tài liệu học tập. Bằng cách này, các thành viên khác phải lắng nghe một bạn đọc tư liệu học tập và các thành viên phải lần lượt đọc các thông tin và lắng nghe lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

• Xây dựng sự phụ thuộc tích cực trên cơ sở phụ thuộc về nhiệm vụ. Sự phụ thuộc lẫn nhau tích cực về nhiệm vụ xảy ra khi phân công việc sao cho cả nhóm hướng đến một mục đích chung sau đó các thành viên của cả nhóm hoàn toàn chịu trách nhiệm về công việc của mình. Việc chia toàn bộ công việc thành các đơn vị nhỏ và thực hiện theo trình tự nhất định đó là sự phụ thuộc nhiệm vụ tiêu biểu trong quá trình hợp tác nhóm.

• Xây dựng sự phụ thuộc tích cực trên cơ sở vai trò cá nhân. Sự phụ thuộc này sẽ xảy ra khi mỗi thành viên trong nhóm được phân công một nhiệm vụ thành phần. Bởi vậy, khi thành phần này có hoàn thành thì nhiệm vụ chung của cả nhóm mới hoàn thành.

+ Để tạo sự phụ thuộc tích cực giữa các thành viên trong nhóm còn phải đặc biệt chú ý đến đặc điểm HS trong lớp. Vì có thể, một số HS có tính hiếu thắng và có tính cạnh tranh cao không cho rằng mình phải thực sự có trách nhiệm giúp đỡ bạn. Vì vậy, để nâng cao tính phụ thuộc tích cực, HS sẽ phải có trách nhiệm hơn về cả việc học của mình và của cả các thành viên khác trong nhóm.

+ Quan sát hành vi của HS trong các nhóm và hỗ trợ dạy các kĩ năng hợp tác khi cần thiết. Trong quá trình HS hợp tác, GV cần dành thời gian quan sát xem có vấn đề gì nảy sinh trong khi các thành viên trong nhóm hoạt động. Để có thể can thiệp kịp thời vào hoạt động hợp tác của nhóm, cần lựa chọn một số vấn đề cơ sở để tập trung vào quá trình quan sát và theo dõi như: HS đã hiểu nhiệm vụ được giao chưa? Các em có chấp nhận sự phụ thuộc tích cực và có trách nhiệm cá nhân không? Hoạt động có hướng tới các tiêu chí chưa?...

Trong quá trình theo dõi hoạt động của các nhóm, GV cần đưa ra những gợi ý, giải đáp những thắc mắc, dạy các kĩ năng thực hiện nhiệm vụ khi cần thiết. Đối với nhóm chưa thực hiện nhiệm vụ một cách tích cực, GV cần phải động viên khuyến khích và hướng dẫn cho các thành viên trong nhóm. Đối với nội dung mà nhóm gặp khó khăn, GV cần giúp nhóm bằng cách đưa ra những gợi ý cần thiết, không nên can thiệp một cách áp đặt.

2.2.4. Tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả thảo luận hợp tác

2.2.4.1. Vai trò của việc tổ chức báo cáo sản phẩm hoạt động HTTN

Sau một thời gian hoạt động nhóm tích cực, mỗi nhóm đã tạo ra được sản phẩm của mình. Vì vậy, việc tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả là thực sự cần thiết, giúp các em công bố sản phẩm của nhóm mình. Nếu GV bỏ qua khâu này thì việc ganh đua, tính sôi nổi thích khẳng định mình của HS sẽ không phát huy được.

Trong toàn bộ quy trình tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm, báo cáo sản phẩm nhóm là khâu cuối cùng, kết thúc một chuỗi các hoạt động nỗ lực không ngừng của nhóm HS. Do đó, kết quả của hoạt động báo cáo sản phẩm của nhóm sẽ quyết định trực tiếp, quyết định nhất đến sự thành công hay thất bại của cả một quá trình làm việc, hợp tác của nhóm. Và dù cả nhóm có nỗ lực bao nhiêu để thực hiện nhiệm vụ, nhưng đến khâu cuối cùng báo cáo không thành công thì nhóm sẽ thất bại so với các nhóm khác trong lớp.

Do đó, khi tiến hành tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm, GV phải định hướng và dự kiến sản phẩm của quá trình làm việc, hợp tác sẽ như thế nào và hình thức tổ chức cho các nhóm trình bày, báo cáo kết quả làm việc ra sao.

Vì vậy, GV phải thiết kế, định hướng và tổ chức để HS báo cáo sản phẩm học tập của nhóm và để tổ chức hiệu quả hoạt động báo cáo của các nhóm sau khi kết thúc quá trình thảo luận GV cần phải định hướng được kịch bản tổ chức cho HS báo cáo như thế nào. GV có thể định hướng tổ chức cho HS báo cáo như cử đại diện báo cáo bằng văn bản, tập san; báo cáo sản phẩm bằng đồ dùng trực quan; bằng sơ đồ tư duy; báo cáo bằng CNTT…

2.2.4.2. Cách thức tổ chức cho HS trình bày kết quả làm việc HTTN

- Về phương án tổ chức cho đại diện nhóm báo cáo

Có thể để nhóm tự cử đại diện báo cáo: Thông thường các nhóm thường chọn bạn có khả năng nói lưu loát, dễ nghe, thông minh, học giỏi để thay mặt nhóm báo cáo. Đại diện báo cáo thường là nhóm trưởng hoặc thư kí.

Tuy nhiên, nếu đại diện nhóm báo cáo luôn là những cá nhân nổi bật trong nhóm hoặc nhóm trưởng hay thư kí thì lại tạo sự không bình đẳng trong nhóm, làm mất cơ hội rèn luyện, khẳng định bản thân của những thành viên còn hạn chế về kĩ năng trình bày, nói, thuyết trình, đồng thời tạo thói quen ỷ lại ở một số HS ngại suy nghĩ, ý thức học tập kém.

Chính vì vậy, trong khi thiết kế tổ chức cho các nhóm báo cáo, GV phải định hướng hoặc sẽ trực tiếp chỉ định người báo cáo, làm sao để tất cả các thành viên trong mỗi nhóm sẽ phải lên báo cáo trong những giờ thảo luận hợp tác. Khi được GV chỉ định, HS sẽ phải cố gắng ghi chép, lắng nghe trong suốt quá trình hoạt động nhóm, tự rèn luyện kỹ năng thuyết trình trước đám đông.

- Về hình thức sản phẩm trình bày báo cáo của nhóm:

Có nhiều hình thức để GV tổ chức cho đại diện các nhóm HS trình bày, báo cáo kết quả thảo luận, hợp tác của nhóm như: sử dụng đồ dùng trực quan, sử dụng sơ đồ tư duy, báo cáo theo phương pháp thị trường, báo cáo bằng CNTT.

(1) Sử dụng đồ dùng trực quan để báo cáo

Sử dụng đồ dùng trực quan trong quá trình báo cáo sản phẩm của nhóm sẽ giúp gây được ấn tượng, có sức hấp dẫn với người nghe đồng thời làm nổi bật được nội dung cần trình bày của nhóm. Các nhóm có thể sử dụng đồ dùng trực quan để báo cáo kết quả như: Tranh ảnh địa lí, bản đồ, sơ đồ, hoặc video về tự nhiên, KT-XH….

Hình 2.2. HS sử dụng tranh ảnh để trình bày sản phẩm

(2) Báo cáo sản phẩm nhóm bằng sơ đồ tư duy

Sau một thời gian nỗ lực làm việc nhóm, sản phẩm cuối cùng của nhóm đã có. Nhưng khâu cuối cùng là khâu thể hiện kết quả đó như thế nào lại là khâu khó. Ngoài việc lựa chọn bạn có khả năng diễn đạt, nói hay, thì còn phải trình bày ý kiến của nhóm sao cho logic, lập luận chặt chẽ, dễ hiểu,… Để làm tốt báo cáo, HS có thể nghiên cứu, tìm hiểu và vận dụng sơ đồ tư duy trong buổi báo cáo của nhóm mình.

Hình 2.3. HS báo cáo sản phẩm bằng sơ đồ tư duy

Sử dụng sơ đồ tư duy sẽ giúp bài báo cáo trình bày các ý tưởng của nhóm một cách sáng tạo, sinh động, tiết kiệm được thời gian báo cáo. Đồng thời, thông qua sơ đồ tư duy giúp GV và các thành viên trong lớp thuộc nhóm khác ghi nhớ tốt, dễ truyền tải thông tin vào bộ não của người nghe một cách trực quan, sinh động, khuyến khích tính chủ động, tích cực tham gia học tập của người học. Tuy nhiên, không phải bài học nào GV cũng yêu cầu HS lập sơ đồ tư duy để thể hiện kết quả làm việc hợp tác của nhóm.

(3) Báo cáo theo phương pháp thị trường

Theo đó các nhóm sẽ trình bày kết quả làm việc của nhóm trên giấy khổ rộng, bảng ghim và trưng bày trong phòng học. Lúc này, lớp học giống như một thị trường thông tin, các thành viên sẽ xem kết quả của từng nhóm, nghe đại diện nhóm trình bày, giải thích và có thể tự do đi lại, quan sát kết quả của nhóm khác, thảo luận với các thành viên của nhóm khác có thể đặt câu hỏi để các nhóm trả lời, làm rõ vấn đề thảo luận. Qua đó, GV cũng đóng góp ý kiến vào kết quả của từng nhóm.

(4)Báo cáo sản phẩm bằng CNTT

Ngày nay, với sự bùng nổ và phát triển như vũ bão của CNTT và truyền thông, đã mở ra triển vọng to lớn trong việc đổi mới các phương pháp, hình thức DH. Mục tiêu của GD là đào tạo nguồn nhân lực về CNTT và đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác GD và đào tạo. Nhà trường đã trang bị phòng máy, phòng đa năng, kết nối mạng Internet và tin học được giảng dạy chính thức, đã tạo cơ sở hạ tầng CNTT cho GV và HS sử dụng vào quá trình giảng dạy và học tập.

Do đó, trong quá trình làm việc theo nhóm, cũng có nhiều nhóm các em đã sử dụng máy tính kết nối Internet để tìm hiểu, khai thác các tư liệu, hình ảnh, videoclip,... phục vụ cho việc giải quyết các nhiệm vụ chung của nhóm. Việc nhóm sử dụng CNTT để báo cáo sản phẩm có ưu điểm rất lớn, đó là:

+ Thời gian trình bày báo cáo được rút ngắn hơn song rất hiệu quả.

+ Tính trực quan của sản phẩm cao, sản phẩm sẽ rất sống động, hấp dẫn các nhóm khác vì thông qua máy tính, CNTT có thể tích hợp được tất cả những đặc trưng của môn học, kết hợp sử dụng sơ đồ, tranh ảnh, biểu đồ, bản đồ, số liệu, video...

Hình 2.4. HS ứng dụng CNTT để trình bày báo cáo sản phẩm

+ Làm thay đổi bầu không khí của lớp học, tạo được không khí thoải mái, giảm bớt sự nhàm chán, căng thẳng.

+ Kích thích khả năng sáng tạo, tính ganh đua, kĩ năng sử dụng CNTT của người học. Trong học tập nhóm, yếu tố ganh đua giữa các nhóm sẽ có tác dụng kích thích các em cùng cố gắng nâng cao thành tích của nhóm bằng sự cạnh tranh lành mạnh. Như vậy, muốn nhóm mình vượt trội hơn nhóm khác bắt buộc các em phải chú ý trau chuốt, đầu tư vào khâu báo cáo. Việc tìm các hình ảnh để minh họa cho phần trình bày kết quả của nhóm sẽ góp phần nâng cao mục tiêu của DH Địa lí. Đặc biệt thông qua sản phẩm báo cáo bằng CNTT còn góp phần phát triển năng lực, kĩ năng sử dụng CNTT một cách tự giác cho HS.

+ Tăng khả năng tiếp nhận và mức độ nhớ thông tin của người nghe báo cáo. Nếu bài thuyết trình hấp dẫn, cộng với hình ảnh minh họa đẹp sẽ tạo cho bài báo cáo một sức hút lớn với người nghe và như vậy bài báo cáo sẽ được tiếp thu một cách hiệu quả nhất, giúp mục tiêu của học nhóm đạt hiệu quả cao. Sản phẩm được thể hiện bằng nhiều kênh: Kênh hình, kênh chữ, âm thanh sống động sẽ dễ thấy, dễ tiếp thu và bằng suy luận có lý, HS có thể có những dự đoán về các tính chất, những quy luật mới.

Bởi vậy, trong quá trình thiết kế xây dựng và tổ chức hoạt động báo cáo sản phẩm nhóm bằng CNTT, GV cũng cần đặc biệt lưu ý hướng dẫn kĩ năng và định hướng cho những nhóm HS sử dụng CNTT để thự hiện nhiệm vụ và báo cáo. Vì, với kho tư liệu khổng lồ về tri thức, hình ảnh, dữ liệu...từ máy tính, Internet HS sẽ dễ bị sa đà, phụ thuộc thái quá và bị động từ chính công cụ đó. Từ đó, dẫn đến sản phẩm của nhóm nặng về liệt kê hình ảnh, tư liệu, dữ liệu từ mạng Inernet hơn là phân tích, đánh giá làm cho chất lượng sản phẩm của nhóm không cao. GV cần phải định hướng cho nhóm nghiên cứu thật kĩ nhiệm vụ, yêu cầu để tìm kiếm, chọn lọc những thông tin, tư liệu tiêu biểu, nổi bật liên quan đến vấn đề từ đó sử dụng máy tính, CNTT thiết kế xây dựng sản phẩm của nhóm một cách phù hợp nhất.

2.2.5. Tổ chức đánh giá trong DH hợp tác theo nhóm

Đây là bước rất quan trọng trong quy trình tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm. Trong quá trình tổ vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm, GV đã lồng ghép rất nhiều các hình thức đánh giá khác nhau như đánh giá đồng đẳng giữa các thành viên nhóm với nhau, đánh giá chéo giữa các nhóm và cuối cùng đánh giá rất quan trọng không thể thay thế được là đánh giá của GV.

2.2.5.1. Nguyên tắc, yêu cầu và cơ sở trong đánh giá kết quả làm việc nhóm

Trong quá trình tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm, việc đánh giá kết quả làm việc của HS trong nhóm học tập vẫn còn chưa thực sự tích cực. Hầu hết GV vẫn chưa có sự đánh giá một cách công bằng đối với sự tham gia học tập nhóm của HS, GV thường sử dụng chưa hợp lý hình thức đánh giá. Đa phần GV đánh giá

cào bằng tất cả các thành viên nhóm mà không căn cứ vào sự nỗ lực, sự đóng góp của từng cá nhân đối với sản phẩm của nhóm. Vì vậy, trước tiên để đảm bảo đánh giá một cách khoa học, khách quan và công bằng hiệu quả, thì GV cần nắm rất vững các nguyên tắc và yêu cầu về đánh giá như sau:

a) Một số nguyên tắc đánh giá kết quả của HS khi tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm.

Quá trình đánh giá trong hoạt động HTTN của HS cần phải đảm bảo trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản như sau:

+ Đánh giá thành tích của mỗi HS trên cơ sở những đóng góp của các em trong nhóm học tập. Việc đánh giá như vậy sẽ hiệu quả hơn nhiều so với đánh giá riêng từng cá nhân HS.

+ Đánh giá các hoạt động của nhóm và các thành viên cần tiến hành thường xuyên, liên tục bằng các hình thức kiểm tra viết, kiểm tra miệng,…

+ HS phải tham gia trực tiếp vào việc đánh giá mức độ học tập của mình (tự đánh giá) và các thành viên khác trong nhóm để nâng cao hiệu quả việc đánh giá.

+ Áp dụng một hệ thống đánh giá chuẩn phù hợp với học tập nhóm, tránh mọi sự so sánh về mức độ thành tích giữa người học. Kiểu so sánh như vậy sẽ làm giảm động cơ học tập của người học.

+ Vận dụng một cách linh hoạt các hình thức đánh giá trong học nhóm để có thông tin chính xác về chất lượng học tập của HS.

b) Yêu cầu đối với đánh giá kết quả làm việc theo nhóm

+ Phải đánh giá được các năng lực khác nhau của HS: Mỗi cá nhân để thành công trong học tập, thành đạt trong cuộc sống cần phải sở hữu nhiều loại năng lực khác nhau. Do vậy GV phải sử dụng nhiều loại hình, công cụ khác nhau nhằm kiểm tra đánh giá được các loại năng lực khác nhau của người học để kịp thời phản hồi, điều chỉnh hoạt động DH và GD. Năng lực của cá nhân thể hiện qua hoạt động (có thể quan sát được ở các tình huống, hoàn cảnh khác nhau) và có thể đo lường/đánh giá được. Mỗi kế hoạch kiểm tra, đánh giá cụ thể phải thu thập được các chứng cứ cốt lõi về các kiến thức, kỹ năng, thái độ,... được tích hợp trong những tình huống, ngữ cảnh thực tế.

- Đảm bảo tính khách quan

Nguyên tắc khách quan được thực hiện trong quá trình kiểm tra và đánh giá nhằm đảm bảo sao cho kết quả thu thập được ít chịu ảnh hưởng từ những yếu tố chủ quan khác. Sau đây là một số yêu cầu khi thực hiện nguyên tắc khách quan:

+ Phối hợp một cách hợp lý các loại hình, công cụ đánh giá khác nhau nhằm hạn chế tối đa các hạn chế của mỗi loại hình, công cụ đánh giá.

+ Đảm bảo môi trường, cơ sở vật chất không ảnh hưởng đến việc thực hiện các bài tập đánh giá của HS.

+ Kiểm soát các yếu tố khác ngoài khả năng thực hiện bài tập đánh giá của HS có thể ảnh hưởng đến kết quả bài làm hay thực hiện hoạt động của HS. Các yếu tố khác đó có thể là trạng thái sức khỏe, tâm lý lúc làm bài hay thực hiện các hoạt động; ngôn ngữ diễn đạt trong bài kiểm tra; độ dài của bài kiểm tra…

+ Những phán đoán liên quan đến giá trị và quyết định về việc học tập của HS phải được xây dựng trên các cơ sở: Kết quả học tập thu thập được một cách có hệ thống trong quá trình DH, tránh những thiên kiến, những biểu hiện áp đặt chủ quan. Các tiêu chí đánh giá có các mức độ đạt được mô tả một cách rõ ràng. Sự kết hợp cân đối giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá tổng kết.

- Đảm bảo sự công bằng

Nguyên tắc công bằng trong đánh giá kết quả học tập nhằm đảm bảo rằng những HS thực hiện các hoạt động học tập với cùng một mức độ và thể hiện cùng một nỗ lực trong học tập sẽ nhận được những kết quả như nhau.

Một số yêu cầu nhằm đảm bảo tính công bằng trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập là:

+ Mọi HS được giao các nhiệm vụ hay bài tập vừa sức, có tính thách thức để giúp mỗi em có thể tích cực vận dụng, phát triển kiến thức và kỹ năng đã học.

+ Đề bài kiểm tra phải cho HS cơ hội để chứng tỏ khả năng áp dụng những kiến thức, kỹ năng HS đã học vào đời sống hằng ngày và giải quyết vấn đề.

+ Đối với những bài kiểm tra nhằm thu thập thông tin để đánh giá xếp loại HS, GV cần phải đảm bảo rằng hình thức bài kiểm tra là không xa lạ đối với mọi HS. Mặt khác, ngôn ngữ và cách trình bày được sử dụng trong bài kiểm tra phải đơn giản, rõ ràng, phù hợp với trình độ của HS. Bài kiểm tra cũng không nên chứa những ý đánh đố HS.

+ Đối với các bài kiểm tra kiểu thực hành hay tự luận, thang đánh giá cần được xây dựng sao cho việc chấm điểm hay xếp loại cũng như ghi nhận xét kết quả phản ánh đúng khả năng làm bài của người học.

Ngoài ra quá trình đánh giá kết quả làm việc, học tập theo nhóm của HS cũng cần phải đảm bảo tính toàn diện, đảm bảo tính công khai đảm bảo tính GD và cả tính phát triển.

c) Cơ sở cho việc đánh giá trong hoạt động hợp tác theo nhóm.

- Tính công bằng: Những ai đóng góp nhiều nhất hay ghi điểm cao nhất sẽ nhận được phần thưởng lớn nhất.

- Sự bình đẳng: Mọi người nhận phần thưởng như nhau.

- Nhu cầu: Những ai nhu cầu lớn nhất sẽ nhận được phần thưởng lớn nhất.

2.2.5.2. Tổ chức đánh giá kết quả làm việc nhóm

Các hình thức đánh giá kết quả học tập hợp tác của HS khi tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm rất đa dạng như: Đánh giá đồng đẳng, tự đánh giá, GV kiểm tra đánh giá, đánh giá qua hình thức thi viết. Mỗi hình thức có những ưu và nhược điểm nhất định, GV không nên tuyệt đối hóa bất kì một hình thức nào mà cần có sự kết hợp linh hoạt các hình thức đánh giá.

a. Đánh giá đồng đẳng và tự đánh giá của HS

- Đánh giá đồng đẳng trong PPDH hợp tác theo nhóm.

Đánh giá đồng đẳng là một quá trình trong đó các nhóm HS cùng lớp sẽ đánh giá công việc lẫn nhau. Phương pháp đánh giá này được dùng như một biện pháp đánh giá kết quả và cả để hỗ trợ HS trong quá trình học tập theo nhóm.

Đánh giá đồng đẳng cho phép HS tham gia nhiều hơn vào quá trình học tập và đánh giá. Đánh giá giúp HS làm việc hợp tác, vừa cung cấp thông tin về kết quả HS sau khi được đánh giá mà còn phản ánh được năng lực của người đánh giá về sự trung thực, linh hoạt, sự đồng cảm, trí tưởng tượng…Tạo thêm động lực cho HS vì các em sẽ học được kiến thức mới chứ không chỉ tập trung quá nhiều vào vấn đề điểm số cao.

Đánh giá đồng đẳng còn giúp việc học tập diễn ra ở mức sâu hơn. Thông qua đánh giá này, các kĩ năng xã hội cũng đồng thời được xác định và phát triển vì qua quá trình làm việc HTTN học sinh sẽ học được cách đóng góp hiệu quả cho thành công của nhóm. Việc đánh giá tích cực và thường xuyên lẫn nhau dẫn đến những lợi ích của làm việc nhóm sẽ được khai thác tối ưu. Từ đánh giá này giúp HS tiến dần đến kĩ năng tự đánh giá bản thân.

Ví dụ: Phiếu tự đánh giá cá nhân trong hợp tác nhóm

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Câu	Nội dung	Mã số
HSHT101	Họ và tên:	
HSHT102	Giới tính: **1. Nam 0, Nữ**	[__]
HSHT103	Năm sinh:	
HSHT104	Dân tộc: **1. Tày; 2. Nùng; 3. Mường; 4. Dao; 5. Dân tộc khác**	[__]

B. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

HSHT105. Hãy đánh giá sự đóng góp của em trong nhóm theo thang điểm từ 0 đến 4 (4 là điểm cao nhất)

4 điểm: Có những đóng góp rất quan trọng (đối với tất cả các phần của thảo luận và trong tất cả các giai đoạn để hoàn thành kết quả chung của nhóm; tạo điều kiện hỗ trợ công việc của các bạn khác trong nhóm mà không làm thay).

3 điểm: Có đóng góp có ý nghĩa (đưa ra những gợi ý quan trọng và giúp đỡ các bạn khác một cách có hiệu quả; có vai trò tác động đến tất cả các phần của quá trình hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung của nhóm).

2điểm: Có một số đóng góp (đưa ra một số gợi ý hữu ích, giúp những người khác nghiên cứu, giải quyết vấn đề, và đóng góp cho việc hoàn thành nhiệm vụ chung của nhóm).

1điểm: Có đóng góp nhỏ (đưa ra ít nhất một gợi ý hữu ích, đôi khi giúp đỡ người khác, lãng phí ít thời gian, có vai trò nhỏ trong việc thực hiện nhiệm vụ chung của nhóm).

0 điểm: Không có đóng góp thực sự nào (không đưa ra gợi ý gì, không giúp đỡ ai, không hoàn thành việc được nhóm giao, lãng phí thời gian, cản trở hoạt động của nhóm).

Khoanh tròn số điểm của em: 0 1 2 3 4

HSHT106. Hãy cho điểm từng bạn trong nhóm của mình theo thang điểm từ 0 đến 4 điểm như trên:

Bạn: .....:……điểm

Bạn: .....:……điểm

Bạn: .....:……điểm

Tuy nhiên khi tổ chức cho HS đánh giá đồng đẳng đôi khi khiến các em cảm thấy không thoải mái khi nhận xét bạn mình, rồi đưa ra nhận xét không đáng tin cậy hoặc cho điểm quá cao hay quá thấp…Nhất là HS ở trường DBĐHDT phần lớn chưa được tiếp cận nhiều và chưa có kĩ năng về đánh giá, do đó không nên tuyệt đối hóa mà chỉ coi đó là một cách đánh giá và cần kết hợp với tự đánh giá với đánh giá của GV, đánh giá bằng điểm số để có những nhìn nhận, đánh giá đa chiều trong quá trình học tập HTTN của HS dân tộc.

- Tự đánh giá trong PPDH hợp tác theo nhóm

Trong quá trình tổ chức đánh giá, GV cần tạo cơ hội để các thành viên trong mỗi nhóm tự đánh giá kết quả làm việc của nhóm mình. Điều trước tiên cần lưu ý khi để HS tự đánh giá là GV phải hướng các em vào việc đánh giá ở cả hai khía cạnh: nhận thức và cách thức mà nhóm làm việc (sự tham gia tích cực của các thành viên, sự hợp tác với nhau, lắng nghe ý kiến của nhau, giải quyết bất đồng, v.v...).

Tự đánh giá là hình thức đánh giá mà HS tự liên hệ phần nhiệm vụ đã thực hiện với các mục tiêu của quá trình học. HS sẽ học cách đánh giá các nỗ lực và tiến bộ cá nhân, nhìn lại quá trình và phát hiện những điểm cần thay đổi để hoàn thiện bản thân.

Trong quá trình tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm, tự đánh giá giúp HS trở nên ý thức hơn về quá trình học tập của mình, những kết quả thu được của bản thân sau mỗi giờ hợp tác, làm việc trong nhóm như: Đã tham gia hoạt động nhóm, thảo luận như thế nào, vai trò trong nhóm, được báo cáo không, ý tưởng mới cho nhóm không…. HS cũng ý thức hơn về những điểm mạnh và điểm yếu đồng thời học cách để tiến bộ hơn trong giờ học sau.

+ Xác định các tiêu chuẩn để HS tự đánh giá hoạt động của cá nhân trong nhóm. Chẳng hạn như: Có những đóng góp rất quan trọng trong quá trình thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ, tạo sản phẩm của nhóm; luôn sẵn sàng hỗ trợ công việc của các bạn khác trong nhóm mà không làm thay, đưa ra những gợi ý quan trọng vào quá trình thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; giúp đỡ các bạn khác một cách có hiệu quả, chấp hành nghiêm túc nội quy của nhóm,…

+ Tiến hành kiểm tra. Nhóm trưởng cũng như các thành viên khác trong nhóm cần ngồi lại với nhau để tổng kết xem nhóm cũng như từng thành viên trong nhóm đã tiến hành hoạt động nhóm như thế nào, tiến độ thực hiện các công việc ra sao, ý thức tham gia của các thành viên cũng như việc chấp hành nội quy của nhóm như thế nào,…

+ Đánh giá kết quả thu được so với tiêu chuẩn đã được đưa ra. Đối chiếu kết quả thu được so với chuẩn để xem cả nhóm cũng như từng thành viên trong khi hoạt

động nhóm mạnh ở điểm gì? (chẳng hạn như các thành viên đều tích cực phát biểu ý kiến, trao đổi, thảo luận,…), còn hạn chế ở điểm gì? (chẳng hạn như một số thành viên còn vi phạm nội quy của nhóm), xác định xem những gì đã thực hiện tốt, chưa tốt, không tốt, không phù hợp.

+ Điều chỉnh: Qua quá trình đánh giá để từ đó khuyến khích, phát huy những mặt tốt, sửa chữa những mặt còn hạn chế, thiếu sót, nhắc nhở những vi phạm.

Thông qua hoạt động tự đánh giá cũng đòi hỏi mức độ trách nhiệm, sự sáng tạo cao hơn đối với HS và làm tăng mức độ tham gia của các em. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng đối với quá trình tổ chức hoạt động học tập HTTN đối với HS ở các trường DBĐHDT, vì rất nhiều HS vốn có tâm lí e ngại, không tự tin khi tham gia các hoạt động. Ngoài ra, thông qua tự đánh giá của HS, GV sẽ học cách nhìn từ quan điểm của HS để từ đó có những điều chỉnh cho phù hợp trong quá trình tổ chức hoạt động của mình.

b. Đánh giá theo kĩ thuật dạy học 321

Đây là một kĩ thuật tổ chức DH lấy thông tin phản hồi của nhóm báo cáo hoặc của từng cá nhân, nhằm huy động sự tham gia tích cực của HS sau khi tổ chức hoạt động nhóm.

Cách thực hiện kĩ thuật đánh giá như sau:

- GV yêu cầu HS lắng nghe nhóm HS báo cáo trình bày để ghi nhận thông tin về khen, góp ý, kiến nghị.

- HS được yêu cầu cho ý kiến phản hồi về vấn đề nào đó (nội dung một hoạt động nhóm, phương pháp báo cáo của nhóm,…).

- Mỗi người/nhóm cần viết ra: 3 điều tốt mà cá nhân/nhóm tâm đắc nhất, 2 điều góp ý về điểm chưa tốt và 1 đề nghị để lần sau cải tiến tốt hơn, hoặc câu hỏi, thắc mắc về vấn đề chưa hiểu (liên quan đến phần báo cáo).

- Sau khi thu thập ý kiến, GV và HS cùng tổng hợp và thảo luận về các ý kiến phản hồi.

- GV dành cho các nhóm 1 phút để hội ý, tìm ra 3 điều khen, 2 góp ý và 1 kiến nghị, thắc mắc (câu hỏi liên quan đến phần báo cáo).

Khi cần để tạo nên sự "gay cấn" trong hoạt động này, GV yêu cầu nhóm nhận xét sau không được trùng lặp với những lời nhận xét của nhóm trước.

Đây là một hình thức đánh giá đơn giản, GV dễ thực hiện, không mất quá nhiều thời gian. GV có thể hướng dẫn HS nhận xét trên nhiều mặt khác nhau như về nội dung, kiến thức, cách trình bày, diễn đạt … của các nhóm. Tuy nhiên trong quá trình đánh giá này, ý kiến giữa các nhóm nhận xét có thể bị trùng lặp.

c. Giáo viên đánh giá hoạt động hợp tác của HS

Theo dõi, kiểm tra quá trình và từng kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS/nhómtheo tiến trình DH, quan tâm tiến độ hoàn thành từng nhiệm vụ của HS để áp dụng biện pháp cụ thể, kịp thời giúp đỡ các em vượt qua khó khăn.

Công việc này có thể tiến hành song song hoặc sau khi đã có sự đánh giá giữa các nhóm với nhau. GV nên cùng HS kiểm tra lại kết quả đánh giá của các nhóm có đúng không? Chỗ nào đánh giá chưa đúng thì cần chỉ ra cho toàn lớp biết sai ở đâu và vì sao sai.

Kết quả làm việc của nhóm có thể được GV sử dụng để cho điểm các thành viên trong nhóm. Về cách thức cho điểm như thế nào đối với kết quả làm việc nhóm thì vẫn đang có những tranh luận khác nhau. Một vài người đã đánh giá cho cùng điểm số như nhau đối với mọi thành viên trong nhóm khi cùng thực hiện nhiệm vụ nhóm. Họ cho rằng nếu đánh giá từng HS thì vô hình chung sẽ dẫn đến sự ganh đua trong nhóm với nhau và như vậy phá hỏng những lợi ích của làm việc theo nhóm. Một số khác cho điểm theo sự đóng góp của mỗi em dựa trên các điểm số bài kiểm tra của mỗi em hoặc dựa trên sự đánh giá của nhóm về công việc của từng thành viên.

Đối với GV, để đánh giá và nhận xét chuẩn xác về quá trình hoạt động cũng như sự tiến bộ của nhóm thì cần phải theo dõi, kết hợp được giữa theo dõi trực tiếp và ghi chép. Thảo luận với các cá nhân, với nhóm hoặc cả lớp và các câu trả lời của thành viên trong nhóm, bài viết hay hình vẽ về nhiệm vụ của nhóm và cả kết quả điểm số kiểm tra nhận thức. Việc đánh giá hoạt động của nhóm là tương đối khó, do tính phức tạp đan xen những khía cạnh xã hội và sự nhận thức của việc học tập. Trong quá trình tổ chức đánh giá, nhận xét kết quả làm việc HTTN của HS, GV có thể xây dựng tiêu chí đánh giá dựa trên các tiêu chí dưới đây:

Bảng 2.2. Tiêu chí đánh giá trình bày ý tưởng

(A – Tốt; B – Khá; C – Trung bình; D – Yếu)

Tiêu chí	***Các mức độ***			
	A	**B**	**C**	**D**
1. Nội dung trình bày (đúng chủ đề, thông tin đầy đủ)	Nội dung trình bày phù hợp với chủ đề; thông tin phong phú, đa dạng, có thêm thông tin ngoài giáo trình.	Nội dung trình bày chưa phù hợp với chủ đề nhưng chưa phong phú đa dạng, chỉ đủ thông tin trong giáo trình.	Nội dung trình bày còn có một vài chỗ chưa phù hợp với chủ đề; còn nghèo nàn, thiếu nhiều thông tin	Hoàn toàn lạc đề

2. Cách trình bày 2a. Sử dụng ngôn ngữ nói phù hợp	- Trình bày rõ ràng, ngắn gọn - Sử dụng câu từ phù hợp, dễ hiểu đối với người nghe - Lời nói truyền cảm, hấp dẫn người nghe.	Trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu song chưa truyền cảm, hấp dẫn.	- Trình bày nhiều chỗ chưa rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu. - Cách nói chưa hấp dẫn	- Dài dòng - Cách nói không phù hợp, khó hiểu và không hấp dẫn người nghe
2b. Sử dụng ngôn ngữ cơ thể phù hợp (tư thế, cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt, nét mặt, nụ cười,…).	- Biết sử dụng ngôn ngữ cơ thể kết hợp với lời nói một cách hợp lí	- Biết sử dụng ngôn ngữ cơ thể kết hợp với lời nói nhưng đôi lúc sử dụng ngôn ngữ cơ thể chưa phù hợp	- Ít sử dụng ngôn ngữ cơ thể hoặc nhiều lúc sử dụng ngôn ngữ cơ thể chưa phù hợp	- Không sử dụng ngôn ngữ cơ thế hoặc sử dụng ngôn ngữ cơ thể không phù hợp.
3. Tương tác với người nghe (nhìn, lắng nghe, đặt câu hỏi, gây chú ý, khuyến khích người nghe,…)	- Sử dung các hình thức tương tác một cách phù hợp và hiệu quả.	- Phần lớn thời gian có tương tác và sử dụng nhiều hình thức tương tác.	Ít tương tác và chỉ sử dụng một vài hình thức tương tác	- Không tương tác hoặc tương tác không phù hợp.
4. Quản lí thời gian	Trình bày đảm bảo đúng thời gian quy định	Thời gian trình bày có nhanh/ chậm so với thời gian quy định nhưng không đáng kể (khoảng 1-2 phút).	Thời gian trình bày nhanh/ chậm khá nhiều so với thời gian quy định (khoảng 3-4 phút)	Thời gian trình bày nhanh/ chậm rất nhiều so với thời gian quy định (khoảng 5 phút lên).
5. Điều chỉnh hợp lí, kịp thời (Nội dung, cách trình bày, tương tác, thời gian)	Biết tự điều chinh hợp lí, kịp thời.	Có điều chỉnh hợp lí và kịp thời khi có người nhắc nhở	Có điều chỉnh hợp lí nhưng chưa kịp thời và phải có người nhắc	Không điều chỉnh gì trong suốt quá rtình trình bày

Tuy nhiên để đánh giá kết quả hoạt động nhóm một cách khoa học, công bằng trong quá trình thiết kế, tổ chức hoạt động đánh giá, GV có thể thực hiện như sau: GV yêu cầu khi lần lượt từng nhóm báo cáo thì các nhóm còn lại có nhận xét, đánh giá lẫn nhau. Tiếp đó, GV thông qua phiếu tự đánh giá của các thành viên trong nhóm, thông qua hồ sơ ghi chép của nhóm và qua các tiêu chí đánh giá khác. Từ những cơ sở trên, cộng với quá trình GV quan sát, ghi chép diễn biến hoạt động của các nhóm và căn cứ vào sản phẩm cụ thể của từng nhóm, GV sẽ có những đánh giá chính xác về từng nhóm.

2.2.5.3. Tổ chức đánh giá quá trình làm việc theo nhóm của cá nhân HS

Cùng với việc đánh giá kết quả làm việc hợp tác chung của các nhóm, GVcần đánh giá quá trình làm việc theo nhóm của cá nhân HS. Vì, đánh giá quá trình là đánh giá mức độ hình thành khả năng nhận thức trong học tập thông qua việc tìm ra cách học cho bản thân, đây là đánh giá tạo động lực cho sự phát triển của bản thân mỗi người học.

Việc tổ chức đánh giá quá trình trong học tập làm việc HTTN sẽ cung cấp những thông tin phản hồi về quá trình học tập cho HS, từ đó bản thân cá nhân các em sẽ điều chỉnh hoạt động học tập của chính bản thân mình. Xác nhận kết quả học tập của người học và phát triển năng lực tư duy, năng lực hành động của mỗi cá nhân HS. Đồng thời, qua đánh giá quá trình cũng giúp cho GV biết được trình độ chung của người học, những HS có tiến bộ tích cực trong các hoạt động học tập và hợp tác, những HS sút kém để có thể động viên và giúp đỡ kịp thời. Kết quả đánh giá còn giúp GV xem xét và điều chỉnh lại phương pháp và hình thức tổ chức DH hiện hành sao cho phù hợp nhất.

Đánh giá quá trình là một công việc tương đối phức tạp, tuy nhiên để đánh giá được quá trình làm việc theo nhóm của HS trong suốt quá trình học tập HTTN thì bên cạnh việc quan sát trực tiếp, GV có thể căn cứ vào các tiêu chí đánh giá dưới đây để từ đó xây dựng một thang đánh giá cụ thể và tường minh phù hợp với đối tượng HS của mình. Vì thông qua đánh giá quá trình sẽ cho thấy những điểm tiến bộ của HS cũng như các năng lực được hình thành và phát triển trong quá trình học tập và làm việc theo nhóm như năng lực sử dụng nguồn thông tin địa lí, các năng lực giao tiếp, hợp tác năng lực tự học, khả năng giải quyết các vấn đề.

Bảng 2.3. Tiêu chí đánh giá kĩ năng thu thập và xử lí thông tin

Các tiêu chí		*Có/Không*
1. Thu thập/tìm kiếm thông tin	Xác định chủ đề/vấn đề cần tìm kiếm thông tin	☐
	Xác định các loại thông tin cần phải tìm kiếm	☐
	Xác định các nguồn cung cấp thông tin đó (tài liệu tham khảo, tranh ảnh, bản đồ, mô hình, mẫu vật...)	☐
	Phương pháp thu thập thông tin (đọc giáo trình, tài liệu; quan sát tranh ảnh, bản đồ, biểu đồ, mô hình, mẫu vật, ...)	☐
2. Lựa chọn và xử lí thông tin	So sánh, phân biệt các thông tin phù hợp và không phù hợp với chủ đề/vấn đề	☐
	Lựa chọn và sắp xếp các thông tin thu thập được theo từng nội dung	☐
	Phân tích, so sánh, đối chiếu, giải thích các thông tin thu thập được và rút ra kết luận cần thiết	☐
	Biết cách kiểm tra độ chính xác của các thông tin	☐
3. Sản phẩm/kết quả đầu ra	Các loại sản phẩm: bài trình bày miệng, bài viết, báo cáo, số liệu, sơ đồ, biểu đồ, tranh ảnh, vở kịch...	☐

Bảng 2.4. Tiêu chí đánh giá phản hồi, lắng nghe

Tiêu chí	*Đạt*	*Không đạt*
1. Lắng nghe tích cực		
1.1. Chăm chú nghe		
1.2. Nhớ các ý chính		
1.3. Không ngắt lời người nói		
1.4. Kiềm chế cảm xúc tiêu cực (ví dụ tỏ ra sốt ruột, nhìn đồng hồ, …).		
1.5. Đặt câu hỏi gợi mở		
2. Phản hồi tích cực		
2.1. Đưa ra ý kiến của mình một cách xây dựng (không phê phán, đưa ra phương án để mở rộng suy nghĩ, gợi ý phương pháp thay thế).		
2.2. Có thể hỏi về vấn đề được nghe		
2.3. Có thể cung cấp thêm thông tin		
2.4. Không nhắc lại ý bạn đã nói		
2.5. Có thể tiếp nối, phát triển vấn đề một cách hợp lý		

Bảng 2.5. Tiêu chí đánh giá sự hợp tác

Các tiêu chí	*Các mức độ*			
	A	**B**	**C**	**D**
1. Nhận nhiệm vụ	Xung phong nhận nhiệm vụ	Vui vẻ nhận nhiệm vụ khi được giao	Miễn cưỡng, không thoải mái khi nhận nhiệm vụ được giao.	Từ chối nhận nhiệm vụ
2. Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm	- Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm. - Đồng thời biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm.	- Biết tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa chủ động. - Đôi lúc chưa biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	- Còn ít tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. - Ít chịu lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm	- Không tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. - Không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.
3. Thực hiện nhiệm vụ và hỗ trợ, giúp đỡ các thành viên khác	Cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân đồng thời chủ động hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm.	Cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân nhưng chưa chủ động hỗ trợ các thành viên khác.	Ít cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân và ít hỗ trợ người khác	Không cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của bản thân và không hỗ trợ những thành viên khác.
4. Tôn trọng quyết định chung	Tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Đôi khi không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Nhiều lúc không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.
5. Kết quả làm việc	Có sản phẩm tốt, theo mẫu và vượt mức thời gian	Có sản phẩm tốt và đảm bảo thời gian	Có sản phẩm tương đối tốt nhưng không đảm bảo thời gian.	Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn.
6. Trách nhiệm với kết quả làm việc chung	Chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Không chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.

Ví dụ: Phiếu đánh giá quá trình làm việc hợp tác

Tên nhóm:.....

Nội dung trình bày của nhóm:.....

Các thành viên trong nhóm:.....

Thang điểm: 5 = Xuất sắc; 4 = Tốt; 3 = Khá; 2 = Yếu; 1 = Kém

(Khoanh tròn điểm cho từng mục)

Tiêu chí	Yêu cầu		Điểm				
Thái độ học tập	1	Tuân thủ theo sự điều hành của GV	1	2	3	4	5
	2	Tích cực, tự giác trong khi làm việc	1	2	3	4	5
Bố cục	3	Cấu trúc mạch lạc, lôgic	1	2	3	4	5
Nội dung	4	Nội dung chính rõ ràng, khoa học, có sự liên kết	1	2	3	4	5
	5	Có sự liên hệ thực tế	1	2	3	4	5
	6	Sử dụng kiến thức của nhiều môn học	1	2	3	4	5
Lời nói, cử chỉ	7	Ngôn ngữ diễn đạt rõ ràng, khúc triết vàdễ hiểu	1	2	3	4	5
	8	Tốc độ trình báo cáo vừa phải	1	2	3	4	5
	9	Người trình bày thể hiện được cảm hứng, nhiệt tình và sự tự tin khi trình bày	1	2	3	4	5
Thiết kế sản phẩm	10	Thiết kế sản phẩm sáng tạo, độc đáo, trực quan và thẩm mĩ cao	1	2	3	4	5
Tổ chức, tương tác	11	Cách dẫn dắt vấn đề thu hút sự chú ý	1	2	3	4	5
	12	Thể hiện được vai trò của các thành viên trong nhóm và có nhiều thành viên trong nhóm tham gia trình bày	1	2	3	4	5
	13	Trả lời được các câu hỏi của nhóm khác	1	2	3	4	5
	14	Phân bố thời gian hợp lí	1	2	3	4	5
	15	Có điểm mới để nhóm khác học tập	1	2	3	4	5
Kết quả	16	Sản phẩm đạt yêu cầu, có chất lượng	1	2	3	4	5

Điểm trung bình:.....(Cộng tổng điểm chia cho 16)

Qua quan sát tác giả nhận thấy, khâu đánh giá kết quả nhóm được GV thực nghiệm thực hiện rất nghiêm túc, các nhóm HS cảm thấy hài lòng với đánh giá của GV. Những đánh giá của GV đã kích thích được HS khi tham gia học tập nhóm, các em cảm thấy được GV đánh giá một cách công bằng. Hơn nữa, qua khâu nhận xét đánh giá lẫn nhau giữa các nhóm và nhận xét đánh giá của GV, kiến thức của HS về nhiệm vụ nhóm được tăng lên, được bổ sung, chỉnh sửa.

2.3. Biện pháp tổ chức DH hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí ở trường DBĐHDT

2.3.1. Sử dụng đa dạng các kĩ thuật DH trong thảo luận nhóm

Một trong những giải pháp quan trọng để phát huy tối đa những ưu điểm của PPDH hợp tác theo nhóm trong DH nói chung và DH Địa lí ở trường DBĐHDT nói riêng là kết hợp sử dụng linh hoạt giữa việc tổ chức vận dung PPDH hợp tác theo nhóm với các kĩ thuật thảo luận nhóm và các PPDH tích cực khác, từ đó từng bước nâng cao hiệu quả vận dụng của PPDH tích cực này, vì thực tế không có một PPDH nào là tối ưu và vạn năng.

Kĩ thuật DH là những cách thức, hành động của GV và HS trong các tình huống hành động nhỏ, nhằm thực hiện và điều khiển quá trình tổ chức DH trên lớp. Các kĩ thuật DH là những đơn vị nhỏ nhất của PPDH.

PPDH hợp tác theo nhóm có nhiều kỹ thuật phân nhóm thảo luận:

(1) Nhóm hai, ba HS ngồi cùng bàn trao đổi, thảo luận – gọi là nhóm "rì rầm".

(2) Kết hợp hai, ba nhóm "rì rầm" thành một nhóm lớn, để thảo luận câu hỏi phức tạp hơn – gọi là nhóm "kim tự tháp".

(3) Cho một nhóm thảo luận, một nhóm quan sát, lắng nghe, bình luận sau đó thay đổi vị trí giữa hai nhóm. Hai nhóm tiếp sức nhau thảo luận – gọi là nhóm "bể cá".

(4) Chia HS thành một số nhóm, bằng đúng số vấn đề có trong nội dung bài học, mỗi nhóm thảo luận một vấn đề theo số thứ tự của nhóm, sau đó đổi vị trí sang nhóm khác. Người đã ngồi ở nhóm có số thứ tự nào sẽ hướng dẫn cả nhóm thảo luận câu hỏi có số thứ tự đó và cuối cùng cả lớp thảo luận chung và GV tổng kết – gọi là nhóm "luân phiên".

Tuy nhiên, để phù hợp với nội dung học tập, phát huy tích tích cực làm việc của HS và khắc phục tâm lí ỷ lại, trông chờ vào kết quả của một vài cá nhân học khá, giỏi thì GV cần phải biết vận dụng đa dạng các kĩ thuật thảo luận nhóm, nhất là các kĩ thuật có hiệu quả và phù hợp với DH Địa lí theo định hướng phát triển năng lực như: Kĩ thuật "*khăn trải bàn*", kĩ thuật "*ủng hộ và phản đối*", kĩ thuật "*các mảnh ghép*",...

2.3.1.1. Sử dụng kĩ thuật DH "khăn trải bàn"

Kĩ thuật "*khăn trải bàn*" là kĩ thuật tổ chức hoạt động học tập cho HS mang tính hợp tác, kết hợp giữa hình thức học tập cá nhân và hình thức học tập theo nhóm. Kĩ thuật DH này tạo điều kiện cho HS phát triển năng lực tự học và năng lực

giao tiếp, hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề,…. GV sẽ kích thích và thúc đẩy được sự tham gia tích cực của HS đồng thời tăng cường tính độc lập, trách nhiệm cá nhân, sự tương tác giữa HS-HS. Vì đây là kĩ thuật tổ chức hoạt động học tập mang tính hợp tác giữa hoạt động cá nhân với hoạt động nhóm.

Việc sử dụng kĩ thuật này vừa tạo được hứng thú học tập của HS đồng thời cũng là giải pháp giúp HS tập trung tìm hiểu và trả lời các câu hỏi, nội dung kiến thức Địa lí với mức độ tư duy vận dụng cao như dạng câu hỏi giải thích tại sao, vì sao, từ đó mang lại hiệu quả học tập cao hơn.

Đây là kĩ thuật DH đơn giản, dễ thực hiện. Khi áp dụng kĩ thuật DH này trong hoạt động HTTN mỗi HS đều phải làm việc, viết ra ý kiến của mình nên tất cả các thành viên trong nhóm phải có nhiệm vụ tham gia vào nhiệm vụ chung của cả nhóm.

Trong PPDH hợp tác nhóm nếu nhóm quá đông (trên 8 người) thì hiệu quả làm việc không cao, đông thành viên sẽ dẫn đến tâm lí ỷ lại nghỉ ngơi của một số HS thụ động trong nhóm khi GV giám sát không tốt. Sử dụng kĩ thuật DH "khăn phủ bàn" sẽ khắc phục được hạn chế trên. Nếu nhóm quá đông không đủ chỗ trên "khăn phủ bàn", GV có thể phát cho HS những mảnh giấy nhỏ để ghi ý kiến cá nhân, sau đó đính vào phần xung quanh "khăn phủ bàn". Khi thống nhất ý kiến, đính những ý kiến thống nhất vào giữa, những ý kiến trùng nhau có thể đính chồng lên nhau. Những ý kiến không thống nhất, cá nhân có quyền bảo lưu và được đính xung quanh trên "khăn phủ bàn".

Áp dụng kĩ thuật DH này trong hoạt động nhóm cũng giúp giải quyết vấn đề về số lượng của các thành viên vượt quá giới hạn trong một nhóm khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Góp phần đa dạng hóa hoạt động thảo luận trong quá trình làm việc theo nhóm.

Tuy dễ thực hiện xong nếu quá lạm dụng kĩ thuật này sẽ gây nhàm chán cho HS, đồng thời cũng khá mất thời gian cho hoạt động thảo luận, lựa chọn những ý kiến của các thành viên để tổng hợp thành ý kiến chung của cả nhóm.

Các bước tiến hành của kĩ thuật này cụ thể như sau:

Bước 1: Chia HS thành các nhóm nhỏ mỗi nhóm khoảng từ 4 – 6 HS, phát cho mỗi nhóm một tờ giấy A0 (nếu có điều kiện) hoặc yêu cầu HS ghi vào giấy A4 rồi ghép các trang theo mô hình dưới đây. GV giao nhiệm vụ, chủ đề cần thảo luận, tìm hiểu cho từng nhóm.

Bước 2: Các nhóm tiến hành làm việc. Đầu tiên chia giấy A0 thành các phần, gồm phần chính giữa và các phần xung quanh. Phần xung quanh được chia theo số thành viên trong nhóm. Mỗi HS ngồi vào vị trí tương ứng với từng phần xung quanh đó.

Bước 3: Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút, tập trung suy nghĩ và trả lời câu hỏi, nhiệm vụ đặt ra cần giải quyết, viết ý kiến vào phần giấy của mình trên tờ A0.

Bước 4: Trên cơ sở những ý kiến của mỗi cá nhân, HS thảo luận nhóm thống nhất ý kiến chung và viết vào phần chính giữa tờ giấy A0.

Bước 5: GV sử dụng kĩ thuật "*phòng tranh"* để tổ chức triển lãm sản phẩm của các nhóm, HS quan sát sản phẩm của nhóm bạn, GV tổng kết, chính xác hóa nội dung bài học.

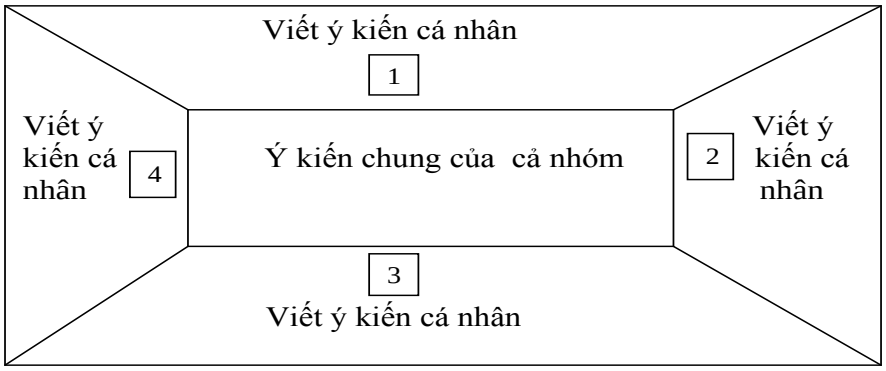

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ kĩ thuật DH "khăn trải bàn"

Như vậy, để hoàn thành các nhiệm vụ đặt ra, đòi hỏi HS vừa phải tích cực làm việc độc lập vừa phải hợp tác với các bạn trong nhóm để giải quyết vấn đề. Lợi ích của kĩ thuật này là vừa tăng cường tính độc lập, tránh nhiệm cá nhân của từng HS, đồng thời thúc đẩy sự tương tác giữa HS với HS trong nhóm và giữa các nhóm với nhau.

Trong DH Địa lí ở nhà trường, các đối tượng nhận thức Địa lí luôn có các mối quan hệ, tương tác lẫn nhau (tự nhiên với tự nhiên, tự nhiên với KT-XH, KT-XH với KT-XH). Do vậy, việc sử dụng kĩ thuật này rất thích hợp để tổ chức cho HS nghiên cứu, tìm hiểu, giải thích về sự hình thành, xuất hiện và phát triển của đối tượng Địa lí và qua đó hình thành và triển tư duy tổng hợp lãnh thổ cho HS. Cụ thể như:

- Tại sao thiên nhiên nước ta lại chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển Đông?
- Tại sao thiên nhiên nước ta mang tính nhiệt đới, ẩm gió mùa?
- Tại sao ngành trồng cây công nghiệp ngày càng phát triển mạnh ở nước ta?

- Tại sao Đồng bằng sông Cửu Long cần phải sử dụng hợp lí và bảo vệ tự nhiên?

- Nguyên nhân nào làm cho cảnh quan tự nhiên nước ta phân hóa sâu sắc theo chiều Bắc Nam?

Để phát huy thế mạnh của kĩ thuật DH này, GV cần phải quản lí và tổ chức tốt cho HS ở bước làm việc cá nhân.Trên cơ sở những ý kiến của mỗi cá nhân, HS mới có thể tiến hành thảo luận nhóm để thống nhất ý kiến. Nếu số HS trong nhóm đông thì GV có thể yêu cầu HS viết ý kiến của mình ra giấy, sau đó đính vào xung quanh tờ giấy Ao.

Ví dụ: GV sử dụng kĩ thuật "khăn trải bàn" để tổ chức cho HS tìm hiểu về nguyên nhân tạo ra tính nhiệt đới ẩm gió mùa của thiên nhiên nước ta**.** Quá trìnhtổ chức theo các bước cụ thể sau:

- Bước 1: GV chia nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm và các thành viên trong nhóm theo hai vòng.

+ Vòng 1: Các thành viên trong nhóm ghi những ý kiến cá nhân của mình lí do tạo ra tính nhiệt đới ẩm gió mùa của thiên nhiên nước ta vào các ô tương ứng.

+ Vòng 2: Các thành viên trong nhóm trao đổi và thống nhất ý kiến chung của nhóm, ghi vào ô giữa.

- Bước 2: GV tổ chức cho HS trưng bày và quan sát sản phẩm làm việc của các nhóm.

- Bước 3: GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của các nhóm và đưa ra thông tin phản hồi để chính xác hóa nội dung học tập.

Thông tin phản hồi

Thiên nhiên nước ta mang tính nhiệt đới ẩm gió mùa là do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Do nước ta nằm hoàn toàn trong khu vực nội chí tuyến bán cầu Bắc.
- Do nước ta chụi ảnh hưởng sâu sắc của biển Đông
- Do nước ta nằm trong khu vực hoạt động của gió mùa châu Á điển hình nên thiên nhiên mang tính chất gió mùa

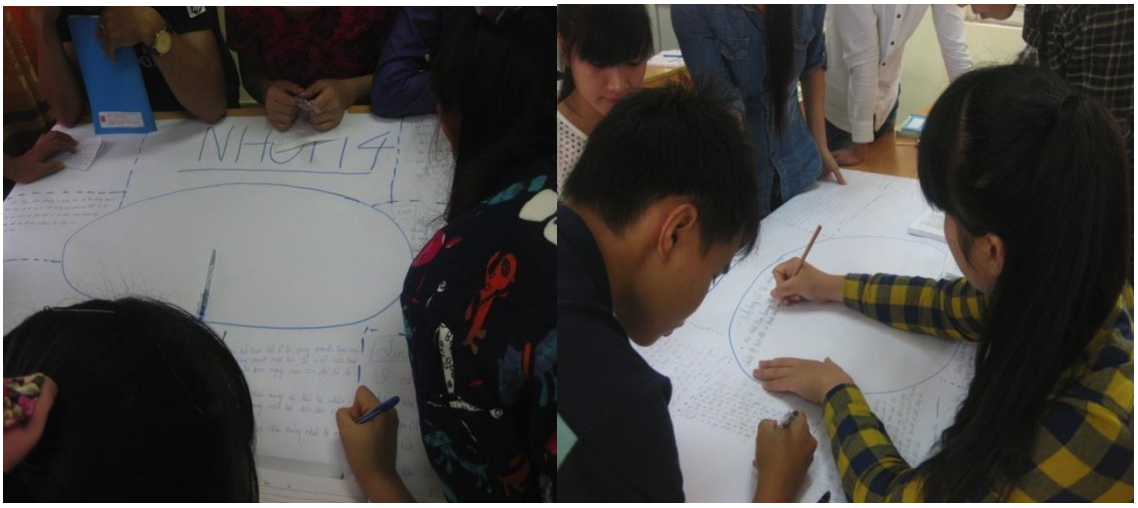

Hình 2.5. HS thảo luận và làm việc theo kĩ thuật DH "khăn trải bàn"

2.3.1.2. Sử dụng kĩ thuật DH " các mảnh ghép"

Kĩ thuật DH "*các mảnh ghép*" là kĩ thuật DH mang tính hợp tác kết hợp giữa hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm. Nhờ có vai trò làm "*chuyên gia*" của kĩ thuật DH này nên đã kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực, tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân HS, cũng như việc phát huy các lợi thế của việc tổ chức dạy học HTTN. Thông qua kĩ thuật này, GV vừa theo dõi được hoạt động của từng cá nhân HS trong lớp đồng thời đánh giá được các nhóm HS trong quá trình hợp tác cùng giải quyết nhiệm vụ được giao, HS phát triển năng lực hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề, sử dụng nguồn thông tin địa lí. Tùy vào nội dung vấn đề HS tìm hiểu, HS có thể phát triển năng lực tư duy tổng hợp theo lãnh thổ hoặc định hướng không gian,…Đặc biệt HS không có cảm giác bị bỏ rơi mà sẽ tích cực hơn khi được đóng vai trò là "chuyên gia" của nhóm về nội dung tìm hiểu.

Kỹ thuật DH này còn khắc phục được nhược điểm của cách tổ chức dạy học HTTN hiện nay, đó là sản phẩm của nhóm chỉ do một số thành viên tích cực hoàn thành.

Kĩ thuật này tạo ra hoạt động đa dạng, phong phú, HS được tham gia các nhiệm vụ khác nhau ở những mức độ yêu cầu khác nhau.

Rèn luyện cho HS tích tích cực, chủ động, sáng tạo, có trách nhiệm, đồng thời hình thành ở HS kĩ năng giao tiếp, hợp tác giải quyết vấn đề.

Các bước áp dụng kĩ thuật DH *"các mảnh ghép"* trong dạy học HTTN, được tiến hành qua hai vòng: Vòng/giai đoạn 1 gọi là *"nhóm chuyên gia"*; Vòng/giai đoạn 2 gọi là *"nhóm mảnh ghép":*

Vòng (giai đoạn) 1: "Nhóm chuyên gia"

- Lớp học sẽ được chia thành các nhóm. Mỗi nhóm được giao một nhiệm vụ với những nội dung học tập khác nhau. Ví dụ:

+ Nhóm thứ nhất: Nhiệm vụ A

+ Nhóm thứ hai: Nhiệm vụ B

+ Nhóm ba: Nhiệm vụ C

- Các nhóm tiến hành thảo luận để giải quyết nhiệm vụ của nhóm được giao. Khi thảo luận nhóm phải đảm bảo mỗi thành viên trong từng nhóm đều trả lời được tất cả các câu hỏi trong nhiệm vụ được giao và để trở thành "*chuyên gia*" của lĩnh vực đã tìm hiểu và có khả năng trình bày nội dung đó của nhóm ở vòng 2.

Vòng (giai đoạn) 2: "Nhóm các mảnh ghép"

- Hình thành nhóm mới từ các nhóm "*chuyên gia*" (đến từ nhóm thứ nhất, thứ hai, thứ ba,....) gọi là *"nhóm các mảnh ghép"*.

- Các thành viên trong nhóm mới đóng vai trò là "*chuyên gia*" để chia sẻ, trao đổi nội dung đã được nghiên cứu ở vòng 1 cho các thành viên trong nhóm mới và hoàn thành nhiệm vụ mới được giao.

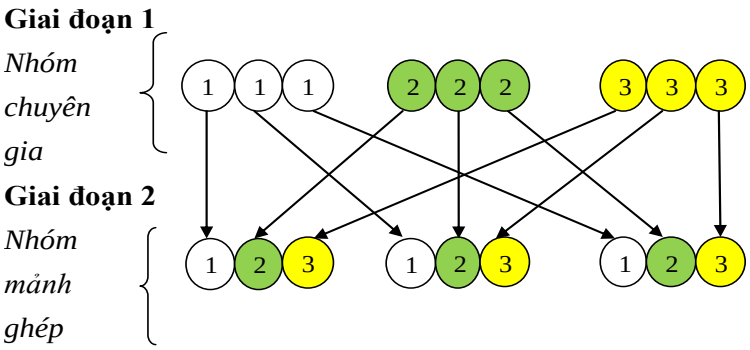

Hình 2.6. Sơ đồ kĩ thuật DH các mảnh ghép

Hình 2.7. HS thảo luận và làm việc theo kĩ thuật DH "mảnh ghép"

Ví dụ 1: Để tổ chức cho HS tìm hiểu vấn đề phát huy thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ , GV có thể sử dụng kĩ thuật này với các bước cụ thể như:

Vòng 1 (Nhóm chuyên gia): Cả lớp được chia thành 5 nhóm, mỗi nhóm thực hiện một nhiệm vụ. Các thành viên trong nhóm độc lập và trao đổi với bạn để tìm hiểu vấn đề được giao.

- Nhóm thứ nhất: Tìm hiểu thế mạnh khai thác và chế biến khoáng sản.

- Nhóm thứ hai: Tìm hiểu thế mạnh trồng cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới.

- Nhóm thứ ba: Tìm hiểu thế mạnh phát triển công nghiệp năng lượng.

- Nhóm thứ tư: Tìm hiểu thế mạnh phát triển kinh tế biển.

- Nhóm thứ năm: Tìm hiểu thế mạnh chăn nuôi gia súc.

Vòng 2 (Nhóm các mảnh ghép)*:*

- Hình thành nhóm mới, các thành viên đến từ các nhóm trên

- Nhiệm vụ: Vẽ sơ đồ tư duy để thể hiện các thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- GV yêu cầu các nhóm thực hiện theo các bước sau:

+ Bước 1: Thành viên ở vòng 1 trao đổi nội dung đã tìm hiểu với các thành viên trong nhóm mới.

+ Bước 2: Các thành viên trong nhóm mới tiến hành thảo luận về các thế mạnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

+ Bước 3: Vẽ sơ đồ tư duy để thể hiện các thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Khi các nhóm đã hoàn thành nhiệm vụ, GV sử dụng kĩ thuật "*phòng tranh"* để tổ chức cho HS trình bày sản phẩm, trao đổi, nhận xét các sản phẩm của nhóm bạn. Cuối cùng GV tổng kết, chính xác hóa nội dung bài học.

Ví dụ 2: Để tổ chức cho HS tìm hiểu về tính nhiệt đới ẩm gió mùa thể hiện trong các thành phần tự nhiên của nước ta, GV có thể sử dụng kĩ thuật "*các mảnh ghép*" để tổ chức cho HS. Các vòng được tổ chức cụ thể như sau:

Vòng 1 (*Nhóm chuyên gia*): GV chia lớp thành 5 nhóm với các nhiệm vụ cụ thể như:

- Nhóm 1: Dựa vào giáo trình và Atlat Địa lí Việt Nam để chứng minh tính nhiệt đới ẩm gió mùa thể hiện rõ rệt trong khí hậu của nước ta.

- Nhóm 2: Dựa vào giáo trình và Atlat Địa lí Việt Nam để chứng minh tính nhiệt đới ẩm gió mùa thể hiện trong địa hình của nước ta.

- Nhóm 3: Dựa vào giáo trình và Atlat Địa lí Việt Nam để chứng minh tính nhiệt đới ẩm gió mùa thể hiện trong sông ngòi của nước ta.

- Nhóm 4: Dựa vào giáo trình và Atlat Địa lí Việt Nam để chứng minh tính nhiệt đới ẩm gió mùa thể hiện trong đất của nước ta.

- Nhóm 5: Dựa vào giáo trình và Atlat Địa lí Việt Nam để chứng minh tính nhiệt đới ẩm gió mùa thể hiện trong sinh vật của nước ta.

Vòng 3 (*Nhóm mảnh ghép*): GV hình thành nhóm mới gồm các thành viên đến từ 5 nhóm chuyên gia với nhiệm vụ cụ thể là:

- Nhiệm vụ 1: Các thành viên của nhóm chuyên gia phải trao đổi vấn đề đã tìm hiểu cho các thành viên của nhóm mảnh ghép.

- Nhiệm vụ 2: Các thành viên trong nhóm mới trao đổi để hoàn thành sơ đồ tư duy hoặc lập bảng tổng kết thể hiện tính nhiệt đới ẩm gió mùa trong các thành phần của tự nhiên của nước ta.

Thành phần tự nhiên	**Khí hậu**	**Địa hình**	**Sông ngòi**	**Sinh vật**	**Đất**
Biểu hiện của tính nhiệt đới ẩm gió mùa.					

Như vậy, thông qua quy trình tiến hành và ví dụ cụ thể trên, kĩ thuật DH "*các mảnh ghép*" áp dụng rất hiệu quả với các nội dung, chủ đề DH có tính chất xây dựng, kiến tạo. Các chủ đề, nội dung trong DH Địa lí ở nhà trường phổ thông có thể áp dụng kĩ thuật DH này như:

- Tìm hiểu và đánh giá về đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của một lãnh thổ địa lí (địa hình, đất, khí hậu, nước, sinh vật, khoáng sản,..).

- Tìm hiểu và đánh giá về dân cư và xã hội (dân cư, dân tộc, chất lượng cuộc sống, lịch sử phát triển,…) của mỗi khu vực.

- Tìm hiểu về các nhân tố ảnh hưởng tới quá trình hình thành, phát triển của đối tượng Địa lí. Ví dụ như các nhân tố ảnh hưởng tới quá trình hình thành đất, phát triển và phân bố sinh vật, tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, công nghiệp,…

Đặc biệt, kĩ thuật DH này mang lại hiệu quả rất cao trong việc tạo ra môi trường học tập, trao đổi giao lưu, đoàn kết và cùng tiến bộ giữa các dân tộc.

Tuy nhiên, khi sử dụng kĩ thuật DH này có thể gây ra nhiều xáo trộn, ồn ào khi HS di chuyển và khó thành công với lớp học có sĩ số quá đông, lớp học quá chật. Để hoạt động hợp tác đạt được hiệu quả, GV cần theo dõi chặt chẽ và hỗ trợ hoạt động của các nhóm để đảm bảo tất cả HS ở các nhóm đều hiểu nhiệm vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đặc biệt ở giai đoạn 2, mọi thông tin ở các nhóm "chuyên sâu" đều phải được trình bày, cung cấp đầy đủ, nếu một thành viên nào đó trình bày không rõ ràng, đầy đủ thì thông tin đó sẽ bị khiếm khuyết và ảnh hưởng tới kết quả hoạt động của nhóm.

Trong quá trình tổ chức đòi hỏi GV phải nắm rõ qui trình thực hiện và bản chất của kĩ thuật. Đồng thời GV cần quản lí, tổ chức và theo dõi lớp, các nhóm hoạt động. Nếu không dễ gây nhốn nháo, mất trật tự và quá trình hợp tác, thảo luận sẽ không mang lại hiệu quả và gây tác dụng ngược.

Những HS có học lực yếu hơn sẽ khó khăn khi làm chuyên gia trong nhóm mảnh ghép, đặc biệt đối tượng HS ở các trường DBĐHDT đều là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi ít va chạm, ngại thể hiện suy nghĩ của bản than, khả năng giao tiếp còn hạn chế nên càng khó khăn khi triển khai thực hiện kĩ thuật này.

Ở giai đoạn hai, nếu HS nào trình bày không rõ ràng, đầy đủ, sẽ gây ảnh hưởng đến kết quả của cả nhóm và không hoàn thành được nhiệm vụ.

2.3.1.3. Kĩ thuật "ủng hộ và phản đối"

Tranh luận "*ủng hộ - phản đối*" là một kĩ thuật dùng trong thảo luận, trong đó đề cập về một chủ đề có chứa đựng xung đột. Những ý kiến khác nhau và những ý kiến đối lập được đưa ra tranh luận nhằm mục đích xem xét chủ đề dưới nhiều góc độ khác nhau. Mục tiêu của tranh luận không phải nhằm đánh bại ý kiến đối lập mà nhằm xem xét chủ đề dưới nhiều phương diện khác nhau.

Kĩ thuật này khi sử dụng trong hoạt động học tập HTTN, có tác dụng rất tốt, rèn luyện cho HS cách giải quyết vấn đề từ những vấn đề mâu thuẫn, đấu tranh giữa các mặt đối lập để tìm ra chân lí.

Phát huy tính tích cực, chủ động, óc tư duy lôgic, tư duy phản biện của HS.

Kĩ thuật này dùng để tranh luận cho nên có khả năng áp dụng chủ yếu là với những nội dung, chủ đề có chứa mâu thuẫn, xung đột, đòi hỏi cần giải quyết để tìm ra chân lí.

Kĩ thuật DH "*ủng hộ - phản đối*" trong dạy học HTTN được tiến hành theo các bước cụ thể sau:

Bước 1: GV chia lớp thành hai phe theo hai hướng ý kiến đối lập nhau về một luận điểm cần tranh luận. Chia nhóm có thể theo nguyên tắc ngẫu nhiên hoặc theo nguyện vọng muốn đứng về phe ủng hộ (thế mạnh, thuận lợi) hay phe phản đối (khó khăn, hạn chế,..).

Bước 2: Thành viên trong các phe đưa ra những ý kiến cá nhân, trao đổi trong nhóm và đưa ra các lập luận của nhóm mình.

Bước 3: GV tổ chức cho các nhóm đưa ra những ý kiến lập luận của nhóm mình, nhóm đồng việc bổ sung.

Tuy nhiên sử dụng kĩ thuật này cũng mất thời gian, đòi hỏi sự quản lí và tổ chức tốt của GV và các nhóm thảo luận. Do có hai phe với hai ý kiến trái ngược nhau, nên khi tranh luận rất dễ gây mất trật tự làm ảnh hưởng đến hiệu quả của sự hợp tác.

Trong DH địa lí ở nhà trường nói chung và DBĐHDT nói riêng, đối tượng nhận thức Địa lí luôn có các tác động qua lại với nhau, vừa tạo ra những thuận lợi và có thể vừa gây ra những khó khăn, vừa tạo ra cơ hội và có thể lại gây ra nhiều thách thức,... Vì vậy, sử dụng kĩ thuật "*ủng hộ và phản đối*" có tác dụng rất tốt rèn luyện cho HS cách giải quyết vấn đề từ những vấn đề mâu thuẫn, đấu tranh giữa các mặt đối lập để tìm ra chân lí, bản chất của các sự vật hiện tượng. Qua đó, giúp HS phát triển năng lực giải quyết vấn đề, biết xác định được những thuận lợi, khó khăn trước những vấn đề của cuộc sống và từ đó có những quyết định đúng đắn nhất. Các chủ đề có thể áp dụng kĩ thuật DH này trong DH Địa lí ở nhà trường thường là: đánh giá các điều kiện ảnh hưởng tới quá trình phát triển của đối tượng Địa lí, đánh giá sự tác động của đối tượng Địa lí này đến đối tượng Địa lí khác. Cụ thể như:

- Đánh giá những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng tới phát triển ngành thủy sản của nước ta.
- Đánh giá thế mạnh và hạn chế của nguồn lao động ở nước ta.
- Đánh giá về cơ hội và thách thức của cơ cấu dân số vàng của nước ta.

Ví dụ: Để tổ chức cho HS tìm hiểu về ảnh hưởng của tính nhiệt đới ẩm gió mùa đến sự phát triển KT-XH, nhất là đến sản xuất nông nghiệp của nước ta. GV có thể sử dụng kĩ thuật "ủng hộ và phản đối" để tổ chức cho HS. Cụ thể như sau:

- Bước 1: GV có thể chia lớp làm 6 nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm

+ Nhóm ủng hộ (nhóm 1,2,3): Chứng minh thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa tạo ra rất nhiều thuận lợi cho phát triển KT-XH của nước ta.

+ Nhóm phản đối (nhóm 4,5,6): Chứng minh thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa gây ra nhiều khó khăn cho phát triển KT-XH của nước ta.

- Bước 2: GV tổ chức cho các nhóm chơi trò chơi tiếp sức giữa các nhóm đồng việc để đưa ra các ý kiện về thuận lợi và khó khăn của tính nhiệt đới ẩm gió mùa đến phát triển KT-XH của nước ta.

- Bước 3: GV nhận xét và chính xác hóa nội dung học tập.

Ví dụ: Mục tiêu, nội dung và kĩ thuật thảo luận hợp tác trong chương trình Địa lí ở trường DBĐHDT (Xem Phụ lục 3)

2.3.2.Kết hợp PPDH hợp tác theo nhóm với phương pháp sử dụng phương tiện trực quan

Trong DH địa lí, đối tượng nhận thức có tính lãnh thổ, không gian, vận động và biến đổi theo thời gian, có mối quan hệ với các sự vật hiện tượng khác nên thường dùng các loại phương tiện DH trực quan đặc trưng để biểu thị như: bản đồ, bảng số liệu, biểu đồ, sơ đồ, tranh ảnh, videoclip,…. Thông qua phương tiện này, HS có hình ảnh trực quan về đối tượng nhận thức, chủ thể và đối tượng nhận thức gặp nhau, làm cho quá trình nhận thức được dễ dàng và sâu sắc hơn. Các loại phương tiện này đóng vai trò là công cụ hay điều kiện để GV và HS sử dụng làm khâu trung gian tác động vào đối tượng DH, chúng vừa có chức năng khơi dạy, dẫn truyền, thay thế hay đại diện cho các sự vật, hiện tượng địa lí vừa là công cụ để GV và HS tác động vào đối tượng nhận thức. Do vậy, chúng vừa có chức năng nhận thức và vừa có chức năng điều khiển quá trình nhận thức, giúp người học dễ dàng phát hiện kiến thức, khắc sâu nội dung bài học, rèn luyện, phát triển các kĩ năng tư duy, vận dụng sáng tạo kiến thức lí thuyết vào thực tiễn cuộc sống. Vì vậy, muốn tổ chức tốt quá trình thảo luận của HS trong DH Địa lí thì GV phải biết tạo ra hình ảnh trực quan về đối tượng nhận thức nhằm rút ngắn cự li quan sát giữa chủ thể nhận thức và các sự vật hiện tượng ở rất xa về không gian và thời gian. Đặc biệt, các phương tiện trực quan trong DH Địa lí chính là công cụ để HS trao đổi, tiến hành các thao tác tư duy như: phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát… nhằm giải quyết nhiệm vụ được giao.

Ví dụ 1: Để tổ chức cho HS tìm hiểu về đặc điểm phân bố dân cư ở nước ta, GV có thể yêu cầu HS dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15 và thảo luận theo nhóm để chứng minh dân cư nước ta phân bố không đều. Cụ thể như sau:

Nhóm 1: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15 và thảo luận theo nhóm để chứng minh dân cư nước ta phân bố không đều giữa thành thị và nông thôn. Lí giải về sự phân bố đó.

Nhóm 2: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15 và thảo luận theo nhóm để chứng minh dân cư nước ta phân bố không đều giữa đồng bằng và miền núi. Lí giải về sự phân bố đó.

Nhóm 3: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15 và thảo luận theo nhóm để chứng minh dân cư nước ta phân bố không đều giữa tiểu vùng Đông Bắc và Tây Bắc. Lí giải về sự phân bố đó.

Nhóm 4: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15 và thảo luận theo nhóm để chứng minh dân cư nước ta phân bố không đều giữa các tỉnh phía Bắc với các tỉnh phía Nam. Lí giải về sự phân bố đó.

Ví dụ 2: GV có thể sử dụng bảng số liệu sau để tổ chức cho HS trao đổi và tìm hiểu về tình hình phát triển hiện nay của ngành công nghiệp năng lượng và lí giải tại sao lại có sự phát triển đó?

Bảng 2.6. Sản lượng than, dầu thô và điện của nước ta, giai đoạn 2000 - 2012

Sản phẩm	2000	2005	2010	2012
Than (Triệu tấn)	11,6	34,1	44,8	42,1
Dầu khí (Triệu tấn)	16,3	18,5	15,0	16,7
Điện (tỉ KWh)	26,7	52,1	91,7	115,1

(Trích theo Tổng cục thống kê)

2.3.3. Kết hợp PPDH hợp tác theo nhóm với PPDH đặt và giải quyết vấn đề

PPDH đặt và giải quyết vấn đề được hiểu là tổ chức quá trình DH bao gồm việc tạo ra tình huống, gợi vấn đề trong giờ học, kích thích ở HS nhu cầu giải quyết vấn đề nảy sinh, lôi kéo các em vào hoạt động nhận thức tự lực, nhằm nắm vững kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo mới, phát triển tính tích cực của trí tuệ và hình thành ở các em năng lực tự mình thông hiểu và lĩnh hội thông tin khoa học mới. DH giải quyết vấn đề sẽ tạo nhu cầu, gây hưng phấn cho hoạt động nhận thức của HS, thúc đẩy các em tích cực trao đổi, tìm tòi để giải quyết vấn đề.

Theo các nhà nghiên cứu, DH giải quyết vấn đề có thể chia làm ba pha với nhiệm vụ của GV và HS cụ thể như sau:

- Nêu vấn đề và chuyển HS vào tình huống có vấn đề.

- Tổ chức cho HS giải quyết vấn đề: Đề xuất các giả thuyết cho vấn đề đặt ra, thu thập và xử lí thông tin theo hướng các giả thuyết đã đề xuất.

- Tổ chức cho HS đưa ra kết luận: Khẳng định hay bác bỏ giả thuyết, phát biểu kết luận.

Do vậy, để tạo ra môi trường thuận lợi cho HS trao đổi, hợp tác để giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra thì cần thiết phải dạy học giải quyết vấn đề, nhất là phải tạo ra các tình huống có vấn đề. Trong DH, tình huống có vấn đề có thể được tạo ra bằng các cách sau:

- Tình huống không phù hợp với quan niệm thông thường, trái với kinh nghiệm đã có.

- Tình huống mâu thuẫn giữa lý thuyết và thực tế, giữa thực tế nơi này với nơi kia.

- Tình huống xung đột, đối nghịch nhau.

- Tình huống lựa chọn một trong các phương án.

- Tình huống đột biến, sự kiện phát triển nhanh khác thường.

- Tình huống giả thuyết cần phải chứng minh.

- Tình huống nhân quả,…

Ví dụ 1: GV có thể sử dụng tình huống giả định " Sự sống trên Trái Đất sẽ như thế nào nếu như Trái Đất không quay quanh Mặt Trời ?" để tổ chức cho HS thảo luận khi tìm hiểu về các hệ quả chuyển động của Trái Đất quay quanh Mặt Trời. Hay để tổ chức cho HS tìm hiểu về chủ đề "Môi trường và sự phát triển bền vững " GV có thể tạo ra các tình huống có vấn đề để tổ chức cho HS trao đổi giải quyết như:

- Để phát triển bền vững cần sử dụng hợp lí tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Sự phát triển công nghiệp, những vấn đề đô thị là những tác nhân cơ bản gây ra những vấn đề về môi trường toàn cầu hiện nay như thủng tầng ôdôn, hiệu ứng nhà kính, hiện tượng mưa axít,...

- Các nước đang phát triển là nơi tập trung nhiều vấn đề về môi trường.

- Vấn đề môi trường ít xảy ra ở các nước phát triển.

Ví dụ 2: GV có thể sử dụng tình huống lựa chọn để tổ chức cho HS trao đổi để tìm ra một sự lựa chọn thích hợp nhất để tìm hiểu về các biện pháp sử dụng hợp lí tài nguyên đất ở khu vực miền núi. Cụ thể như sau:

Hãy thảo luận với bạn để lựa chọn tình huống thích hợp nhất cho việc sử dụng hợp lí tài nguyên đất ở khu vực miền núi. Lí giải về sự lựa chọn đó.

1. Trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc.
2. Trồng cây công nghiệp hàng năm.
3. Trồng cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả.
4. Phát triển ngành chăn nuôi gia súc lớn.

2.3.4. Kết hợp PPDH hợp tác theo nhóm với ứng dụng CNTT và truyền thông trong dạy học Địa lí tại trường DBĐHDT

Việc ứng dụng CNTT trong DH Địa lý là nâng cao một bước cơ bản chất lượng học tập, tạo môi trường GD mang tính tương tác và hợp tác cao, HS được khuyến khích, tạo điều kiện để chủ động cùng nhau tìm kiếm kiến thức, sắp xếp hợp lý quá trình tự học tập, tự rèn luyện và phát huy năng lực của mình. Tăng cường sử dụng CNTT trong PPDH hợp tác theo nhóm sẽ giúp HS hình thành năng lực sử dụng CNTT để phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và làm việc của bản thân HS.

Ứng dụng CNTT và truyền thông trong PPDH hợp tác theo nhóm sẽ tạo môi trường học tập và giảng dạy cho cả GV và HS:

** Đối với GV*

- CNTT giúp GV tìm kiếm và lựa chọn thông tin, tranh ảnh, tư liệu Địa lí nhằm phục vụ cho quá trình chuẩn bị thiết kế các nhiệm vụ học tập trong tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm.Thông qua các phần mềm CNTT, phần mềm DH Địa lí, GV có thể khai thác và lựa chọn những thông tin cần thiết để thiết kế xây dựng nhiệm vụ học tập cho các nhóm trong bài học sao cho đạt hiệu quả cao nhất. Dựa vào CNTT, những phần mềm DH Địa lí, GV có thể khai thác những bản đồ sẵn có về tự nhiên, KT - XH và bản đồ trống để làm tư liệu phục vụ cho các nhóm học tập, nghiên cứu nhằm giải quyết các nhiệm vụ của bài học. Đồng thời, từ những số liệu có sẵn về tự nhiên, KT-XH, GV có thể lựa chọn, xây dựng kiểu biểu đồ thích

hợp để phục vụ tốt cho tư liệu của bài học và từ đó đưa đến cho các nhóm trong quá trình tổ chức hoạt động hợp tác.

- CNTT giúp GV biên soạn và thiết kế bài học, các nhiệm vụ học tập trong quá trình tổ chức nhóm học tập. Qua việc tìm và lựa chọn thông tin phục vụ cho bài giảng, GV có thể biên soạn, xây dựng các nhiệm vụ học tập cụ thể cho từng nhóm.

- Sử dụng CNTT để thực hiện bài giảng và tổ chức, hướng dẫn HS học tập HTTN. Sau khi tìm kiếm tư liệu và hoàn tất việc thiết kế bài học, GV có thể sử dụng CNTT để giảng dạy trên lớp. Với bài giảng trực quan, sinh động, hấp dẫn, tác động tổng hợp bằng hình ảnh, âm thanh với những hiệu ứng về màu sắc, hoạt hình, về truyền đạt, trình diễn,… sẽ tập trung được sự chú ý của HS; HS tích cực học tập, tham gia xây dựng bài và nắm vững kiến thức đã học.

** Đối với HS*

Đối tượng HS học tập ở các trường DBĐHDT chủ yếu sống ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo, đây là những vùng còn gặp nhiều khó khăn về KT-XH, trình độ văn hóa và dân trí còn thấp hơn so với mặt bằng chung của cả nước. Do đó trong quá trình học tập, HS rất ít có điều kiện được tìm hiểu và học tập qua CNTT. Vì vậy, việc tổ chức cho HS học tập hợp tác qua CNTT sẽ có vai trò ý nghĩa rất lớn, cụ thể:

- Tăng cường sử dụng CNTT trong quá trình học tập HTTN sẽ giúp HS phát triển năng lực sử dụng CNTT, các em có cơ hội để tìm hiểu, khám phá tri thức từ CNTT.

Hình 2.8. HS ứng dụng CNTT để tìm kiếm thông tin và trình bày kết quả thảo luận

- Giúp HS xác định được thông tin cần thiết để thực hiện nhiệm vụ học tập; tìm kiếm được thông tin với các chức năng tìm kiếm đơn giản và tổ chức thông tin phù hợp; đánh giá sự phù hợp của thông tin, dữ liệu đã tìm thấy với nhiệm vụ đặt ra, xác lập mối liên hệ giữa kiến thức đã biết với thông tin mới thu thập được và dùng thông tin đó để giải quyết các nhiệm vụ học tập và trong cuộc sống.

- HS sẽ có cơ hội được cập nhật kiến thức, tri thức mới của Địa lí nói riêng và tri thức khoa học nói chung của nhân loại.

- CNTT cũng sẽ tạo môi trường lí tưởng để HS trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm học tập, tư liệu học tập trong quá trình tương tác nhóm.

Ví dụ: Để tổ chức cho HStìm hiểu về một số vấn đề mang tính toàn cầu, GV có thể giao nhiệm vụ cho các nhóm như sau:

- Nhóm 1: Dựa vào giáo trình và khai thác Internet để tìm hiểu về vấn đề bùng nổ dân số trên thế giới (hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả và giải pháp).

- Nhóm 2: Dựa vào giáo trình và khai thác Internet để tìm hiểu về vấn đề dân số già (hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả và giải pháp).

- Nhóm 3: Dựa vào giáo trình và khai thác Internet để tìm hiểu về vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu và suy giảm tầng ôdôn (hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả và giải pháp).

- Nhóm 4: Dựa vào giáo trình và khai thác Internet để tìm hiểu về vấn đề ô nhiễm nguồn nước ngọt và đại dương (hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả và giải pháp).

- Nhóm 5: Dựa vào giáo trình và khai thác Internet để tìm hiểu về vấn đề suy giảm đa dạng sinh học (hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả và giải pháp).

Tuy nhiên, điều này lại phụ thuộc rất lớn vào việc tổ chức, giao nhiệm vụ học tập cho các nhóm và cá nhân trong mỗi nhóm của GV thông qua CNTT như thế nào, nghĩa là GV có tạo ra môi trường học tập thông qua CNTT một cách triệt để hay không từ chính yêu cầu kiến thức của môn Địa lí. Bởi vậy, GV phải luôn ý thức được vai trò của CNTT đối với HS dân tộc để từ đó trong quá trình tổ chức hoạt động hợp tác, trong khâu thiết kế định hướng nhiệm vụ học tập cần tạo ra môi trường thuận lợi để HS khám phá thông qua CNTT một cách triệt để nhất. Đồng thời, GV cũng phải luôn sát sao, định hướng và cung cấp các kĩ năng cần thiết cho HS trong quá trình khai thác, học tập từ CNTT.

2.3.5. Kết hợp PPDH hợp tác theo nhóm với việc xây dựng các bài tập nhận thức trong dạy học Địa lí tại trường DBĐHDT

Việc xây dựng các bài tập nhận thức về các sự vật - hiện tượng địa lí tự nhiên, KT-XH có ý nghĩa quan trọng trong quá trình tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm. Xây dựng các bài tập nhận thức như bài tập giải thích, bài tập chứng minh hay bài tập so sánh trong quá trình tổ chức hoạt động hợp tác thảo luận cho HS sẽ giúp mang lại hiệu quả GD cao. Vì mỗi bài tập sẽ là những tình huống có vấn đề nên sẽ kích thích tư duy sáng tạo, muốn khám phá tìm hiểu các vấn đề ẩn trong mỗi bài tập của HS. Do đó các bài tập nhận thức sẽ giúp giờ thảo luận hợp tác trở nên sôi động, không còn những vấn đề dễ và nhàm chán đối với HS nữa.

- Xây dựng dạng bài tập giải thích trong tổ chức học tập HTTN. Đây là dạng bài tập nhận thức rất phức hợp cho việc xây dựng và tổ chức các hoạt động học tập HTTN, vì các thành viên của nhóm là người giải thích, tham gia vào cả quá trình nhận thức liên quan đến giải thích đó. Tiếp thu những lời giải thích, giúp những HS khác trong nhóm bổ sung các thiếu sót, làm sáng tỏ và tổ chức lại kiến thức hiện có và tái hiện lại kiến thức đã được giải thích.

Xuyên suốt chương trình Địa lí, từ phần Địa lí đại cương sang nội dung Địa lí KT-XH thế giới và cuối cùng là phần Địa lí Việt Nam ở trường DBĐH, có thể nói một lượng kiến thức cũng như các kĩ năng lớn đòi hỏi người học phải có sự lí giải về bản chất của sự vật - hiện tượng địa lí tự nhiên, KT-XH. Như trong phần Địa lí đại cương có hàng loạt nội dung, vấn đề đặt ra với câu hỏi tại sao, vì sao: Vì sao Trái đất của chúng ta lại là hành tinh duy nhất trong hệ Mặt trời tồn tại và phát triển sự sống? Tại sao lại có hiện tượng ngày đêm trên Trái đất?...Hay đối với phần Địa lí KH-XH thế giới để tổ chức các hoạt động học tập HTTN, cũng có thể đưa ra hàng loạt các nội dung để giải thích: Tại sao bùng nổ dân số lại tập trung chủ yếu ở các nước đang phát triển?. Giải thích nguyên nhân vì sao từ vĩ tuyến 16^0B (dãy Bạch Mã) trở vào phía Nam của nước ta không có mùa đông lạnh?...

- Xây dựng dạng bài tập chứng minh: Trong quá trình thiết kế và tổ chức các hoạt động học tập HTTN, thì bài tập chứng minh là một dạng bài tập yêu cầu ở mức độ thông hiểu và vận dụng thấp đối với HS trong quá trình làm việc nhóm, do đó mang lại hiệu quả cao khi tổ chức. Vì mỗi một cá nhân trong nhóm, khi nghiên cứu, tìm hiểu về các sự vật - hiện tượng địa lí tự nhiên, KT-XH, không phải lúc nào các em cũng đưa ra những nhận định giống nhau. Vì vậy, HS sẽ phải có những lập luận

của cá nhân để bảo vệ ý kiến mà mình cho là đúng. Khi các nhóm HS làm sáng tỏ những nhận định về sự vật - hiện tượng địa lí tự nhiên, KT-XH thì mức độ hiểu vấn đề sẽ sâu hơn, khả năng đánh giá, vận dụng của các em cũng tăng lên. Ví dụ như chứng minh Hoa Kì là cường quốc kinh tế số 1 trên thế giới; chứng minh khí hậu nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa; chứng minh dân số nước ta đang trong thời kì có cơ cấu dân số vàng; chứng minh cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta tương đối đa dạng và đang có sự chuyển dịch tích cực…Do đó, GV cần nghiên cứu xây dựng câu hỏi bài tập này trong quá trình tổ chức hoạt động HTTN cho HS trên lớp nhằm đạt hiệu quả tổ chức cao.

- Xây dựng bài tập so sánh trong Địa lí: Dạng bài so sánh giữa các sự vật, hiện tượng địa lí về tự nhiên cũng như KT-XH, là một dạng bài luôn gây được sự hứng thú học tập và kích thích được tư duy của HS trong việc tìm ra mối liên hệ, tìm ra được những điểm giống và khác nhau của đối tượng so sánh. Thông qua tổ chức học tập nhóm, khi tất cả các thành viên trong nhóm cùng chung sức, đồng lòng để tìm ra câu trả lời cho bài tập so sánh, thì chất lượng của câu trả lời của nhóm sẽ tăng cao. Từ đó, HS cũng sẽ hứng thú hơn, say mê hơn với môn học của mình. Như so sánh giữa đồng bằng sông Hồng với đồng bằng sông Cửu Long? So sánh đặc điểm khí hậu giữa Đông Bắc với Tây Bắc?....

- Xây dựng dạng bài tập phân tích: Để hoàn thành bài tập này đòi hỏi phải trên cơ sở thảo luận, nhận xét, đánh giá thì HS mới có thể tìm ra những đặc trưng cơ bản của một sự vật, hiện tượng, vấn đề địa lí đang học nào đó. Ngoài việc khắc sâu, nhớ lâu, hiểu kĩ, vận dụng những nền tảng cơ sở kiến thức đã có để tìm ra kiến thức mới, ẩn sau đưa nội dung vấn đề địa lí cần tìm hiểu trở nên sâu sắc hơn, trọn vẹn và toàn diện hơn. Và qua giải bài tập dạng này trong các nhóm, GV còn giúp HS hình thành phát triển các kĩ năng phân tích, đánh giá,…Ví dụ trong bài Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam, GV có thể tổ chức hoạt động HTTN với đề bài: Phân tích ý nghĩa của Vị trí địa lí của Việt Nam đối với sự phát triển tự nhiên, KT-XH và an ninh quốc phòng?.

Như vậy, việc kết hợp với xây dựng các bài tập nhận thức trong quá trình tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm vừa làm phong phú thêm nội dung thảo luận hợp tác cho HS vừa giúp cho hoạt động thảo luận hợp tác nhóm thực sự có ý nghĩa và hiệu quả tránh được tình trạng nội dung, vấn đề thảo luận dễ, hời hợt và nhàm chán đối với HS.

2.4. Một số ví dụ minh họa về vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí ở trường DBĐHDT

2.4.1. Giáo án 1

Một số vấn đề mang tính toàn cầu (1tiết)

1. Mục tiêu bài học: Sau bài học, HS cần đạt được:

1.1. Về kiến thức:

- Trình bày được một số vấn đề mang tính toàn cầu hiện nay như bùng nổ dân số, dân số già, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu toàn cầu và suy giảm tầng ôdôn, suy giảm đa dạng sinh học.

- Giải thích được tại sao những vấn đề như bùng nổ dân số, dân số già, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu toàn cầu và suy giảm tầng ôdôn, suy giảm đa dạng sinh học lại là những vấn đề của toàn cầu.

- Liên hệ với thực tế của Việt Nam và địa phương về các vấn đề mang tính toàn cầu.

1.2. Kĩ năng:

- Nhận xét được các số liệu thống kê, biểu đồ,…về các vấn đề mang tính toàn cầu (bùng nổ dân số, gia tăng dân số, suy giảm sự đa dạng sinh học,..).

1.3. Thái độ:

- Nhận thức được để giải quyết các vấn đề toàn cầu cần phải có sự hợp tác và đoàn kết của toàn nhân loại.

- Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường sống, có hành động tích cực bảo vệ môi trường ở chính nơi mình sống, học tập với khẩu hiệu "Tư duy toàn cầu, hành động cá nhân".

- Tuyên truyền cho người thân, bạn bè và những người xung quanh về sự cần thiết phải bảo vệ môi trường sống.

1.4. Góp phần phát triển năng lực: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, năng lực trình bày các thông tin Địa lí, năng lực tư duy tổng hợp theo lãnh thổ,…

2. Chuẩn bị phương tiện

- Đối với GV: Số liệu thống kê, tranh ảnh, videoclip,.. về các vấn đề mang tính toàn cầu.

- Đối với HS: Giáo trình, máy tính, giấy Ao, bút dạ,...

3. Phương pháp và kĩ thuật dạy học

- Phương pháp đàm thoại gợi mở, phương pháp sử dụng phương tiện trực quan, PPDH hợp tác theo nhóm, phương pháp nêu và giải quyết vấn đề, phương pháp tự học.

- Kĩ thuật động não, kĩ thuật các mảnh ghép, kĩ thuật phòng tranh.

4. Hoạt động dạy học

4.1. Hoạt động khởi động (3 phút)

- Bước 1: GV sử dụng kĩ thuật động não để tổ chức cho HS đưa ra các ý kiến của mình về những vấn đề mang tính toàn cầu đang đặt ra trên thế giới.

- Bước 2: GV tổng kết các ý kiến và kết nối vào bài học

4.2. Hoạt động nhận thức

Hoạt động 1: Tìm hiểu về một số vấn đề mang tính toàn cầu (30 phút)

Bước 1: GV sử dụng kĩ thuật "*các mảnh ghép*" để tổ chức cho HS tìm hiểu về các vấn đề mang tính toàn cầu đang đặt ra trên thế giới.

Vòng 1 (*Nhóm chuyên gia*): GV chia lớp thành 5 nhóm với các nhiệm vụ cụ thể như:

- Nhóm 1: Dựa vào giáo trình và khai thác Internet để tìm hiểu về vấn đề bùng nổ dân số trên thế giới (hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả và giải pháp).

- Nhóm 2: Dựa vào giáo trình và khai thác Internet để tìm hiểu về vấn đề dân số già (hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả và giải pháp).

- Nhóm 3: Dựa vào giáo trình và khai thác Internet để tìm hiểu về vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu và suy giảm tầng ôdôn (hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả và giải pháp).

- Nhóm 4: Dựa vào giáo trình và khai thác Internet để tìm hiểu về vấn đề ô nhiễm nguồn nước ngọt và đại dương (hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả và giải pháp).

- Nhóm 5: Dựa vào giáo trình và khai thác Internet để tìm hiểu về vấn đề suy giảm đa dạng sinh học (hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả và giải pháp).

Vòng 2 (*Nhóm mảnh ghép*): GV hình thành nhóm mới với các thành viên đến từ 5 nhóm chuyên gia để thực hiện các nhiệm vụ mới sau:

- Nhiệm vụ 1: Các thành viên của nhóm chuyên gia phải trao đổi vấn đề đã tìm hiểu cho các thành viên của nhóm mảnh ghép.

- Nhiệm vụ 2: Các thành viên trong nhóm mới tiến hành trao đổi, thảo luận, thống nhất và hoàn thành bảng sau để thể hiện một số vấn đề mang tính toàn cầu.

Vấn đề toàn cầu	Hiện trạng	Nguyên nhân	Hậu quả	Giải pháp
Vấn đề bùng nổ dân số				
Vấn đề dân số già				
Vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu và suy giảm tầng ôdôn				
Vấn đề ô nhiễm nguồn nước ngọt và đại dương				
Vấn đề suy giảm đa dạng sinh học				

- Khi các nhóm đó hoàn thành nhiệm vụ, GV sử dụng kĩ thuật "**phòng tranh"** để tổ chức cho HS trình bày sản phẩm, báo cáo, trao đổi và nhận xét các sản phẩm của nhóm bạn.

- Cuối cùng GV tổng kết, chính xác hóa nội dung hoạt động bằng bảng thông tin phản hồi.

Vấn đề môi trường	Biểu hiện	Nguyên nhân	Hậu quả	Giải pháp
Bùng nổ dân số	- Dân số thế giới tăng nhanh. - Thời gian dân số tăng thêm 1 tỷ và gấp đôi ngày càng rút ngắn. - Sự bùng nổ dân số ở các nước đang phát triển.	- Do tỉ suất gia tăng dân số cao. - Các nước đang phát triển chiếm 80% dân số và 95% số dân gia tăng hàng năm.	Gây sức ép: Phát triển kinh tế; các vấn đề xã hội; Ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên;	- Giảm tỉ lệ sinh đặc biệt ở các nước đang phát triển và kém phát triển. - Phát triển KT-XH, nâng cao chất lượng cuộc sống.
Già hoá dân số	- Nhóm người trên 65 tuổi ngày càng nhiều, tuổi thọ người dân ngày càng cao. - Hiện nay có khoảng 11% số phụ nữ và 9% số nam giới trên 65 tuổi. - Dự báo số người cao tuổi sẽ tăng lên 1 tỷ người vào năm 2020.	- Trình độ về khoa học, y tế chăm sóc sức khỏe ngày càng hoàn thiện. - Tâm lí ngại sinh ở nhóm nước phát triển.	Thiếu hụt lao động; Chi phí phúc lợi tăng cao.	- Các nước có tỷ lệ sinh thấp phải có những chính sách để khuyến khích sinh - Chăm sóc tốt những người già yếu không còn khả năng lao động, - Cải tiến công nghệ để nâng cao năng suất lao động.
Biến đổi khí hậu toàn cầu. Suy giảm tầng ô dôn	- Nhiệt độ khí quyển tăng ngày càng lớn - Tầng ôdôn mỏng, xuất hiện lỗ thủng ngày càng lớn...	- Do khí thải công nghiệp gây hiệu ứng nhà kính, lượng CO và CO_2 tăng. - Do khí thải công nghiệp và sinh hoạt con người thải ra CO2, CFC (gây mưa axit).	-Thời tiết thay đổi bất thường, nhiệt độ Trái đất tăng, băng tan ở 2 cực, khí hậu thất thường. => Gây hiệu ứng nhà kính. -Tia tử ngoại tăng gây hại cho con người, sinh vật, mùa màng...	- Giảm khí thải gây hiệu ứng nhà kính. - Thực hiện nghiêm các Hiệp định khung về chống biến đổi khí hậu.

Ô nhiễm môi trường nước ngọt, biển và đại dương	Nguồn nước bị ô nhiễm, thiếu nước sạch, làm tăng số lượng các "dòng sông đen"...	Do chất thải công nghiệp và sinh hoạt chưa qua xử lí thải vào các sông, hồ. Các sự cố đắm tàu, tràn dầu, rác thải trên biển...	Hơn 1 tỉ người thiếu nước sạch, ô nhiễm thực phẩm, giảm sút, đe dọa sinh vật biển...	- Hạn chế và xử lí các chất thải rắn. - Xử lí nước thải công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt trước khi đưa ra môi trường.
Suy giảm đa dạng sinh vật	Nhiều loại sinh vật bị tuyệt chủng, mất nhiều hệ sinh thái rừng, biển...	Khai thác quá mức, không hợp lí, lãng phí thiếu hiểu biết trong sử dụng tự nhiên...	Rất nhiều sinh vật quý hiếm đã và đang có nguy cơ tuyệt chủng, mất nguồn gen, nguyên liệu, …	- Nghiêm cấm khai thác tài nguyên sinh vật trái phép. - Khai thác, sử dụng hợp lí. - Bảo vệ, bảo tồn tài nguyên sinh vật trong khu bảo tồn, vườn quốc gia.

Hoạt động 2: Liên hệ thực tiễn địa phương (5 phút)

Bước 1: GV sử dụng kĩ thuật động não để tổ chức cho HS liên hệ thực tiễn của địa phương về các vấn đề mang tính toàn cầu đang đặt ra tại nơi mà các em đang sinh sống và giải pháp khắc phục vấn đề đó.

Bước 2: GV nhận xét, tổng kết ý kiến và gợi ý một số vấn đề đang đặt ra đối với VN nhất là địa phương nơi các em đang sinh sống như vấn đề suy giảm tài nguyên rừng, ô nhiễm tài nguyên nước, mất đi sự đa dạng sinh học,..

4.3. Hoạt động củng cố (5 phút)

Cách 1:GV có thể tổ chức cho các nhóm chơi trò chơi thi hát bài hát hoặc câu hát có chữ "xanh". Kết thúc trò chơi, GV có thể nói cho HS liên tưởng ý nghĩa của chữ "xanh" với các vấn đề đang đặt ra trên toàn cầu.

Cách 2: GV tổ chức cho HS làm rõ ý kiến sau: "*Bảo vệ đa dạng sinh học, duy trì tính toàn vẹn của hệ sinh thái chính là giúp con người giảm nhẹ được những tác động của thiên tai và tăng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu"*

4.4. Hoạt động nối tiếp (2 phút)

- Nhiệm vụ 1: Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện các vấn đề mang tính toàn cầu
- Nhiệm vụ 2: Chuẩn bị bài học tiếp theo.

2.4.2. Giáo án 2

Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (2 tiết)

1. Mục tiêu bài học: Sau bài học, HS cần đạt được:

1.1. Về kiến thức

- Lí giải được tại sao thiên nhiên của nước ta lại mang tính nhiệt đới ẩm gió mùa.

- Chứng minh được tính nhiệt đới ẩm gió mùa thể hiện trong các thành phần tự nhiên của nước ta.

- Phân tích được ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến các mặt hoạt động sản xuất và đời sống.

1.2. Kĩ năng

- Sử dụng được Atlat Địa lí Việt Nam để chứng minh tính nhiệt đới ẩm gió mùa thể hiện ở những thành phần tự nhiên như khí hậu, sông ngòi, đất, sinh vật,..

- Xác định được các mối quan hệ Địa lí giữa các yếu tố tự nhiên với tự nhiên (vị trí địa lí với tính nhiệt đới ẩm gió mùa, tính nhiệt đới ẩm gió mùa của khí hậu với các thành phần tự nhiên khác) và tự nhiên với kinh tế, xã hội (tính nhiệt đới ẩm gió mùa với sản xuất nông nghiệp).

1.3. Thái độ

- Có những nhận thức đúng đắn và hiểu biết sâu về đặc điểm tự nhiên và các hiện tượng tự nhiên của nước ta.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm đối với việc sử dụng những lợi thế do đặc điểm tự nhiên mang lại cũng như có những biện pháp phòng tránh tác động tiêu cực của thiên nhiên.

1.4. Góp phần phát triển cho HS: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, năng lực tư duy tổng hợp theo lãnh thổ,..

2. Chuẩn bị phương tiện

- Đối với GV: Những hình ảnh, video về các hiện tượng tự nhiên liên quan đến khí hậu, sông ngòi của nước ta.

- Đối với HS: Giáo trình, máy tính, giấy Ao, bút dạ,...

3. Phương pháp và kĩ thuật dạy học

- Các phương pháp được sử dụng chủ yếu trong tiết học như: PPDH hợp tác theo nhóm, phương pháp đàm thoại, phương pháp sử dụng phương tiện trực quan.

- Kĩ thuật ủng hộ và phản đối, kĩ thuật các mảnh ghép, kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật sơ đồ tư duy, kĩ thuật phòng tranh.

4. Hoạt động dạy học

4.1. Hoạt động khởi động (5 phút)

Bước 1: GV tổ chức cho HS quan sát và lí giải về chế độ nhiệt và chế độ mưa theo tháng của năm 2014 ở một số địa điểm trong bảng số liệu sau:

Năm	Đơn vi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lai Châu	Nhiệt độ (0◦C)	13,6	16,1	20,3	23,4	24,0	23,8	23,5	22,7	22,5	20,2	17,5	13,9
	Lượng mưa(mm)	3,7	16,7	81,6	214,4	243,8	442,2	467,1	398,1	180,8	120,2	97,2	1,4
Tuyên Quang	Nhiệt độ (0◦C)	16,2	17,1	20,3	25,4	28,9	29,4	29,2	28,5	28,2	25,5	22,2	16,7
	Lượng mưa(mm)	3,8	35,7	53,3	134,6	110,9	149,0	173,4	406,0	172,7	163,0	88,9	7,9
Cà Mau	Nhiệt độ (0◦C)	25,3	25,9	27,9	29,5	29,4	28,2	27,7	28,0	27,6	27,5	27,6	27,2
	Lượng mưa(mm)	8,3	0,0	0,0	61,2	153,6	190,3	388,6	341,7	273,3	254,4	291,3	103,0

Bước 2: GV tổ chức cho HS đưa ra những ý kiến cá nhân, các HS khác bổ sung.

Bước 3: GV nhận xét và kết nối vào bài mới.

4.2. Hoạt động nhận thức

Hoạt động 1: Giải thích về tính nhiệt đới ẩm gió mùa của thiên nhiên nước ta (10 phút)

Bước 1: GV sử dụng kĩ thuật " khăn trải bàn" để tổ chức cho HS tìm hiểu về nguyên nhân gây ra tính nhiệt đới ẩm gió mùa của thiên nhiên nước ta.

Vòng 1: Các thành viên trong nhóm ghi những ý kiến cá nhân của mình vào các ô tương ứng.

Vòng 2: Các thành viên trong nhóm trao đổi và thống nhất ý kiến chung của nhóm, ghi vào ô giữa.

Bước 2: GV tổ chức cho HS trưng bày và quan sát sản phẩm làm việc của các nhóm.

Bước 3: GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của các nhóm và chính xác hóa nội dung học tập.

Thông tin phản hồi

Thiên nhiên nước ta mang tính nhiệt đới ẩm gió mùa là do các nguyên nhân sau:

- Do nước ta nằm hoàn toàn trong khu vực nội chí tuyến bán cầu Bắc.
- Do nước ta chụi ảnh hưởng sâu sắc của biển Đông
- Do nước ta nằm trong khu vực hoạt động của gió mùa châu Á điển hình nên thiên nhiên mang tính chất gió mùa

Hoạt động 2: Tìm hiểu về tính nhiệt đới ẩm gió mùa thể hiện trong các thành phần tự nhiên của nước ta (50 phút)

Bước 1: GV sử dụng kĩ thuật "*các mảnh ghép*" để tổ chức cho HS tìm hiểu về tính nhiệt đới ẩm gió mùa thể hiện trong các thành phần tự nhiên của nước ta.

Vòng 1 (*Nhóm chuyên gia*): GV chia lớp thành 5 nhóm với các nhiệm vụ cụ thể như:

- Nhóm 1: Dựa vào giáo trình và Atlat Địa lí Việt Nam để chứng minh tính nhiệt đới ẩm gió mùa thể hiện rõ rệt trong khí hậu của nước ta.

- Nhóm 2: Dựa vào giáo trình và Atlat Địa lí Việt Nam để chứng minh tính nhiệt đới ẩm gió mùa thể hiện trong địa hình của nước ta.

- Nhóm 3: Dựa vào giáo trình và Atlat Địa lí Việt Nam để chứng minh tính nhiệt đới ẩm gió mùa thể hiện trong sông ngòi của nước ta.

- Nhóm 4: Dựa vào giáo trình và Atlat Địa lí Việt Nam để chứng minh tính nhiệt đới ẩm gió mùa thể hiện trong đất của nước ta.

- Nhóm 5: Dựa vào giáo trình và Atlat Địa lí Việt Nam để chứng minh tính nhiệt đới ẩm gió mùa thể hiện trong sinh vật của nước ta.

Vòng 2 (*Nhóm mảnh ghép*): GV hình thành nhóm mới gồm các thành viên đến từ 5 nhóm chuyên gia với nhiệm vụ cụ thể là:

- Nhiệm vụ 1: Các thành viên của nhóm chuyên gia phải trao đổi vấn đề đã tìm hiểu cho các thành viên của nhóm mảnh ghép.

- Nhiệm vụ 2: Các thành viên trong nhóm mới trao đổi để vẽ sơ đồ tư duy thể hiện tính nhiệt đới ẩm gió mùa trong các thành phần của tự nhiên Việt Nam.

- Hoặc hoàn thành bảng sau:

Thành phần tự nhiên	**Khí hậu**	**Địa hình**	**Sông ngòi**	**Sinh vật**	**Đất**
Biểu hiện của tính nhiệt đới ẩm gió mùa					

Bước 2: Các nhóm trình bày sản phẩm và quan sát, trao đổi sản phẩm với nhóm bạn.

Bước 3: GV gọi đại diện (có thể bốc thăm) một nhóm trình bày các nhóm khác bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét sản phẩm của các nhóm và chính xác hóa nội dung học tập qua thông tin phản hồi.

Thông tin phản hồi	
Thành phần tự nhiên	**Biểu hiện của tính nhiệt đới ẩm gió mùa**
Khí hậu	- Tính chất nhiệt đới: Nhiệt độ trung bình năm đều lớn hơn 20°C, nhiều nắng, tổng số giờ nắng từ 1400 - 3000 giờ/ năm. - Lượng mưa, độ ẩm lớn:Lượng mưa trung bình năm lớn từ 1500 - 2000 mm. Độ ẩm không khí cao từ 80 - 100%. Cân bằng ẩm luôn luôn dương. - Gió mùa: Gió mùa Đông và gió mùa mùa Hạ
Địa hình	- *Xâm thực mạnh ở miền đồi núi.* + Trên các sườn dốc mất lớp phủ thực vật, bề mặt địa hình bị cắt xẻ, đất bị bào mòn, rửa trôi; + Vùng núi đá vôi tạo thành địa hình cacxtơ với các hang động ngầm. + Vùng thềm phù sa cổ, địa hình bị chia cắt thành các đồi thấp xen thung lũng rộng. - *Bồi tụ nhanh ở đồng bằng hạ lưu sông.* Hệ quả của quá trình xâm thực bào mòn mạnh mẽ bề mặt địa hình ở miền đồi núi là sự bồi tụ, mở mang nhanh chóng các đồng bằng hạ lưu sông.
Sông ngòi	- *Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc*: Có 2360 sông, dọc bờ biển, trung bình cứ 20 km gặp một cửa sông. - *Sông ngòi nhiều nước, giàu phù sa.*Tổng lượng nước là 839 tỉ m^3/năm, với khoảng 200 triệu tấn phù sa hàng năm. - *Thuỷ chế theo mùa.* Nhịp điệu dòng chảy theo sát nhịp điệu mưa. Mùa lũ tương ứng với mùa mưa, mùa cạn tương ứng với mùa khô.
Đất	- Quá trình feralit là quá trình hình thành đất đặc trưng. - Quá trình phong hóa mạnh, lớp đất dày. - Chủ yếu là đất feralit đỏ vàng.
Sinh vật	- Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đất feralit là cảnh quan tiêu biểu cho thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta. - Trong giới sinh vật, thành phần các loài nhiệt đới chiếm ưu thế.

Hoạt động 3: Tìm hiểu về ảnh hưởng của tính nhiệt đới ẩm gió mùa đến sự phát triển kinh tế xã hội, nhất là đến sản xuất nông nghiệp của nước ta (15 phút)

Bước 1: GV chia lớp làm 6 nhóm và sử dụng kĩ thuật "ủng hộ và phản đối" để tổ chức cho HS tìm hiểu về ảnh hưởng của tính nhiệt đới ẩm gió mùa đến phát triển kinh tế, xã hội, nhất là đến sản xuất nông nghiệp của nước ta. Cụ thể như sau:

+ Nhóm ủng hộ (nhóm 1,2,3): Chứng minh thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa tạo ra rất nhiều thuận lợi cho phát triển kinh tế, xã hội của nước ta.

+ Nhóm phản đối (nhóm 4,5,6): Chứng minh thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa gây ra nhiều khó khăn cho phát triển kinh tế, xã hội của nước ta.

- Bước 2: GV tổ chức cho các nhóm chơi trò chơi tiếp sức giữa các nhóm đồng việc để đưa ra các ý kiến về thuận lợi và khó khăn của tính nhiệt đới ẩm gió mùa đến phát triển kinh tế xã hội của nước ta.

- Bước 3: GV nhận xét và chính xác hóa nội dung học tập.

Thông tin phản hồi

** Thuận lợi:*

- Đối với nông nghiệp

+ Phát triển nông nghiệp nhiệt đới, nhất là nông nghiệp lúa nước.

+ Năng suất cây trồng cao, nhanh chóng phủ xanh đất trống đồi trọc.

- Các ngành kinh tế khác có nhiều thuận lợi để phát triển: như lâm nghiệp, thuỷ sản, giao thông, du lịch và các hoạt động khai thác, xây dựng... nhất là vào mùa khô.

**Khó khăn:*

- Sản xuất nông nghiệp gặp nhiều bấp bênh: nhiều thiên tai, khí hậu thay đổi thất thường, sâu bệnh, dịch bệnh, tính mùa vụ khắc khe,…

+ Các hoạt động giao thông vận tải, du lịch, công nghiệp khai thác.. chịu ảnh hưởng trực tiếp của sự phân mùa khí hậu và mùa nước của sông ngòi.

+ Môi trường thiên nhiên dễ bị suy thoái, ảnh hưởng trực tiếp đến ngành lâm nghiệp, thuỷ sản, công nghiệp và du lịch.

4.3. Hoạt động củng cố (8 phút)

GV tổ chức cho HS làm rõ nhận định sau: "Tính nhiệt đới ẩm gió mùa là một đặc điểm nổi bật của tự nhiên Việt Nam".

4.4. Hoạt động nối tiếp (2 phút)

- GV có thể giao bài tập về nhà:

Đề bài: Chứng minh tính nhiệt đới ẩm gió mùa ảnh hưởng rất lớn đến phát triển kinh tế xã hội, nhất là đến sản xuất nông nghiệp của các tỉnh miền núi phía Bắc

- Yêu cầu HS chuẩn bị bài học tiếp theo.

2.4.3. Giáo án 3

Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ (2 tiết)

1. Mục tiêu bài học: Sau bài học, HS cần đạt được:

1.1. Về kiến thức

- Phân tích và đánh giá được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với sự phát triển KT-XH của vùng.

- Phân tích được các thế mạnh nổi bật trong phát triển kinh tế, xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

- Biết được sự phát triển kinh tế của vùng có ý nghĩa rất quan trọng đối với phát triển KT- XH chung của đất nước.

1.2. Về kĩ năng

- Xác định được vị trí địa lí và sự phân bố các đối tượng địa lí của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ trên bản đồ,

- Vẽ sơ đồ tư duy để thể hiện các thế mạnh của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ.

1.3. Về thái độ

Góp phần bồi dưỡng cho HS:

- Tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước thông qua việc ứng xử thích hợp với tự nhiên và tôn trọng các thành quả kinh tế - văn hoá của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm của bản thân đối với việc xây dựng, bảo vệ và phát triển chính quê hương, địa phương mình đã sinh ra và lớn lên.

- Nhận thức được sâu sắc vai trò của vùng đối với phát triển kinh tế của đất nước và vấn đề bảo vệ chủ quyền vùng biển và đường biên giới của nước ta.

- Có ý thức giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc và nâng cao tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc trong vùng.

1.4. Dự kiến các năng lực có thể phát triển cho HS: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực tư duy tổng hợp theo lãnh thổ,..

2. Chuẩn bị phương tiện

- Đối với GV: Các phương tiện trực quan có liên quan đến bài học như lược đồ về các vùng kinh tế, lược đồ tự nhiên và kinh tế của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ,

- Đối với HS: Giáo trình, Atlat Địa lí Việt Nam, máy tính, giấy A0, bút dạ,...

3. Phương pháp và kĩ thuật dạy học

GV có thể sử dụng một số các phương pháp và kĩ thuật DH cơ bản sau:

- Phương pháp đàm thoại gợi mở, phương pháp sử dụng phương tiện trực quan, phương pháp dạy học HTTN, phương pháp nêu và giải quyết vấn đề, phương pháp tự học.

- Kĩ thuật các mảnh ghép, kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật ủng hộ và phản đối, kĩ thuật phòng tranh, kĩ thuật KWL,

4. Hoạt động dạy học

4.1. Hoạt động khởi động (8 phút)

Bước 1: GV sử dụng kĩ thuật KWL để tổ chức khởi động cho HS. Yêu cầu HS hoàn thành cột 1 và cột 2 trong bảng sau:

1. Em đã biết những gì về vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?	2. Em muốn biết thêm gì về vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

Bước 2: GV tổng kết nhanh các ý kiến của HS và định hướng vào bài học.

4.2. Hoạt động nhận thức

Hoạt động 1: Xác định và đánh giá về ý nghĩa của vị trí địa lí đối với sự phát triển KT -XH của vùng (10 phút)

Bước 1: GV đặt vấn đề, giao đề bài cho HS

Đề bài: Có nhận định rằng: *"Vị trí địa lí của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ vừa tạo ra những những thế mạnh nhưng lại gây ra không ít khó khăn cho vùng trong phát triển KT- XH"*. Ý kiến của các em về vấn đề này như thế nào?

Bước 2: GV sử dụng kĩ thuật **"ủng hộ và phản đối"** và chia lớp làm 2 phe, một nửa lớp tìm hiểu về thuận lợi, một nửa lớp tìm hiểu về khó khăn của vị trí địa lí đối với phát triển KT-XH của vùng.

Bước 3: GV tổ chức cho các phe trình bày ý kiến của mình và tranh luận giữa các nhóm.

Bước 4: GV đánh giá, nhận xét và chính xác hóa nội dung hoạt động.

Ý nghĩa của vị trí địa lí đối với sự phát triển KT-XH của vùng:

● **Thuận lợi:**

- Có đường biên giới dài nhất Việt Nam, tiếp giáp với Trung Quốc và thượng Lào nên rất thuận lợi cho vùng giao lưu với các nước láng giềng, phát triển kinh tế cửa khẩu.
- Có Quảng Ninh tiếp giáp với Vịnh Bắc Bộ (Biển Đông) nên rất thuận lợi cho vùng phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển.
- Tiếp giáp và giao lưu thuận lợi với vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng Bắc Trung Bộ.
- Liền kề và có Quảng Ninh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc.

● **Khó khăn:** Lãnh thổ rộng lớn và có đường biên giới dài trên đất liền và trên biển nên vùng gặp khó khăn về vấn đề bảo vệ an ninh quốc phòng.

Hoạt động 2: Tìm hiểu về việc sử dụng những thế mạnh để phát triển các ngành kinh tế của vùng (50 phút)

Để tổ chức cho HS tìm hiểu về vấn đề phát huy thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, GV có thể sử dụng kĩ thuật **"các mảnh ghép"** với các bước cụ thể như:

*** Vòng 1 (Nhóm chuyên gia):**

Đề bài : *Dựa vào nội dung kiến thức trong giáo trình cùng các hiểu biết của cá nhân và trao đổi với bạn để hoàn thành các nhiệm vụ sau :*

- Nhóm Xanh (Cao Bằng - Thái Nguyên): Tìm hiểu về tình hình phát triển ngành công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản của vùng (Thế mạnh, tình hình phát triển, khó khăn).

- Nhóm Đỏ (Tuyên Quang - Hà Giang - Lào Cai): Tìm hiểu về tình hình phát triển ngành trồng cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới (Thế mạnh, tình hình phát triển, khó khăn).

- Nhóm Vàng (Hòa Bình - Sơn La - Điện Biên - Lai Châu): Tìm hiểu về thế tình hình phát triển ngành công nghiệp năng lượng (Thế mạnh, tình hình phát triển, khó khăn).

- Nhóm Tím (Quảng Ninh - Vĩnh Phúc - Ba Vì): Tìm hiểu tình hình phát triển ngành kinh tế biển (Thế mạnh, tình hình phát triển, khó khăn).

- Nhóm Cam (Bắc Cạn): Tìm hiểu tình hình phát triển ngành chăn nuôi gia súc (Thế mạnh, tình hình phát triển, khó khăn).

*** Vòng 2 (Nhóm các mảnh ghép):**

- GV tổ chức cho HS hình thành nhóm mới với các thành viên của những nhóm chuyên gia (Xanh, Đỏ, Vàng, Tím, Cam) và GV giao nhiệm vụ, đề bài cho nhóm mới.

Đề bài: Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện các thế mạnh phát triển kinh tế của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

- GV yêu cầu những nhóm mới thực hiện theo các bước sau:

+ Bước 1: Thành viên ở vòng 1 trao đổi nội dung đã tìm hiểu với các thành viên trong nhóm mới.

+ Bước 2: Các thành viên trong nhóm mới tiến trao đổi, thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

+ Bước 3: GV sử dụng kĩ thuật "**phòng tranh"** để tổ chức cho HS trình bày sản phẩm, trao đổi, nhận xét các sản phẩm của nhóm bạn.

- Cuối cùng GV tổng kết, chính xác hóa nội dung hoạt động nhận thức

Hoạt động 3: Tìm hiểu về ý nghĩa của việc phát huy những thế mạnh để phát triển các ngành kinh tế của vùng (10 phút)

Bước 1 : GV sử dụng **kĩ thuật động não** để tổ chức cho HS tìm hiểu về vai trò của việc phát huy các thế mạnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Đề bài: Tại sao nói việc phát huy các thế mạnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có vai trò rất quan trọng đối với phát triển kinh tế của vùng?

Bước 2: GV tổ chức cho HS đưa ra các ý kiến cá nhân của mình

Bước 4: GV tổng hợp ý kiến và chính xác hóa nội nội dung học tập về vai trò nổi bật của việc phát huy các thế mạnh đối với phát triển kinh tế của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ như:

- Tạo điều kiện cho vùng phát triển một cơ cấu kinh tế đa ngành.

- Tạo ra nhiều hàng hóa như: Năng lượng, khoáng sản, dược liệu, cây công nghiệp, cây đặc sản, ... cho thị trường trong nước và quốc tế.

- Thay đổi tập quán sản xuất, tạo ra nhiều việc làm, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho đồng bào các dân tộc trong vùng và thu hút dân cư, lao động từ các vùng khác đến đặc biệt là đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn cao,....góp phần phát triển KT-XH của vùng.

4.3. Hoạt động củng cố (10 phút)

Bước 1: GV sử dụng kĩ thuật KWL để củng cố bài học. Yêu cầu HS viết những điều đã được học vào cột 3.

1. Em đã biết những gì về vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?	2. Em muốn biết thêm gì về vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?	3. Em đã học được gì về vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?
…….	…….	…….

Bước 2: GV tổng kết nhanh các ý kiến của HS và tổng kết bài học

4.4. Hoạt động nối tiếp (2 phút)

- GV có thể giao bài tập về nhà:

Đề bài: Là những người con của quê hương, sau khi học xong trở về phục vụ sự nghiệp xây dựng, phát triển KT- XH của địa phương bản thân em sẽ lựa chọn và triển khai giải pháp nào là chủ yếu để góp phần giải quyết khó khăn của vùng? Vì sao?

- Yêu cầu HS chuẩn bị bài học tiếp theo.

Kết luận chương 2

Việc vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm với các kĩ thuật DH là vấn đề cần thiết, nhằm góp phần đổi mới PPDH và nâng cao chất lượng DH trong môn Địa lí ở hệ thống các trường DBĐHDT hiện nay.

Để tổ chức vận dụng PHDH hợp tác theo nhóm đạt hiệu quả GD cao thì GV cần phải thực hiện tốt các yêu cầu như phải hiểu được bản chất của PPDH hợp tác theo nhóm, nhận thức và thực hiện tốt được vai trò của người dạy trong quá trình tổ chức hoạt động DH hợp tác theo nhóm. Và cần phải đảm bảo được các nguyên tắc trong quá trình tổ chức thực hiện, đó là các mối quan hệ biện chứng, hữu cơ giữa vai trò chủ đạo trong tổ chức hướng dẫn của GV với tính tích cực, chủ động và sáng tạo của HS, nguyên tắc hài hòa giữa hình thức học cá nhân, học nhóm và học tập thể, đảm bảo tính hệ thống, tính thực tiễn toàn diện và sự phân hóa.

Tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong quá trình DH Địa lí ở trường DBĐHDT cần được thực hiện qua các bước như xác định mục tiêu, nội dung vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm; chia nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm; tổ chức cho nhóm tiến hành thảo luận; tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả thảo luận hợp tác và cuối cùng là đánh giá kết quả làm việc nhóm.

Nhằm mang lại hiệu quả hơn nữa trong việc sử dụng PPDH hợp tác theo nhómtrong dạy học Địa lí trường DBĐHDT thì cần phải kết hợp PPDH này với các biện pháp khác như: Sử dụng đa dạng các kĩ thuật DH trong thảo luận nhóm, kết hợp PPDH hợp tác theo nhóm với phương pháp sử dụng phương tiện trực quan, kết hợp PPDH hợp tác theo nhóm với PPDH đặt và giải quyết vấn đề hay như kết hợp PPDH hợp tác theo nhóm với ứng dụng CNTT.

Luận án đã thiết kế được một số giáo án minh họa về việc tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí ở trường DBĐHDT.

Chương 3: THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

3.1. Mục đích, nhiệm vụ thực nghiệm

** Mục đích nhằm:*

- Đánh giá tính hiệu quả và tính khả thi của việc vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí ở trường DBĐHDT.

- Điều chỉnh và bổ sung để hoàn thiện các nghiên cứu lí thuyết nhằm tìm ra hướng đi đúng đắn, thích hợp để vận dụng các hình thức, kĩ thuật HTTN vào DH Địa lí đối với các trường DBĐHDT.

Việc nghiên cứu TN của tác giả tuân thủ những yêu cầu chung của TN sư phạm, đồng thời có chú ý tới đặc trưng của vấn đề nghiên cứu để có sự đánh giá, xử lí một cách khách quan, trung thực những kết quả thu được từ TN.

** Nhiệm vụ:*

Để đạt được mục đích trên, quá trình TN phải giải quyết những nhiệm vụ sau:

- Chọn đối tượng để thực nghiệm và đối chứng.

- Tiến hành giảng dạy trên đối tượng TN với việc sử dụng các hình thức, kĩ thuật thảo luận nhóm, đồng thời tiến hành giảng dạy bằng phương pháp truyền thống trên đối tượng ĐC.

- Xây dựng các biểu mẫu thống kê kết quả TN, xử lí kết quả bằng phương pháp thống kê toán học. Qua đó kiểm tra, so sánh, đối chiếu kết quả của lớp TN và lớp ĐC để chứng minh tính khả thi của các hình thức, kĩ thuật DH trong hợp tác nhóm đã nêu.

- Đưa ra kết luận khoa học về các biện pháp vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí ở trường DBĐHDT.

3.2. Nguyên tắc thực nghiệm

- Đảm bảo tính khoa học, khách quan về khối lượng kiến thức trong giáo trình Địa lí được xây dựng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành cho hệ thống trường DBĐHDT.

- TN phải phù hợp với từng đối tượng HS dân tộc.

- Bài TN phải thể hiện được nội dung của đề tài đề ra.

- TN phải tôn trọng thời khóa biểu, lịch trình giảng dạy của nhóm chuyên môn, của nhà trường, không làm ảnh hưởng tới hoạt động dạy và học của các lớp được chọn làm TN.

3.3. Đối tượng thực nghiệm

Tác giả lựa chọn 4 lớp HS để tiến hành TN trong tổng số 8 lớp HS khối C khóa 40 của trường DBĐHDT Trung ương Việt Trì trong năm học 2014-2015.

- Lớp TN: K40C2 với tổng số HS là 33 HS và K40C6 với tổng số HS là 33 HS.
- Lớp ĐC: K40C1 với tổng số 36 HS và K40C3 với tổng số HS là 34 HS.

3.4. Phương pháp thực nghiệm

Thực nghiệm được tác giả tiến hành trong năm học: 2014 – 2015 ở trường DBĐHDT Trung ương Việt Trì. Trong quá trình TN, tác giả tiến hành theo hình thức song song, trong đó tương ứng với phương án TN có một lớp ĐC và một lớp TN.

Kết thúc mỗi bài TN, tác giả tiến hành kiểm tra, đánh giá khả năng tiếp thu về kiến thức của bài học ở cả hai nhóm ĐC và TN, thông qua một đề kiểm tra được thiết kế, xây dựng đảm bảo yêu cầu về cấp độ trong thang bậc nhận thức: nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao cho HS. Sau đó, tiến hành phân tích và xử lí bằng phương pháp thống kê toán học.

Cùng với đó, tiến hành thu thập và đánh giá quá trình tự nhận thức và phát triển của HS sau mỗi giờ học tập HTTN thông qua phiếu tự đánh giá cá nhân đã được xây dựng sẵn cho từng cá nhân.

Sau mỗi giai đoạn TN, tác giả tiến hành nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn.

3.5. Nội dung thực nghiệm

Tác giả đã lựa chọn và thiết kế 3 bài trong chương trình Địa lí của hệ DBĐHDT.

Tên bài thực nghiệm	Vị trí
Bài 1: Một số vấn đề mang tính toàn cầu	Địa lí KT-XH thế giới
Bài 2: Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa	Địa lí Việt Nam
Bài 3: Trung du miền núi Bắc Bộ	Địa lí Việt Nam

Nội dung 3 bài TN có tính chất đại diện cho các phần kiến thức trong chương trình Địa lí ở trường Dự bị của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tác giả lựa chọn các bài để tổ chức TN theo nguyên tắc xuyên suốt chương trình DH Địa lí trong trường Dự bị.

Để đảm bảo quy chế chuyên môn và tiến độ chương trình DH, các giờ TN được tiến hành vào các giờ chính khóa theo đúng thời khóa biểu của nhà trường nhưng có đổi thứ tự các tiết trong ngày để chúng tôi tiến hành dự giờ các tiết TN và ĐC.

Kế hoạch bài học TN được xây dựa trên cơ sở vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm với các kĩ thuật thảo luận nhóm trong DH Địa lí ở trường DBĐHDT Trung ương Việt Trì.

3.6. Tổ chức thực nghiệm

3.6.1. Tiến hành thực nghiệm

** Mục tiêu*

Tiến hành TN với mục đích nhằm chứng minh tính khả thi cao của các phương án mà tác giả đưa ra trong Luận án để khi ứng dụng thực sự sẽ góp phần vào nâng cao hiệu quả của việc vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm với các kĩ thuật DH tích cực trong DH Địa lí ở trường DBĐHDT Trung ương Việt Trì. Từ đó, để tạo cơ sở khoa học nhằm triển khai và phổ biến rộng đến toàn bộ hệ thống các trường hệ DBDT trên toàn quốc.

** Giai đoạn chuẩn bị thực nghiệm*

Bước 1: Thiết kế giáo án: Để đảm bảo tính khách quan và tính khả thi của tổ chức dạy học HTTN trong DH Địa lí ở trường DBĐHDT, chúng tôi thiết kế giáo án theo hướng:

+ Tôn trọng chương trình, nội dung chính thức đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo và lịch trình giảng dạy đã được quy định.

+ Giáo án thiết kế phù hợp với hoàn cảnh, cơ sở vật chất và điều kiện giảng dạy của nhà trường và đặc điểm tâm lí, khả năng nhận thức của HS dân tộc.

+ Các bài dạy Địa lí ở các lớp TN theo giáo án tác giả đã soạn theo hướng vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm với các kĩ thuật DH tích cực.

Bước 2: Tổ chức bồi dưỡng GV dạy thực nghiệm

Trước thời gian TN, tác giả tiến hành tổ chức trình bày và trao đổi semina về PPDH hợp tác theo nhóm trong Tổ bộ môn cũng như về mục đích sư phạm của TN. Sau đó chúng tôi cung cấp tài liệu về PPDH hợp tác theo nhóm cho GV. Khi GV đã nắm vững quy trình và đặc biệt các kĩ thuật thảo luận nhóm trong DH Địa lí. Từ đó, tác giả đi đến thống nhất với các GV dạy TN về thời gian, kế hoạch và cách tiến hành cho toàn bộ quá trình TN.

Bước 3: Lựa chọn lớp ĐC và lớp TN: Tác giả lựa chọn lớp TN và ĐC có sự tương đương nhau về các chỉ tiêu: sĩ số lớp, thành phần dân tộc, trình độ tư duy và kĩ năng hợp tác.

Đối với lớp TN, trước khi tiến hành thực nghiệm tác giả đã tiến hành hướng dẫn các em một số nội dung về: quy trình tổ chức học tập nhóm, một số cách chia nhóm để các em làm quen.

** Giai đoạn tiến hành TN*

Bước 1: Kiểm tra sự chuẩn bị cho quá trình TN về giáo án, phương tiện, điều kiện cơ sở vật chất và lớp học.

Bước 2: Tiến hành TN: GV tiến hành dạy theo phương án TN ở các lớp TN.

Trong quá trình dạy TN, tác giả vừa là người trực tiếp giảng dạy vừa thường xuyên theo dõi, dự giờ ở một số lớp TN và ĐC khác với mục đích đánh giá quá trình hợp tác của HS và quy trình thực hiện.

Bước 3: Kiểm tra và đánh giá kết quả TN

Kết quả thu được thực nghiệm có một giá trị to lớn và có ý nghĩa quan trọng trong việc làm sáng tỏ sự đúng đắn của luận án. Vì vậy, việc đánh giá kết quả thực nghiệm phải được thực hiện nghiêm túc, khách quan và chuẩn xác ở các bài thực nghiệm. Xuất phát từ yêu cầu đó tôi đã xây dựng một số tiêu chuẩn và áp dụng các phương pháp đánh giá TN như sau:

Căn cứ vào mục đích và nhiệm vụ của TN, chúng tôi xác định tiêu chí đánh giá như sau:

- *Về định tính*

TN nhằm kiểm tra khả năng tiếp nhận các bài tập nhóm mà GV yêu cầu của HS. Đồng thời kiểm tra quá trình thảo luận nhóm của HS có đúng quy trình và đúng hình thức tổ chức nhóm mà giáo án đã yêu cầu không. Kĩ năng làm việc nhóm của HS như thế nào?

HS có tỏ ra hào hứng khi GV tổ chức học tập nhóm và vui mừng, phấn khởi khi giải quyết được các nhiệm vụ của nhóm học tập hay không?

HS có tích cực phát biểu, xây dựng bài, tham gia vào hoạt động của nhóm học tập, hăng hái tranh luận thảo luận nhóm để giải quyết nhiệm vụ đặt ra cho nhóm không?

Có biết nêu ra những thắc mắc hoặc đề nghị trước những vấn đề mà mình chưa hiểu hoặc mình quan tâm.

- *Về định lượng*

Tác giả xây dựng đề kiểm tra, theo bậc thang nhận thức sau khi GV lên lớp. Những câu hỏi kiểm tra và đáp án như nhau ở 2 lớp TN và lớp ĐC.

3.6.2. Phân tích kết quả thực nghiệm

3.6.2.1. Kết quả định tính

* Về phía GV:

Đánh giá về tính hiệu quả của học tập HTTN với các kĩ thuật trong HTTN, sau khi tiến hành TN, tác giả nhận thấy có 48.4% GV dạy Địa lí cho rằng sử dụng

HTTN là rất hiệu, 30% GV đánh giá có hiệu quả và chỉ có 21.6 % cho rằng DH HTTN còn ít hiệu quả và không có GV phủ nhận PPDH này là không hiệu quả.

GV cũng đã có những nhận thức, đánh giá tích cực về các kĩ thuật sử dụng trong quá trình tổ chức hoạt động học tập HTTN trong DH Địa lí. Với 89.5% GV Địa lí cho rằng các kĩ thuật thảo luận nếu được sử dụng một cách hợp lí và linh hoạt trong quá trình tổ chức học tập HTTN sẽ mang lại hiệu quả rất tích cực còn lại 10.5 % GV cho rằng còn phụ thuộc vào các yếu tố khác.

Thông qua dạy học HTTN, 78.8 % GV cho rằng khi tổ chức cho HS làm việc theo nhóm sẽ tạo ra những thành công trong học tập, năng cao năng lực hợp tác, 21.2% GV Địa lí cho rằng sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm với các kĩ thuật DH tích cự sẽ tăng cường được năng lực tư duy cho các em HS.

Điều đó cho thấy GV Địa lí ở trường DBĐHDT đã có những nhận thức, đánh giá đúng về nội dung, ý nghĩa, vị trí của dạy học HTTN trong thực tiễn và các kĩ thuật DH tích cực nên GV rất ủng hộ và tích cực nghiên cứu vận dụng phương pháp dạy học HTTN này vào thực tiễn ở trường. Qua đó, khẳng định giá trị khoa học và tính đúng đắn của luận án.

* Về phía HS:

Nhận thức HS về tính cần thiết của học tập HTTN, qua quá trình điều tra ở các lớp sau khi tổ chức TN, có tới 78.3% HS cho rằng việc học tập Địa lí theo PP HTTN là rất cần thiết và cần thiết, chỉ có 12.1% HS cho là bình thường và 7.6% cho rằng không cần thiết. Đó cũng là kết quả nhận thức tích cực của HS về vai trò của học tập HTTN mà chính bản thân mỗi HS cảm nhận và học tập được sau mỗi giờ hoạt động nhóm.

Theo kết quả điều tra về thái độ của HS các lớp TN trong các tiết học Địa với hoạt động học tập hợp tác nhóm có sử dụng phương pháp nhóm, khi tham gia hoạt động nhóm thì đến 72.7% HS rất hứng thú và hào hứng khi tham gia học tập, 13.6 % HS với thái độ bình thường, 7.6% cảm thấy ít hứng thú và chỉ có 6.1% HS là cảm thấy không hứng thú khi tham gia hợp tác nhóm.

Đánh giá của HS về tính hiệu quả của quá trình học tập HTTN, thì có 74.2% HS đồng ý với đánh giá học tập HTTN trong Địa lí là rất hiệu quả và hiệu quả, 9.1% HS cho là ít hiệu quả còn 13.6% cho là bình thường và chỉ có 3% HS cho đây là phương pháp học tập không hiệu quả.

Các em cũng nhận thức được rất rõ, việc học tập HTTN trong môn Địa lí đã được các kỹ năng như giao tiếp, hợp tác cho bản thân. Kết quả điều tra cho thấy, có 13.6% cho rằng học tập HTTN giúp hình thành và rèn luyện kỹ năng như giao tiếp, hợp tác rất hiệu quả và 57.6% đánh giá là hiệu quả.

Kết quả bước đầu này cho thấy việc vận dụng phương pháp dạy học HTTN với các kĩ thuật DH đã có tác động tích cực đến hiệu quả giảng dạy của GV, làm cho bài học trở nên sôi nổi, HS được làm việc nhiều hơn, phát huy được tính tích cực, chủ động và sáng tạo trong quá trình học tập. Điều này đã khẳng định ưu thế và hiệu quả của phương pháp dạy học HTTN với việc sử dụng các kĩ thuật DH tích cực trong DH Địa lí và đó cũng là thành công của luận án.

3.6.2.2. Kết quả định lượng

Kết quả TN được phản ánh cụ thể qua các bài kiểm tra. Quá trình thống kê, tác giả đã thu được kết quả của từng bài và tổng hợp**(xem Phụ lục 4).**

* ***Kết quả thực TN bài 1***

Tuy cùng một bài học, bài kiểm tra nhưng kết quả thu được ở 2 nhóm lớp TN với ĐC có sự khác biệt và chênh lệch về cả điểm số cũng như bậc nhận thức.

- Ở nhóm lớp TN1 với ĐC1:

Ở nhóm TN1, loại điểm yếu kém (< 5) chiếm số lượng ít 4 bài, chiếm 12.12%, điểm trung bình có 7 bài chiếm 21.21%, điểm khá có 12 bài đạt 36.06% và điểm giỏi có 10 bài chiếm tới 30.3%.

Ở nhóm ĐC1, kết quả thấp hơn rõ rệt với tỉ lệ điểm yếu kém là 8.34%, điểm trung bình 13 bài chiếm 36.11%, điểm khá 16 bài chiếm 44.44% và điểm giỏi có tỉ lệ thấp, chỉ có 4 bài chiếm 11.11%.

Số HS đạt điểm khá, giỏi ở nhóm TN1 cao hơn so với nhóm ĐC1: 66.36% > 55.55%, chênh lệch 10.81%. Ngược lại, nhóm TN có số HS đạt điểm trung bình thấp hơn hẳn so với nhóm ĐC: 21.21% < 36.11%.

Do vậy, kết quả điểm trung bình kiểm tra bài 1 ở nhóm TN1 là 7.12 cao hơn so với kết quả 6.34 ở nhóm ĐC1.

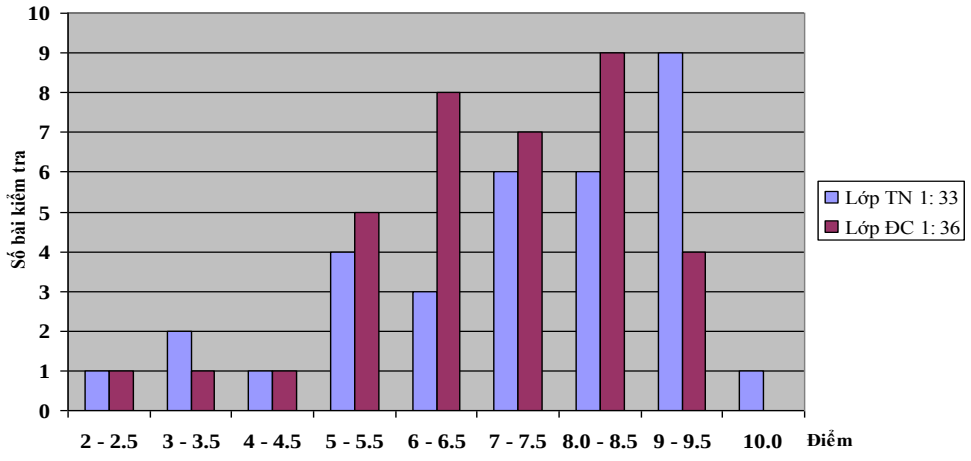

Biểu đồ 3.1. Biểu đồ so sánh tổng hợp điểm kiểm tra bài 1 giữa lớp TN1 và ĐC1

- Ở nhóm lớp TN2 với ĐC2:

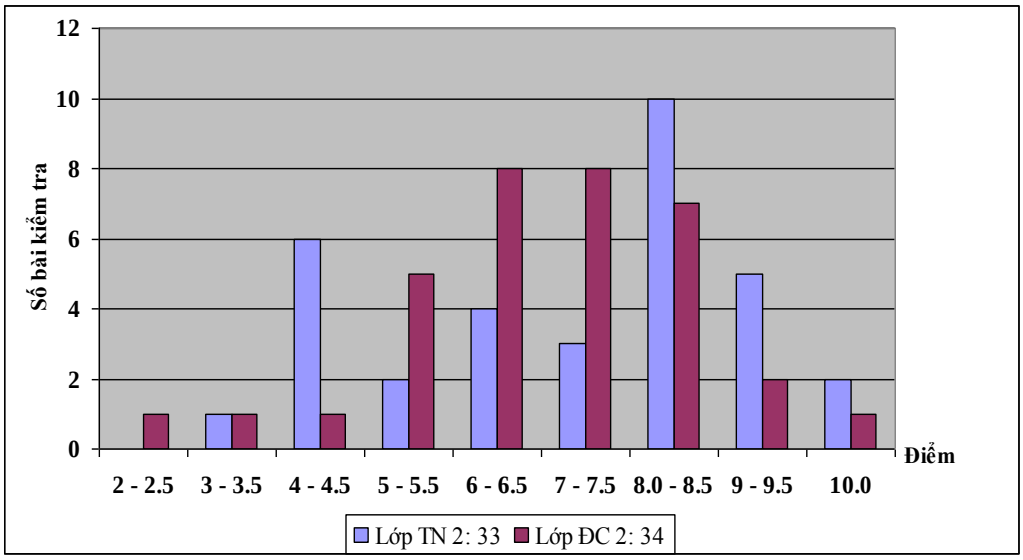

Biểu đồ 3.2. Biểu đồ so sánh tổng hợp điểm kiểm tra bài 1 giữa lớpTN2 và ĐC2

Trong nhóm TN2, loại điểm yếu kém chiếm 21.21%, điểm trung bình chiếm 18.18%, điểm khá có 13 bài đạt 39.4% và điểm giỏi có 7 bài chiếm tới 21.21%.

Còn ở nhóm ĐC2, với tỉ lệ kết quả điểm yếu kém là 9.0%, điểm trung bình 13 bài chiếm 38.23%, điểm khá 16 bài chiếm 44.11% và điểm giỏi có tỉ lệ thấp, chỉ có 3 bài chiếm 8.82%.

Điểm khác biệt và chênh lệch lớn giữa hai nhóm TN2 với ĐC2 là số HS đạt điểm giỏi ở nhóm TN2 cao hơn khá nhiều so với nhóm ĐC2: 21.21% > 8.82%. Số HS trung bình của nhóm TN2 khá thấp 18.18%, trong khi đó ở nhóm ĐC2 cao tới 38.23%. Do đó, dẫn đến kết quả điểm trung bình kiểm tra bài 1 ở nhóm TN2 là 7.03 cao hơn so với điểm trung bình ở nhóm ĐC2 là 6.34.

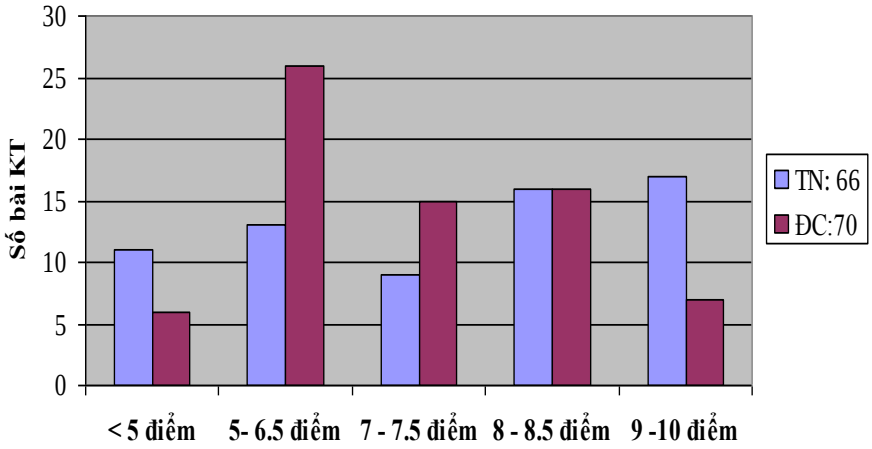

Biểu đồ 3.3. Biểu đồ so sánh tổng hợp điểm kiểm tra bài 1 giữa lớpTN và ĐC

Qua đó, chúng tôi cũng đánh giá tổng hợp kết quả chung của bài 1 giữa nhóm TN với ĐC và nhận thấy có sự khác biệt lớn về điểm số, mà chủ yếu tập trung ở nhóm HS trung bình và nhóm đạt điểm từ 9 - 10. Ở nhóm TN, tỉ lệ HS đạt mức điểm trung bình chỉ chiếm 19.69% trong khi đó nhóm ĐC tì tỉ lệ này lên tới 37.14% cao hơn 17.45%, còn ở mức điểm từ 9 - 10 điểm nhóm TN chiếm 25.75%, ngược lại nhóm ĐC chỉ chiếm có 10% như vậy thấp hơn nhóm TN tới 15.75%. Bởi vậy, điểm trung bình của bài 1 giữa hai nhóm lớp chung cũng khá chênh lệch, điểm trung bình của nhóm TN là 7.07 và nhóm ĐC là 6.34.

**** Kết quả TN bài 2***

Kết quả kiểm tra trong bài 2 đã có những chênh lệch tương đối lớn về điểm số cũng như mức độ nhận thức của HS giữa hai nhóm lớp TN và ĐC.

- Ở nhóm lớp TN1 với ĐC1:

Nhóm TN1, loại điểm yếu kém chiếm số lượng ít 3 bài, chiếm 9.09%, điểm trung bình chiếm 18.18%, tỉ lệ điểm khá đạt 57.57% với 19 bài và tỉ lệ điểm giỏi đạt 15.15%.

Trong khi đó ở nhóm ĐC1, tỉ lệ điểm yếu kém chiểm tới 19.44%, điểm trung bình 9 bài chiếm 25%, điểm khá 9 bài chiếm 48.71% và điểm giỏi có tỉ lệ thấp, chỉ chiếm 2.8%.

Như vậy, qua đó thấy rằng, kết quả điểm số HS đạt tỉ lệ điểm khá, giỏi ở nhóm TN1 cao hơn so với nhóm ĐC1. Trong đó, tỉ lệ điểm giỏi ở lớp TN1 khá cao là 15.15% còn ở nhóm ĐC1 chỉ đạt 2.8%, chênh lệch 12.35%. Tương tự, tỉ lệ điểm trung bình của nhóm TN1 cũng thấp hơn nhóm ĐC: 9.09% < 18.18%. Và kết quả điểm số trung bình kiểm tra bài 2 ở nhóm TN1 là 7.56 cao hơn so với kết quả 6.41 ở nhóm ĐC1.

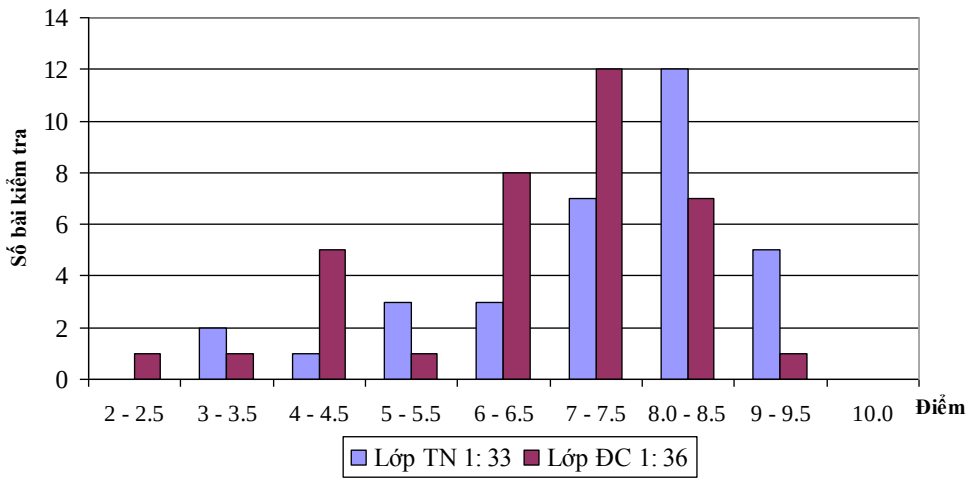

Biểu đồ 3.4. Biểu đồ so sánh tổng hợp điểm kiểm tra bài 2 giữa lớp TN1 và ĐC1

- Ở nhóm lớp TN2 với ĐC2:

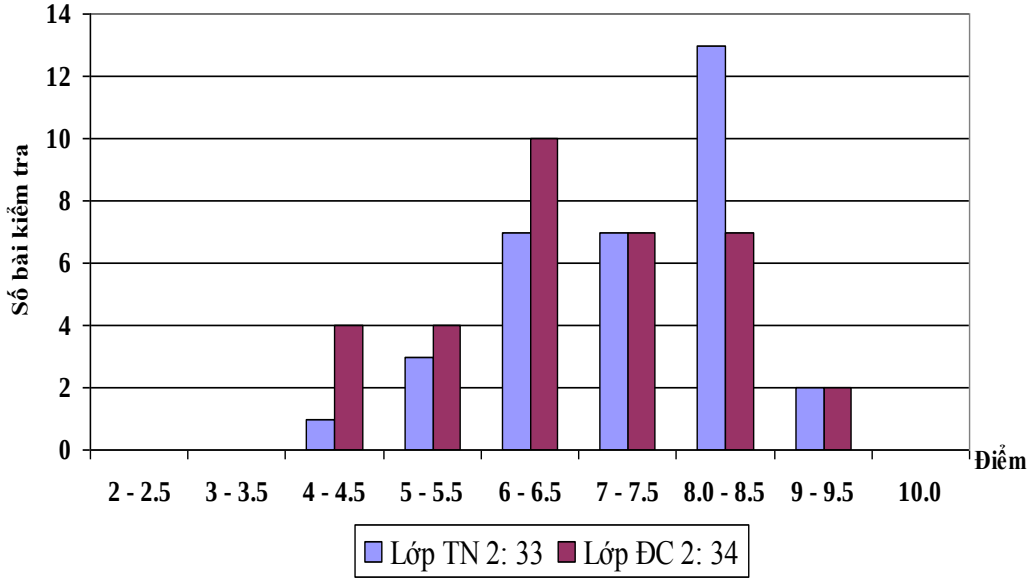

Biểu đồ 3.5.Biểu đồ so sánh tổng hợp điểm kiểm tra bài 2 giữa lớp TN2 và ĐC2

Đối với nhóm TN2, điểm yếu kém chiếm tỉ lệrất thấp chỉ có 3.03%, điểm trung bình chiếm tỉ lệ 30.30%, điểm khá chiểm tỉ lệ cao 60.60%, tỉ lệ điểm giỏi chiếm 6.06%.

Ở nhóm ĐC2, tỉ lệ kết quả điểm yếu kém là 11.76% cao hơn nhóm TN2, tỉ lệ điểm trung bình cũng cao hơn TN2 với 41.17%, tỉ lệ điểm khá và giỏi thì thấp hơn TN2 tương ứng 44.11% và 5.88%.

Do đó, dẫn đến kết quả điểm trung bình kiểm tra bài 2 ở nhóm TN2 là 7.21 cao hơn so với điểm trung bình ở nhóm ĐC2 là 6.55.

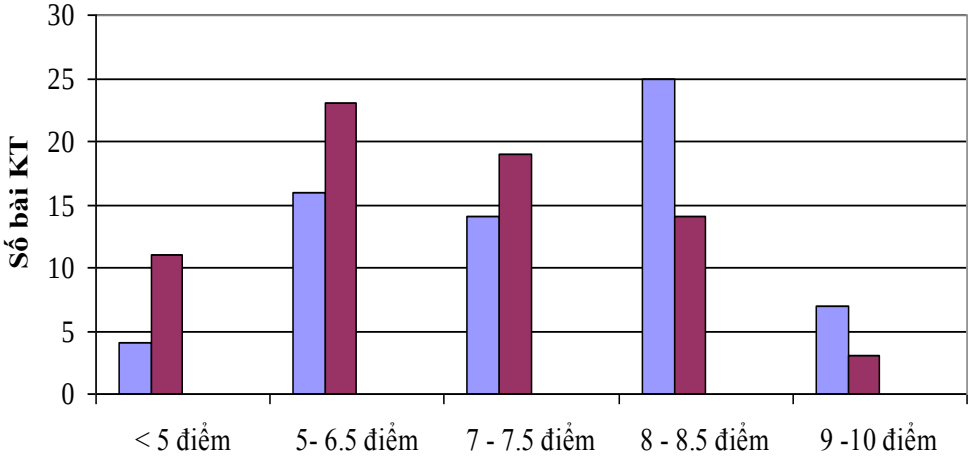

Biểu đồ 3.6. Biểu đồ so sánh tổng hợp điểm kiểm tra bài 2 giữa lớp TN và ĐC

Tổng hợp kết quả chung của bài 2 giữa nhóm TN với ĐC và nhận thấy có sự khác biệt lớn về điểm số ở tất cả các mức điểm. Cụ thể, điểm < 5 ở nhóm TN với 4 bài chiếm 6.06% còn ở nhóm ĐC là 11 bài chiếm tới 15.71%. Đặc biệt, mức điểm 8-8.5 cũng có chênh lệch lớn, nhóm TN có 25 bài chiểm 38.78% trong khi nhóm ĐC có 14 bài đạt 20% và mức điểm 9-10 điểm ở nhóm TN với 7 bài chiếm 10.60% > 4.28% ở nhóm ĐC với 3 bài. Từ đó, điểm trung bình của bài 2 giữa hai nhóm lớp chung cũng khá chênh lệch, điểm trung bình của nhóm TN là 7.38 và nhóm ĐC là 6.48.

**** Kết quả TN bài 3***

- Ở nhóm lớp TN1 với ĐC1:

Tỉ lệ điểm yếu kém trong nhóm TN thấp chiểm 12.12% với 4 bài so với 25% với 9 bài ở nhóm ĐC, như vậy tỉ lệ điểm số < 5 điểm ở nhóm ĐC gấp đôi so với nhóm TN. Điểm trung bình ở nhóm TN có 6 bài chiếm 18.18% thấp hơn 27.77% ở nhóm lớp ĐC với 10 bài điểm trung bình.

Tỉ lệ điểm khá, giỏi ở nhóm lớp TN đạt 69.69% với 23 bài trong khi nhóm lớp ĐC số bài đạt điểm khá, giỏi là 17 bài chiếm 47.22%. Từ sự chênh lệch về các mức độ kết quả điểm nên điểm số trung bình giữa nhóm TN cũng có xu hướng cao hơn so với nhóm ĐC, điểm trung bình nhóm TN là 6.93 còn lớp ĐC thấp hơn trung bình 6.05.

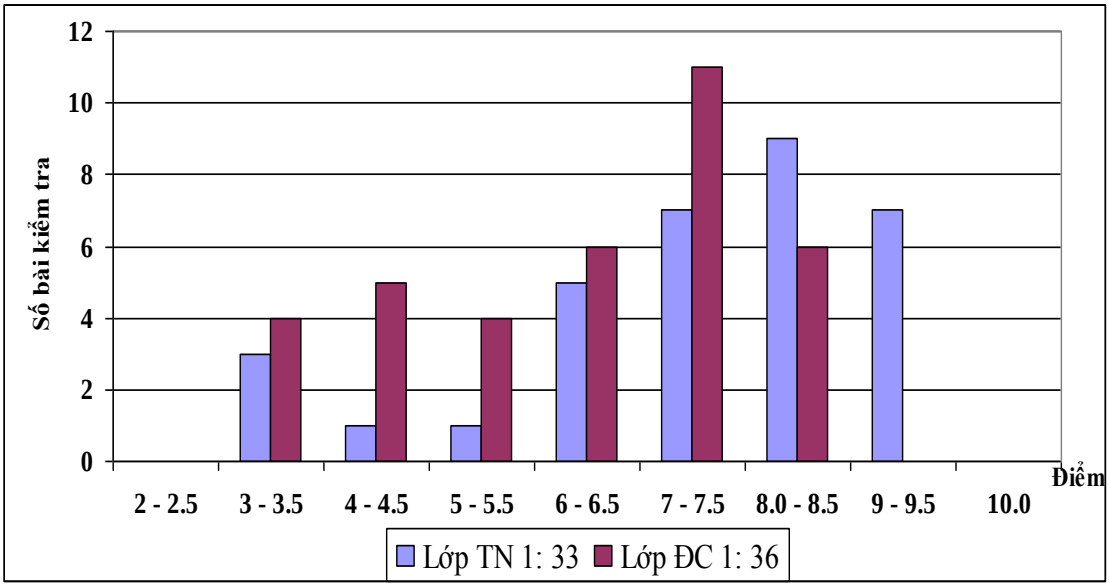

Biểu đồ 3.7. Biểu đồ so sánh tổng hợp điểm kiểm tra bài 3 giữa lớp TN1 và ĐC1

- Ở nhóm lớp TN2 với ĐC2:

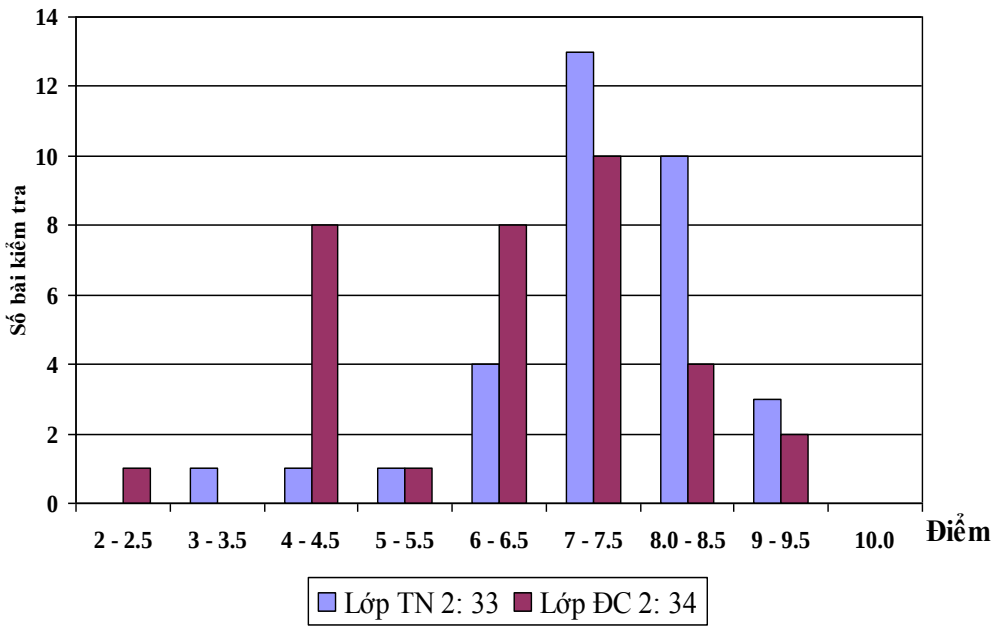

Biểu đồ 3.8. Biểu đồ so sánh tổng hợp điểm kiểm tra bài 3 giữa lớpTN2 và ĐC2

Kết quả đối với nhóm TN, có 2 bài loại điểm yếu kém chiếm tỉ lệ thấp chỉ có 6.06%. điểm trung bình chiếm 12.12%, điểm khá và giỏi có 26 bài đạt tỉ lệ 78.78%

Ngược lại, ở nhóm ĐC kết quả điểm yếu kém có 9 bài chiếm 26.47%, cao hơn so với nhóm TN là 14.35%. Điểm trung bình 9 bài chiếm tỉ lệ 26.27% cũng cao hơn tỉ lệ điểm trung bình nhóm TN tới 14.35%. Trong khi đó, tỉ lê điểm khá, giỏi của nhóm ĐC lại thấp hơn nhóm TN, tỉ lệ này ở nhóm ĐC chiếm 47.06%.

Do đó, dẫn đến kết quả điểm trung bình kiểm tra bài 1 ở nhóm TN2 là 7.03 cao hơn so với điểm trung bình ở nhóm ĐC2 là 6.34.

Từ sự khác biệt về tỉ lệ điểm số ở các mức đánh giá giữa nhóm TN1, 2 với nhóm ĐC1, 2 nên tổng hợp kết quả chung về tỉ lệ điểm số giữa nhóm TN với ĐC trong bài 3 cũng có sự khác biệt. Về tỉ lệ điểm dưới trung bình chung ở nhóm TN tương đối thấp chỉ chiếm 9.09% so với 25.71% ở nhóm ĐC, điểm trung bình ở nhóm ĐC chiếm tỉ lệ 27.14% > 16.66% so với nhóm TN. Ngược lại, tỉ lệ nhóm điểm từ 8 -8.5 điểm ở nhóm ĐC cũng có xu hướng thấp hơn so với nhóm TN, cụ thể tỉ lệ điểm này ở nhóm ĐC chiếm 15.71% < 28.78% ở nhóm TN. Còn tỉ lệ điểm mức 9-10 điểm, ở nhóm ĐC chỉ chiếm 2.85% thấp hơn so với nhóm TN, tỉ lệ này ở nhóm TN là 15.15%.

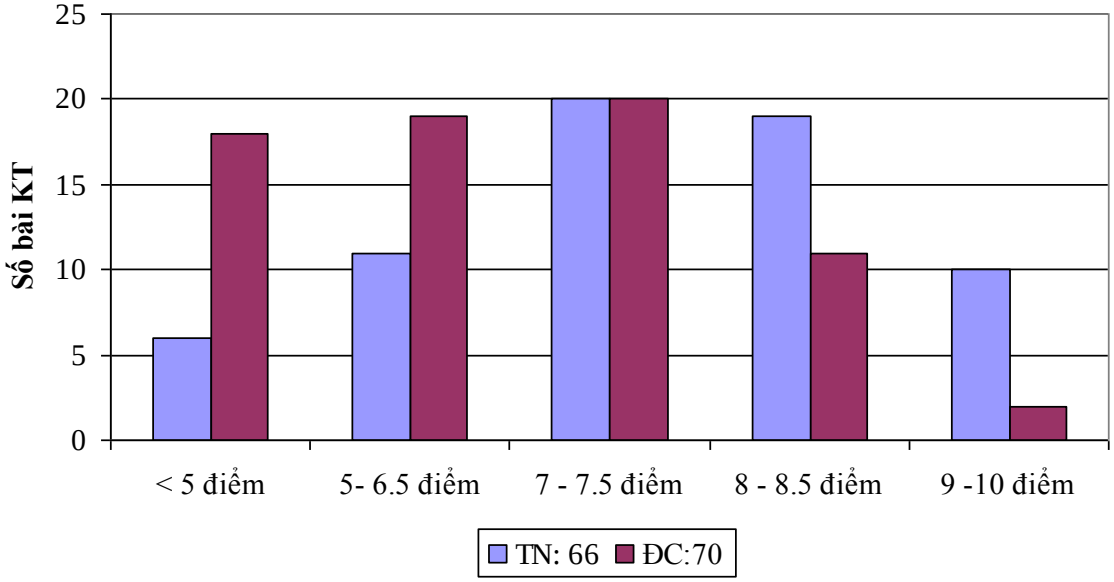

Biểu đồ 3.9. Biểu đồ so sánh tổng hợp điểm kiểm tra bài 3 giữa lớp TN và ĐC

Do vậy, điểm trung bình ở nhóm lớp TN cũng có sự chênh lệch so với điểm trung bình ở nhóm ĐC, trung bình điểm nhóm TN là 7.07 còn nhóm ĐC là 6.05.

Tóm lại, tác giả đã khảo sát thực nghiệm tổng 408 bài, trong đó có 198 bài của HS ở nhóm TN và 210 bài của HS ở nhóm ĐC. Qua bảng tổng hợp điểm kiểm tra giữa lớp TN và lớp ĐC, có thể thấy rõ sự phân hóa về mức độ điểm số cũng như mức độ nhận thức giữa hai nhóm này:

+ Loại điểm yếu kém (<5): Nhóm TN có 21 bài, chiếm 10.6 %, nhóm ĐC có 35 bài, chiếm 16.66%. Như vậy, độ chênh lệch khá lớn, nhóm ĐC có tỉ lệ cao hơn 6.06 % so với nhóm TN.

+ Loại điểm trung bình (5 - 6.5): Nhóm TN với 40 bài, chiếm 20.20 %, trong khi nhóm ĐC có 68 bài, chiếm 32.38% cao hơn so với nhóm TN.

+ Loại điểm khá (7 - 8.5) ở nhóm TN chiếm tỉ lệ lớn 52.01% với 103 bài, còn nhóm ĐC có 95 bài, chiếm 45.23 % thấp hơn so với nhóm TN.

+ Loại điểm giỏi (9 - 10) có sự khác biệt khá rất rõ giữa nhóm TN và ĐC: Nhóm TN có 34 bài, chiếm 17,16 %, trong khi đó nhóm ĐC chỉ có 12 bài, chiếm 5.7%.

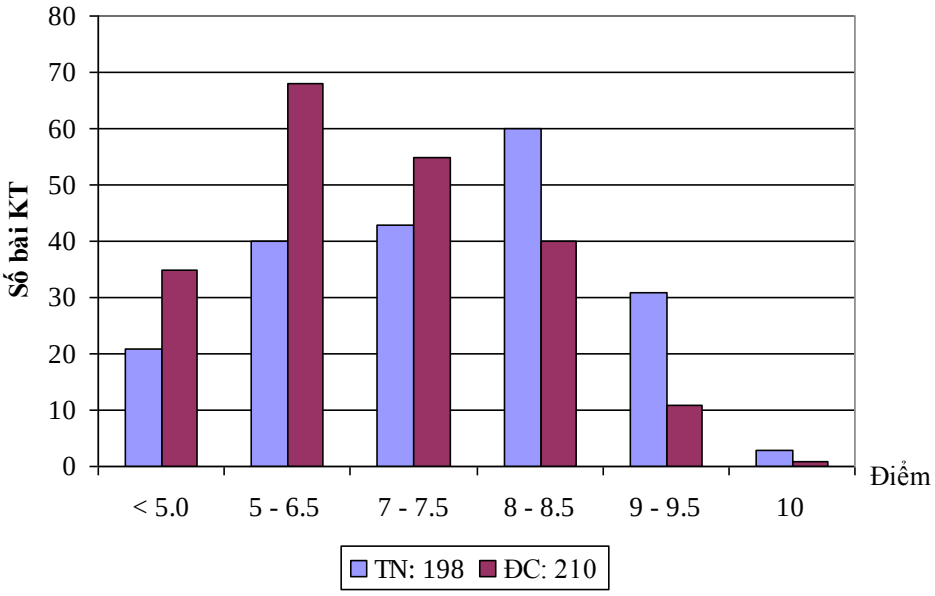

Biểu đồ 3.10. Biểu đồ so sánh tổng hợp điểm kiểm tra giữa lớp TN và ĐC

Tổng hợp kết quả thực nghiệm , chúng ta nhận thấy ở nhóm TN: tỉ lệ HS đạt khá giỏi chiếm đa số (69.17% số HS), tỉ lệ HS trung bình, yếu kém chỉ chiếm 1/3 số HS. Trong khi đó, ở nhóm ĐC: tỉ lệ HS đạt điểm trung bình, yếu kém gần tương đương với số HS đạt điểm khá giỏi. Mức độ chênh lệch về kết quả nhận thức giữa hai nhóm lớp đã được thể hiện rõ nét.

Cụ thể, xét từ mức điểm 2 đến điểm 7.5, nhóm ĐC có 158 bài, nhóm TN chỉ có 104 bài. Song từ điểm 8 trở lên, nhóm TN chiếm ưu thế hơn hẳn: 94 bài, trong khi nhóm ĐC chỉ có 52 bài. Rõ ràng, càng ở các mức điểm cao sự khác biệt giữa nhóm TN với ĐC càng rõ nét. Nên điểm số trung bình của nhóm TN đạt 7.15 cao hơn điểm trung bình nhóm ĐC là 6.47.

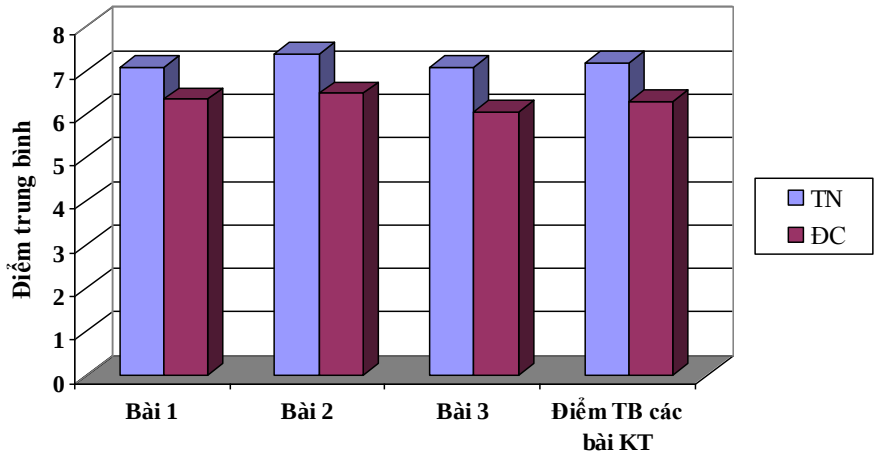

Biểu đồ 3.11. Biểu đồ so sánh tổng hợp điểm trung bình các kiểm tra giữa lớp TN và ĐC

**** Xử lý kết quả thực nghiệm***

Tác giả đã tiến hành đo kiến thức, kĩ năng (bằng bài kiểm tra). Các dữ liệu thu thập được đã được tác giả nghiên cứu xử lý theo các thao tác của phương pháp nghiên cứu tác động (action research) và phương pháp phân tích bảng chéo (Crosstabs). Các kết luận về kết quả thực nghiệm được đưa ra trên cơ sở phân tích các đại lượng sau:

Mode: là giá trị có tần suất xuất hiện cao nhất trong một tập hợp điểm số.

Median: là điểm nằm ở vị trí giữa trong tập hợp điểm số theo thứ tự.

Mean: là giá trị trung bình cộng của các điểm số.

Độ lệch chuẩn (SD) : cho biết mức độ phân tán của các điểm số.

P (giá trị của phép kiểm chứng T-test): xác xuất xảy ra ngẫu nhiên đối với các dữ liệu liên tục.

p (giá trị của phép kiểm chứng khi bình phương): xác xuất xảy ra ngẫu nhiên đối với các dữ liệu rời rạc.

ES: mức độ ảnh hưởng của tác động.

**** Mô tả dữ liệu***

Kết quả điểm kiểm tra sau tác động được thể hiện trong bảng số liệu dưới đây.

Bảng 3.1. Mô tả dữ liệu TN

STT	Đại lượng	Lớp thực nghiệm	Lớp đối chứng
1	Mode	8	7
2	Trung vị	7.5	7.0
3	Giá trị trung bình	7.15	6.47
4	Độ lệch chuẩn	1.69	1.62

**** So sánh dữ liệu liên tục***

Căn cứ vào bảng trên có thể thấy chênh lệch giá trị trung bình cộng điểm số ở lớp thực nghiệm $\overline{X_{TN}}$ cao hơn lớp đối chứng $\overline{X_{DC}}$ khá lớn. Giá trị chênh lệch này được thể hiện trong bảng:

Bảng 3.2. So sánh giá trị trung bình điểm số của lớp ĐC và lớp TN

Lớp thực nghiệm	Lớp đối chứng	Giá trị chênh lệch
7.15	6.47	0.68

Giá trị chênh lệch là 0,68 cho thấy sự khác biệt về điểm số của lớp TN so với lớp. Để kiểm định về sự khác nhau giữa hai điểm trung bình này chúng tôi dựa vào đại lượng kiểm định t.

Giả thuyết H_0: sự khác nhau giữa $\overline{X_{TN}}$ và $\overline{X_{DC}}$ là **không có ý nghĩa**.

Giả thuyết H_1: Điểm trung bình $\overline{X_{TN}}$ lớn hơn $\overline{X_{DC}}$ **một cách có ý nghĩa.**

Kết quả tính toán thu được: t = 1.9658, tra bảng phân phối chuẩn Student với mức ý nghĩa α = 0.05 và bậc tự do $f = n_{TN} + n_{ĐC} - 2 = 406$, ta có $t_\alpha = 1.697$.

Như vậy, rõ ràng $t > t_\alpha$ nên giả thuyết H_0 bị bác bỏ và ta chấp nhận giả thuyết H_1. Kết quả trên không có khả năng xảy ra ngẫu nhiên cao, chênh lệch trung bình của điểm số là kết quả của tác động, các nguyên nhân ngẫu nhiên đã bị loại trừ. Điểm trung bình của lớp thực nghiệm lớn hơn điểm trung bình của lớp đối chứng với mức ý nghĩa 0.05 – độ tin cậy 95%.

Kết quả nghiên cứu cho thấy tác động của việc tổ chức dạy học HTTN trong dạy học Địa lí đã mang lại hiệu quả rõ rệt đối với các lớp TN. Tuy nhiên tác động này lớn tới đâu lại cần dựa vào giá trị ES về mức độ ảnh hưởng của tác động.

Mức độ ảnh hưởng của tác động trong nghiên cứu này được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.3. Mức độ ảnh hưởng của biện pháp tác động

	Lớp thực nghiệm	Lớp đối chứng
Giá trị trung bình	7.15	6.47
Độ lệch chuẩn	1.69	1.62
ES	0.68	

Mức độ ảnh hưởng ES được đánh giá theo bảng tiêu chí Cohen:

Bảng 3.4. Bảng tiêu chí Cohen

Giá trị ES	Ảnh hưởng
> 1.00	Rất lớn
0.8 – 1.00	Lớn
0.50 – 0.79	Trung bình
0.20 – 0.49	Nhỏ
< 0.20	Rất nhỏ

Mức độ ảnh hưởng ES trong nghiên cứu này là 0.68 cho thấy tác động mang lại hiệu quả ở mức độ trung bình. Từ phân tích trên tác giả nhận thấy rõ ràng tổ chức hoạt dạy học HTTN trong DH Địa lí đã tác động khiến các em học tập tích cực và đạt kết quả cao hơn cả về điểm số và nhận thức. Tuy nhiên, sự thay đổi ở đây mới đạt được ở mức vừa phải tức là mức trung bình. Đây là một kết quả khách quan, phản ánh đúng thực trạng DH của hiện nay ở các trường

DBĐHDT. Tuy nhiên, muốn nâng cao chất lượng và hiệu quả của quá trình tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong Địa lí cho HS dân tộc ở hệ DBĐHDT đòi hỏi cần phải có sự quyết tâm của cả GV và HS cùng với các cấp quản lý của hệ thống các trường DBĐHDT.

3.6.2.3. Kết quả quá trình tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của HS sau TN

Song song với kiểm tra đánh giá về kiến thức của HS thông qua các bài kiểm tra, tác giả còn tiến hành đánh giá quá trình nhận thức, các kĩ năng theo định hướng năng lực của HS thông qua quan sát và xây dựng tiêu chí tự đánh giá cá nhân trong quá trình hợp tác, thảo luận sau mỗi bài TN. Với mục đích giúp HS tự đánh giá, nhận thức được quá trình học tập của chính mình và đồng thời cũng giúp GV có những điều chỉnh phù hợp trong quá trình tổ chức hoạt động học tập HTTN cho HS.

Với những tiêu chí cụ thể cho mỗi HS tự đánh giá bản thân và các thành viên khác trong nhóm sau quá trình tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm, tác giả đã thu được kết quả tích cực theo từng tiêu chí đánh giá cơ bản, như sau:

1) Tự đánh giá đóng góp của cá nhân trong quá trình học tập, làm việc ở các nhóm.

+ Kết quả điều tra đánh giá trong lần TN1, cho thấy chỉ có 33.33% HS trong nhóm tự đánh giá được vai trò đóng góp có ý nghĩa đối với nhóm, 37.88% HS tự thấy rằng bản thân có những đóng góp nhỏ và có đến 16.67% HS tự nhận thấy bản thân không có đóng góp gì cho nhóm mình. Tác giả nhận thấy, cá nhân trong mỗi nhóm chưa nhận thức và tự nhìn nhận được vai trò, đóng góp của bản thân đối với nhóm.

+ Trong lần đánh giá TN2, với sự điều chỉnh trong quá trình tổ chức, hướng dẫn HS để mỗi cá nhân HS nhận thức được vai trò, đóng góp của mình trong hoạt động của nhóm. Do đó HS tích cực hoạt động và nhận thức về trách nhiệm, đóng góp chung của cá nhân cho nhóm trong quá trình hợp tác, làm việc đã tăng lên rõ rệt, với 50% HS tự nhận thấy bản thân có những đóng góp có ý nghĩa và trách nhiệm với nhóm và không còn cá nhân HS nào cảm thấy mình không có vai trò và đóng góp gì cho nhóm nữa.

+ Lần TN3, thì có tới 75.75% HS trong các nhóm đã tự nhận thức được đóng góp ý nghĩa của mình đối với nhóm trong quá trình hợp tác, 34.85% số cá nhân HS còn lại cũng tự nhận thấy mình đã có những gợi ý hữu ích cho việc hoàn thành nhiệm vụ chung của nhóm.

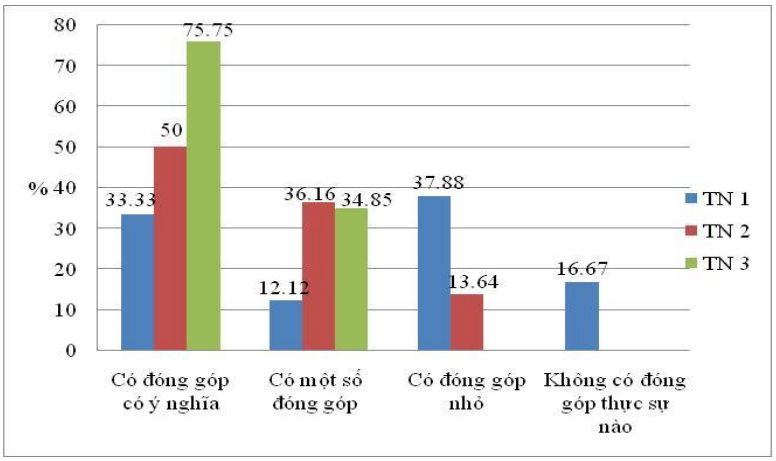

Biểu đồ 3.12. So sánh quá trình tự đánh giá về đóng góp cá nhân HS trong HTTN sau TN

2) Tự đánh giá quá trình trao đổi, chia sẻ và đóng góp ý kiến.

Quá trình HS tự đánh giá về kĩ năng trao đổi, chia sẻ và những ý kiến đóng góp của bản thân HS sau các giờ học tập trong các nhóm cũng có những thay đổi rất tích cực. Nếu như, trong lần tự đánh giá ở lần TN1 chỉ có 33.33% cá nhân HS trong các nhóm có hai ý kiến trao đổi, tranh luận trở lên thì sau lần đánh giá TN2 đã có 69.70% HS nhận thấy mình tích cực hơn trong quá trình trao đổi và chia sẻ ý kiến và đến TN 3 là 83.33% HS có từ hai ý kiến trở lên trao đổi trong với nhóm.

Và trong lần TN1, có tới 34.85% HS tự nhận thấy trong quá trình làm việc theo nhóm bản thân không có ý kiến tranh luận, trao đổi chia sẻ gì. Sau khi đánh giá TN lần 2 chỉ còn 16.67% HS trong các nhóm không thể hiện quan điểm, tranh luận. Trong lần đánh giá TN 3 thì 100% HS đều đã tập trung trao đổi, chia sẻ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập chung của cả nhóm.

Điều đó chứng tỏ, qua quá trình học tập HTTN học sinh đã có ý thức học tập ngày một cao hơn, phát huy được tư duy phản biện, năng lực hợp tác, chia sẻ và tinh thần trách nhiệm cũng được nâng cao.

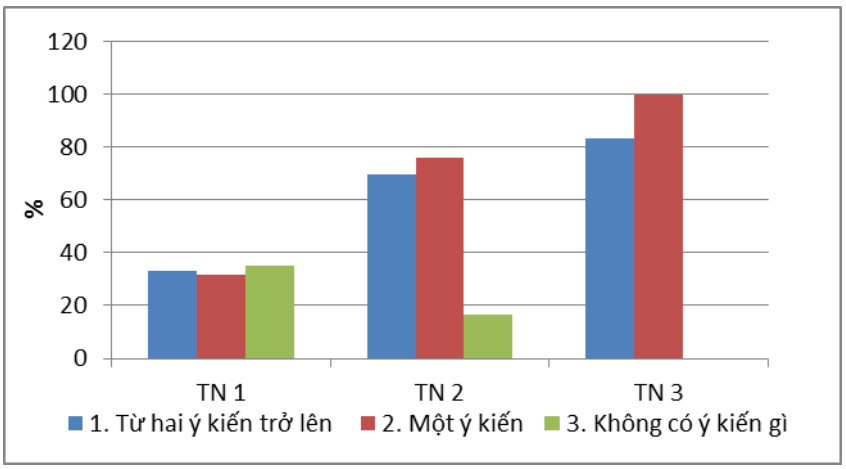

Biểu đồ 3.13. So sánh quá trình tự đánh giá trình trao đổi, chia sẻ và đóng góp ý kiến cá nhân HS trong HTTN sau TN

3) Tự đánh giá năng lực báo cáo trong quá trình HTTN.

Kết quả trong lần tự đánh giá sau TN1 chỉ có 15.15% HS nhận thấy mình được báo cáo và tự tin để báo cáo, trình bày sản phẩm trước lớp và có tới 36.36% HS tự đánh giá bản thân chưa đủ tự tin để báo cáo. Đặc biệt, còn có 48.48% HS trong nhóm không quan tâm đến kĩ năng báo cáo và tự cho rằng ai báo cáo cũng được.

Kĩ năng báo cáo và số lượng thành viên được tham gia báo cáo tăng lên trong bài TN 2, cụ thể với yêu cầu của GV khi tổ chức báo cáo là tất cả các thành viên trong nhóm phải lần lượt chuẩn bị và báo cáo sản phẩm của nhóm nên đã có 83.33% HS đánh giá bản thân sẵn sàng báo cáo. Còn lại số HS tự đánh giá chưa đủ tự tin để báo cáo là 16.67%.

Trong bài TN3, kết quả tự đánh giá đã có 90.91% HS tham gia hoạt động HTTN được báo cáo và chỉ còn lại 9.09% HS tự đánh giá chưa đủ tự tin, chuẩn bị để báo cáo.

Với kết quả đó, có thể khẳng định thông qua quá trình tổ chức hoạt động HTTN, HS đã được rèn luyện kĩ năng để báo cáo, trình bày vấn đề trước tập thể lớp và từng bước giúp các em mạnh dạn, tự tin sẵn hơn trong quá trình học tập cũng như trong thực tiễn.

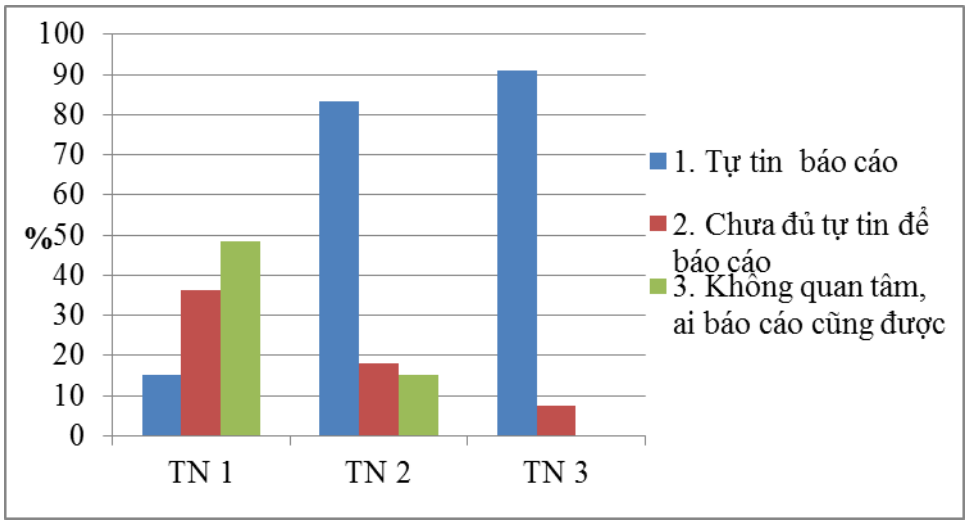

Biểu đồ 3.14. So sánh quá trình tự đánh giá kĩ khả năng báo cáo của cá nhân HS trong HTTN sau TN

4) Tự đánh giá ý thức làm việc trong các nhóm học tập

Kết quả sau TN1, tự đánh giá mức độ rất tập trung làm việc của HS trong hoạt động nhóm chỉ đạt 30.30%, trong khi đó phần lớn HS tự đánh giá mình còn thiếu tập trung trong thực hiện nhiệm vụ, cụ thể có tới 45.45% HS tự đánh giá chỉ

tập trung được một nửa trong quá trình hoạt động và 18.18% HS còn lại hoàn toàn không tập trung.

Tuy nhiên, ý thức tập trung làm việc của HS được cải thiện rõ rệt sau TN2 và TN3. Ở mức độ rất tập trung trong lần TN2 của HS là 77.27% chỉ còn lại 22.73% HS có ý thức tập trung được một nửa và không còn HS hoàn toàn không tập trung. Trong lần TN3, có tới 92.42% HS tự đánh giá ý thức làm việc của bản thân ở mức độ rất tập trung.

Qua đó cho thấy, quá trình tổ chức hoạt động học tập HTTN đã góp phần nâng cao ý thức học tập, làm việc cũng như phát huy tinh thần trách nhiệm của HS đối với nhiệm vụ học tập của chính bản thân cũng như trách nhiệm đối với nhiệm vụ chung, đó cũng là một trong những mục tiêu trong DH theo định hướng phát triển năng lực.

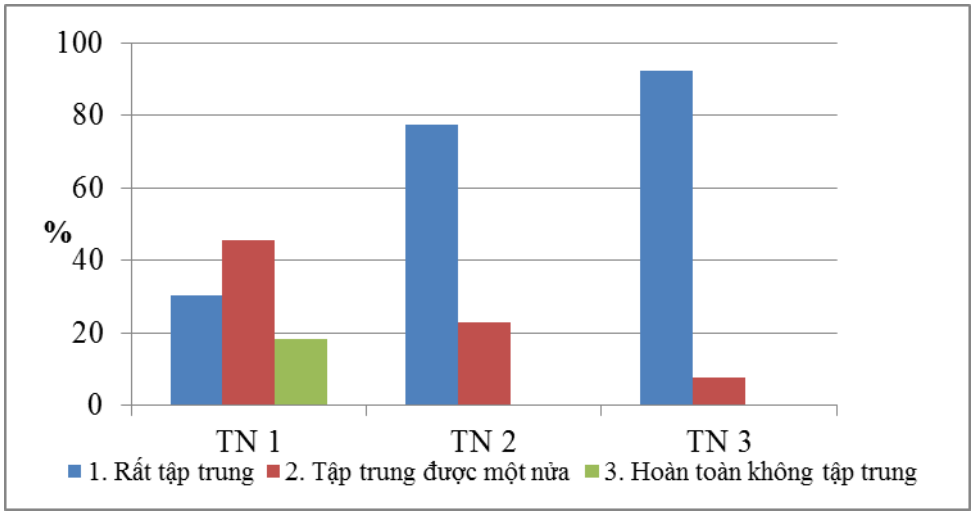

Biểu đồ 3.15. So sánh quá trình tự đánh giá ý thức làm việc của cá nhân HS trong HTTN sau TN

5) Đánh giá, nhìn nhận những thế mạnh của bản thân trong khi làm việc theo nhóm

Với tiêu chí tự nhìn nhận, đánh giá những mặt tốt nhất của bản thân có thể làm được sau quá trình học tập HTTN, thì sau TN1 về tiêu chí quản lí nhóm thỏa luận và báo cáo đạt khá thấp chỉ có 15.15% HS tự đánh giá bản thân có thế mạnh, 30.30% cho rằng bản thân có thể làm tốt nhất tiêu chí lắng nghe và ghi chép các ý kiến trong nhóm. Đặc biệt có tới 54.55% HS vẫn chưa xác định rõ được bản thân mình có khả năng nào là tốt trong khi làm việc theo nhóm và cũng không có HS nào cho rằng khả năng tốt nhất của bản thân là trao đổi, chia sẻ ý kiến trong nhóm.

Sau TN2 và TN3, cho thấy kết quả rất tích cực về quá trình tự đánh giá, nhận thức được những khả năng của chính bản thân của cá nhân mỗi HS trong hoạt động học tập HTTN. Cụ thể:

+ Về khả năng quản lí nhóm trao đổi và báo cáo đã tăng lên 37.88% HS đánh giá về khả năng này ở lần TN2 và tiếp tục tăng lên đạt 50.03% trong lần TN3.

+ Khả năng lắng nghe, ghi chép các ý kiến của bản thân đạt 46.97% trong lần TN2 và tăng lên 60.61% ở lần TN3.

+ Về khả năng chia sẻ, trao đổi ý kiến trong nhóm phần lớn HS tự đánh giá, nhận thấy bản thân có được khả năng này trong quá trình HTTN ở 2 lần TN, tỉ lệ này đạt 74.24% trong TN2 và tăng lên 87.88% ở lần TN3. Và trong 2 lần TN này cũng không còn HS chưa xác định rõ được rằng bản thân mình có khả năng nào nữa sau quá trình làm việc theo nhóm.

Qua tiêu chí tự đánh giá trên, cho thấy trong quá trình tổ chức hướng dẫn cho HS hoạt động hợp tác, làm việc theo nhóm đã từng bước giúp cho HS tự nhận ra được những khả năng mà bản thân có thể làm được tốt nhất để từ đó phát huy được những sở trường của chính HS trong quá trình học tập và giảng dạy của GV.

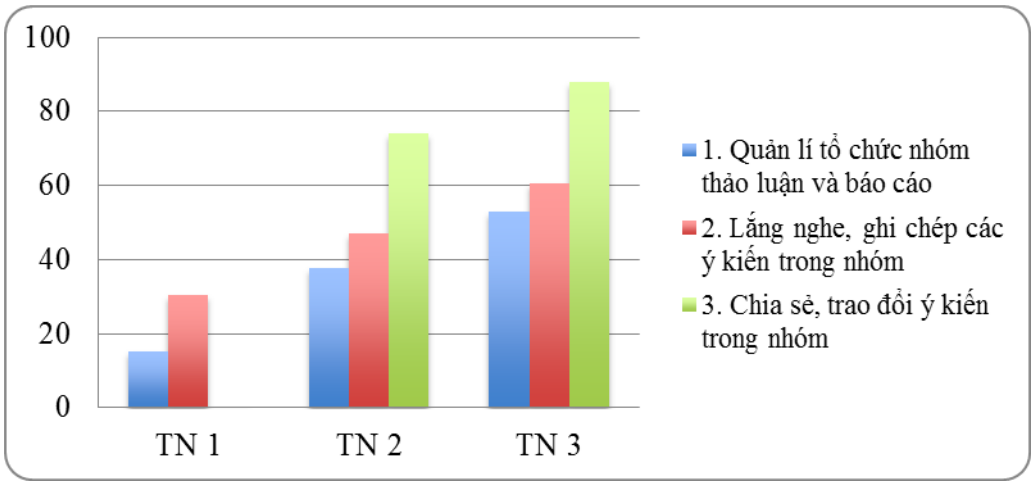

Biểu đồ 3.16. Tự đánh giá thế mạnh của cá nhân HS trong HTTN sau TN

6) Đánh giá kết quả bản thân thu được sau giờ học HTTN

Kết quả thu được sau ba lần tự đánh giá là 100% HS tự nhận thấy kết quả đầu tiên mà bản thân tiếp thu, hình thành được trong khi học tập làm việc HTTN là kiến thức về Địa lí.

Tuy nhiên, ở các nội dung tự đánh giá khác của tiêu chí thì có kết quả khác nhau giữa các lần TN, cụ thể:

+ Về nội dung hình thành, rèn luyện kĩ năng làm việc nhóm và tinh thần trách nhiệm chung với nhóm thì sau lần TN1 chỉ có 30.30% HS tự nhận thấy bản thân thu được kết quả này. Trong lần TN2, đã có 65.15% HS cảm nhận được bản thân đã có được kĩ năng và trách nhiệm hơn trong quá trình hợp tác. Kĩ năng này tiếp tục được HS đánh giá, tiếp thu cao sau lần TN tự đánh giá lần 3 với 90.91% cá nhân HS ghi nhận.

+ Kết quả tự đánh giá về khả năng tự tin, đoàn kết và chia sẻ trong quá trình hoạt động theo nhóm, trong lần TN1 chỉ có 21.21% HS cảm thấy tự tin và sẵn sàng chia sẻ trong nhóm. Tuy nhiên, sau lần TN2 nội dung này được HS tự ghi nhận đánh giá cao với 74.24% và tiếp tục tăng lên tới 87.88% HS cảm thấy tự tin, với tinh thần đoàn kết và chia sẻ trong hoạt động nhóm ở lần TN3.

Với tiêu chí tự đánh giá này, đã giúp cho HS ngoài việc tiếp thu được về kiến thức Địa lí một cách hiệu quả, HS còn tiếp thu được kĩ năng làm việc HTTN, tinh thần trách nhiệm với công việc chung. Đồng thời, qua việc tổ chức làm việc trên cơ sở HTTN giúp các em HS khắc phục tính rụt rè, ngại chia sẻ để từ đó tự tin và mạnh dạn hơn trong quá trình học tập và hoạt động.

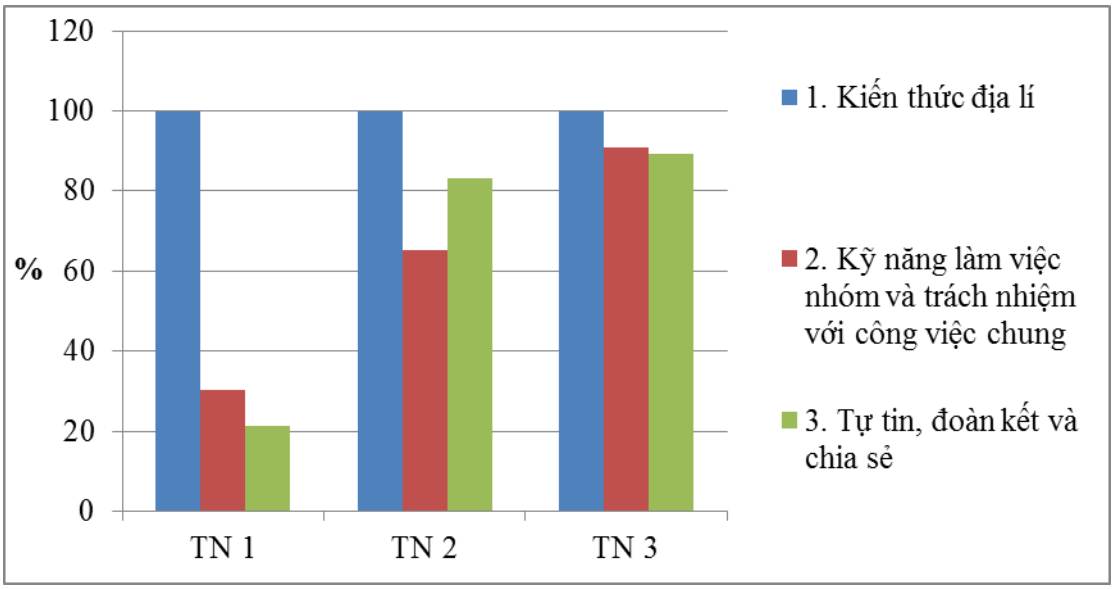

Biểu đồ 3.17. Tự đánh giá kết quả thu được của cá nhân HS trong HTTN sau TN

7) Đánh giá, tự nhìn nhận những khó khăn trong quá trình làm việc nhóm

Sau lần TN1, kết quả cho thấy HS đã tự nhận thức và đánh giá được những hạn chế, trở ngại của bản thân khi tham gia hoạt động hợp tác. Trong đó, 57.58% HS tự nhận thấy trở ngại lớn nhất đó là thiếu kĩ năng làm việc nhóm, ngại trao đổi chia sẻ, 24.24% HS nhận thấy khó khăn là chưa hiểu hết nội dung và 39.39% HS nhận định sự hướng dẫn chưa rõ ràng của GV cũng là một khó khăn khi hoạt động nhóm.

Với biện pháp tổ chức và điều chỉnh kịp thời trong lần tổ chức hoạt động HTTN tiếp theo, nên trong lần TN2 và TN những khó khăn trở ngại của HS đã được giải quyết một cách tích cực. Trong lần TN2 chỉ còn 19.70% HS cho rằng thiếu kĩ năng làm việc nhóm, ngại trao đổi và chia sẻ là trở ngại của bản thân, 15.15% cho rằng sự hướng dẫn chưa rõ rằng của GV gây khó khăn cho bản thân trong quá trình

hợp tác và sau lần TN3 chỉ còn 9.09% HS nhận thấy khó khăn về kĩ năng làm việc và ngại chia sẻ trong nhóm.

Với kết quả của quá trình tự đánh giá cùng tiêu chí, định hướng rõ ràng, có thể khẳng định khi tổ chức hoạt động HTTN đã giúp HS tự nhìn nhận, đánh giá những khó khăn, trở ngại của bản thân trong quá trình hợp tác. Điều này, vừa có ý nghĩa giúp cho chính cá nhân HS sẽ có phương hướng để khắc phục trở ngại đó để tiến bộ hơn so với chính bản thân mình và cũng giúp cho GV, người tổ chức hoạt động có những điều chỉnh, hỗ trợ và giúp đỡ kịp thời cho từng HS.

8) Đánh giá, nhận thức sự hỗ trợ cần thiết đối với cá nhân khi học tập HTTN

Kết quả sau cả 3 lần TN, thì đều có 100% HS trong cá nhóm đều tự cho rằng bản thân trong quá trình làm việc theo nhóm rất cần sự hỗ trợ, giúp đỡ từ GV và từ các thành viên trong nhóm của mình để hoàn thành nhiệm vụ cá nhân và của cả nhóm.

Trong lần TN2, yêu cầu về sự quan tâm, hỗ trợ giúp đỡ từ GV của HS đã giảm xuống còn 60.61% và 43.94% sau lần TN3, điều này chứng tỏ cá nhân HS đã khá độc lập trong quá trình làm việc và là kết quả của quá trình tích lũy kĩ năng trong quá trình học tập.

Kết quả này chứng minh tinh thần đoàn kết hợp tác, chia sẻ, hỗ trợ và giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên trong nhóm được HS nhận thức rất rõ trong quá trình hợp tác để đạt đến sản phẩm chung của nhóm, đó cũng là kết quả mong muốn mà luận án hướng tới

Như vậy, kết quả thực nghiệm cho thấy, quá trình tổ chức vận dụng dạy học HTTN với các kĩ thuật DH tích cực trong DH Địa lí cho HS dân tộc ở trường DBĐHDT mà tác giả đề ra trong luận án đã được kiểm chứng qua kết quả thực nghiệm và cho phép tác giả kết luận, những biện pháp mà tác giả đề ra hoàn toàn mang tính khả thi. Giả thuyết khoa học của luận án đã được chứng minh. Từ kết quả thực nghiệm này, tác giả cho rằng những biện pháp sư phạm trên hoàn toàn có thể nhân rộng áp dụng đại trà ở hệ thống các trường DBĐHDT trên toàn quốc.

Kết luận chương 3

Công tác thực nghiệm đóng vai trò rất quan trọng không thể thiếu được trong nghiên cứu khoa học. Qua thực nghiệm không những giúp chúng tôi kiểm nghiệm những giả thiết và nội dung nghiên cứu mà còn tạo ra các cơ sở thực tiễn để bổ sung thêm giá trị cho đề tài.

Qua phân tích kết quả thực nghiệm sư phạm đã cho phép chúng tôi đưa ra một số nhận định sau:

- Các hoạt động thiết kế có sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong các bài thực nghiệm là phù hợp, tạo ra nhiều cơ hội cho học sinh tích cực hoạt động nhận thức để chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kĩ năng kĩ xảo Địa lí và góp phần phát triển năng lực cộng tác làm việc, năng lực giao tiếp, khả năng báo cáo, phát triển phương pháp học tập và làm việc.

- GV thực hiện được việc đổi mới phương pháp giảng dạy, là người tổ chức, hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động nhận thức cho HS. Đồng thời qua quá trình tổ chức các hoạt động hợp tác thảo luận cho HS, GV cũng có cơ hội để trau dồi, nâng cao năng lực sư phạm cũng như trình độ chuyên môn của bản thân.

- Khi tham gia vào học tập HTTN học sinh có nhiều cơ hội và điều kiện để được hoạt động, thực hành nhiều hơn, tư duy nhiều hơn, trải nghiệm nhiều hơn, bản thân sẽ khắc phục được bản tính e ngại từ đó mạnh dạn và tự tin hơn trước tập thể. Bản thân mỗi HS cũng sẽ có tinh thần trách nhiệm hơn đối với chính bản thân, với mọi người trong quá trình học tập và làm việc.

Hiệu quả DH thực nghiệm đã khẳng định việc sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí ở trường DBĐHDT được đề xuất trong đề tài là có tính khả thi.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. PPDH hợp tác theo nhóm là phương pháp GV chia HS trong lớp (nhóm lớn) thành các nhóm nhỏ sao cho tất cả các thành viên trong lớp đều được làm việc, thảo luận và hợp tác với nhau để đưa ra ý kiến chung của nhóm mình về vấn đề đó. Dưới sự điều khiển, hướng dẫn của GV khi tổ chức hoạt động học tập HTTN với các kĩ thuật DH tích cực thì HS được chia thành những nhóm nhỏ, liên kết lại với nhau trong một hoạt động chung với phương thức tác động qua lại giữa các thành viên, bằng sự thống nhất của trí tuệ tập thể để hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao. Sản phẩm của hoạt động chung của nhóm là một sản phẩm mang tính sáng tạo, thể hiện tinh thần đoàn kết và thống nhất trong tập thể.

1.2. Thông qua vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí ở trường DBĐHDT đã tích cực hóa được hoạt động nhận thức của HS, rèn luyện được các kỹ năng của môn học, tiếp tục hình thành và phát triển các năng lực cơ bản cho HS dân tộc như năng lực giao tiếp, năng lực sử dụng CNTT, năng lực hợp tác và làm việc theo nhóm, năng lực thuyết trình, báo cáo. Chính vì vậy, việc sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm là một giải pháp rất thiết thực và hiệu quả.

1.3. Việc vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí nói riêng và trong DH nói chung hiện nay tại các trường DBĐHDT còn hạn chế nhất định. Quá trình tổ chức dạy học HTTN còn chưa được sử dụng nhiều và hiệu quả mang lại chưa cao, đặc biệt các kĩ thuật DH trong quá trình tổ chức vận dụng. Đa số GV còn lúng túng trong cách tổ chức, trong việc lựa chọn các kĩ thuật hợp tác nhóm. Sự đơn điệu trong việc xác định mục tiêu và trong hình thức thảo luận, việc lựa chọn và sử dụng các tình huống để tổ chức DH nhóm cũng chưa thực sự nổi bật, hấp dẫn và mang tính vấn đề cao. Cùng với đó, quy trình mà các GV sử dụng để tổ chức và điều khiển hoạt động nhóm chưa hợp lý, đôi khi còn hình thức. Vì vậy, chưa thể tạo ra được sự phối hợp nhịp nhàng và ăn khớp giữa hoạt động dạy và học. HS về thực chất, vẫn chỉ là đối tượng thụ động nên cảm thấy nhàm chán, thiếu hấp dẫn từ đó làm mất đi tính chủ động, tích cực của HS trong chính giờ học nhóm đó nên ảnh hưởng rất lớn tới hiệu quả của PPDH này. Đòi hỏi phải có những biện pháp sư phạm đồng bộ, có sự kết hợp một cách khoa học, hợp lí và linh hoạt giữa dạy học HTTN với các kĩ thuật DH và các PPDH khác để tác động tính cực đến cả người dạy và người học. Khi đó, việc tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí cho HS con em đồng bào dân tộc ở trường DBĐHDT, mới mang lại hiệu quả và ý nghĩa đích thực.

1.4. Khi vận dụng PPDH này thì cần phải đảm bảo các nguyên tắc như: mối quan hệ biện chứng giữa vai trò chủ đạo trong tổ chức, điều khiển, hướng dẫn của GV với tính tích cực, chủ động và sáng tạo của HS, sự hài hòa giữa hình thức học cá nhân, học nhóm và học tập thể, tính hệ thống, tính thực tiễn, tính toàn diện, tính phân hóa trong vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm cũng như các yêu cầu đó là phải hiểu được bản chất của PPDH hợp tác theo nhóm, phải nhận thức và thực hiện tốt được vai trò của người dạy trong quá trình tổ chức hoạt động DH hợp tác theo nhóm.Và nhất là phải thực hiện theo quy trình gồm 5 bước thống nhất.

1.5. Để nâng cao hiệu quả của việc sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong quá trình DH Địa lí ở trường DBĐHDT thì cần phải quan tâm tới một số vấn đề như: các nguyên tắc vận dụng, quy trình tổ chức vận dụng và các biện pháp để tổ chức hoạt động học tập HTTN. Đây sẽ là cơ sở để GV có thể vận dụng vào thực tiễn DH. Từ đó, mỗi GV trên cơ sở năng lực chuyên môn của mình, cũng như trình độ năng lực và khả năng nhận thức của HS, cùng với nội dung, mục tiêu của từng bài học Địa lí và điều kiện cơ sở vật chất lớp học sẽ lựa chọn hoặc kết hợp các biện pháp một cách thích hợp nhất trong quá trình tổ chức học tập HTTN cho HS.

1.6. Qua phân tích kết quả thực sư phạm, chúng tôi nhận thấy việc sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong môn Địa ở trường DBĐHDT là có khả thi, thông qua PPDH này HS không chỉ phát huy tính tích cực, tự giác, khả năng chủ động sáng tạo trong hoạt động nhận thức của HS, tạo điều kiện HS cùng tham gia, chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau chuẩn bị cho lao động phân công hợp tác trong cộng đồng mà qua cách học này rất nhiều kĩ năng xã hội được hình thành và phát triển như ký năng giao tiếp xã hội, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng báo cáo, kỹ năng tập hợp và ghi chép dữ liệu, kỹ năng nói và diễn đạt...

2. Khuyến nghị

- *Đối với GV*

Để sử dụng hiệu quả PPDH hợp tác theo nhóm thì bản thân mỗi GV cần được tập huấn chu đáo để nắm vững quy trình, các kĩ thuật DH và khả năng kết hợp giữa PPDH hợp tác theo nhóm với các PPDH tích cực khác. Đồng thời cần có kế hoạch hướng dẫn và bồi dưỡng cho HS ở các vùng đồng bào dân tộc, vùng núi, vùng sâu vùng xa, biên giới hải đảo về các kĩ năng học tập HTTN.

GV và HS cần nhận thức rõ vai trò và vị trí của bộ môn Địa lí ở các hệ DBĐH. Đặc biệt GV cần phải thường xuyên tự trau rồi kiến thức, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng giảng dạy đối với bộ môn.

- Đối với trường DBĐHDT

Cần khuyến khích và tạo điều kiện cho GV thực hiện việc tổ chức hoạt động dạy học HTTN trong tất cả các bộ môn trong đó có môn Địa lí một cách thường xuyên và khoa học. Cùng với đó, các trường cần tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất, kĩ thuật, cải tiến thể thức kiểm tra, đánh giá.

Ban Giám hiệu các trường DBĐTDT cần quan tâm chỉ đạo sát sao việc đổi mới PPDH nói chung và PPDH Địa lí nói riêng, trong đó có việc tổ chức dạy học HTTN cho HS dân tộc. Có kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cho tất cả các GV về đổi mới PPDH trong đó có phương pháp dạy học HTTN với các kĩ thuật DH tích cực.

- Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

Đặc biệt, đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo và trực tiếp là Vụ giáo dục Dân tộc cũng cần phải có kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn thường xuyên cho đội ngũ GV ở hệ thống các trường DBĐHDT về đổi mới PPDH nói chung trong đó có PPDH hợp tác theo nhóm để họ hiểu được sâu sắc và toàn diện vai trò, bản chất của dạy học HTTN cùng các kĩ thuật DH tích cực và biết cách tổ chức hiệu quả học tập HTTN trong bộ môn của mình.

CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ

1. Tạ Xuân Phương (2012), Trao đổi một số vấn đề vận dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm nhỏ trong dạy học Địa lí lớp 11 THPT, Tạp chí *Dạy và học ngày nay* số tháng 1/2012, tr. 65 - 67.
2. Tạ Xuân Phương (2013), Sử dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm nhằm phát huy tính tích cực của sinh viên trong dạy học Địa lí ở Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương, Tạp chí *Dạy và học ngày nay* số tháng 9/2013, tr. 38 - 41.
3. Tạ Xuân Phương (2013), Sử dụng sơ đồ tư duy để nâng cao hiệu quả dạy học hợp tác nhóm trong môn Địa lí ở trường Dự bị đại học dân tộc, Tạp chí *Giáo dục* số đặc biệt tháng 9/2013, tr.134 - 136.
4. Tạ Xuân Phương (2013), Sử dụng các kĩ thuật dạy học tích cực để nâng cao hiệu quả dạy học hợp tác nhóm trong môn Địa lí ở trường Dự bị đại học dân tộc, Tạp chí *Giáo dục* số đặc biệt tháng 11/2013, tr. 129 - 131.
5. Tạ Xuân Phương (2014), Sử dụng kĩ thuật dạy học các mảnh ghép để tăng hiệu quả hợp tác nhóm trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông, Tạp chí *Giáo dục* số đặc biệt tháng 5/2014, tr.151 - 152.
6. Tạ Xuân Phương (2014), Hợp tác theo nhóm nhằm tích cực hóa hoạt động học tập trong dạy học Địa lí ở trường Dự bị đại học dân tộc, Tạp chí *Thiết bị giáo dục* số 109 tháng 9/2014, tr.39 - 41.
7. Tạ Xuân Phương (2014), Phát triển năng lực cho học sinh thông qua học tập hợp tác theo nhóm trong dạy học Địa lí ở trường Dự bị đại học dân tộc, Tạp chí *Giáo dục và xã hội* số 109 tháng 11/2014, tr. 55 - 57.
8. Tạ Xuân Phương (2014), Tổ chức dạy học hợp tác theo nhóm cho học sinh dân tộc trong dạy học Địa lí ở các trường dự bị đại học dân tộc thực trạng và giải pháp, *Kỷ yếu hội nghị khoa học Địa lí toàn quốc* lần thứ VIII, 11/2014, tr. 987 - 993.
9. Tạ Xuân Phương (2015), Bồi dưỡng năng lực hợp tác theo nhóm trong dạy học Địa lí ở trường Dự bị đại học dân tộc trung ương, Tạp chí *Giáo dục* số 352 tháng 2/2015, tr. 58 - 59.
10. Tạ Xuân Phương (2016), Đánh giá kĩ năng học tập hợp tác theo nhóm của học sinh sau khi học Địa lí ở trường Dự bị đại học dân tộc Tạp chí *Giáo dục và xã hội* số đặc biệt tháng 9/2016, tr.268 - 270.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Thị Lan Anh (2013), "Nâng cao hiệu quả giờ thảo luận nhóm môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam ở trường đại học Hồng Đức hiện nay", *Tạp chí Giáo dục*, số 320/2013, tr38.
2. Nguyễn Ngọc Bảo, Hà Thị Đức (2000), *Hoạt động dạy học ở trường Trung học cơ sở*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Lê Khánh Bằng (1993), *Tổ chức quá trình dạy học ở trường phổ thông*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
4. Berhard Muszynsky (2005), *Con đường nâng cao chất lượng cải cách các cơ sở đào tạo giáo viên*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
5. Bernd Meirer, Nguyễn Văn Cường (2005), *Phát triển năng lực thông qua phương pháp và phương tiện dạy học mới,* (Tài liệu hội thảo - tập huấn), Bộ Giáo dục và Đào tạo - Dự án Phát triển GD THPT.
6. Bernd Meier, Nguyễn Văn Cường (2009), *Lý luận dạy học hiện đại - Một số vấn đề đổi mới phương pháp dạy học*, Potsdam - Hà Nội.
7. Nguyễn Thanh Bình (2008), *Giáo dục Việt Nam trong thời kì đổi mới*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
8. Bobbi Deporter, Mike Hernaki (2011), *Phương pháp học tập siêu tốc*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án Việt - Bỉ (2010), *Dạy và học tích cực - Một số phương pháp và kĩ thuật dạy học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án Việt - Bỉ (2010), *Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng,* NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
11. Bộ Giaó dục và Đào tạo -Vụ Giáo dục Trung học (2012), *Tài liệu tập huấn phát triển chuyên môn giáo viên trung học phổ thông chuyên môn Địa lí*, Hà Nội.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án Việt - Bỉ (2000), *Dạy các kỹ năng tư duy*, Hà Nội.
13. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án phát triển GVTHPT và TCCN (2013), Tài liệu tập huấn*, Thí điểm phát triển chương trình giáo dục nhà trường phổ thông*, Hà Nội.
14. Bộ Giáo dục và Đào tạo -Vụ Giáo dục Trung học (2014) Chương trình phát triển Giáo dục trung học, *Tài liệu tập huấn Dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực học sinh môn Địa lí cấp Trung học phổ thông*, Hà Nội.

15. Causinet, Roger (2000), *Một số phương pháp làm việc tự do cho các nhóm*, Nxb Giáo dục.
16. Nguyễn Hữu Châu và các tác giả (2007), *Đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo giáo viên trung học cơ sở theo chương trình CĐSP*, Hà Nội.
17. Nguyễn Dược – Nguyễn Trọng Phúc (2004), *Lí luận DH Địa lí*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
18. Vũ Cao Đàm (2012*), Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học,* NXB Giáo dục.
19. Hồ Ngọc Đại (2006), *Giải pháp phát triển giáo dục*, NXB Giáo dục.
20. Trần Văn Đạt (2015), *Lí thuyết học tập mang tính xã hội và thuyết kiến tạo nền tảng của phương pháp học hợp tác*, Tạp chí Giáo dục số 355 năm 2015.
21. Phạm Văn Đồng (1994), "PPDH và phát huy tính tích cực. Một phương pháp vô cùng quý báu", *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục*, số 12, tr. 1-2.
22. Đặng Văn Đức - Nguyễn Thu Hằng (2004), *PPDH Địa lí theo hướng tích cực,* NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
23. Đặng Văn Đức (2005), *Lí luận DH Địa lí phần đại cương*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
24. Đặng Văn Đức - Nguyễn Thu Hằng – Mai Hà Phương (2008), *Giáo trình LLDH Địa lí phần cụ thể,* NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
25. Geoffrey Petty (2002), *Dạy học ngày nay*, NXB StanleynThornes, United Kingdom.
26. Giselle O. Martin-Kniep (2011), *Tám đổi mới để trở thành người GV giỏi*, NXB GD Việt Nam, Hà Nội.
27. Gmy Palmade (1999), *Các phương pháp sư phạm*, NXB Thế giới, Hà Nội.
28. Trần Bá Hoành (2001), *Đổi mới PPDH ở THCS,* Hà Nội 2001.
29. Trần Bá Hoành (2005), *Dạy học lấy HS làm trung tâm*, Hà Nội.
30. Trần Bá Hoành (2007), *Đổi mới PPDH, chương trình và sách giáo khoa*, NXB Đại học Sư phạm.
31. Phó Đức Hòa – Ngô Quang Sơn (2011*), Phương pháp và công nghệ dạy học trong môi trường sư phạm tương tác*, NXB Đại học Sư phạm.
32. Bùi Thị Thanh Huyền (2013), "Phương pháp thảo luận nhóm kết hợp với các kĩ thuật dạy học trong môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông", *Tạp chí Giáo dục*, số 305/2013, tr37.

33. Trần Duy Hưng (1996), "Tổ chức DH theo nhóm", *Tạp chí Nghiên cứu GD*, số 9, tr. 21.
34. Trần Duy Hưng (1998), "*Quy trình thảo luận nhóm trong DH theo quan điểm hướng vào người học",* Tạo chí *Nghiên cứu GD* số 10, tr.16-17.
35. Trần Duy Hưng (1999), "Quy trình dạy học cho HS theo các nhóm nhỏ", *Tạp chí Nghiên cứu GD*, số 9, tr. 17-19.
36. Trần Duy Hưng (2000), "Mô hình PPDH theo nhóm nhỏ", *Tạp chí Nghiên cứu GD,* số 4, tr. 9 – 10.
37. Trần Duy Hưng (2002), *Tổ chức dạy học cho HS trung học cơ sở theo các nhóm nhỏ*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Đại học Sư phạm Hà Nội.
38. Dương Giáng Thiên Hương (2013), "Một số kĩ thuật được sử dụng trong dạy học hợp tác nhóm", *Tạp chí Giáo dục*, số 312/2013, tr40.
39. James H. Strong (2011), *Những phẩm chất của người GV hiệu quả*, NXB GD Việt Nam, Hà Nội.
40. Jean-Marc Denommé & Madeleine Roy (2004), *Tiến tới một phương pháp sư phạm tương tác,* NXB Thanh niên, Hà Nội.
41. Jeannete Vos – Gorden Dryden (2004), *Cách mạng học tập những yếu tố và phương pháp để học tập tốt,* Nxb Văn hoá – Thông tin, Hà Nội.
42. John C. Maxwell (2008), *17 nguyên tắc vàng trong làm việc nhóm*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội.
43. Lawrence Holpp (2008), *Quản lí nhóm*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội.
44. Hà Thị Lịch (2013), *Tổ chức hoạt động nhóm trong dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông (Vận dụng qua dạy học lịch sử thế giới từ nguồn gốc đến giữa thế kỉ XVI lớp 10, chương trình chuẩn)*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Đại học Sư phạm Hà Nội.
45. Trần Thị Bích Liễu (2013), *Giáo dục phát triển năng lực sáng tạo,* NXB Giáo dục Việt Nam.
46. Phan Thanh Long (chủ biên) (2008), *Những vấn đề chung của GD học,* NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
47. *Luật GD* (2010), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
48. Lại Thế Luyện (2012), *Rèn luyện kĩ năng sống, kĩ năng làm việc đồng đội,* NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
49. Hoàng Thị Mai (2005), "Vấn đề hoạt động nhóm trong dạy học ngữ văn ở trường THCS hiện nay", *Tạp chí GD,* số 114, tháng 5, tr. 20-23.

50. Trần Thị Thu Mai (2000), "Về phương pháp học tập nhóm", *Tạp chí Nghiên cứu GD,* số 12.
51. Hoàng Lê Minh (2013), *Hợp tác trong DH môn Toán*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
52. Nguyễn Chí Nhân (2012), "Ứng dụng phương pháp dạy học nhóm tại các trường đại học nước ta", *Tạp chí Khoa học giáo dục,* số 83/2012.
53. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI (2013), *Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*, Hà Nội
54. Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và PPDH trong nhà trường,* Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
55. Nguyễn Thị Oanh (2007), *Làm việc theo nhóm*, NXB Trẻ.
56. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên) (2010), *Giáo trình GD học - tập 1*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
57. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên) (2010), *Giáo trình GD học - tập 2*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
58. Nguyễn Trọng Phúc (2004), *Một số vấn đề trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông,* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
59. Nguyễn Trọng Phúc (2004), *Thiết kế bài giảng Địa lí ở trường phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
60. Nguyễn Thị Quỳnh Phương (2011), "Các kĩ năng hợp tác cơ bản cần được rèn luyện cho sinh viên sư phạm", *Tạp chí Khoa học giáo dục,* số 75/2011.
61. Robert J. Marzano, Debra J. Pickering, Jane E. Pollock (2011), *Các PPDH hiệu quả*, NXB GD Việt Nam, Hà Nội.
62. Robert J. Marzano (2011), *Nghệ thuật và khoa học dạy học*, NXB GD Việt Nam, Hà Nội.
63. Robert J. Marzano (2011), *Quản lí hiệu quả lớp học*, NXB GD Việt Nam, Hà Nội.
64. Ronald Group (2008), *Học tập đỉnh cao*, NXB Lao động, Hà Nội.
65. Huỳnh Văn Sơn (2009), *Bạn trẻ và kĩ năng sống*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội.
66. Huỳnh Văn Sơn (2011), *Kĩ năng làm việc nhóm*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
67. Nguyễn Triệu Sơn (2007), *Phát triển khả năng học hợp tác cho sinh viên sư phạm toán một số trường đại học miền núi nhằm nâng cao chất lượng của người được đào tạo,* Luận án tiến sĩ Khoa học GD, Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục, Hà Nội.

68. Vĩnh Thắng (2012), *Top 10 kĩ năng mềm cho bạn trẻ*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
69. Thomas Arstrong (2011), *Đa trí tuệ trong lớp học*, NXB GD Việt Nam, Hà Nội.
70. Nguyễn Thị Toan (2013), "Vận dụng phương pháp thảo luận nhóm trong dạy học môn Giáo dục công dân ở trường THPT", *Tạp chí Giáo dục*, số 312/2013, tr37.
71. Lại Thế Tuyên (2011), *Kĩ năng làm việc đồng đội*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
72. Thái Duy Tuyên (1999), *Những vấn đề cơ bản GD hiện đại,* NXB GD, Hà Nội.
73. Thái Duy Tuyên (2010), *Phương pháp dạy học truyền thống và đổi mới*, NXB Giáo dục Việt Nam.
74. Thông tư 48 /2012/TT-BGDĐT (2012), *Đề cương chi tiết 11 môn học dự bị đại học*, Hà Nội.
75. T. A. Cairop (Tổng chủ biên), N. K. Gôn-sa-rốp, B. P. Ét-si-pốp, L. V. Dan-cốp (1959), *Giáo dục học tập II*, NXB Giáo dục.
76. Nguyễn Đức Vũ (2007), *Kỹ thuật dạy học Địa lí ở trường phổ thông*, NXB Giáo dục.
77. Wilbert J. McKeachie (1999), *Những thủ thuật trong dạy học*, Dịch và hiệu đính bởi Dự án Việt - Bỉ năm 2002.

Tiếng Anh

78. AliceMerab Kagoda (2009), *Teaching and Learning Geography Through Small Group Discussions*,Current Research Journalof SocialSciences 1(2): 27-32, 2009 ISSN: 2041-3246 © M axwell Scientific Organization, 2009. Submitted Date: July 22, 2009 Accepted Date: August09, 2009 Published Date: September 07, 2009.
79. Bandura (1977), A. Social Learning Theory, Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall Regents.
80. Clark Gordon; Wareham Terry (1990), *Small-group Teaching in Geography (Good Teaching, Learning & Assessment Practices in Geography)*, Published by Cheltenham & Gloucester College of Higher Ecucation,Geography Discipline Network (1998-09).
81. Cleleste M. Brody and Nell Davidson (1998), *Professional Development for Cooperative Learning. Issues and Approac*, State University of New York Press.
82. David Lambert and David Balderstone (2000),*Learning to teach Geography in the Secondary School*ByRoutledge Falmer, LonDon and NewYork.

83. Gordon Clark and Terry Wareham, *Small group Teaching: A guide*, Lancaster University, Uk.
84. Liu, S and Dall'Alba, "G. Learning intercultural communication through group work oriented to the world beyond the classroom". *Aassessment & evaluation in higher education*, Issn 0260-2938, 2012, Volume 37,ssue 1, pp. 19 – 32
85. Michael Boyle, *"Teachers' reflections on cooperative learning: Issues of implementation"*, Teaching and Teacher Education, Volume 26, Issue 4, May 2010, pp. 933–940.
86. Ming Ming Chiu, "*Adapting Teacher Interventions to Student Needs During Cooperative Learning: How to Improve Student Problem solving and Time On-Task"*, American Educational Research Journal, Summer 2004, Vol. 41. No.2, pp. 365 – 399.
87. Lawrence Lyman& Harvey Foyle (1991), Teaching Geography Using Cooperative Learning, Journal of Geography Volume 90, Issue 5, 1991.
88. Robyn M. Gillies & Adrian Ashman (2003), *Co-operative Learning - The social and intellectual outcomes of learning in group*, Routledge Taylor & Francis Group, London and New York.
89. Robyn M. Gillies, Adrian Ashman, Jan Terwel (2008), *The Tearcher's Role in Implementing Cooperative Learning in the Classroom*, Springer Scien + Business Media, New York.
90. Vicky Gunn (2007) *Approaches to Small Group Learning and Teaching* Learning and Teaching Centre, University of Glasgow Southpark House, Uk.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: PHIẾU ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT

PHIẾU HỎI Ý KIẾN GV DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC VÀ THPT

Để nâng cao hiệu quả chất lượng giảng dạy môn Địa lí cho HS dân tộc ở các trường Dự bị đại học dân tộc, chúng tôi quan tâm tới việc sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm của giáo viên trong giảng dạy. Vì thế, chúng tôi rất mong nhận được ý kiến của các thầy cô về vấn đề này.

Xin quý thầy (cô) hãy điền một số thông tin cá nhân và khoanh tròn hoặc hoặc đánh dấu (x) vào lựa chọn mà thầy (cô) cho là phù hợp.

Chân thành cảm ơn sự hợp tác của quý thầy cô!

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Câu	Nội dung	Mã số
GT101	Họ và tên:	
GT102	Giới tính: **1. Nam 0, Nữ**	[__]
GT103	Năm sinh	
GT104	Tên trường công tác:	
GT105	Thâm niên giảng dạy: **1. < 5 năm; 2. 5-10 năm; 3. > 10 năm**	[__]
GT106	Ngày tháng năm phỏng vấn:	_____/____/2015

B. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu	Nội dung	Mã số
GD201	Mức độ sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong các giờ học Địa lí ở trường của các thầy (cô) như thế nào? *(1 lựa chọn).*	**1.** Rất thường xuyên **2.** Thường xuyên **3.** Thi thoảng **4.** Chưa bao giờ sử dụng **5.** Chỉ sử dụng khi dự giờ thao giảng, thi giảng
GD202	Theo các thầy (Cô) việc sử dụng PPDH theo nhóm trong dạy học Địa lí mang lại hiệu quả như thế nào? *(1 lựa chọn)*	**1.** Rất hiệu quả **2.** Hiệu quả **3.** Bình thường **4.** Ít hiệu quả **4.** Không hiệu quả
GD203	Khi sử dụng PPDH hợp tác hợp tác theo nhóm trong dạy học các Thầy (Cô) có thấy thuận lợi trong giảng dạy không? *(1 lựa chọn)*	**1.** Rất thuận lợi **2.** Thuận lợi **3.** Bình thường **4.** Ít thuận lợi **5.** Không thuận lợi

GD204	Theo Thầy (Cô), học sinh có tích cực học tập khi giáo viên sử dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm trong quá trình giảng dạy không ? *(1 lựa chọn)*	**1.** Rất hứng thú **2.** Hứng thú **3.** Bình thường **4.** Ít hứng thú **5.** Không hứng thú
GD205	Theo các thầy (Cô), việc vận dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm trong giảng dạy Địa lí có các ưu điểm nổi bật như: *(nhiều lựa chọn)*	**1.** Tạo ra những thành công trong học tập **2.** Nâng cao năng lực hợp tác giữa học sinh với nhau **3.** Tích cực, sáng tạo trong học tập, phát triển năng lực hòa nhập xã hội **4.** Tăng cường năng lực tư duy phê phán và thái độ tích cực với môn học, tạo ra tâm lí lành mạnh, yêu thương lẫn nhau và trách nhiệm
GD206	Các Thầy (cô) thường sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong dạy học Địa lí để làm gì? *(Chọn lựa chọn mà Thầy (Cô) cho là quan trọng nhất)*	**1.** Gây hứng thú cho học sinh **2.** Rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo cho học sinh **3.** Đổi mới PPDH bộ môn, phù hợp với nội dung nhận thức bài học **4.** Phát triển các năng lực giao tiếp, hợp tác… cho học sinh
GD207	Cách thức chia nhóm hợp tác của thầy (Cô) thường sử dụng khi giảng dạy Địa lí trên lớp? *(1 lựa chọn)*	**1.** Chia theo vị trí các tổ của lớp học **2**. Chia theo bàn học **3.** Chia ngẫu nhiên **4.** Chia có kỹ thật thảo luận
GD208	Với chủ đề thảo luận: "*Tại sao đồng bằng sông Cửu Long cần phải sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên*?" (Phần III: Địa lí Việt Nam - Chương trình Địa lí dự bị), Thầy (Cô) sẽ sử dụng kỹ thuật thảo luận nhóm nào mà Thầy (Cô) cho là phù hợp nhất trong các kỹ thuật sau: *(1 lựa chọn)*	**1**.Kỹ thuật "các mảnh ghép" **2.**Kỹ thuật "khăn trải bàn" **3.**Kỹ thuật XYZ **4.**Kỹ thuật "ủng hộ - phản đối"

GD209	Thầy (cô) tự đánh giá, kĩ năng vận dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm trong giảng dạy của mình như thế nào? *(1 lựa chọn)*	**1.** Rất thành thạo **2.** Thành thạo **3.** Bình thường **4**. Cần bồi dưỡng thêm
GD210	Thầy (cô) đã tham dự khoá học nào về sử dụng các kỹ thuật trong phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm trong dạy học Địa lý chưa ? *(1 lựa chọn)*	**1.** Chưa tham dự khoá nào **2.** 2 khoá **3.** Trên 2 khoá **4.** 1 khoá
GD211	Nhà trường và Tổ bộ môn có ủng hộ cho thầy (cô) sử dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm trong giảng dạy không? *(1 lựa chọn)*	**1.** Rất ủng hộ **2.** Ủng hộ **3.** Bình thường **4.** Ít ủng hộ **5.** Không ủng hộ

GD212. Các thầy (cô) đã sử dụng các kỹ thuật dạy học hợp tác nhóm sau như thế nào? (*nhiều lựa chọn*)

Các kỹ dạy học theo nhóm	**Mức độ sử dụng**					**Mức độ hiệu quả**				
	5	4	3	2	1	5	4	3	2	1
1.Kỹ thuật *"Các mảnh ghép"*										
2.Kỹ thuật *"Khăn trải bàn"*										
3.Kỹ thuật *XYZ*										
4.Kỹ thuật *"Ủng hộ - phản đối"*										

<u>Mã hóa</u>: *Mức độ sử dụng/ Mức độ hiệu quả*

5: *Rất thường xuyên/ rất hiệu quả* **4**: *Thường xuyên/ hiệu quả*

3:*Thi thoảng/bình thường* **2.** *Hiếm khi/ ít hiệu quả* ***1***: *Không bao giờ/ không hiệu quả*

GD213. Khi sử dụng PPDH hợp tác nhóm, các thầy (cô) thường tiến hành theo trình tự các bước như thế nào?

……

……

……

GD214. Theo thầy (cô), để tạo nên sự thành công trong việc sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm thì GV cần quan tâm tới những yếu tố quan trọng nào?

……

……

GD215. Khó khăn lớn nhất của Thầy (cô) khi sử dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm trong dạy học Địa lí cho học sinh là gì? (*Một lí do quan trọng nhất)*

……

……

……

……

GD216. Các Thầy (cô) có đề xuất gì về việc nâng cao trình độ chuyên môn trong việc vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí?

……

……

……

……

Xin chân thành cảm ơn quý thầy cô !

PHIẾU HỎI Ý KIẾN HỌC SINH DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC TRƯỚC THỰC NGHIỆM

Để nâng cao hiệu quả học tập Địa lí ở trường Dự bị đại học dân tộc, chúng tôi quan tâm tới việc sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm của giáo viên trong giảng dạy và học tập của học sinh trong trường. Vì thế, chúng tôi rất mong nhận được ý kiến của các anh (chị) về vấn đề này.

Xin anh(chị) hãy điền một số thông tin cá nhân và khoanh tròn hoặc đánh dấu (x) vào lựa chọn mà anh (chị) cho là phù hợp. Cảm ơn rất nhiều về sự hợp tác của anh (chị)!

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Câu	Nội dung	Mã số
HT101	Họ và tên:	
HT102	Giới tính: **1. Nam 0, Nữ**	[__]
HT103	Năm sinh	
HT104	Dân tộc: **1. Tày**; **2. Nùng**; **3. Mường**; **4. Dao**; **5. Dân tộc khác**	[__]
HT105	Tên trường cấp 3 cũ, tỉnh	
HT106	Ngày tháng năm phỏng vấn:	_____/____/2015

B. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu	Nội dung	Mã số
HT201a	Anh/ chị có được học tập thông qua phương pháp hợp tác theo luận nhóm trong các giờ học Địa lí ở Trường phổ thông không ?	**1.** Có **2.** Không
HT201b	Trong các giờ học Địa lí ở Trường phổ thông, anh/chị nhận thấy mức độ học tập thông qua PP hợp tác thảo luận nhóm như thế nào? *(1 lựa chọn).*	**1.** Rất thường xuyên **2.** Thường xuyên **3.** Thi thoảng **4.** Hiếm khi được học **5.** Chưa bao giờ được học
HT202	Anh/chị được học Địa lí thông qua hoạt động thảo luận nhóm ở nhà trường phổ thông trong các trường hợp nào? *(1 lựa chọn)*	**1.** Chỉ được tham gia thảo luận khi có thầy cô dự giờ hoặc trong khi thi giảng, hội giảng của thầy cô giáo. **2.**Trong giờ học thông thường trên lớp **3.** Khác
HT203	Trong các giờ học thảo luận theo nhóm, anh/chị có được bày tỏ quan điểm của mình trước các thành viên khác trong nhóm không hay phân công công việc trong nhóm chỉ tập trung vào tập trung vào cá nhân xuất sắc *(1 lựa chọn)*	**1.** Được làm việc và bày tỏ quan điểm **2.** Chỉ tập trung vào cá nhân xuất sắc **3.** Chưa bao giờ được báo cáo, bày tỏ ý kiến bản thân **4.** Khác

HT204	Theo anh (chị) những hạn chế của bản thân khi tham gia học tập theo nhóm trong quá trình học tập Địa lí ở trường phổ thông là? *(nhiều lựa chọn)*	**1.** Ngại giao tiếp và chia sẽ thông tin học tập **2.** Chưa quen với cách học theo nhóm **3.** Không được giáo viên động viên, hướng dẫn về kĩ năng làm việc nhóm **4.** Nhóm quá đông nên không thể tham gia **5.** Khác biệt về văn hóa, thành phần dân tộc
HT205	Theo anh/chị hoạt động hợp tác theo nhóm trong quá trình học tập Địa lí ở trường phổ thông có hiệu quả không? *(1 lựa chọn)*	**1.** Rất hiệu quả **2.** Hiệu quả **3.** Bình thường **4.** Ít hiệu quả **5.** Không hiệu quả
HT206	Sự gắn kết giữa các thành viên trong nhóm của anh/chị trong các giờ học Địa lí ở trường phổ thông: *(1 lựa chọn)*	**1.** Đoàn kết, giúp đỡ và chia sẻ với nhau trong học tập **2.** Bình thường **3.** Rời rạc, không gắn kết, bất đồng ý kiến **4.** Ý kiến khác……
HT207	Theo anh/chị nguyên nhân của việc học tập Địa lí theo nhóm ở trường phổ thông không hiệu quả là do: *(nhiều lựa chọn)*	**1.** Giáo viên chia nhóm học tập chỉ là hình thức **2**. Giáo viên không dạy các kỹ năng làm việc nhóm **3.** Nhóm quá đông, bản thân không có cơ hội làm việc trao đổi **4.** Thời gian trao đổi, thảo luận quá ngắn **5.** Chủ đề thảo luận không hấp dẫn **6.** Thiếu phương tiện học tập **7.** Khác
HT208	Bản thân anh/chị có cảm thấy tự tin bày tỏ quan điểm, ý kiến cá nhân trước tập thể lớp, giáo viên hay trước đám đông không ? *(1 lựa chọn)*	**1.** Rất tự tin **2.** Tự tin **3.** Bình thường **4.** Không tự tin, ngại, sợ nói sai và cần rèn luyện thêm **5.** Sẽ làm được khi được rèn luyện, khuyến khích

HT209	Theo anh/chị cảm nhận quá trình học tập theo nhóm ở trường phổ thông có hình thành các kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng báo cáo, giao tiếp, tinh thần chia sẻ hợp tác, trách nhiệm, sự tự tin của bản thân hay không ?	**1.** Có **2.** Không
HT210	Trong thời gian học ở Trường phổ thông, anh/chị có tham gia hoạt động công tác Đoàn hay không?	**1.** Có **2.** Không

Xin chân thành cảm ơn !

PHIẾU HỎI Ý KIẾN HỌC SINH DỰ BỊ DÂN TỘC SAU THỰC NGHIỆM

Để nâng cao hiệu quả học tập Địa lí ở trường Dự bị đại học dân tộc, chúng tôi quan tâm tới việc sử dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm của giáo viên trong giảng dạy và học tập của học sinh trong trường. Vì thế, chúng tôi rất mong nhận được ý kiến của các anh (chị) về vấn đề này.

Xin anh(chị) hãy điền một số thông tin cá nhân và khoanh tròn hoặc đánh dấu (x) vào lựa chọn mà anh (chị) cho là phù hợp. Cảm ơn rất nhiều về sự hợp tác của anh (chị)!

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Câu	Nội dung	Mã số
HT101	Họ và tên:	
HT102	Giới tính: **1. Nam 0, Nữ**	[__]
HT103	Năm sinh	
HT104	Dân tộc: **1. Tày**; **2. Nùng**; **3. Mường**; **4. Dao**; **5. Dân tộc khác**	[__]
HT105	Tên trường cấp 3 cũ, tỉnh	
HT106	Ngày tháng năm phỏng vấn:	_____/____/2015

B. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu	Nội dung	Mã số
HS201	Em cảm thấy việc học tập hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí ở trường Dự bị có cần thiết không? *(1 lựa chọn).*	**1.** Rất cần thiết **2.** Cần thiết **3.** Bình thường **4.** Không cần thiết
HS202	Anh/ chị thường làm việc theo nhóm như thế nào? *(Nhiều lựa chọn)*	**1.** Tích cực phát biểu, trình bày quan điểm **2.** Điều chỉnh, từ bỏ quan điểm của mình nếu sai **3.** Tích cực tiếp thu ý kiến, đưa ra nhận xét xác đáng với nhóm **4.** Có tinh thần tập thể, giúp đỡ bạn trong nhóm
HS203	Trong các giờ học Địa lí ở trường Dự bị theo hình thức hợp tác theo nhóm, anh/chị có được bày tỏ quan điểm của mình trước các thành viên khác trong nhóm không hay phân công công việc trong nhóm chỉ tập trung vào các các nhân xuất sắc? *(1 lựa chọn)*	**1.** Được làm việc, báo cáo và tự do bày tỏ quan điểm **2.** Chỉ tập trung vào các cá nhân xuất sắc **3.** Rất ít được báo cáo, bày tỏ quan điểm **4.** Chưa bao giờ được báo cáo, bày tỏ quan điểm

HS204	Anh/chị nhận thấy sự gắn kết giữa các thành viên trong nhóm anh/chị trong các giờ học Địa lí như thế nào? *(1 lựa chọn)*	**1.** Đoàn kết, giúp đỡ và chia sẻ với nhau trong học tập **2.** Bình thường **3.** Rời rạc, không gắn kết, bất đồng ý kiến **4.** Ý kiến khác……
HS205	Sau quá trình được làm việc, học tập trong các nhóm anh/chị có cảm thấy tự tin bày tỏ quan điểm, ý kiến cá nhân trước tập thể lớp, giáo viên hay không? (1 lựa chọn)	**1.** Rất tự tin **2.** Tự tin **3.** Bình thường **4.** Không tự tin, ngại, sợ nói sai và cần rèn luyện thêm **5.** Sẽ làm được khi được rèn luyện, khuyến khích thêm
HS206	Ở trường Dự bị khi được học tập Địa lí thông qua trao đổi, thảo luận họp tác theo nhóm bản thân anh/chị cảm thấy? *(1 lựa chọn)*	**1.** Rất hứng thú và tích cực tham gia trao đổi **2.** Hứng thú **3.** Bình thường **4.** Ít hứng thú **5.** Không hứng thú
HS207	Theo các anh (chị) việc sử dụng phương pháp hợp tác nhóm trong quá trình học tập Địa lí ở trường Dự bị mang lại hiệu quả như thế nào ? *(1 lựa chọn)*	**1.** Rất hiệu quả **2**. Hiệu quả **3.** Bình thường **4.** Ít hiệu quả **5.** Không hiệu quả
HS208	Khi được học các nội dung của bài Địa lí thông qua trao đổi thảo luận nhóm, anh (chị) cảm thấy tâm thế học tập của bản thân mình như thế nào? *(1 lựa chọn)*	**1**. Tâm thế rất thoải mái, tự tin **2.** Cảm thấy thoải mái không căng thẳng **3.** Cảm thấy gò bó và căng thẳng
HS209	Được học tập Địa lí thông qua nhóm học tập anh/chị cảm thấy hiểu bài học ở mức độ nào? *(1 lựa chọn)*	**1.** Rất dễ hiểu **2.** Dễ hiểu **3.** Bình thường **4**. Khó hiểu và khó nhớ bài học
HS210	Theo anh (chị) những hạn chế của bản thân tham gia học tập theo nhóm trong quá trình học tập Địa lí ở trường Dự bị là? *(nhiều lựa chọn)*	**1.** Chưa quen với cách học theo nhóm **2.** Khác biệt về khả năng nhận thức giữa các thành viên trong nhóm **3.** Khác biệt về văn hóa thành phần dân tộc **4.** Không nhận được sự động viên khuyến khích của giáo viên

HS211. Hãy tự đánh giá về một số các năng lực của bản thân được hình thành sau khi tham gia học tập hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí ở trường Dự bị?

STT	Mức độ / Nội dung	1	2	3	4	5
1	Học tập hợp tác theo nhóm trong Địa lí đã giúp các anh/chị biết cách xác định và tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề học tập; giải quyết vấn đề, tình huống học tập hiệu quả không?					
2	Quá trình học tập hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí đã giúp hình thành và rèn luyện được các kỹ năng như giao tiếp, hợp tác ở mức độ nào?					
3	Học tập hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí đã giúp hình thành và rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng báo cáo, giải quyết vấn đề ở mức độ nào?					

Mã hóa:

5.Rất hiệu quả **4**.Hiệu quả **3.**Bình thường **2**.Ít hiệu quả **1**.Không hiệu quả

HS212. Anh(chị) hãy đưa ra đề xuất để việc học tập hợp tác theo nhóm trong quá trình học tập Địa lí ở trường Dự bị đại học dân tộc hiện nay mang lại hiệu quả tích cực hơn cho các khóa học tiếp sau không?

...……

……

……

……

Xin chân thành cảm ơn !

PHIẾU ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC HỢP TÁC THEO NHÓM

Tên nhóm:.....

Nội dung trình bày của nhóm:.....

Các thành viên trong nhóm:.....

.....

.....

Thang điểm: 5 = Xuất sắc 4 = Tốt 3 = Khá 2 = Yếu 1 = Kém

(Khoanh tròn điểm cho từng mục)

Tiêu chí	**Yêu cầu**		**Điểm**				
Thái độ học tập	1	Tuân thủ theo sự điều hành của GV	1	2	3	4	5
	2	Tích cực, tự giác trong khi làm việc	1	2	3	4	5
Bố cục	3	Cấu trúc mạch lạc, lôgic	1	2	3	4	5
Nội dung	4	Nội dung chính rõ ràng, khoa học, có sự liên kết	1	2	3	4	5
	5	Có sự liên hệ thực tế	1	2	3	4	5
	6	Sử dụng kiến thức của nhiều môn học	1	2	3	4	5
Lời nói, cử chỉ	7	Ngôn ngữ diễn đạt rõ ràng, khúc triết và dễ hiểu	1	2	3	4	5
	8	Tốc độ trình báo cáo vừa phải	1	2	3	4	5
	9	Người trình bày thể hiện được cảm hứng, nhiệt tình và sự tự tin khi trình bày	1	2	3	4	5
Thiết kế sản phẩm	10	Thiết kế sản phẩm sáng tạo, độc đáo, trực quan và thẩm mĩ cao	1	2	3	4	5
Tổ chức, tương tác	11	Cách dẫn dắt vấn đề thu hút sự chú ý	1	2	3	4	5
	12	Thể hiện được vai trò của các thành viên trong nhóm và có nhiều thành viên trong nhóm tham gia trình bày	1	2	3	4	5
	13	Trả lời được các câu hỏi của nhóm khác	1	2	3	4	5
	14	Phân bố thời gian hợp lí	1	2	3	4	5
	15	Có điểm mới để nhóm khác học tập	1	2	3	4	5
Kết quả	16	Sản phẩm đạt yêu cầu, có chất lượng	1	2	3	4	5

Điểm trung bình:.....(Cộng tổng điểm chia cho 16)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ CÁ NHÂN TRONG HỢP TÁC NHÓM CỦA HỌC SINH

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Câu	Nội dung	Mã số
HSHT101	Họ và tên:	
HSHT102	Giới tính: **1. Nam 0. Nữ**	[__]
HSHT103	Năm sinh:	
HSHT104	Dân tộc: **1. Tày**; **2. Nùng**; **3. Mường**; **4. Dao**; **5. Dân tộc khác**	[__]

B. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

HSHT105. Hãy đánh giá sự đóng góp của em trong nhóm theo thang điểm từ 0 đến 4 (4 là điểm cao nhất)

4 điểm: Có những đóng góp rất quan trọng (đối với tất cả các phần của thảo luận và trong tất cả các giai đoạn để hoàn thành kết quả chung của nhóm; tạo điều kiện hỗ trợ công việc của các bạn khác trong nhóm mà không làm thay).

3 điểm: Có đóng góp có ý nghĩa (đưa ra những gợi ý quan trọng và giúp đỡ các bạn khác một cách có hiệu quả; có vai trò tác động đến tất cả các phần của quá trình hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung của nhóm).

2điểm: Có một số đóng góp (đưa ra một số gợi ý hữu ích, giúp những người khác nghiên cứu, giải quyết vấn đề, và đóng góp cho việc hoàn thành nhiệm vụ chung của nhóm).

1điểm: Có đóng góp nhỏ (đưa ra ít nhất một gợi ý hữu ích, đôi khi giúp đỡ người khác, lãng phí ít thời gian, có vai trò nhỏ trong việc thực hiện nhiệm vụ chung của nhóm).

0 điểm: Không có đóng góp thực sự nào (không đưa ra gợi ý gì, không giúp đỡ ai, không hoàn thành việc được nhóm giao, lãng phí thời gian, cản trở hoạt động của nhóm).

Khoanh tròn số điểm của em: 0 1 2 3 4

HSHT106. Hãy cho điểm từng bạn trong nhóm của mình theo thang điểm từ 0 đến 4 điểm như trên:

Bạn: .....:……điểm
Bạn: .....:……điểm
Bạn: .....:……điểm
Bạn: .....:……điểm
Bạn: .....:……điểm
Bạn: .....:……điểm
Bạn: .....:……điểm

Câu	Nội dung	Mã số
HSHT07	Trong giờ thảo luận hợp tác, bản thân em tham gia đóng góp bao nhiêu ý kiến để hoàn thành nhiệm vụ học tập chung của nhóm?	1. Từ hai ý kiến trở lên 2. Một ý kiến 3. Không có ý kiến gì
HSHT08	Để hoàn thành nhiệm vụ hợp tác chung trong nhóm bản thân em có trao đổi, giúp đỡ, chia sẻ với các bạn cùng nhóm hay nhận được sự giúp đỡ chia sẻ từ các bạn trong nhóm không?	1. Tích cực trao đổi, chia sẻ trong nhóm 2. Giúp đỡ và nhận sự giúp đỡ từ các bạn trong nhóm 3. Cá nhân làm việc riêng lẻ, không chia sẻ
HSHT9	Em có tham gia vào quá trình báo cáo sản phẩm chung của nhóm không?	1. Có báo cáo 2. Chưa đủ tự tin để báo cáo 3. Không quan tâm, ai báo cáo cũng được
HSHT10	Khó khăn lớn nhất của em trong giờ học nhóm này là gì?	1. Ngại trao đổi, chia sẻ 2. Không hiểu biết về nội dung 3. Hướng dẫn của GV chưa rõ ràng
HSHT11	Trong giờ học ở nhóm bản thân em đánh giá mình làm việc như thế nào?	1. Rất tập trung 2. Tập trung được một nửa 3. Hoàn toàn không tập trung
HSHT12	Bản thân em đã học tập được điều gì trong giờ học nhóm?	1. Kiến thức địa lí 2. Kỹ năng làm việc nhóm và trách nhiệm với công việc chung 3. Tự tin, đoàn kết và chia sẻ
HSHT13	Em tự nhận thấy bản thân mình làm được tốt nhất điều gì trong giờ hợp tác nhóm đó?	1. Quản lí tổ chức nhóm thảo luận và báo cáo 2. Lắng nghe, ghi chép các ý kiến trong nhóm 3. Chia sẻ, trao đổi ý kiến trong nhóm 4. Chưa xác định rõ
HSHT14	Sự hỗ trợ nào là cần thiết đối với em trong quá trình hợp tác làm việc theo nhóm?	1. Quan tâm hỗ trợ từ GV 2. Từ các thành viên trong nhóm 3. Kĩ năng làm việc nhóm và tư liệu học tập

PHỤ LỤC 2: KẾT QUẢ ĐIỀU TRA KHẢO SÁT, THỰC NGHIỆM

Kết quả khảo sát nhận thức của HS về việc học tập HTTN trước TN

Câu hỏi	Nội dung	Ý kiến HS (%)
1. Trường phổ thông trong các giờ học Địa lí có được học HTTN không.	1. Có	77.5
	2. Không	22.5
2. Tần suất học tập HTTN Trong các giờ học Địa lí ở trường phổ.	1. Rất thường xuyên	3.0
	2. Thường xuyên	15.0
	3. Thi thoảng	39.0
	4. Hiếm khi được học	22.0
	5. Chưa bao giờ được học	23.0
3. Khi nào thì được học tập HTTN.	1. Chỉ được tham gia thảo luận khi có thầy cô dự giờ hoặc trong khi thi giảng, hội giảng của thầy cô giáo.	74.0
	2. Trong giờ học thông thường trên lớp	26.0
4. Vai trò các nhân trong quá trình làm việc nhóm trong các giờ học ở phổ thông.	1. Được làm việc và bày tỏ quan điểm	9.0
	2. Chỉ tập trung vào cá nhân xuất sắc	50.0
	3. Chưa bao giờ được báo cáo, bày tỏ ý kiến bản thân	41.0
5. Hạn chế của bản thân khi tham gia học tập theo nhóm trong quá trình học tập Địa lí ở trường phổ thông.	1. Ngại giao tiếp và chia sẽ thông tin học tập	83.0
	2. Chưa quen với cách học theo nhóm	75.0
	3. Không được giáo viên động viên, hướng dẫn về kĩ năng làm việc nhóm	62.5
	4. Nhóm quá đông nên không thể tham gia	70.8
6. Tính hiệu quả của HTTN trong quá trình học tập Địa lí ở trường phổ thông.	1. Rất hiệu quả	4.0
	2. Hiệu quả	14.8
	3. Bình thường	27.0
	4. Ít hiệu quả	48.8
	5. Không hiệu quả	5.4

7. Sự gắn kết giữa các thành viên trong nhóm trong các giờ học Địa lí ở trường phổ thông.	1. Đoàn kết, giúp đỡ và chia sẻ với nhau trong học tập	7.9
	2. Bình thường	30.0
	3. Rời rạc, không gắn kết, bất đồng ý kiến	59.0
	4. Ý kiến khác	3.1
8. Nguyên nhân của việc học tập Địa lí theo nhóm ở trường phổ thông không hiệu quả.	1. Giáo viên chia nhóm học tập chỉ là hình thức	77.0
	2. Nhóm quá đông, bản thân không có cơ hội làm việc trao đổi	87.5
	3. Thời gian trao đổi, thảo luận quá ngắn	95.8
	4. Chủ đề thảo luận không hấp dẫn	62.5
	5. Thiếu phương tiện học tập	60.4
9. Có tự tin bày tỏ quan điểm, ý kiến cá nhân trước tập thể lớp, GV hay trước đám đông.	1. Rất tự tin	3.0
	2. Tự tin	15.0
	3. Bình thường	2.9
	4. Không tự tin, ngại, sợ nói sai và cần rèn luyện thêm	50.0
	5. Sẽ làm được khi được rèn luyện, khuyến khích	29.1
10. Quá trình học tập theo nhóm ở trường phổ thông có hình thành các kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng báo cáo, giao tiếp, tinh thần chia sẻ hợp tác, trách nhiệm, sự tự tin của bản thân.	1. Có	29.1
	2. Không	70.9

Kết quả khảo sát nhận thức, đánh giá của HS về tính hiệu quả của quá trình học tập HTTN

Câu hỏi	Nội dung	Ý kiến HS (%)
1. Việc học tập HTTN trong môn Địa lí ở trường Dự Bị có cần thiết không.	1. Rất cần thiết	78.3
	2. Cần thiết	
	3. Bình thường	12.1
	4. Không cần thiết	7.6
2. Thường làm việc theo nhóm như thế nào.	1. Tích cực phát biểu, trình bày quan điểm	78.7
	2. Điều chỉnh, từ bỏ quan điểm của mình nếu sai	68.1
	3. Tích cực tiếp thu ý kiến, đưa ra nhận xét xác đáng với nhóm	53,03
	4. Có tinh thần tập thể, giúp đỡ bạn trong nhóm	83.3
3. Bày tỏ quan điểm của mình trước các thành viên khác trong nhóm không hay phân công công việc trong nhóm chỉ tập trung vào các các nhân xuất sắc.	1. Được làm việc, báo cáo và tự do bày tỏ quan điểm	78.8
	2. Chỉ tập trung vào các cá nhân xuất sắc	10.6
	3. Rất ít được báo cáo, bày tỏ quan điểm	7.6
	4. Chưa bao giờ được báo cáo, bày tỏ quan điểm	3.0
4. Sự gắn kết giữa các thành viên trong nhóm.	1. Đoàn kết, giúp đỡ và chia sẻ với nhau trong học tập	80.33
	2. Bình thường	13.61
	3. Rời rạc, không gắn kết, bất đồng ý kiến	6.12
5. Tự tin bày tỏ quan điểm, ý kiến cá nhân trước tập thể lớp, giáo viên.	1. Rất tự tin	13.64
	2. Tự tin	48.5
	3. Bình thường	12.1
	4. Không tự tin, ngại, sợ nói sai và cần rèn luyện thêm	25.8
6. Học tập Địa lí thông qua trao đổi, thảo luận HTTN bản thân cảm thấy.	1. Rất hứng thú và tích cực tham gia trao đổi	69.7
	2. Hứng thú	3.0

	3. Bình thường	13.6
	4. Ít hứng thú	7.6
	5. Không hứng thú	6.1
7. Việc sử dụng phương pháp HTTN trong quá trình học tập Địa lí ở trường Dự bị mang lại hiệu quả như thế nào.	1. Rất hiệu quả	3.0
	2. Hiệu quả	71.2
	3. Bình thường	13.6
	4. Ít hiệu quả	9.1
	5. Không hiệu quả	3.0
8. Tâm thế học tập của bản thân khi học nhóm.	1. Tâm thế rất thoải mái, tự tin	16.7
	2. Cảm thấy thoải mái không căng thẳng	74.2
	3. Cảm thấy gò bó và căng thẳng	6.1
9. Thông qua nhóm học tập cảm thấy hiểu bài học ở mức độ nào.	1. Rất dễ hiểu	6.1
	2. Dễ hiểu	80.3
	3. Bình thường	13.6
10. Những hạn chế khi học tập HTTN nhóm trong quá trình học tập Địa lí ở trường Dự Bị.	1. Chưa quen với cách học theo nhóm	81.8
	2. Khác biệt về khả năng nhận thức	10.6
	3. Khác biệt về văn hóa thành phần dân tộc	4.5
	4. Không nhận được sự động viên khuyến khích của giáo viên	3.0
11. Học tập HTTN giúp các xác định và tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề học tập; giải quyết vấn đề, tình huống học tập.	1. Không hiệu quả	4.5
	2. Ít hiệu quả	10.6
	3. Bình thường	16.7
	4.Hiệu quả	50.0
	5. Rất hiệu quả	18.0
12. Quá trình học tập hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí giúp hình thành và rèn luyện được các kỹ năng như giao tiếp, hợp tác.	1. Không hiệu quả	3.0
	2. Ít hiệu quả	6.1
	3. Bình thường	19.7
	4. Hiệu quả	57.6
	5. Rất hiệu quả	13.6
13. Học tập HTTN đã giúp hình thành và rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng báo cáo, giải quyết vấn đề.	1. Không hiệu quả	4.5
	2. Ít hiệu quả	7.6
	3. Bình thường	9.1
	4.Hiệu quả	39.4
	5. Rất hiệu quả	39.4

Kết quả khảo sát đánh giá của GV về quá trình sử dụng phương pháp dạy học HTTN

Câu hỏi	Nội dung	Ý kiến GV (%)
Tần suất sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong các giờ học Địa lí.	1. Rất thường xuyên	0
	2. Thường xuyên	10
	3. Thi thoảng	20
	4. Chỉ sử dụng khi dự giờ thao giảng, thi giảng	70
Theo các thầy (Cô) việc sử dụng PPDH theo nhóm trong dạy học Địa lí mang lại hiệu quả như thế nào.	1. Rất hiệu quả	15
	2. Hiệu quả	60
	3. Ít hiệu quả	10
	4. Không hiệu quả	15
Khi sử dụng PPDH hợp tác hợp tác theo nhóm trong dạy học các Thầy (Cô) có thấy thuận lợi trong giảng dạy không.	1. Rất thuận lợi	20
	2. Thuận lợi	40
	4. Ít thuận lợi	20
	5. Không thuận lợi	20
Học sinh có tích cực, hứng thú học tập khi giáo viên sử dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm trong quá trình giảng dạy không.	1. Rất hứng thú	78
	2. Hứng thú	
	4. Ít hứng thú	12
	5. Không hứng thú	10
Việc vận dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm trong giảng dạy Địa lí có các ưu điểm nổi bật.	1. Tạo ra những thành công trong học tập	70
	2. Nâng cao năng lực hợp tác giữa học sinh với nhau	80
	3. Tích cực, sáng tạo trong học tập, phát triển năng lực hòa nhập xã hội	75
	4. Tăng cường năng lực tư duy phê phán và thái độ tích cực với môn học, tạo ra tâm lí lành mạnh, yêu thương lẫn nhau và trách nhiệm	67
Mục đích sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong dạy học Địa lí.	1. Gây hứng thú cho học sinh	40
	2. Rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo cho học sinh	70
	3. Đổi mới PPDH bộ môn, phù hợp với nội dung nhận thức bài học	45
	4. Phát triển các năng lực giao tiếp, hợp tác… cho học sinh	85

Cách thức chia nhóm hợp tác của khi giảng dạy Địa lí trên lớp.	1. Chia theo vị trí các tổ của lớp học	7
	2. Chia theo bàn học	83
	3. Chia ngẫu nhiên	5
	4. Chia có kỹ thật thảo luận	5
Với chủ đề thảo luận: "*Tại sao đồng bằng sông Cửu Long cần phải sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên*?" Thầy (Cô) sẽ sử dụng kỹ thuật thảo luận nhóm nào mà Thầy (Cô) cho là phù hợp nhất trong các kỹ thuật sau.	1.Kỹ thuật "các mảnh ghép"	20
	2.Kỹ thuật "khăn trải bàn"	10
	3.Kỹ thuật XYZ	40
	4.Kỹ thuật "ủng hộ - phản đối"	30
Tự đánh giá, kĩ năng vận dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm trong giảng dạy của mình như thế nào.	1. Rất thành thạo	20
	2. Thành thạo	50
	4. Cần bồi dưỡng thêm	30
Tham dự khoá học về sử dụng các kỹ thuật trong phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm trong dạy học Địa lý.	1. 1 khoá	10
	2. Chưa tham dự khoá nào	90
Để tạo nên sự thành công trong việc sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm thì cần quan tâm tới những yếu tố quan trọng nào.	- Đối tượng HS - Nội dung thảo luận - Thời gian tiết học - Không gian lớp học	
Khó khăn lớn nhất của Thầy (cô) khi sử dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm trong dạy học Địa lí cho học sinh là gì.	- Lựa chọn nội dung để thảo luận. - Khó khăn trong quy trình tổ chức. - Khó khăn trong việc xác định các kỹ thuật thảo luận. - HS chưa có nhiều kĩ năng làm việc nhóm. - Khó khăn về không gian lớp học…	

Kết quả tự đánh giá quá trình học tập HTTN của HS sau mỗi bài thực nghiệm

Kết quả tự đánh giá quá trình hợp tác của HS sau bài TN1

Tiêu chí	Nội dung	Kết quả	
		HS	%
1. Hãy đánh giá sự đóng góp của em trong nhóm theo thang điểm từ 0 đến 4 (4 là điểm cao nhất)	4 điểm: Có những đóng góp rất quan trọng (đối với tất cả các phần của thảo luận và trong tất cả các giai đoạn để hoàn thành kết quả chung của nhóm; tạo điều kiện hỗ trợ công việc của các bạn khác trong nhóm mà không làm thay).	0	0
	3 điểm: Có đóng góp có ý nghĩa (đưa ra những gợi ý quan trọng và giúp đỡ các bạn khác một cách có hiệu quả; có vai trò tác động đến tất cả các phần của quá trình hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung của nhóm).	22	33.33
	2 điểm: Có một số đóng góp (đưa ra một số gợi ý hữu ích, giúp những người khác nghiên cứu, giải quyết vấn đề, và đóng góp cho việc hoàn thành nhiệm vụ chung của nhóm).	8	12.12
	1 điểm: Có đóng góp nhỏ (đưa ra ít nhất một gợi ý hữu ích, đôi khi giúp đỡ người khác, lãng phí ít thời gian, có vai trò nhỏ trong việc thực hiện nhiệm vụ chung của nhóm).	25	37.88
	0 điểm: Không có đóng góp thực sự nào (không đưa ra gợi ý gì, không giúp đỡ ai, không hoàn thành việc được nhóm giao, lãng phí thời gian, cản trở hoạt động của nhóm).	11	16.67
2. Trong giờ thảo luận hợp tác, bản thân em tham gia đóng góp bao nhiêu ý kiến để hoàn thành nhiệm vụ học tập chung của nhóm?	1. Từ hai ý kiến trở lên	22	33.33
	2. Một ý kiến	21	31.82
	3. Không có ý kiến gì	23	34.85
3. Để hoàn thành nhiệm vụ hợp tác chung trong nhóm bản	1. Tích cực trao đổi, chia sẻ trong nhóm	20	30.30
	2. Giúp đỡ và nhận sự giúp đỡ từ các bạn trong nhóm	13	19.70

thân em có trao đổi, giúp đỡ, chia sẻ với các bạn cùng nhóm hay nhận được sự giúp đỡ chia sẻ từ các bạn trong nhóm không?	3. Cá nhân làm việc riêng lẻ, không chia sẻ	46	69.70
4. Em có tham gia vào quá trình báo cáo sản phẩm chung của nhóm không?	1. Có báo cáo	10	15.15
	2. Chưa đủ tự tin để báo cáo	24	36.36
	3. Không quan tâm, ai báo cáo cũng được	32	48.48
5. Khó khăn lớn nhất của em trong giờ học nhóm này là gì?	1. Ngại trao đổi, chia sẻ	38	57.58
	2. Không hiểu biết về nội dung	16	24.24
	3. Hướng dẫn của GV chưa rõ ràng	26	39.39
6. Trong giờ học ở nhóm bản thân em đánh giá mình làm việc như thế nào?	1. Rất tập trung	20	30.30
	2. Tập trung được một nửa	30	45.45
	3. Hoàn toàn không tập trung	12	18.18
7. Bản thân em đã học tập được điều gì trong giờ học nhóm?	1. Kiến thức địa lí	66	100
	2. Kỹ năng làm việc nhóm và trách nhiệm với công việc chung	20	30.30
	3. Tự tin, đoàn kết và chia sẻ	14	21.21
8. Em tự nhận thấy bản thân mình làm được tốt nhất điều gì trong giờ hợp tác nhóm đó?	1. Quản lí tổ chức nhóm thảo luận và báo cáo	10	15.15
	2. Lắng nghe, ghi chép các ý kiến trong nhóm	20	30.30
	3. Chia sẻ, trao đổi ý kiến trong nhóm	0	0.00
	4. Chưa xác định rõ	36	54.55
9. Sự hỗ trợ nào là cần thiết đối với em trong quá trình hợp tác làm việc theo nhóm?	1. Quan tâm hỗ trợ từ GV	66	100
	2. Từ các thành viên trong nhóm	66	100
	3. Kĩ năng làm việc nhóm và tư liệu học tập	66	100

Kết quả tự đánh giá quá trình hợp tác của HS sau bài TN2

Tiêu chí	Nội dung	Kết quả	
		HS	%
1. Hãy đánh giá sự đóng góp của em trong nhóm theo thang điểm từ 0 đến 4 (4 là điểm cao nhất)	4 điểm: Có những đóng góp rất quan trọng (đối với tất cả các phần của thảo luận và trong tất cả các giai đoạn để hoàn thành kết quả chung của nhóm; tạo điều kiện hỗ trợ công việc của các bạn khác trong nhóm mà không làm thay).	0	0
	3 điểm: Có đóng góp có ý nghĩa (đưa ra những gợi ý quan trọng và giúp đỡ các bạn khác một cách có hiệu quả; có vai trò tác động đến tất cả các phần của quá trình hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung của nhóm).	33	50.00
	2 điểm: Có một số đóng góp (đưa ra một số gợi ý hữu ích, giúp những người khác nghiên cứu, giải quyết vấn đề, và đóng góp cho việc hoàn thành nhiệm vụ chung của nhóm).	24	36.16
	1 điểm: Có đóng góp nhỏ (đưa ra ít nhất một gợi ý hữu ích, đôi khi giúp đỡ người khác, lãng phí ít thời gian, có vai trò nhỏ trong việc thực hiện nhiệm vụ chung của nhóm).	9	13.64
	0 điểm: Không có đóng góp thực sự nào (không đưa ra gợi ý gì, không giúp đỡ ai, không hoàn thành việc được nhóm giao, lãng phí thời gian, cản trở hoạt động của nhóm).	0	0.00
2. Trong giờ thảo luận hợp tác, bản thân em tham gia đóng góp bao nhiêu ý kiến để hoàn thành nhiệm vụ học tập chung của nhóm?	1. Từ hai ý kiến trở lên	46	69.70
	2. Một ý kiến	50	75.76
	3. Không có ý kiến gì	11	16.67
3. Để hoàn thành nhiệm vụ hợp tác chung trong nhóm bản thân em có trao đổi,	1. Tích cực trao đổi, chia sẻ trong nhóm	58	87.88
	2. Giúp đỡ và nhận sự giúp đỡ từ các bạn trong nhóm	37	56.06
	3. Cá nhân làm việc riêng lẻ, không chia sẻ	10	15.15

giúp đỡ, chia sẻ với các bạn cùng nhóm hay nhận được sự giúp đỡ chia sẻ từ các bạn trong nhóm không?			
4. Em có tham gia vào quá trình báo cáo sản phẩm chung của nhóm không?	1. Có báo cáo	55	83.33
	2. Chưa đủ tự tin để báo cáo	12	18.18
	3. Không quan tâm, ai báo cáo cũng được	10	15.15
5. Khó khăn lớn nhất của em trong giờ học nhóm này là gì?	1. Ngại trao đổi, chia sẻ	13	19.70
	2. Không hiểu biết về nội dung	9	13.64
	3. Hướng dẫn của GV chưa rõ ràng	10	15.15
6. Trong giờ học ở nhóm bản thân em đánh giá mình làm việc như thế nào?	1. Rất tập trung	51	77.27
	2. Tập trung được một nửa	15	22.73
	3. Hoàn toàn không tập trung	0	0.00
7. Bản thân em đã học tập được điều gì trong giờ học nhóm?	1. Kiến thức địa lí	66	100
	2. Kỹ năng làm việc nhóm và trách nhiệm với công việc chung	43	65.15
	3. Tự tin, đoàn kết và chia sẻ	55	83.33
8. Em tự nhận thấy bản thân mình làm được tốt nhất điều gì trong giờ hợp tác nhóm đó?	1. Quản lí tổ chức nhóm thảo luận và báo cáo	25	37.88
	2. Lắng nghe, ghi chép các ý kiến trong nhóm	31	46.97
	3. Chia sẻ, trao đổi ý kiến trong nhóm	49	74.24
	4. Chưa xác định rõ	13	19.70
9. Sự hỗ trợ nào là cần thiết đối với em trong quá trình hợp tác làm việc theo nhóm?	1. Quan tâm hỗ trợ từ GV	40	60.61
	2. Từ các thành viên trong nhóm	66	100
	3. Kĩ năng làm việc nhóm và tư liệu học tập	*37*	56.06

Kết quả tự đánh giá quá trình hợp tác của HS sau bài TN3

Tiêu chí	Nội dung	Kết quả	
		HS	%
1. Hãy đánh giá sự đóng góp của em trong nhóm theo thang điểm từ 0 đến 4 (4 là điểm cao nhất)	4 điểm: Có những đóng góp rất quan trọng (đối với tất cả các phần của thảo luận và trong tất cả các giai đoạn để hoàn thành kết quả chung của nhóm; tạo điều kiện hỗ trợ công việc của các bạn khác trong nhóm mà không làm thay).	0	0
	3 điểm: Có đóng góp có ý nghĩa (đưa ra những gợi ý quan trọng và giúp đỡ các bạn khác một cách có hiệu quả; có vai trò tác động đến tất cả các phần của quá trình hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung của nhóm).	43	75.76
	2 điểm: Có một số đóng góp (đưa ra một số gợi ý hữu ích, giúp những người khác nghiên cứu, giải quyết vấn đề, và đóng góp cho việc hoàn thành nhiệm vụ chung của nhóm).	23	34.85
	1 điểm: Có đóng góp nhỏ (đưa ra ít nhất một gợi ý hữu ích, đôi khi giúp đỡ người khác, lãng phí ít thời gian, có vai trò nhỏ trong việc thực hiện nhiệm vụ chung của nhóm).	0	0.00
	0 điểm: Không có đóng góp thực sự nào (không đưa ra gợi ý gì, không giúp đỡ ai, không hoàn thành việc được nhóm giao, lãng phí thời gian, cản trở hoạt động của nhóm).	0	0.00
2. Trong giờ thảo luận hợp tác, bản thân em tham gia đóng góp bao nhiêu ý kiến để hoàn thành nhiệm vụ học tập chung của nhóm?	1. Từ hai ý kiến trở lên	55	83.33
	2. Một ý kiến	66	100
	3. Không có ý kiến gì	0	0.00
3. Để hoàn thành nhiệm vụ hợp tác chung trong nhóm bản thân em có trao đổi,	1. Tích cực trao đổi, chia sẻ trong nhóm	58	87.88
	2. Giúp đỡ và nhận sự giúp đỡ từ các bạn trong nhóm	50	75.76
	3. Cá nhân làm việc riêng lẻ, không chia sẻ	0	0.00

giúp đỡ, chia sẻ với các bạn cùng nhóm hay nhận được sự giúp đỡ chia sẻ từ các bạn trong nhóm không?			
4. Em có tham gia vào quá trình báo cáo sản phẩm chung của nhóm không?	1. Có báo cáo	60	90.91
	2. Chưa đủ tự tin để báo cáo	6	9.09
	3. Không quan tâm, ai báo cáo cũng được	0	0.00
5. Khó khăn lớn nhất của em trong giờ học nhóm này là gì?	1.Thiếu kĩ năng làm việc nhóm, ngại trao đổi, chia sẻ	6	9.09
	2. Không hiểu biết về nội dung	0	0.00
	3. Hướng dẫn của GV chưa rõ ràng	0	0.00
6. Trong giờ học ở nhóm bản thân em đánh giá mình làm việc như thế nào?	1. Rất tập trung	51	92.42
	2. Tập trung được một nửa	5	7.58
	3. Hoàn toàn không tập trung	0	0.00
7. Bản thân em đã học tập được điều gì trong giờ học nhóm?	1. Kiến thức địa lí	66	100
	2. Kỹ năng làm việc nhóm và trách nhiệm với công việc chung	60	90.91
	3. Tự tin, đoàn kết và chia sẻ	59	89.39
8. Em tự nhận thấy bản thân mình làm được tốt nhất điều gì trong giờ hợp tác nhóm đó?	1. Quản lí tổ chức nhóm thảo luận và báo cáo	35	53.03
	2. Lắng nghe, ghi chép các ý kiến trong nhóm	40	60.61
	3. Chia sẻ, trao đổi ý kiến trong nhóm	58	87.88
	4. Chưa xác định rõ	0	0.00
9. Sự hỗ trợ nào là cần thiết đối với em trong quá trình hợp tác làm việc theo nhóm?	1. Quan tâm hỗ trợ từ GV	29	43.94
	2. Từ các thành viên trong nhóm	66	100
	3. Kĩ năng làm việc nhóm và tư liệu học tập	25	37.88

PHỤ LỤC 3: Mục tiêu, nội dung và kĩ thuật thảo luận hợp tác trong chương trình Địa lí ở trường DBĐHDT

Chương trình Địa lí	Nội dung Địa lí	Mục tiêu	Nội dung cần thảo luận	Kĩ thuật thảo luận sử dụng
Phần I: Địa lí đại cương	1. Hệ quả các chuyển động của Trái Đất	- *Kiến thức:*Trình bày và giải thích được các hệ quả chủ yếu của chuyển động tự quay quanh trục và chuyển động quanh Mặt Trời của Trái Đất. - *Kĩ năng:*Sử dụng tranh ảnh, hình vẽ, mô hình để trình bày, giải thích các hệ quả chuyển động của Trái Đất.	Các hệ quả chuyển của Trái Đất quay quanh trục và quay quanh Mặt Trời.	Kĩ thuật các mảnh ghép - Vòng 1: Mỗi nhóm tìm hiểu về một hệ quả. - Vòng 2: Vẽ sơ đồ thể hiện các hệ quả của Trái Đất quay quanh trục và quay quanh Mặt Trời.
	2. Tác động của nội và ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất.	- *Kiến thức:* Trình bày được khái niệm nội lực, ngoại lực và nguyên nhân của chúng. Biết được tác động của nội lực, ngoại lực đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất. - *Kĩ năng:* + Sử dụng tranh ảnh, hình vẽ để trình, nhận xét tác động của nội lực, ngoại lực qua tranh ảnh. + Xác định trên bản đồ các vùng núi trẻ các vùng có nhiều động đất, núi lửa và nêu nhận xét.	Các tác động của nội lực và ngoại lực đến sự hình thành bề mặt Trái Đất.	Kĩ thuật ủng hộ và phản đối. - Nhóm ủng hộ: Ngoại lực là nhân tố quan trọng làm thay đổi bề mặt Trái Đất. - Nhóm phản đối: Nội lực là nhân tố quan trọng làm thay đổi bề mặt Trái Đất.
	3. Sự phân bố nhiệt trên Trái Đất. Các nhân tố ảnh hưởng.	- *Kiến thức:* Trình bày được sự phân bố nhiệt trên Trái Đất và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố nhiệt. - *Kĩ năng:* Sử dụng bản đồ Khí hậu thế giới để trình bày sự phân bố nhiệt độ. Phân tích bản đồ, bảng số liệu, hình vẽ về nhiệt độ.	Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phân bố nhiệt trên Trái Đất.	Kĩ thuật khăn trải bàn - Bước 1: Thành viên trong nhóm đưa ra các ý kiến của cá nhân về các nhân tố ảnh hưởng tới sự phân bố nhiệt trên Trái Đất. - Bước 2: Thảo luận để thống nhất ý kiến chung của nhóm.

	4. Thủy quyển	- *Kiến thức:* Biết khái niệm thủy quyển, hiểu và trình bày được vòng tuần hoàn của nước trên Trái Đất, nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa. - *Kĩ năng:* Nhận xét, phân tích được bản đồ phân bố lượng mưa trên thế giới.	Các nhân tố ảnh hưởng sự phân bố mưa trên Trái Đất.	Kĩ thuật khăn trải bàn hoặc kĩ thuật XYZ - Bước 1: Thành viên trong nhóm đưa ra các ý kiến của cá nhân về các nhân tố ảnh hưởng tới sự phân bố mưa trên Trái Đất. - Bước 2: Thảo luận để thống nhất ý kiến chung của nhóm.
	5. Dân số và sự gia tăng dân số	- *Kiến thức:* + Trình bày và giải thích được xu hướng biến đổi quy mô dân số thế giới và hậu quả của nó. + Quy mô dân số giữa các nước trên thế giới rất khác nhau. + Tình hình phát triển dân số thế giới. + Hậu quả của sự gia tăng dân số quá nhanh đối với việc phát triển KT-XH và môi trường. + Ảnh hưởng của cơ cấu dân số theo giới đối với phát triển KT-XH? - *Kĩ năng:* Phân tích biểu đồ và bảng số liệu về dân số, vẽ biểu đồ về gia tăng dân số.	Hậu quả của sự gia tăng dân số quá nhanh đối với việc phát triển kinh tế, xã hội và môi trường.	Kĩ thuật khăn trải bàn kĩ thuật XYZ - Bước 1: Thành viên trong nhóm đưa ra các ý kiến của cá nhân về hậu quả của sự gia tăng dân số quá nhanh đối với việc phát triển kinh tế, xã hội và môi trường. - Bước 2: Thảo luận để thống nhất ý kiến chung của nhóm.
			Các yếu tố ảnh hưởng tới các xu hướng biến đổi quy mô dân số trên thế giới.	Kĩ thuật "khăn trải bàn" hoặc kĩ thuật XYZ. - Bước 1: Mỗi thành viên trong nhóm đưa ra 3 ý kiến trong 5 phút về các yếu tố ảnh hưởng tới các xu hướng biến đổi quy mô dân số trên thế giới. - Bước 2: Thảo luận để thống nhất ý kiến chung của nhóm.
			Hậu quả của sự gia tăng dân số	Kĩ thuật "khăn trải bàn"

			nhanh và không hợp lí ở các nước đang phát triển.	- Bước 1: Thành viên trong nhóm đưa ra các ý kiến của cá nhân về tăng dân số nhanh và không hợp lí ở các nước đang phát triển. - Bước 2: Thảo luận để thống nhất ý kiến chung của nhóm.
			Ảnh hưởng của cơ cấu dân số già và cơ cấu dân số trẻ đối với việc phát triển KT-XH.	Ủng hộ và phản đối - Nhóm ủng hộ: Thế mạnh của dân số già hoặc thế mạnh của dân số trẻ. - Nhóm phản đối: hạn chế của dân số già hoặc thế mạnh của dân số trẻ.
	6. Địa lí ngành nông nghiệp	- *Kiến thức:* + Trình bày được vai trò và đặc điểm của sản xuất nông nghiệp. Phân tích được các nhân tố tự nhiên và các nhân tố kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp. + Trình bày được vai trò, đặc điểm sinh thái, sự phân bố các cây lương thực chính và các cây công nghiệp chủ yếu. + Trình bày và giải thích được vai trò, đặc điểm và sự phân bố của các ngành chăn nuôi: gia súc, gia cầm. + Trình bày được vai trò của rừng; tình hình trồng rừng. - *Kĩ năng:* + Sử dụng bản đồ Nông nghiệp thế giới để phân tích và giải thích sự phân bố các cây lương thực chính, các cây công	- Đặc điểm phát triển các ngành nông nghiệp (trồng cây lương thực, cây công nghiệp, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp).	Kĩ thuật "các mảnh ghép" - Vòng 1: Mỗi nhóm tìm hiểu về đặc điểm phát triển của một ngành trong ngành nông nghiệp (trồng cây lương thực, cây công nghiệp, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp). - Vòng 2: Vẽ sơ đồ thể hiện đặc điểm phát triển các ngành nông nghiệp về vai trò, tình hình phát triển và phân bố.
			- Tại sao phải chú trọng phát triển ngành trồng rừng?	Kĩ thuật "khăn trải bàn" hoặc kĩ thuật XYZ - Bước 1: Thành viên trong nhóm đưa ra các ý kiến

		nghiệp chủ yếu, một số vật nuôi chủ yếu trên thế giới. + Phân tích bảng số liệu; vẽ và phân tích biểu đồ về một số ngành sản xuất nông nghiệp trên thế giới.		về sự cần thiết phải phát triển ngành trồng rừng. - Bước 2: Thảo luận để thống nhất ý kiến chung của nhóm.
	7. Địa lí công nghiệp	- *Kiến thức:* + Trình bày được vai trò và đặc điểm của sản xuất công nghiệp. + Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp. + Trình bày và giải thích được vai trò, đặc điểm và sự phân bố một số ngành công nghiệp chủ yếu trên thế giới. - *Kĩ năng:* + Sử dụng bản đồ để nhận xét sự phân bố một số ngành công nghiệp trên thế giới: công nghiệp năng lượng, luyện kim, cơ khí, hóa chất, thực phẩm. + Vẽ và phân tích biểu đồ tình hình sản xuất của một số ngành công nghiệp (biểu đồ cột, biểu đồ miền).	Tác động của ngành công nghiệp đến sự phát triển kinh tế xã hội (Vai trò và hạn chế).	Ủng hộ và phản đối - Nhóm ủng hộ: Ngành công nghiệp đang tạo ra nhiều động lực cho sự phát triển kinh tế xã hội. - Nhóm phản đối: Ngành công nghiệp đang gây ra nhiều hạn chế cho sự phát triển KT-XH.
			Vai trò của các ngành công nghiệp chủ yêu trên thế giới.	Kĩ thuật các mảnh ghép - Vòng 1: Mỗi nhóm tìm hiểu về vai trò của một ngành công nghiệp (công nghiệp năng lượng, công nghiệp luyện kim, công nghiệp chế biến lương thực – thực phẩm,…). - Vòng 2: Vẽ sơ đồ thể hiện vai trò của các ngành công nghiệp chủ yếu trên thế giới.
	8. Vai trò đặc điểm ngành GTVT	- *Kiến thức:* Trình bày được vai trò, đặc điểm của ngành giao thông vận tải. Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải. - *Kĩ năng:*Phân tích các bảng số liệu các lược đồ/bản đồ về giao thông	Tác động của ngành giao thông vận tải đến sự phát triển kinh tế xã hội (Vai trò và hạn chế).	Kĩ thuật ủng hộ và phản đối - Nhóm ủng hộ: Ngành giao thông vận tải đã tạo ra nhiều tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế xã hội. - Nhóm phản đối:

		vận tải.		Ngành giao thông vận tải đã gây ra nhiều hạn chế đến sự phát triển kinh tế xã hội.
			Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải.	Kĩ thuật khăn trải bàn hoặc XYZ - Bước 1: Thành viên trong nhóm đưa ra các ý kiến về các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải. - Bước 2: Thảo luận để thống nhất ý kiến chung của nhóm.
			Tình hình phát triển của các loại hình giao thông vận tải.	Kĩ thuật các mảnh ghép - Vòng 1: Mỗi nhóm tìm hiểu về Tình hình phát triển của các loại hình giao thông vận tải trên thế giới. - Vòng 2: Vẽ sơ đồ thể hiện tình hình phát triển của các loại hình giao thông vận tải trên thế giới.
	9. Môi trường và sự phát triển bền vững	- *Kiến thức:* + Hiểu và trình bày được các khái niệm: môi trường, tài nguyên thiên nhiên, phát triển bền vững + Trình bày được một số vấn đề về môi trường và phát triển bền vững ở các nhóm nước - *Kĩ năng:* + Phân tích bảng số liệu, tranh ảnh về các vấn đề môi trường (ô nhiễm không khí, ô nghiễm nguồn nước; suy thoái đất,	- Làm rõ nhận định: "Sử dụng hợp lí tài nguyên, bảo vệ môi trường là điều kiện để phát triển".	Kĩ thuật khăn trải bàn - Bước 1: Thành viên trong nhóm đưa ra các ý kiến về nhận định: "Sử dụng hợp lí tài nguyên, bảo vệ môi trường là điều kiện để phát triển". - Bước 2: Thảo luận để thống nhất ý kiến chung của nhóm.

		rừng…) và rút ra nhận xét. + Biết cách tìm hiểu một vấn đề môi trường ở địa phương: chọn chủ đề, thu thập thông tin, viết báo cáo.	- Một số vấn đề về môi trường đang đặt ra trên thế giới (ô nhiễm môi trường, thiên tai, mất cân bằng sinh thái môi trường,..).	Kĩ thuật các mảnh ghép - Vòng 1: Mỗi nhóm tìm hiểu về một vấn đề đang đặt ra đối với môi trường. - Vòng 2: Vẽ sơ đồ thể hiện các vấn đề về môi trường đang đặt ra trên thế giới (ô nhiễm môi trường, thiên tai, mất cân bằng sinh thái môi trường,..).
Phần II: Địa lí KT-XH thế giới	10. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, tác động đến sự phát triển KT-XH	- *Kiến thức:* Trình bày được đặc điểm nổi bật của cách mạng khoa học và công nghệ, tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại tới sự phát triển kinh tế: xuất hiện ngành kinh tế mới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hình thành nền kinh tế tri thức. - *Kĩ năng:*Dựa vào số liệu, bản đồ, nhận xét sự phân bố của các nhóm nước theo GDP/người, cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của từng nhóm nước.	Tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đến sự phát triển KT-XH thế giới.	Kĩ thuật Ủng hộ và phản đối: - Nhóm ủng hộ: Tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế xã hộicủa cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại. - Nhóm phản đối: cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đạiđã gây ra nhiều hạn chế đến sự phát triển KT-XH.
	11. Xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa	- *Kiến thức:* + Trình bày được các biểu hiện của toàn cầu hóa, hệ quả của toàn cầu hóa kinh tế, biểu hiện của khu vực hóa kinh tế. + Biết lí do hình thành tổ chức liên kết kinh tế khu vực và một số tổ chức liên kết kinh tế khu vực. - *Kĩ năng:*Sử dụng bản đồ Thế giới để nhận biết phạm vi của các liên kết kinh tế khu vực. Phân tích số liệu, tư liệu để nhận biết quy mô, vai trò quốc tế của các liên kết kinh tế khu vực: số lượng các nước thành viên, số dân, GDP.	Các hệ quả của toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế.	Kĩ thuật khăn trải bản hoặc XYZ
			Thời cơ và thách thức của Việt Nam khi gia nhập WTO.	Kĩ thuật ủng hộ và phản đối - Nhóm ủng hộ: Thời cơ của Việt Nam khi gia nhập WTO. - Nhóm phản đối: Những thách thức của Việt Nam khi gia nhập WTO.

	12. Một số vấn đề mang tính toàn cầu	- *Kiến thức:* + Giải thích được hiện tượng bùng nổ dân số ở các nước đang phát triển, già hóa dân số ở các nước phát triển. Nêu hậu quả. + Trình bày được một số biểu hiện, nguyên nhân ô nhiễm của từng loại môi trường và hậu quả; nhận thức được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường. + Hiểu được nguy cơ chiến tranh và sự phần thiết phải bảo vệ hòa bình. - *Kĩ năng:*Thu thập và xử lí thông tin, viết báo cáo ngắn gọn về một số vấn đề mang tính toàn cầu: bùng nổ dân số, già hóa dân số thế giới, ô nhiễm môi trường không khí, ô nhiễm môi trường nước, suy giảm đa dạng sinh vật.	Các vấn đề mang tính toàn cầu (dân số già, dân số trẻ, ô nhiễm môi trường, suy giảm sự đa dạng sinh học,…).	Kĩ thuật các mảnh ghép
	13. Hợp chủng quốc Hoa Kì	- *Kiến thức:* Biết được vị trí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và phân tích được thuận lợi, khó khăn của chúng đối với sự phát triển kinh tế. + Phân tích được đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của dân cư tới phát triển kinh tế. + Trình bày và giải thích được đặc điểm kinh tế, vai trò của một số ngành kinh tế chủ chốt, sự chuyển dịch cơ cấu ngành và sự phân hóa lãnh thổ của nền kinh tế Hoa Kì. - *Kĩ năng:* + Sử dụng bản đồ Hoa Kì để phân tích đặc điểm địa hình, khoáng sản, phân bố dân cư, các thành phố lớn, các ngành công nghiệp, các sản phẩm nông nghiệp chính.	Nguyên nhân đưa Hoa Kì trở thành cường quốc số 1 về kinh tế trên thế giới.	Khăn trải bàn hoặc kĩ thuật XYZ

		+ Phân tích số liệu, tư liệu về đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế Hoa Kì; so sánh sự khác biệt giữa các vùng nông nghiệp, các vùng công nghiệp.		
	14. Nhật Bản	- *Kiến thức:*Biết vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và phân tích được những thuận lợi, khó khăn của chúng đối với sự phát triển kinh tế. + Phân tích được các đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế. + Trình bày và giải thích được sự phát triển và phân bố của những ngành kinh tế chủ chốt. - *Kĩ năng:* + Sử dụng bản đồ để nhận biết và trình bày một số đặc điểm địa hình, tài nguyên khoáng sản, sự phân bố một số ngành công nghiệp, nông nghiệp của Nhật Bản. + Nhận xét các số liệu, tư liệu về thành tựu phát triển kinh tế của Nhật Bản.	Cơ hội và thách thức trong phát triển kinh tế của đất nước Nhật Bản.	Kĩ thuật ủng hộ và phản đối - Nhóm ủng hộ: Cơ hội trong phát triển kinh tế của đất nước Nhật Bản. - Nhóm phản đối: Thách thức trong phát triển kinh tế của đất nước Nhật Bản.
	15. Cộng hòa nhân dân Trung Hoa	- *Kiến thức:* Biết vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và phân tích được những thuận lợi, khó khăn của chúng đối với sự phát triển kinh tế. + Phân tích đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế. + Hiểu và phân tích được đặc điểm phát triển kinh tế, vị thế của nền kinh tế, nguyên nhân sự phát triển và mối quan hệ đa dạng giữa Trung Quốc và Việt Nam. - *Kĩ năng:* + Sử dụng bản đồ để nhận	Nguyên nhân đưa Trung Quốc vươn lên là cường quốc kinh tế lớn thứ 2 thế giới.	Kĩ thuật khăn trải bàn hoặc kĩ thuật XYZ

		biết và trình bày sự khác biệt về tự nhiên, sự phân bố dân cư và kinh tế giữa miền Đông và miền Tây của Trung Quốc. + Phân tích các số liệu, tư liệu về thành tựu phát triển kinh tế của Trung Quốc.		
Phần III: Địa lí Việt Nam	17. Ý nghĩa của vị trí địa lí	- *Kiến thức* + Trình bày được vị trí địa lí, giới hạn phạm vi lãnh thổ Việt Nam; phạm vi vùng đất, vùng biển, vùng trời và diện tích lãnh thổ. - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đối với tự nhiên, kinh tế – xã hội và quốc phòng. - *Kĩ năng:* Sử dụng bản đồ Tự nhiên Việt Nam để xác định được vị trí địa lí, giới hạn phạm vi lãnh thổ Việt Nam.	Ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đối với tự nhiên, KT-XH và quốc phòng.	Khăn trải bàn: - Bước 1: Thành viên trong nhóm đưa ra các ý kiến về:Ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đối với tự nhiên, KT-XH và quốc phòng. - Bước 2: Thảo luận để thống nhất ý kiến chung của nhóm.
	18. Tính chất nhiều đồi núi	- *Kiến thức:* + Trình bày được đặc điểm chung của địa hình Việt Nam và các khu vực địa hình. + Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về tự nhiên của địa hình khu vực đồi núi và khu vực đồng bằng đối với phát triển KT – XH. - *Kĩ năng* + Sử dụng bản đồ Tự nhiên Việt Nam để trình bày các đặc điểm nổi bật về địa hình Việt Nam. + Liên hệ thực tế với địa hình địa phương.	Các thế mạnh và hạn chế của thiên nhiên khu vực đồi núi và đồng bằng của nước ta?	Ủng hộ và phản đối: - Nhóm ủng hộ: Các thế mạnh của thiên nhiên khu vực đồi núi và đồng bằng của nước ta? - Nhóm phản đối: Các hạn chế của thiên nhiên khu vực đồi núi và đồng bằng của nước ta?
	19. Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của Biển	- *Kiến thức:* + Nêu được khái quát về Biển Đông. + Trình bày được ảnh hưởng của Biển Đông đến thiên nhiên Việt Nam.	Tại sao thiên nhiên nước ta lại chịu ảnh hưởng sâu sắc của Biển?	Khăn trải bàn: - Bước 1: Thành viên trong nhóm đưa ra các ý kiến giải thích Tại sao thiên nhiên nước

		- *Kĩ năng:* Sử dụng bản đồ Tự nhiên Việt Nam để xác định hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa.		ta lại chịu ảnh hưởng sâu sắc của Biển? - Bước 2: Thảo luận để thống nhất ý kiến chung của nhóm.
	20. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa	- *Kiến thức:* + Trình bày được những biểu hiện về khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa qua các thành phần địa hình, sông ngòi, đất và sinh vật. + Phân tích được những ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến hoạt động sản xuất và đời sống. - *Kĩ năng:* + Sử dụng bản đồ Khí hậu để nhận biết về đặc điểm khí hậu nước ta. + Sử dụng bản đồ Tự nhiên Việt Nam để phân tích mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên. + Phân tích bảng số liệu để biết được sự khác nhau về nhiệt độ, lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của một số địa điểm.	Nguyên nhân tạo ra tính nhiệt đới ẩm gió mùa của thiên nhiên Việt Nam.	Kĩ thuật khăn trải bàn: - Bước 1: Thành viên trong nhóm đưa ra các ý kiến giải thích Nguyên nhân tạo ra tính nhiệt đới ẩm gió mùa của thiên nhiên Việt Nam. - Bước 2: Thảo luận để thống nhất ý kiến chung của nhóm.
			Các biểu hiện của tính nhiệt đới ẩm gió mùa trong các thành phần tự nhiên.	Kĩ thuật các mảnh ghép: - Vòng 1: Mỗi nhóm tìm hiểu về một vấn đề đang đặt ra đối với môi trường. - Vòng 2: Vẽ sơ đồ thể hiện các vấn đề về môi trường đang đặt ra trên thế giới (ô nhiễm môi trường, thiên tai, mất cân bằng sinh thái môi trường,..).
			Ảnh hưởng của tính của tính nhiệt đới ẩm gió mùa đến phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta.	Ủng hộ và phản đối: - Nhóm ủng hộ: Các thế mạnh của thiên nhiên khu vực đồi núi và đồng bằng của nước ta? - Nhóm phản đối:

				Các hạn chế của thiên nhiên khu vực đồi núi và đồng bằng của nước ta?
	21. Thiên nhiên phân hóa đa dạng	- *Kiến thức:* + Trình bày được sự phân hóa của thiên nhiên theo bắc – nam, đông – tây và theo độ cao. + Nêu được đặc điểm tự nhiên của các miền địa lí tự nhiên. + Phân tích được những thuận lợi và khó khăn trong việc sử dụng tự nhiên của mỗi miền. - *Kĩ năng:* + Sử dụng bản đồ Tự nhiên Việt Nam để xác định ranh giới các miền địa lí tự nhiên. + Nhận xét bảng số liệu để biết được sự phân hóa thiên nhiên theo bắc – nam.	Các kiểu phân hóa của thiên nhiên Việt Nam (Bắc – Nam, Đông – Tây, đai cao, các miền địa lí tự nhiên).	Kĩ thuật các mảnh ghép: - Vòng 1: Mỗi nhóm tìm hiểu về một kiểu phân hóa của thiên nhiên Việt Nam - Vòng 2: Vẽ sơ đồ thể hiện các kiểu phân hóa của thiên nhiên Việt Nam
	22. Tài nguyên thiên nhiên. Vấn đề sử dụng, bảo vệ tự nhiên	- *Kiến thức:* + Trình bày được một số tác động tiêu cực do thiên nhiên gây ra đã phá hoại sản xuất, gây thiệt hại về người và của. + Nêu được sự suy thoái tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, đất; một số nguyên nhân dẫn đến sự suy giảm, cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường. + Biết được chiến lược, chính sách về tài nguyên và môi trường của Việt Nam. - *Kĩ năng:* + Phân tích các bảng số liệu về sự biến động của tài nguyên rừng, sự đa dạng sinh học và đất ở nước ta. + Vận dụng được một số biện pháp bảo vệ tự nhiên	Tại sao nước ta cần phải sử dụng hợp lí và bảo vệ tài nguyên, môi trường?	Kĩ thuật khăn trải bàn: - Bước 1: Thành viên trong nhóm đưa ra các ý kiến giải thích Tại sao nước ta cần phải sử dụng hợp lí và bảo vệ tài nguyên, môi trường? - Bước 2: Thảo luận để thống nhất ý kiến chung của nhóm.
			Các vấn đề đang đặt ra đối tài nguyên thiên nhiên và môi trường của nước ta.	Kĩ thuật các mảnh ghép: - Vòng 1: Mỗi nhóm tìm hiểu về một vấn đề đang đặt ra đối với môi trường.

		và phòng chống thiên tai ở địa phương.		- Vòng 2: Vẽ sơ đồ thể hiện các vấn đề về môi trường đang đặt ra trên thế giới (ô nhiễm môi trường, thiên tai, mất cân bằng sinh thái môi trường,..).
	23. Đặc điểm dân số và phân bố dân cư	- *Kiến thức:* + Phân tích được một số đặc điểm dân số và phân bố dân cư Việt Nam. + Phân tích được nguyên nhân và hậu quả của dân đông, gia tăng nhanh, sự phân bố dân cư chưa hợp lí. + Nêu được một số chính sách dân số ở nước ta. - *Kĩ năng:* + Phân tích bảng số liệu thống kê, biểu đồ dân số Việt Nam. + Sử dụng bản đồ dân cư, dân tộc và Atlat Việt Nam để nhận biết và trình bày đặc điểm dân số.	Thế mạnh và hạn chế của đặc điểm dân số của nước ta?	Kĩ thuật ủng hộ và phản đối: - Nhóm ủng hộ: Các thế mạnh của đặc điểm dân số của nước ta? - Nhóm phản đối: Các hạn chế của đặc điểm dân số của nước ta?
			Tại sao nói dân cư nước ta phân bố chưa hợp lí?	Kĩ thuật khăn trải bàn: - Bước 1: Thành viên trong nhóm đưa ra các ý kiến giải thích Tại sao dân cư nước ta phân bố chưa hợp lí? - Bước 2: Thảo luận để thống nhất ý kiến chung của nhóm.
	24. Vấn đề lao động và việc làm	- *Kiến thức:* + Trình bày được một số đặc điểm của nguồn lao động và việc sử dụng lao động ở nước ta. + Phân tích được vấn đề việc làm và hướng giải quyết việc làm ở nước ta. - *Kĩ năng:* Phân tích số liệu thống kê, biểu đồ về nguồn lao động, sử dụng lao động, việc làm.	Các thế mạnh và hạn chế của nguồn lao động của nước ta hiện nay?	Kĩ thuật ủng hộ và phản đối: - Nhóm ủng hộ: Các thế mạnh của nguồn lao động của nước ta hiện nay? - Nhóm phản đối: Các hạn chế của nguồn lao động của nước ta hiện nay?
			Tại sao nói vấn đề việc làm ở nước ta hiện nay đang trở	Kĩ thuật khăn trải bàn: - Bước 1: Thành

			thành vấn đề KT-XH gay gắt?	viên trong nhóm đưa ra các ý kiến giải thích Tại sao nói vấn đề việc làm ở nước ta hiện nay đang trở thành vấn đề KT-XH gay gắt? - Bước 2: Thảo luận để thống nhất ý kiến chung của nhóm.
			Các biện pháp tạo ra việc làm cho đồng bào các dân tộc ít người	Kĩ thuật khăn trải bàn
	25. Đô thị hóa	- *Kiến thức:* Phân tích được một số đặc điểm đô thị hoá ở Việt Nam, nguyên nhân và hậu quả. Nêu được sự phân bố mạng lưới đô thị ở nước ta. - *Kĩ năng:* Sử dụng bản đồ và Atlat để nhận xét mạng lưới các đô thị lớn. Vẽ và phân tích biểu đồ, số liệu thống kê về các đô thị ở Việt Nam.	Ảnh hưởng của đô thị hóa đến việc phát triển kinh tế - xã hội của nước ta?	Kĩ thuật ủng hộ và phản đối: - Nhóm ủng hộ: Các thế mạnh của thiên nhiên khu vực đồi núi và đồng bằng của nước ta? - Nhóm phản đối: Các hạn chế của thiên nhiên khu vực đồi núi và đồng bằng của nước ta?
	26. Sản xuất nông nghiệp	- *Kiến thức:* + Trình bày được điều kiện, tình hình phát triển và phân bố một số cây trồng, vật nuôi chính của nước ta. + Chứng minh được xu hướng chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp. - *Kĩ năng:* + Sử dụng Atlat địa lí Việt Nam để nhận xét sự phân bố các cây trồng, vật nuôi chủ yếu. + Dựa vào bảng số liệu và biểu đồ, nhận xét sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp.	Giải thích tại sao việc đảm bảo an ninh lương thực lại là cơ sở để đa dạng hóa các hoạt động các hoạt động sản xuất nông nghiệp? Phân tích xu hướng phát triển của nền nông nghiệp Việt Nam?	Kĩ thuật khăn trải bàn: - Bước 1: Thành viên trong nhóm đưa ra các ý kiến Giải thích tại sao việc đảm bảo an ninh lương thực lại là cơ sở để đa dạng hóa các hoạt động các hoạt động sản xuất nông nghiệp? - Bước 2: Thảo luận để thống nhất ý kiến chung của nhóm.

	27. Vấn đề phát triển thủy sản	- *Kiến thức:* Trình bày được điều kiện, tình hình phát triển, phân bố ngành thuỷ sản và một số phương hướng phát triển ngành thuỷ sản của nước ta. - *Kĩ năng:* Phân tích bản đồ lâm, ngư nghiệp, Atlat để xác định các khu vực sản xuất, khai thác lớn. Vẽ và phân tích biểu đồ, số liệu thống kê về ngư nghiệp.	Thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng tới sự phát triển ngành thủy sản của nước ta.	Kĩ thuật "ủng hộ và phản đối": - Nhóm ủng hộ: Ảnh hưởng thuận lợi tới sự phát triển ngành thủy sản của nước ta. - Nhóm phản đối: Các khó khăn ảnh hưởng tới sự phát triển ngành thủy sản của nước ta.
			Các giải pháp nâng cao hiệu quả ngành sản xuất thủy sản của nước ta.	Kĩ thuật khăn trải bàn
	28. Địa lí ngành công nghiệp	- *Kiến thức:* + Trình bày được cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần kinh tế và theo lãnh thổ. + Nêu một số nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi cơ cấu ngành công nghiệp. + Trình bày được tình hình phát triển và phân bố của một số ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta. - *Kĩ năng:* + Vẽ và phân tích biểu đồ, số liệu thống kê, sơ đồ về các ngành công nghiệp. + Sử dụng bản đồ và Atlat để phân tích cơ cấu ngành của một số trung tâm công nghiệp và phân bố của các ngành công nghiệp trọng điểm.	Tại sao vùng đồng bằng sông Hồng lại có mức độ tập trung công nghiệp vào loại cao nhất cả nước?	Kĩ thuật khăn trải bàn: - Bước 1: Thành viên trong nhóm đưa ra các ý kiến giải thích Tại sao vùng đồng bằng sông Hồng lại có mức độ tập trung công nghiệp vào loại cao nhất cả nước? - Bước 2: Thảo luận để thống nhất ý kiến chung của nhóm.
			Đặc điểm phát triển nổi bật của các ngành CN trọng điểm của nước ta.	Kĩ thuật khăn trải bản
	29. Vấn đề phát triển thương mại	- *Kiến thức:* Phân tích được vai trò, tình hình phát triển và sự thay đổi trong cơ cấu của nội thương, ngoại thương. - *Kĩ năng:* + Vẽ và phân tích biểu đồ, số liệu thống kê về các	Tại sao "người Việt Nam lại phải ưu tiên dùng hàng Việt Nam"?	Khăn trải bàn: - Bước 1: Thành viên trong nhóm đưa ra các ý kiến Tại sao "người Việt Nam lại phải ưu tiên dùng hàng Việt Nam"?

		ngành nội thương, ngoại thương + Sử dụng bản đồ, Atlat để nhận biết và phân tích sự phân bố của các trung tâm thương mại của nước ta.		- Bước 2: Thảo luận để thống nhất ý kiến chung của nhóm.
	30. Vấn đề phát triển du lịch	- *Kiến thức:* Thấy được tài nguyên du lịch ở nước ta tương đối phong phú và đa dạng, tình hình phát triển ngành du lịch và sự phân bố của các trung tâm du lịch chính. - *Kĩ năng:* Vẽ và phân tích biểu đồ, số liệu thống kê về du lịch. Sử dụng bản đồ, Atlat để nhận biết và phân tích sự phân bố của các trung tâm du lịch.	Sự đa dạng của tài nguyên du lịch ở Việt Nam.	Kĩ thuật khăn trải bàn
	31. Khai thác thế mạnh ở Trung du miền núi Bắc Bộ	- *Kiến thức:* Nêu được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với sự phát triển KT-XH của vùng. Phân tích được việc sử dụng các thế mạnh để phát triển các ngành kinh tế của vùng; một số vấn đề đặt ra và biện pháp khắc phục. - *Kĩ năng* + Sử dụng bản đồ để xác định vị trí của vùng, nhận xét và giải thích sự phân bố một số ngành sản xuất nổi bật. + Vẽ và phân tích biểu đồ, số liệu thống kê liên quan đến kinh tế của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.	Các thế mạnh để phát triển kinh tế của vùng Trung du và miện núi Bắc Bộ.	Kĩ thuật các mảnh ghép: - Vòng 1: Mỗi nhóm tìm hiểu về một thế mạnh để phát triển kinh tế của vùng Trung du và miện núi Bắc Bộ. - Vòng 2: Vẽ sơ đồ hoặc sử dụng CNTT…thể hiện các thế mạnh để phát triển kinh tế của vùng Trung du và miện núi Bắc Bộ.
			Ý nghĩa của việc phát huy các thế mạnh đối với sự phát triển KT-XH của vùng.	Kĩ thuật khăn trải bàn hoặc kĩ thuật XYZ
	32. Đồng bằng sông Hồng	- *Kiến thức:* + Phân tích được tác động của các thế mạnh và hạn chế của vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, cơ sở vật chất - kĩ thuật tới sự	Các thế mạnh và hạn chế của vùng đồng bằng sông hồng trong phát triển KT-XH.	Kĩ thuật ủng hộ và phản đối: - Nhóm ủng hộ: Các thế mạnh của vùng đồng bằng sông hồng trong

		phát triển kinh tế; những vấn đề cần giải quyết trong phát triển KT-XH. + Trình bày được tình hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và các định hướng chính. - *Kĩ năng:* + Sử dụng bản đồ để xác định vị trí, nhận xét và giải thích sự phân bố của một số ngành sản xuất đặc trưng của vùng Đồng bằng sông Hồng. + Phân tích số liệu thống kê, biểu đồ để nhận biết sự thay đổi trong dân số, cơ cấu kinh tế ở Đồng bằng sông Hồng.		phát triển KT-XH. - Nhóm phản đối: Các hạn chế của vùng đồng bằng sông hồng trong phát triển KT-XH.
	33. Vùng Bắc Trung Bộ	- *Kiến thức:* + Nêu được phạm vi lãnh thổ, vị trí địa lí của của vùng. + Phân tích được sự hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp, cơ cấu công nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng của vùng. - *Kĩ năng:* + Sử dụng bản đồ để xác định vị trí của vùng, nhận xét và giải thích sự phân bố một số ngành kinh tế đặc trưng của vùng. + Phân tích số liệu thống kê, biểu đồ để thấy được tình hình phát triển kinh tế của vùng.	Sự cần thiết phải quan tâm tới các vấn đề như: hình thành cơ cấu cấu nông - lâm - ngư nghiệp, phát triển công nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng trong phát triển kinh tế xã hội của vùng	Kĩ thuật khăn trải bàn
	34. Duyên hải Nam Trung Bộ	- *Kiến thức:* + Nêu được phạm vi lãnh thổ, vị trí địa lí của của vùng. + Trình bày được vấn đề phát triển tổng hợp kinh tế biển và tầm quan trọng của vấn đề phát triển công nghiệp, cơ sở hạ tầng đối với sự phát triển kinh tế -	Thế mạnh phát triển tổng hợp kinh tế biển của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.	Kĩ thuật các mảnh ghép: - Vòng 1: Mỗi nhóm tìm hiểu về một thế mạnh phát triển kinh tế biển của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. - Vòng 2: Vẽ sơ

		xã hội của vùng. - *Kĩ năng:* + Sử dụng Atlat địa lí Việt Nam để trình bày về hiện trạng và sự phân bố các ngành kinh tế ở Duyên hải Nam Trung Bộ.		đồ hoặc sử dụng CNTT… thể hiện thế mạnh phát triển tổng hợp kinh tế biển của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.
			Tầm quan trọng của vấn đề phát triển công nghiệp, cơ sở hạ tầng đối với sự phát triển KT-XH của vùng.	Kĩ thuật khăn trải bàn
	35. Vùng Đông Nam Bộ	- *Kiến thức:* + Nêu được khái quát Đông Nam Bộ là vùng có trình độ phát triển cao nhất so với các vùng khác trong cả nước. + Trình bày được một số phương hướng khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ. - *Kĩ năng:* + Sử dụng bản đồ để xác định vị trí, giới hạn và nhận xét, giải thích sự phân bố một số ngành kinh tế tiêu biểu của Đông Nam Bộ. + Phân tích biểu đồ, số liệu thống kê về vùng Đông Nam Bộ để nhận biết vấn đề kinh tế của vùng.	- Nguyên nhân tại sao phải tiến hành khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ. - Giải thích được sự cần thiết phải khai thác tổng hợp kinh tế biển và bảo vệ môi trường.	Kĩ thuật khăn trải bàn: - Bước 1: Thành viên trong nhóm đưa ra các ý kiếnvề Nguyên nhân tại sao phải tiến hành khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ. - Bước 2: Thảo luận để thống nhất ý kiến chung của nhóm.
	36. Vùng Tây Nguyên	- *Kiến thức:* + Nêu được phạm vi lãnh thổ, vị trí địa lí, ý nghĩa của việc phát triển kinh tế ở Tây Nguyên. + Trình bày được thực trạng phát triển cây công nghiệp; khai thác và chế biến lâm sản, bảo vệ rừng; phát triển chăn nuôi gia súc lớn; phát triển thuỷ điện, thuỷ lợi và những vấn đề của vùng, biện pháp giải	Các thế mạnh trong phát triển kinh tế xã hội của Tây Nguyên	Kĩ thuật các mảnh ghép
			Vai trò của phát huy các thế mạnh trong việc phát triển KTXH của Tây Nguyên	Kĩ thuật khăn trải bàn hoạc XYZ

		quyết những vấn đề đó. - *Kĩ năng:* + Sử dụng bản đồ để xác định vị trí, giới hạn của Tây Nguyên; nhận xét và giải thích sự phân bố một số ngành sản xuất nổi bật. + Phân tích số liệu thống kê, biểu đồ kinh tế của Tây Nguyên.		
	37. Đồng bằng sông Cửu Long	- *Kiến thức:* + Phân tích được những thuận lợi, khó khăn về thiên nhiên, con người, cơ sở vật chất - kĩ thuật đối với việc phát triển kinh tế của vùng. + Trình bày được một số biện pháp cải tạo, sử dụng tự nhiên, tình hình và các biện pháp để tăng cường sản xuất lương thực, thực phẩm ở Đồng bằng sông Cửu Long. - *Kĩ năng:* Sử dụng bản đồ để xác định vị trí của Đồng bằng sông Cửu Long; nhận xét và giải thích những thuận lợi và khó khăn về điều kiện tự nhiên của Đồng bằng sông Cửu Long đối với phát triển KT-XH.	Sự cần thiết phải sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở đồng bằng sông Cửu Long.	Kĩ thuật khăn trải bàn: - Bước 1: Thành viên trong nhóm đưa ra các ý kiếnvề việc cần phải sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở đồng bằng sông Cửu Long. - Bước 2: Thảo luận để thống nhất ý kiến chung của nhóm.
	38. Phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo	- *Kiến thức:* Trình bày được vùng biển và thềm lục địa nước ta giàu tài nguyên. + Phân tích được ý nghĩa của các đảo và quần đảo trong chiến lược phát triển kinh tế và bảo vệ an ninh vùng biển. + Trình bày được tình hình và biện pháp phát triển kinh tế của vùng biển Việt Nam, các đảo và quần đảo. - *Kĩ năng:* Sử dụng bản đồ để xác định vị trí, phạm vi	Khả năng phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển ở nước ta.	Kĩ thuật các mảnh ghép: - Vòng 1: Mỗi nhóm tìm hiểu về một khả năng phát triển các ngành kinh tế biển ở nước ta. - Vòng 2: Vẽ sơ đồ hoặc sử dụng CNTT… thể hiện khả năng phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển ở nước ta.

		lãnh hải của vùng biển Việt Nam, các đảo và quần đảo chính của nước ta.	Ý nghĩa của việc khai thác tổng hợp vùng biển đảo, bảo vệ chủ quyền các hòn đảo và quần đảo đối với việc phát triển KT-XH và an ninh quốc phòng ở nước ta.	Kĩ thuật khăn trải bàn: - Bước 1: Thành viên trong nhóm đưa ra các ý kiếnvề Ý nghĩa của việc khai thác tổng hợp vùng biển đảo, bảo vệ chủ quyền các hòn đảo và quần đảo - Bước 2: Thảo luận để thống nhất ý kiến chung của nhóm.

PHỤ LỤC 4: KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM

Kết quả điểm thực nghiệm bài 1 giữa các lớp TN và ĐC

Lớp	Số bài KT	Điểm																	X
		2.0	2.5	3.0	3.5	4.0	4.5	5.0	5.5	6.0	6.5	7.0	7.5	8.0	8.5	9.0	9.5	10.0	
TN1 K40C2	33	1	0	2	0	1	0	3	1	3	0	3	3	4	2	7	2	1	7.12
ĐC1 K40C1	36	0	1	1	0	1	0	3	2	4	4	6	1	8	1	2	2	0	6.34

Lớp	Số bài KT	Điểm																	X
		2.0	2.5	3.0	3.5	4.0	4.5	5.0	5.5	6.0	6.5	7.0	7.5	8.0	8.5	9.0	9.5	10.0	
TN2K40C6	33	0	0	1	0	4	2	2	0	2	2	1	2	8	2	3	2	2	7.03
ĐC2K40C3	34	0	1	0	1	0	1	5	0	2	6	6	2	5	2	2	0	1	6.34

Tổng hợp % kết quả điểm kiểm tra thực nghiệm bài 1

Lớp	Số bài KT	Điểm																
		2	2.5	3	3.5	4	4.5	5	5.5	6	6.5	7	7.5	8	8.5	9	9.5	10
TN1 K40C2	33	3.03	0	6.06	0	3.03	0	9.09	3.03	9.09	9.09	12.1	6.06	12.1	6.06	21.2	6.06	3.03
ĐC1 K40C1	36	0	2.78	2.78	0	2.78	0	8.33	5.56	11.11	11.11	16.67	2.78	22.22	2.78	5.56	5.56	0

Lớp	Sĩ số	Điểm																
		2.0	2.5	3.0	3.5	4.0	4.5	5.0	5.5	6.0	6.5	7.0	7.5	8.0	8.5	9.0	9.5	10.0
TN2 K40C6	33	0.00	0.00	3.03	0.00	12.12	6.06	6.06	0.00	6.06	6.06	3.03	6.06	24.24	6.06	9.09	6.06	6.06
ĐC2 K40C3	34	0.00	2.94	0.00	2.94	0.00	2.94	14.71	0.00	5.88	17.65	17.65	5.88	14.71	5.88	5.88	0.00	2.94

Kết quả điểm thực nghiệm bài 2 giữa lớp TN và ĐC

Lớp	Số bài KT	Điểm																	X
		2.0	2.5	3.0	3.5	4.0	4.5	5.0	5.5	6.0	6.5	7.0	7.5	8.0	8.5	9.0	9.5	10.0	
TN1 K40C2	33	0	0	2	0	0	1	2	1	2	1	3	4	10	2	5	0	0	7.56
ĐC1 K40C1	36	1	0	1	0	3	2	1	0	4	4	12	0	5	2	1	0	0	6.41

Lớp	Số bài KT	Điểm																	X
		2.0	2.5	3.0	3.5	4.0	4.5	5.0	5.5	6.0	6.5	7.0	7.5	8.0	8.5	9.0	9.5	10.0	
TN2K40C6	33	0	0	0	0	1	0	1	2	5	2	4	3	8	5	2	0	0	7.21
ĐC2K40C3	34	0	0	0	0	1	3	0	4	6	4	4	3	5	2	2	0	0	6.55

Tổng hợp % kết quả điểm kiểm tra thực nghiệm bài 2

Lớp	Sĩ số	Điểm																
		2.0	2.5	3.0	3.5	4.0	4.5	5.0	5.5	6.0	6.5	7.0	7.5	8.0	8.5	9.0	9.5	10.0
TN1 K40C2	33	0.00	0.00	6.06	0.00	0.00	3.03	6.06	3.03	6.06	3.03	9.09	12.12	30.30	6.06	15.15	0.00	0.00
ĐC1 K40C1	36	2.78	0.00	2.78	0.00	8.33	5.56	2.78	0.00	11.11	11.11	33.33	0.00	13.89	5.56	2.78	0.00	0.00

Lớp	Sĩ số	Điểm																
		2.0	2.5	3.0	3.5	4.0	4.5	5.0	5.5	6.0	6.5	7.0	7.5	8.0	8.5	9.0	9.5	10.0
TN2K40C6	33	0.00	0.00	0.00	0.00	3.03	0.00	3.03	6.06	15.15	6.06	12.12	9.09	24.24	15.15	6.06	0.00	0.00
ĐC2K40C3	34	0.00	0.00	0.00	0.00	2.94	8.82	0.00	11.76	17.65	11.76	11.76	8.82	14.71	5.88	5.88	0.00	0.00

Kết quả điểm thực nghiệm bài 3

Lớp	Số bài KT	Điểm																	X
		2.0	2.5	3.0	3.5	4.0	4.5	5.0	5.5	6.0	6.5	7.0	7.5	8.0	8.5	9.0	9.5	10.0	
TN1 K40C2	33	0	0	3	0	1	0	0	1	2	3	6	1	8	1	7	0	0	6.93
ĐC1 K40C1	36	0	0	4	0	5	0	2	2	2	4	8	3	5	1	0	0	0	6.05

Lớp	Số bài KT	Điểm																	X
		2.0	2.5	3.0	3.5	4.0	4.5	5.0	5.5	6.0	6.5	7.0	7.5	8.0	8.5	9.0	9.5	10.0	
TN2K40C6	33	0	0	1	0	1	0	1	0	3	1	10	3	5	5	3	0	0	7.22
ĐC2K40C3	34	1	0	0	0	8	0	1	0	5	3	7	3	2	2	2	0	0	6.05

Tổng hợp % kết quả điểm kiểm tra thực nghiệm bài 3

Lớp	Sĩ số	Điểm																
		2.0	2.5	3.0	3.5	4.0	4.5	5.0	5.5	6.0	6.5	7.0	7.5	8.0	8.5	9.0	9.5	10.0
TN1 K40C2	33	0.00	0.00	9.09	0.00	3.03	0.00	0.00	3.03	6.06	9.09	18.18	3.03	24.24	3.03	21.21	0.00	0.00
ĐC1 K40C1	36	0.00	0.00	11.11	0.00	13.89	0.00	5.56	5.56	5.56	11.11	22.22	8.33	13.89	2.78	0.00	0.00	0.00

Lớp	Sĩ số	Điểm																
		2.0	2.5	3.0	3.5	4.0	4.5	5.0	5.5	6.0	6.5	7.0	7.5	8.0	8.5	9.0	9.5	10.0
TN2K40C6	33	0.00	0.00	3.03	0.00	3.03	0.00	3.03	0.00	9.09	3.03	30.30	9.09	15.15	15.15	9.09	0.00	0.00
ĐC2K40C3	34	2.94	0.00	0.00	0.00	23.53	0.00	2.94	0.00	14.71	8.82	17.65	8.82	5.88	5.88	5.88	0.00	0.00

Tổng hợp kết quả điểm thực nghiệm giữa lớp TN và ĐC

Lớp	Số bài KT	Điểm thống kê									X
		2 - 2.5	3 - 3.5	4 - 4.5	5 - 5.5	6 - 6.5	7 - 7.5	8.0 - 8.5	9 - 9.5	10.0	
TN	198	1	9	11	14	26	43	60	31	3	7.18
ĐC	210	4	7	24	20	48	55	40	11	1	6.28

Tổng hợp % kết quả điểm kiểm tra TN và ĐC

Lớp	Số bài KT	Điểm								
		2 - 2.5	3 - 3.5	4 - 4.5	5 - 5.5	6 - 6.5	7-7.5	8.0 - 8.5	9 - 9.5	10.0
TN	198	0.51	4.55	5.56	7.07	13.13	21.72	30.30	15.66	1.52
ĐC	210	1.90	3.33	11.43	9.52	22.86	26.19	19.05	5.24	0.48

Kết quả điểm trung bình các bài kiểm tra

Lớp	**Số bài KT**	**Bài 1**	**Bài 2**	**Bài 3**	**X**
TN	198	7.07	7.38	7.07	**7.15**
ĐC	210	6.34	6.48	6.05	**6.48**

PHỤ LỤC 5: ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT

ĐỀ 1

Câu 1: Hãy nêu những vấn đề được cho là toàn cầu hiện nay?

Câu 2: Vì sao biến đổi khí hậu là một trong những vấn đề mang tính cấp bách hiện nay? Nêu một số dẫn chứng về biến đổi khí hậu ở Việt Nam?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Những vấn đề toàn cầu hiện nay:

- Bùng nổ dân số, già hóa dân số
- Khai thác tài nguyên, ô nhiễm môi trường, bảo vệ môi trường
- Biến đổi khí hậu toàn cầu, chống biến đổi khí hậu, thiên tai và suy giảm tầng ôzôn, suy giảm đa dạng sinh học và phát triển bền vững
- Xung đột sắc tộc, tôn giáo, khủng bố, chiến tranh hạt nhân, tranh chấp tài nguyên, lãnh thổ, biển, đảo.
- Tội phạm xuyên quốc gia; an ninh mạng; an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh nguồn nước.
- Đói nghèo và lạc hậu; dịch bệnh, phân hóa giàu nghèo giữa các quốc gia.

Câu 2:

- Biến đổi khí hậu là một trong những vấn đề mang tính cấp bách hiện nay vì:

+ Làm các hệ sinh thái bị phá hủy, suy giảm đa dạng sinh học.

+ Thay đổi các và dịch chuyển các đới khí hậu, thảm thực vật đe dọa sự sống sinh vật.

+ Làm Trái đất nóng lên, tăng diện tích ngập lụt, thiên tai, độ mặn,

+ Nóng lạnh bất thường, hoang mạc hóa gia tăng…

- Dẫn chứng về biến đổi khí hậu ở Việt Nam:

+ Nhiệt độ trung bình xu hướng tăng 0,5 – 0,7 ^{0}C

+ Gia tăng tần suất thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán.

+ Hiện tượng thời tiết cực đoan như rét đậm, rét hại, sương muối, băng giá…

+ Tình trạng hoang mạc hóa gia tăng.

Đề 2

Câu hỏi: Phân tích những ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến các hoạt động sản xuất và đời sống của nước ta?

Gợi ý trả lời

Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ảnh hưởng đến nhiều mặt hoạt động sản xuất và đời sống, trực tiếp nhất là hoạt động sản xuất nông nghiệp.

- *Ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp:*

+ Nền nhiệt ẩm cao, khí hậu phân mùa tạo điều kiện cho nước ta phát triển ngành nông nghiệp lúa nước, tăng vụ, đa dạng hoá cây trồng, vật nuôi để nâng cao năng suất cây trồng và nhanh chóng phục hồi lớp phủ thực vật trên đất trống đồi trọc bằng mô hình nông - lâm kết hợp

+ Tuy nhiên tính thất thường của các yếu tố thời tiết và khí hậu gây khó khăn cho hoạt động canh tác, cơ cấu cây trồng, kế hoạch thời vụ, phòng chống thiên tai, phòng trừ sâu bệnh...trong sản xuất nông nghiệp.

- *Ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất khác và đời sống:*

+Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa tạo điều kiện cho nước ta phát triển các ngành kinh tế như lâm nghiệp, thuỷ sản, giao thông, du lịch và các hoạt động khai thác, xây dựng... nhất là vào mùa khô.

+ Tuy nhiên cũng có những khó khăn và trở ngại:

- Các hoạt động giao thông vận tải, du lịch, công nghiệp khai thác.. chịu ảnh hưởng trực tiếp của sự phân mùa khí hậu và mùa nước của sông ngòi.
- Độ ẩm cao gây khó khăn cho quản lý máy móc, thiết bị nông sản.
- Các thiên tai như mưa bão, lũ lụt, hạn hán hàng năm gây tổn thất cho mọi ngành sản xuất, làm ngưng trệ các hoạt động sản xuất, gây thiệt hại về người và tài sản cho nhân dân.
- Các hiện tượng thời tiết thất thường như dông, lốc, mưa đá, sương muối, rét hại, khô nóng....cũng gây ảnh hưởng tới đời sống và sản xuất của nhân dân.
- Môi trường thiên nhiên dễ bị suy thoái, ảnh hưởng trực tiếp đến ngành lâm nghiệp, thuỷ sản, công nghiệp và du lịch.

Đề 3

Câu hỏi: Tại sao nói việc phát huy các thế mạnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có ý nghĩa kinh tế lớn, ý nghĩa chính trị, xã hội sâu sắc?

Gợi ý trả lời

Việc phát huy các thế mạnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có ý nghĩa kinh tế lớn, ý nghĩa chính trị, xã hội sâu sắc vì:

- Ý nghĩa kinh tế:

+ Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

+ Đẩy nhanh sự phát triển kinh tế của vùng, nâng cao vị thế kinh tế của vùng trong nền kinh tế cả nước.

+ Tạo ra nguồn nội lực cho vùng phát triển…

- Ý nghĩa chính trị, xã hội:

+ Góp phần ổn định chính trị, xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng vùng biên giới, hải đảo.

+ Giải quyết việc làm, nâng cao đời sống của nhân dân đặc biệt đồng bào dân tộc ít người.

+ Thu hẹp khoảng cách phát triển với các vùng khác trong cả nước.

+ Phân bố lại dân cư và lao động...

PHỤ LỤC 6: MỘT SỐ HÌNH ẢNH HỌC SINH LÀM VIỆC THEO NHÓM

Hoạt động của HS trong giờ tìm hiểu bài: Một số vấn đề mang tính toàn cầu

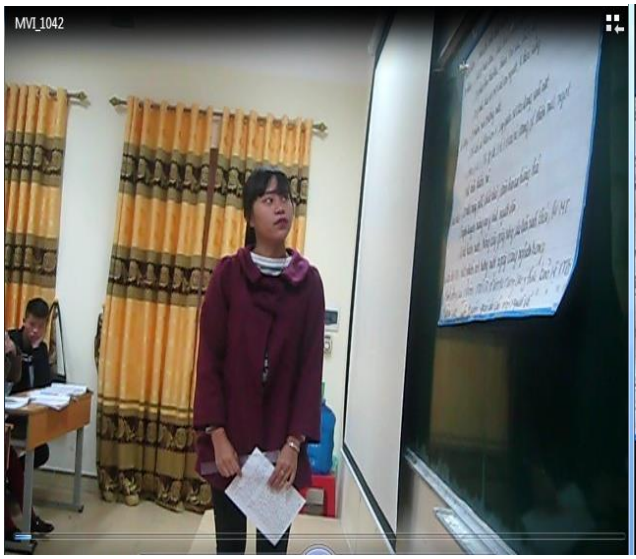

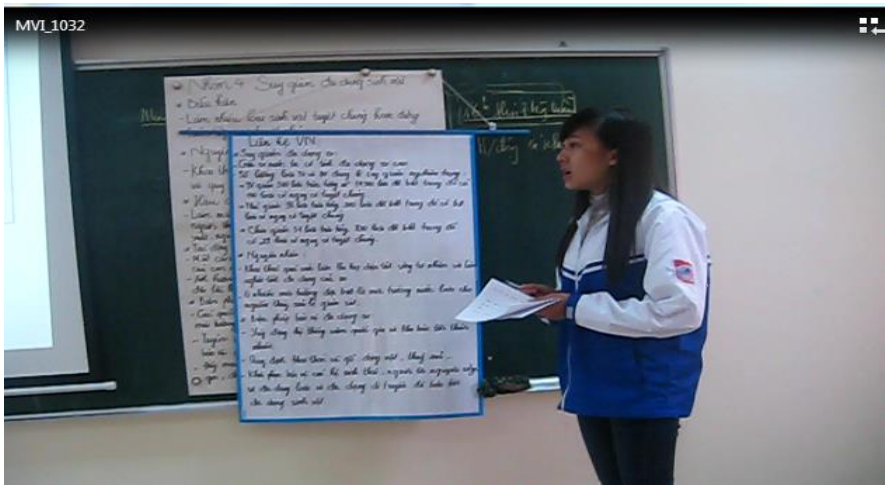

Hoạt động của HS trong giờ tìm hiểu bài: Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa

Hoạt động của HS trong giờ tìm hiểu bài: Trung du miền núi Bắc Bộ

Hình ảnh làm việc theo nhóm trong các bài học khác

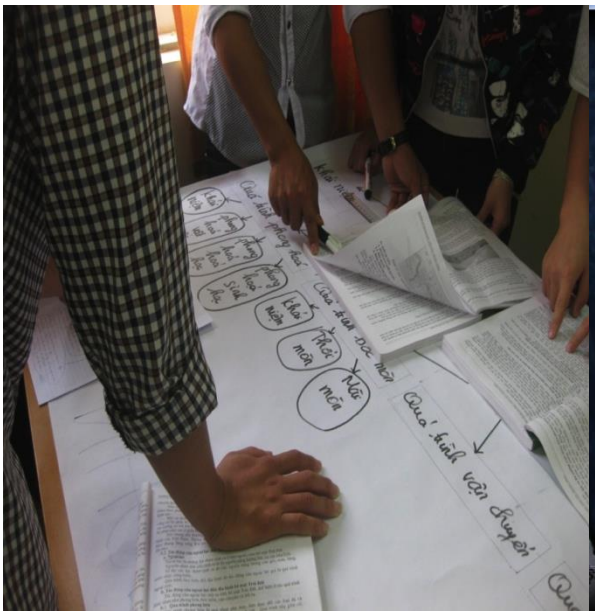

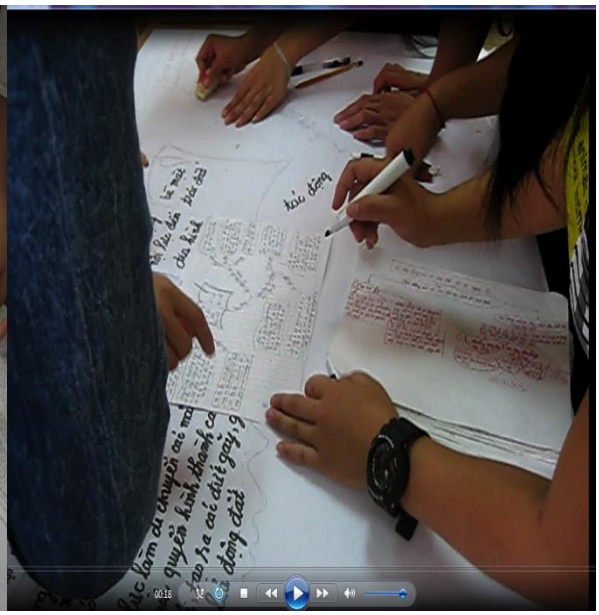

MVI_0742
NỘI LỰC
NỘI LỰC

CÁC CHUYỂN ĐỘNG CỦA TRÁI ĐẤT HỆ QUẢ
NHÓM 1